

# PHỤ LỤC

## BẢN DỊCH TOÀN BỘ VĂN BẢN *BẮC SỨ THÔNG LỤC* A.179

### [1a] LỜI TỰA SÁCH *BẮC SỨ THÔNG LỤC*

Sách *Bắc sứ thông lục* có bốn quyển. Tôi tùy bút ghi chép lại. Bắt đầu từ lúc nhận mệnh đi sứ, qua cửa khẩu Nam Quan, sửa sang lễ vật, đến khi quay về triều đình dâng tấu khải. Các công văn tấu biểu, ứng đối đàm luận đều được ghi chép trong sách này.

Ngày xưa, sách *Thuyết phu*<sup>1</sup> có chương *Lâm bí* và *Tham loan* đều ghi chép hành trình đi sứ của các bậc tiền hiền. Thơ đi sứ của các bậc tiền bối nước Nam rất nhiều, nhưng riêng thể loại *Kỉ sự* thì chưa có. Năm Đinh Tỵ niên hiệu Vĩnh Hựu [1737] nhân dịp triều Lê sai quần thần đi sứ chúc mừng vua Thanh lên ngôi, Tồn Trai Lê tiên sinh<sup>2</sup> được phong làm Phó sứ. Bấy giờ ông mới thuật lại nhật trình đạo lý, ứng đối thù tặc, phong tục tập quán và những việc tai nghe mắt thấy trên hành trình đi sứ làm thành một cuốn *Sứ bắc kỷ sự*<sup>3</sup>. Sách ấy ghi chép ngắn gọn, trong sáng, có phong cách. Nhớ thời tôi chưa đỗ đạt, ông từng lấy ra tập sách nói với tôi rằng: “Đây là bản thảo trong túi nhỏ, cha thường sai đưa hầu mang theo. Mai sau may được [1b] vua chúa ân sủng tuyển chọn, con nhất định phải phát huy, mở mang to lớn, tốt đẹp hơn”. Tôi cảm ơn cha mà không dám ước vọng. Quả thực đến năm Nhâm Thân [1752] tôi may mắn được đứng vào hàng ngũ quan triều. Mùa đông năm Mậu Dần [1758] tôi được sai làm Phó sứ. Mùa xuân năm Canh Thìn [1760] đoàn sứ đến cửa khẩu Nam Quan, mùa xuân năm Nhâm Ngọ [1762] về nước phục mệnh.

---

<sup>1</sup> **Thuyết phu**: Là bộ sách do Đào Tông Nghi biên soạn vào cuối đời Nguyên đầu đời Minh, gồm 100 quyển tập hợp tác phẩm của các danh gia từ thời Tần Hán đến thời Tống Nguyên, bao gồm Bách gia chư tử, thơ văn đàm luận và các loại bút ký. Bộ sách có nội dung phong phú, có kinh sử truyện kí, bách thị tạp thư, khảo cổ bác vật, sơn xuyên phong thổ, trùng ngư thảo mộc, thơ văn bình luận...

<sup>2</sup> **Tồn Trai Lê tiên sinh**: Tức Lê Hữu Kiều (1691-1760), người xã Liêu Xá, huyện Đường Hào, nay thuộc huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Lê Hữu Kiều đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân năm Mậu Tuất, niên hiệu Vĩnh Thịnh 14 [1718] đời vua Lê Hy Tông. Ông từng giữ nhiều chức vụ trọng yếu trong triều đình. Năm 1737, ông được cử làm Phó sứ sang Trung Quốc, chúc mừng vua Thanh lên ngôi. Tồn Trai Lê Hữu Kiều chính là bố vợ của Lê Quý Đôn.

<sup>3</sup> **Sứ bắc kỷ sự**: Sách này đã mất từ lâu. Tương truyền Lê Hữu Kiều còn có tập thơ *Bắc sứ hiệu tản thi*. Ngoài ra ông còn có một số bài thơ lẻ được chép trong các tuyển tập thơ ca.

Những ghi chép trên đường đi sứ bỗng chốc trở thành một tập sách. Tôi dự định khi trở về, sẽ trình lên cha xem tập kỷ lục này. Nào ngờ cha đã mất rồi. Nỗi ân hận thương xót sao nói hết thay!

Xưa nay các bậc văn thần đảm nhiệm việc ứng đối bang giao thường chọn những người trên dưới 50 tuổi. Tôi may vì triều đình thiếu người giúp rập mà được cử đi. Khi đó tôi mới hơn 30 tuổi, vẻ ngoài tính khí hào phóng thẳng thắn, yêu thích du lãm, tìm hiểu cổ kim, đề vịnh khắp nơi, gặp đôi câu đối hay bức biển đề ở quan phủ nha môn đều ghi nhớ trong đầu, khi lên thuyền thì sao chép lại. Các bậc văn thần sĩ đại phu Trung Châu yêu mến tôi cũng vì tài ngôn từ thi chương ấy. Bởi vậy hết thấy phong cảnh sông núi, ao hồ đường xá hay những câu chuyện vắn đối đàm luận, những bức biển đề thơ phú ở quan phủ nha thự tôi đều ghi chép tường tận. [2a] Việc gặp gỡ Sứ thần Đông quốc, kết nghĩa Cảo Trữ<sup>1</sup> và trao đổi thư từ qua lại. Hai cuốn sách tôi soạn<sup>2</sup> cùng tập thơ *Tiêu Tương bách vịnh*<sup>3</sup> xướng họa với bạn bè đồng cán được Đông quốc Sứ thần<sup>4</sup> viết cho lời tựa. Tôi đều cẩn thận chép lại trong sách này, như những câu chuyện đẹp về chuyến vãng thăm phong tục cảnh vật đất Bắc. Khi về nước, bạn bè quan lại thường hỏi tôi các việc ở Trung Châu<sup>5</sup>, nhiều lúc mệt mỏi ứng đáp tôi bèn đem sách ấy cho họ xem.

Tháng 8 năm Quý Mùi niên hiệu Cảnh Hưng [1763] Quế Đường Lê Quý Đôn hiệu Doãn Hậu chức Nhập thị Thiêm sai Hàn lâm viện Thừa chỉ kiêm Bí thư các Học sĩ, tước Dĩnh Thành bá viết.

---

<sup>1</sup> **Kết nghĩa Cảo Trữ 綰紵**: Sách *Tả truyện. Tương công nhị thập cửu niên* 《左传·襄公二十九年》 có kể sự tích Ngô Quý Trát vào triều thỉnh nước Trịnh, gặp người quen cũ là Tử Sản. Ông liền tặng Tử Sản cái đai bằng the mộc. Tử Sản cũng đem vài gai mỏng biếu ông để thể hiện tình cảm hữu nghị, thân mật. Về sau điển tích Cảo Trữ thường chỉ tình bằng hữu sâu đậm, thù tạc tặng đáp lễ vật cho nhau.

<sup>2</sup> **“Hai cuốn sách tôi soạn”**: Tức chỉ sách *Quần thư khảo biện* và *Thánh mô hiền phạm lục*

<sup>3</sup> ***Tiêu Tương bách vịnh***: (Trăm bài thơ vịnh cảnh Tiêu Tương). Tập thơ này được chép trong sách *Quế Đường thi vịnh tuyển toàn tập*, kí hiệu VHv.2341

<sup>4</sup> **Đông quốc Sứ thần**: Chỉ đoàn Sứ thần nước Triều Tiên bấy giờ là: Chánh sứ Hồng Khải Hy, Phó sứ Triệu Vinh Tiến và Lý Huy Trung. Trong đó hai vị Hồng Khải Hy và Lý Huy Trung đã viết lời tựa cho tập sách *Quần thư khảo biện* và *Thánh mô hiền phạm lục* của Lê Quý Đôn

<sup>5</sup> **Trung Châu**: Còn gọi là Trung Thổ, Trung Nguyên. Chỉ khu vực tỉnh Hà Nam, miền trung và hạ du sông Hoàng Hà, lấy trung tâm là Lạc Dương, Trịnh Châu. Nơi đây là đất khởi nguồn dân tộc và văn minh Trung Hoa, được mệnh danh là trung tâm Hoa Hạ, nên Trung Châu cũng dùng để chỉ Trung Quốc nói chung.

## [2b] LỜI ĐỀ TỪ SÁCH *BẮC SỨ THÔNG LỤC*

Sách *Bắc sứ thông lục* có bốn quyển, ghi chép biểu khái công văn, phong tục tập quán, sơn xuyên đạo lý, hành trình đi về, bắt đầu từ mùa đông năm Mậu D ần đời vua Càn Long [1758] nhận mệnh đi sứ, năm Kỉ Mão [1759] sửa sang chuẩn bị lên đường, mùa xuân năm Canh Thìn [1760] qua cửa khẩu Nam Quan, năm Tân Tỵ [1761] xong việc, đến mùa xuân năm Nhâm Ngọ [1762] về nước vào triều. Các công văn thư từ giao tiếp qua lại, cầu đảo khao thưởng, đàm luận ứng đối với thượng quốc đều được ghi chép đầy đủ trong sách này.

Nhớ hồi tôi tám, chín tuổi, cha dạy tôi đọc sách *Luận ngữ* đến đoạn: “Hành động biết xấu hổ, đi sứ bốn phương, không làm nhục mệnh vua, có thể gọi là bậc sĩ”<sup>1</sup>, cha liền hỏi tôi: “Con có thể làm được việc đó chăng?”. Tôi đáp lại: “Hành động biết xấu hổ thì thật khó thay! Đi sứ mang vinh quang cho nước nhà, rạng rỡ cho vua chúa thì có khó gì đâu?” Cha tôi cười nói: “Thực có hào khí!”. Rồi cha lại dạy rằng: “Ý khí ắt phải cứng cỏi để không bị cảm dỗ bởi danh lợi bổng lộc, không [3a] luồn cúi vì quyền cao chức trọng, không thay đổi phẩm cách vì nghèo khó quần bách<sup>2</sup>, Nhưng cũng nên khéo léo, nho nhã không thể thô kệch, khinh suất”. Tôi “Dạ, vâng” đáp lời cha. Đến khi may mắn được đi đầu [1752], bảy năm sau [1758] tôi phụng mệnh làm Phó sứ. Khi ấy tôi mới hơn 30 tuổi. cha tôi mừng bảo: “Đọc *Kinh thi* ba trăm bài thơ, nay thấy được kết quả đây<sup>3</sup>! Con hãy cố gắng lên!” Tôi bắt giắc dặn lòng thâm hứa với cha.

---

<sup>1</sup> Câu này thuộc thiên *Tử Lộ đệ thập tam* sách *Luận ngữ*: 子貢問曰 “何如斯可謂之士矣 ” 子曰 “行己有恥 使於四方 不辱君命 可謂士 ” *Tử Cống* vấn viết: “Hà như tư khả sĩ hĩ? *Tử* viết: “Hành dĩ hữu xỉ, sứ ư tứ phương, bất nhục quân mệnh, khả vị sĩ hĩ” (*Tử Cống* hỏi: “Như thế nào có thể gọi là kẻ sĩ?”. Khổng *Tử* đáp: “Với bản thân, hành động biết hổ thẹn, đi sứ bốn phương không làm nhục mệnh vua có thể gọi là kẻ sĩ”

<sup>2</sup> Câu này xuất phát từ lời Mạnh tử trong sách *Mạnh tử*, thiên *Đẳng Văn Công hạ*: 孟子曰：“富貴不能淫，貧賤不能移，威武不能屈，此之謂大丈夫也！”(*Mạnh Tử* viết: “Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất. Thử chi vị đại trượng phu dã” (*Mạnh Tử* nói: “Giàu sang phú quý không khiến tâm ta sinh tà vậy, nghèo khó quần bách không khiến đức ta thay đổi phẩm cách, uy vũ quyền lực không khiến chí ta khuất phục luồn cúi. Được như vậy gọi là đại trượng phu.”)

<sup>3</sup> Câu này xuất phát trong sách *Luận ngữ*, thiên *Tử Lộ*: 子曰：「誦詩三百；授之以政，不達；使於四方，不能專對；雖多，亦奚以為」 *Tử* viết: “Tụng Thi tam bách, thụ chi dĩ chính, bất đạt; sứ ư tứ phương

Thời gian đó tôi được Tiên thánh vương<sup>1</sup> yêu mến, nhà chúa không muốn tôi đi xa. Mùa thu năm Kỷ Mão [1759], chúa sai Cồn quận công<sup>2</sup> giữ tôi lại giúp rập phụ chính. Tôi quỳ dâng khai cảm tạ: “Nhờ ơn chúa thượng đức sáng che chở, thần trên kính vua chúa, dưới thương quê nhà, lẽ nào không muốn ở lại? Nhưng nghĩ người xưa làm quan cần thông hiểu rộng khắp, thời gian thoi đưa, ba năm đi về không phải quá lâu, xin chúa thượng ban cho thần được đi thăm thượng quốc, tìm hiểu chính trị con người đất Bắc.” Chúa thượng đồng ý, lại ban cho chức Nhập thị Thiêm sai, tước Bá.

Tháng chạp tôi về đến cửa Nam Quan [3b] gặp viên Tra Kiệm Đường. Ông tặng thơ và đòi tôi họa lại. Đọc đường tôi gặp các bậc quan lại sĩ phu Trung Châu hỏi thăm tình hình đi sứ khó khăn vất vả, vấn đối đàm biện gần gũi như thể gặp bạn bè ngang hàng. Lại gặp các quan Cống sứ Triều Tiên, quan Khâm sai Bạng tổng đều là văn hào một thời, không coi hải ngoại xa xôi là bí lậu, nhiều lần trò chuyện trao đổi với nhau. Tôi nhờ cậy phúc lớn, trong khi bàn luận văn chương, không những không bị cười chê, mà còn được khen ngợi về hai tập sách *Quản thư khảo biện* và *Thánh mô hiền phạm lục*. Đó là những sách tôi viết trước năm 30 tuổi, Các bạn bè đọc sách ấy, đều trân trọng, quý mến như thể được cầm ngọc bích. Thế mới biết lòng người chẳng khác biệt, đều lấy thành tín, chính trực đối đãi nhau, lấy văn chương chữ nghĩa để thấu hiểu nhau. Quả thực bốn biển đều là anh em.

Người xưa khi tuyển chọn quan đi sứ, về mặt văn học thường chọn bậc học rộng biết nhiều, về mặt đối đáp thư từ thường kén người khôn khéo chuân mực, rồi sau đó phải chọn người có khí chất tốt. Đại khái phải phân biệt thể vị cao thấp trong ngoài rõ ràng.

---

*bất năng chuyên đối. Tuy đa, diệc hề dĩ vi?”* (Không Từ nói: “Đọc ba trăm Kinh Thi, giao quyền chính trị không làm được, sai đi sứ bốn phương, không ứng đối được; tuy học nhiều nhưng sao bảo là hiểu biết được?”)

<sup>1</sup> **Tiên thánh vương:** Chỉ chúa Trịnh Doanh hiệu là Minh Đô Vương (1720-1767), ở ngôi từ năm 1740-1767, khi mất được tôn là Nghị Tổ Ân Vương. Ông là vị chúa thứ 8 đời Lê Trung Hưng, là nhà chính trị, quân sự, nhà thơ tài giỏi. Ông có nhiều công lao đánh dẹp các cuộc khởi nghĩa nông dân Đảng ngoài, ổn định chính trị Bắc Hà. Ông là người nghiêm nghị, thường phạt công minh, coi trọng nhân tài danh sĩ, tiêu biểu như Lê Quý Đôn, Ngô Thì Sĩ... Bài đề từ này được viết năm Canh Tý (1780), khi đó Trịnh Doanh đã mất được 14 năm nên Lê Quý Đôn gọi chúa Trịnh Doanh là Tiên thánh vương.

<sup>2</sup> **Cồn quận công:** Tức Trương Khuông 張滙 (con trưởng của Phấn quận công Trương Nhiêu) kết duyên với Quỳnh Anh Thượng Trường Trịnh Thị Ngọc Cư. Ông từng cùng Hoàng Ngũ Phúc đi dẹp loạn Nguyễn Hữu Cầu ở vùng Hải Dương, Bắc Ninh.

Quan sứ nếu trông thấy nước lớn sợ sệt, tự cho mình ở chốn xa xôi hèn kém mà đối đãi giản bạc, hạn chế giao thiệp ắt [4a] sẽ bị người ta kinh bỉ, coi thường là di quan di sứ.

Quan Khâm sai Tần Hồ Trai thường giao thiệp, đối đãi tốt với tôi. Trong bài tựa ông đề ở sách *Quần thư khảo biện* có đoạn khuyên nhủ. Đại khái ông chê cái ý khí của tôi quá hào dật, lại có tham vọng nổi chí của Yến tử<sup>1</sup>. Xét kĩ ông khuyên tôi nên nhún nhường mềm dẻo hơn. Chẳng hay lời nói của ông là lời người tri kỉ? Mỗi lần nhớ đến đoạn văn đó tôi đều bất giác thở dài. Tôi cẩn thận mang theo để tự nhắc nhở mình. Mùa xuân năm Canh Tý [1780] Thị giảng Duy Hoành<sup>2</sup> phụng mệnh làm Chánh sứ, tìm đọc sách này. Tôi lục tìm trong hòm cũ, đem ra mạn đề mấy chữ ở đầu sách.

Ngày rằm tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 41 [1780] Diên Hà Quế Đường Lê Quý Đôn hiệu Doãn Hậu chức Hành Hộ phiên cơ mật sự vụ kiêm Chương tài phú Hữu hiệu điểm, tước Nghĩa Phái hầu viết.

---

<sup>1</sup> **Yến tử:** tức Yến Anh (580TCN-500TCN) tự Bình Trọng, người Di Dục (thuộc Cao Mật, tỉnh Sơn Đông ngày nay). Ông từng làm đại phu nước Tề, kế vị cha làm quan, phò giúp ba đời vua Tề là Tề Linh Công, Tề Trang Công, Tề Cảnh Công. Ông là nhà chính trị gia nổi tiếng nước Tề thời Xuân Thu, là người sùng lễ thủ tín, trung quân ái dân, giản dị cần kiệm và hùng biện sắc sảo. Tác phẩm đại diện cho tư tưởng Yến Anh hiện còn lưu giữ là *Yến Anh Xuân Thu*, tương truyền do ông trước tác. Nhưng thực tế tác phẩm do người đời sau thu lượm ghi chép những lời nói việc làm của ông lúc nội chính ngoại giao và trong cuộc sống thường nhật. Sách có 8 quyển, 215 chương chia thành nội ngoại thiên, chủ yếu phản ánh tư tưởng chính trị của Yến Anh.

<sup>2</sup> **Thị giảng Duy Hoành:** Tức Nguyễn Duy Hoành phụng mệnh làm Chánh sứ cùng với Nguyễn Trọng Dương đi sứ sang Thanh năm 1781. Trước khi đi ông có tìm đọc một số thư tịch sách sử ghi chép theo thể kỉ sự hoặc thơ ca về hành trình đi sứ của tiền nhân. Ông đã mượn đọc sách *Bắc sử thông lục* của Lê Quý Đôn. Nhân đây, Lê Quý Đôn mới viết thêm lời đề từ.

[5a] **BẮC SỨ THÔNG LỤC (QUYỂN MỘT)**

[NĂM MẬU DẦN 1758]

[THÁNG 10]

Mùa đông, tháng 10 năm Mậu Dần, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 19 triều Lê, Càn Long năm thứ 23 thiên triều nhà Thanh [1758] các quan thuộc Phủ liêu tấu viết: Theo lệ tuế cống tổ chức vào năm tới, triều đình sai các quan Bồi thần gồm một người làm Chánh sứ, hai người làm Phó sứ. Việc này giao phó cho triều đường tuyển chọn. Bởi vậy đề nghị soi xét tiến hành. Ngày 18 các quan Hình phó tri Lại phiên tước Hân Trung hầu và chức Thiêm tri Hộ phiên, tước Huân Trung hầu đã đợi lệnh phê chuẩn.

[THÁNG 11]

Tháng 11 các quan thuộc Phủ liêu lại kê khai viết: Nghi vật tuế cống của hai kì, phỏng theo lệ cũ, chuẩn bị sắm sửa trước và sai quan đôn đốc thi hành.

Nghi vật tuế cống năm Càn Long thứ 21 [1756] gồm:

Lư hương và bình hoa bằng vàng 4 chiếc, nặng 290 lạng, [5b] tính ra vàng thoi là 21 thoi.

Mâm bạc 21 chiếc, nặng 671 lạng, tính ra bạc thoi là 69 thoi.

Trầm hương 960 lạng. Tộc hương 2368 lạng.

Nghi vật tuế cống năm Càn Long thứ 24 [1759] cũng giống trên.

Các nha môn thuộc Triều đường ngũ phủ lục bộ, Ngự sử đài lục tự, Đề hình thập tam đạo, lục khoa dâng khai viết: “Kì này vâng sai ba vị Chánh, Phó sứ đi sứ Bắc quốc. Phụng mệnh tuyển chọn trong số các quan sau. Cúi mong xem xét lựa chọn. [6a] Chánh sứ một người. Phụng mệnh lựa chọn trong số các quan sau: Trần Danh Lâm, chức Phụng sai Nghệ An Đốc thị Lễ bộ Hữu thị lang, tước Tụ Lĩnh hầu, 54 tuổi, đỗ khoa thi năm Tân Hợi [1731] đến nay được 28 năm; Trần Huy Mật, chức Bồi tụng Lễ bộ Hữu thị lang, tước Bái Xuyên hầu 49 tuổi, đỗ khoa thi Bính Thìn [1736] đến nay được 23 năm.

Phó sứ hai người. Phụng mệnh lựa chọn trong số các quan sau:

Nguyễn Huy Oánh, chức Đông các Học sĩ, Tham chính xứ Sơn Nam, 45 tuổi, đỗ khoa thi năm Mậu Thìn<sup>1</sup> [1748], đến nay được 11 năm.

Trần Trọng Đồng, chức Tự khanh hành kiêm đô ngự sử, 50 tuổi, đỗ khoa thi năm Bính Thìn [1736] đến nay được 23 năm.

---

<sup>1</sup> Văn bản ghi nhầm là khoa Bính Thìn. Tra lịch vạn niên, năm 1748 là năm Mậu Thìn.

Lê Quý Đôn, chức Thiêm sai Tri Binh phiên Hàn lâm viện Thị giảng, 33 tuổi, đỗ khoa thi Nhâm Thân [1752], đến nay được 7 năm.

Trịnh Xuân Thụ, chức Hàn lâm viện Thị chế Tham chính xứ Thanh Hóa, 55 tuổi, đỗ khoa thi năm Mậu Thìn [1748], đến nay được 11 năm.

[6b] Ngày 20 tháng 10 năm Cảnh Hưng thứ 19 [1758].

### [THÁNG 12]

Ngày 13 tháng 12, chức Hành phó tri Lại phiên, tước Hân Trung hầu và chức Thiêm tri Hộ phiên, tước Huân Trung hầu đã đợi lệnh chuẩn sai Trần Huy Mật làm Chánh sứ, Lê Quý Đôn và Trịnh Xuân Thụ làm Phó sứ. Nay phụng mệnh truyền.

Các ông Tham tụng Nguyễn Quý Kính dâng khải. Cung kính vâng chỉ chuẩn sai công bộ kì này gồm ba viên Chánh, Phó sứ. [7a] Chánh sứ một người là Trần Huy Mật, chức Nhập thị Bồi tụng Lễ bộ Hữu thị lang, tước Bái Xuyên hầu. Phó sứ hai người là: Lê Quý Đôn, chức Thiêm sai Tri Binh phiên Hàn lâm viện Thị giảng và Trịnh Xuân Thụ, chức Hàn lâm viện Đãi chế. Ngày 20 tháng 10 năm Cảnh Hưng thứ 19 [1758].

Ngày 13 tháng 12, chức Hành phó tri Lại phiên, tước Hân Trung hầu và chức Thiêm tri Hộ phiên, tước Huân Trung hầu đã đợi lệnh vâng truyền phong thư.

Các nha môn của triều thần lục phủ ngũ bộ, Ngự sử đài lục tự, Đề hình thập tam đạo, lục khoa [7b] cần tấu: Tuế cống kì này phụng chỉ của Đại nguyên soái Tổng quốc chính Thượng sư Thượng phụ Anh đoạn Văn trị Vũ công Minh vương<sup>1</sup>, chuẩn sai ba quan Chánh, Phó sứ. Bởi vậy kính cần tấu trình đầy đủ cho các quan biết để cúi chờ [8a] sắc chỉ. Chánh sứ một người: Trần Huy Mật, chức Nhập thị Bồi tụng Lễ bộ Hữu thị lang, tước Bái Xuyên hầu. Phó sứ hai người là: Lê Quý Đôn, chức Thiêm sai Tri Binh phiên, Hàn lâm viện Thị giảng và Trịnh Xuân Thụ, chức Hàn lâm viện Đãi chế. Ngày 23 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 19 [1758].

Các ông Tham tụng Nguyễn Quý Kính dâng [8b] khải: Tuế cống kì này phụng sai Bồi thần, Thông sĩ và Y sĩ đi sứ phương Bắc. Chiếu theo lệ cũ, triều đình chuẩn cấp dân lộc, điền lộc và nhiều phụ cho các quan viên theo trật tự thứ bậc khác nhau.

Chánh sứ một người: Theo lệ cấp cho dân lộc một xã bậc trung, 120 quan tiền cỏ và 50 mẫu điền lộc.

---

<sup>1</sup> **Tước hiệu của chúa Trịnh Doanh.** Trịnh Doanh ở ngôi chúa từ năm 1740-1767. Năm 1755, vua [Lê Hiển Tông](#) gia phong cho Trịnh Doanh là Thượng Sư Thượng Phụ Anh Đoán Văn Trị Võ Công Minh Vương.

Phó sứ hai người: Theo lệ cấp cho dân lộc một xã nhỏ, 100 quan tiền và 45 mẫu điền lộc.

**[9a]** Hành nhân, Thông sĩ và Y sĩ, gồm chín người. Theo lệ cấp cho mỗi người 12 nhiều phu và 10 mẫu điền lộc.

Tùy nhân gồm có 10 người. Theo lệ cấp cho mỗi người 6 nhiều phu và 5 mẫu điền lộc.

Ngày mồng 10 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 19 [1758].

Ngày 16 tháng 12, chức Hành phó tri Lại phiên tước Hân Trung hầu và chức Thiêm chi Hộ phiên, tước Huân Trung hầu phụng truyền phong thư xuống.

Các ông Tham chánh<sup>1</sup> Nguyễn Quý Kính dâng khai **[9b]**: Nghi vật tuế cống hai kì, vâng theo lệ cũ, sửa soạn trước và sai quan đôn đốc thi hành.

Nghi vật tuế cống năm Càn Long thứ 21 [1756] gồm:

Lư hương và bình hoa vàng bốn chiếc (Nặng 290 lạng, đổi ra vàng thoi là 21 thoi); Mâm bạc 12 (Nặng 691 lạng, đổi ra bạc thoi là 69 thoi); Trầm hương 960 lạng. Tộc hương 2368 lạng.

Nghi vật tuế cống năm Càn Long thứ 24 [1759] gồm:

**[10a]** Lư hương và bình hoa bằng vàng bốn chiếc (Nặng 290 lạng, đổi ra vàng thoi là 21 thoi); Mâm bạc 12 (Nặng 691 lạng, tính ra bạc thoi là 69 thoi); Trầm hương 960 lạng. **[10b]** Tộc hương 2368 lạng.

Ngày [...] tháng 11 năm Cảnh Hưng thứ 19 [1758]

Ngày 13 tháng 12, chức Hành phó tri Lại phiên tước Hân Trung hầu và chức Thiêm tri Hộ phiên, tước Huân Trung hầu đã đợi lệnh truyền phong thư.

Các nha môn thuộc Triều đình ngũ phủ lục bộ, Ngự sử đài lục tự, Đề hình thập tam đạo, lục khoa của triều đình dâng khai: Kì tuế cống này phụng chỉ của **[11a]** Đại nguyên soái Tổng quốc chính Thượng sư Thượng phụ Anh đoạn Văn trị Vũ công Minh vương chuẩn sai ba vị Chánh, Phó sứ. Bởi vậy cung kính tấu rõ để các quan cúi chờ sắc chỉ. Chánh sứ một người: Trần Huy Mật, chức Nhập thị Bồi tụng Lễ bộ Hữu thị lang, tước Bái Xuyên hầu. Phó sứ hai người: **[11b]** Lê Quý Đôn, chức Thiêm sai Tri Binh phiên, Hàn lâm viện Thị giảng và Trịnh Xuân Thụ, chức Hàn lâm viên Đãi chế. Ngày 13 tháng 12 năm Cảnh Hưng năm thứ 19 [1758].

---

<sup>1</sup> Có lẽ chỗ này chép nhầm. Nguyễn Quý Kính là Tham tụng chứ không phải Tham chánh. Tham tụng là chức quan đứng đầu trong phủ chúa Trịnh bàn bạc chính sự. (tương đương như Tể tướng). Còn Tham chánh là chức phó quan giúp việc cho Thừa chánh sứ ty.



Ngày 18 tháng này, Thị tuyền Quĩ Trung giao phó bản chính thức cho Đô lại Liễn Trung ở triều đình. Kê khai lễ vật tuế cống hai kì lần này quy ra vàng là 42 thoi và bạc là 138 thoi. Cống bộ kì trước đo lường bằng cân nên thường thiếu hụt. Nếu chiếu riêng từng khoản thiếu hụt để bù vào thì rất phiền phức. Bởi vậy sai tuyền chọn quan Binh phiên, đến kì tuế cống lần này, bạc vàng phải đúc chuẩn xác. Mỗi thoi đều phải cân đong [12a] đủ số lượng, đến khi kiểm tra chớ có thiếu hụt. Nay vâng tuyền quan Binh phiên. Ngày 18 tháng 12 năm Canh Hưng thứ 19 [1758].

Các quan ở Ngũ phủ phủ liêu kê truyền: Phụng truyền cho quan Đốc trấn xứ Lạng Sơn, tước Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn. Theo lệ tuế cống, lần này nếu có công văn gửi cho các nha môn ở Thượng ty Trung Quốc, quan Đốc trấn sẽ truyền ngay cho viên giữ ải tra cứu kỹ lưỡng tên họ, quan hàm các quan Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chính, Án sát, Tả giang đạo, cùng các quan lại châu huyện phủ và những người có liên quan đến việc tuế cống ở trong nước Trung Quốc. Đồng thời mua một quyển lịch Bắc quốc năm Kỷ Mão [1759]. [12b] Hạn trong vòng 15 ngày phải nhanh chóng đệ nộp, nghiêm cấm chớ có chậm trễ. Nay phụng truyền. Ngày 22 tháng 12 năm Canh Hưng thứ 19 [1758].

Chiếu theo lệ cũ, hễ đến kì tuế cống sẽ cắt cử mỗi phiên một viên Thư lại, đi theo quan Bồi thần làm Hành nhân, sai giữ các cống vật và khi đoàn sứ trở về, qua cửa Nam quan, lại sai niêm phong, khóa kĩ các hòm của phiên mình, trông coi lưu giữ các hàng hóa mua từ phương bắc mang về dâng tiến, đợi sau này sai quan mở hòm kiểm tra, cho phép lấy bao nhiêu, còn lại giao phó lĩnh nhận. Từ năm Kỷ Dậu [1729] đã có thay đổi, sai viên Thị nội đi theo quan Bồi thần sang Bắc quốc. Khi sứ bộ trở về, các phiên lại chiếu theo [13a] lệ cũ sai viên Thủ lệnh và Thư tả, mỗi phiên một người lên cửa Nam quan niêm phong các hòm sứ vật, mang về dâng tiến. Việc này không tiện lắm. Đến năm Bính Tý [1756] đã kê khai đầy đủ chức tước, công văn tâu khai, xin chiếu theo lệ cũ, sai viên Thư tả ở phiên ấy, theo quan Bồi thần, đi sứ Bắc quốc cho tiện các việc, kính chuẩn cho phép. Nay kì tuế cống đang đến gần, đã phê chuẩn chọn quan Bồi thần, nên chúng thần tâu trình đầy đủ rõ ràng, cúi mong soi chiếu, đợi chỉ tuân hành. Ngày [...] tháng 12 năm Canh Hưng thứ 19 [1758].

Ngày 18 tháng này, chức Nội sai Công phiên, tước Phương Trạch hầu đã đợi lệnh phê chuẩn.

[NĂM KỈ MÃO 1959]

[THÁNG GIÊNG]

[13b] Ngày 20 tháng giêng năm Kỷ Mão, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 20 triều ta, Càn Long thứ 24 triều Thanh, Trung Quốc [1759], các Sứ thần nhận mệnh đi sứ. Ngày 23 các Sứ thần đến lễ tạ ở nội điện và vào triều hạ ở cung Thọ điện.

**[Sứ thần dâng khải xin ban chức cho những người theo hầu]**

Các Bồi thần là Chánh sứ Nhập thị Bồi tụng Lễ bộ Hữu thị lang Bái Xuyên hầu Trần Huy Mật, Phó sứ Thiêm sai Tri Binh phiên Hàn lâm viện Thị giảng Lê Quý Đôn, Hàn lâm viện Đãi chế Trịnh Xuân Thụ dâng khải cúi xin đặc cách ban ơn. Chúng thần trộm chiếu theo lệ cũ, Chánh, Phó sứ và các viên Hành, Tù nhân vâng sai đi sứ phương Bắc, khi trở về mới xét công lao phong chức tước. Trong khi cân nhắc tuyển chọn quan viên sứ bộ, triều đình quy định rõ công trạng và chỉ cấp cho Sứ thần bạc, lụa và vải đa la. Các lễ vật dùng cho việc tiếp đón khách khứa, tham kiến quan trên, cấp phát cho sai dịch đều do Bồi thần tự chi phí. Tiền dùng vào các việc trên mất khoảng hơn 20 quan tiền cổ. Bởi vậy Sứ thần không cho người [14a] thân thuộc theo hầu, mà chọn một số cá nhân bên ngoài nộp tiền đăng kí vào danh sách tùy tùng, để họ may mắn được phong nhận chức sắc. Lấy số tiền họ nộp chi phí cho việc sắm sửa. Các việc tuần hoàn nối tiếp nhau, đã thành sự lệ.

Ngưỡng trông vua chúa soi xét ban ơn cho kẻ bề tôi hèn mọn chúng thần. Thiết nghĩ đường xa vạn dặm, chi phí tiêu tốn hàng trăm bạc, mà dân chúng thì liên tục bị lũ lụt, nghèo khó. Nhà vua đã ủy quyền cho Sứ thần tự lo liệu. Xét thấy nếu có một hai người cầu mong chức sắc, lại lo lắng phải chờ đợi ba năm mới được cân nhắc lựa chọn, có lòng lạc quan cầu tiến mà phải chờ đợi chậm chễ thì nản lòng. Còn Sứ thần nếu đem của riêng để lo việc chung thì không biết lấy đâu mà chi phí. Bởi vậy chúng tôi mạo muội dâng khải, kính mong đức lớn cao minh, rủ lòng thương xót, cho phép những người theo hầu chúng thần đến thẳng quan bộ Lại, đợi quan trên cân nhắc ban chức tước, [14b] khiến cho những người tùy dịch xa gần được may mắn làm tròn chức phận mà chúng thần cũng được đội ơn mưa móc, hoàn thành công vụ. Muôn vãn trông đợi. Ngày 20 tháng giêng năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

## [THÁNG 2]

Ngày mùng 1 tháng 2, Đại tư mã Vực quận công<sup>1</sup> đời lệnh phê chuẩn như tờ khai đã tâu trình, vâng giao cho quan phụng sai thi hành.

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu truyền: Phụng truyền cho quan Đốc trấn xứ Lạng Sơn, tước Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn. Tháng 12 năm ngoái nhận được [15a] công văn Lưỡng Quảng, bên trong đề chúc tước họ tên là: Thự lý Lưỡng Quảng Tổng đốc Bộ đường, Binh bộ hữu thị lang, kiêm Hữu phó đô ngự sử Tuần phủ Quảng Đông đẳng xứ địa phương, Đề đốc quân vụ, kiêm Lý lương hướng, gia nhất cấp tự lục ngũ thứ, họ Thác. Nay sai viên giữ ải điều tra tên họ, quan hàm các quan viên Trung Quốc lại viết là: Thự lý Lưỡng Quảng Tổng đốc, Thự Quảng Châu tướng quân, gia nhị cấp tự lục nhất thứ, họ Lý và không thấy sao chép quan Tả giang đạo. Xét kỹ tờ kê khai này dường như còn có sai sót. Bởi vậy nhanh chóng truyền xuống cho quan giữ ải làm gấp, tra cứu lại họ tên, quan hàm của Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh, Án sát, Tả giang đạo cùng các quan viên ở châu, huyện, phủ và những người có liên quan đến việc tuế cống ở trong nước Trung Quốc. Việc tra cứu cốt phải tường tận, rõ ràng. Đồng thời mua một quyển lịch Bắc quốc năm nay, hạn đến trung tuần tháng này phải nộp lên, không được trì trệ. [15b] Ngày mùng 4 tháng 2 năm Cảnh Hưng thứ 20<sup>2</sup> [1759].

Tiến cống kì này, triều đình chuẩn theo lệ cũ, ban huệ lộc cho các quan Chánh, Phó sứ và các viên Hành, Tùy nhân. Chánh sứ một vị, cấp cho dân lộc là một xã bậc trung, 120 quan tiền cổ và 50 mẫu ruộng. Phó sứ hai vị, cấp cho mỗi vị hưởng dân lộc một xã nhỏ, 100 quan tiền cổ và 45 mẫu ruộng. Các chức Hành nhân, Thông sự, Y sỹ gồm chín người, mỗi người được cấp cho 20 Nhiêu phu và 10 mẫu ruộng. Chức Tùy nhân có 10 người, cấp cho mỗi người sáu Nhiêu phu và năm mẫu ruộng lộc. Triều đình gửi công văn xuống quan Công phiên, sai chiếu lệ cấp phát cho quan viên Sứ bộ từ mùa hè năm nay để tỏ rõ huệ điển của triều đình.

---

<sup>1</sup> **Đại tư mã Vực quận công:** Tước hiệu chúa Trịnh phong tặng cho Nguyễn Nghiễm 阮儼 (1708-776), quê ở làng Tiên Điền, Nghi Xuân, Hà Tĩnh. Ông là cha của đại thi hào Nguyễn Du. Ông từng giữ nhiều trọng trách trong triều đình Lê – Trịnh, là vị tướng có nhiều công lao trong việc ổn định Bắc Hà và chiến thắng trong chiến dịch tiến đánh Đàng Trong năm 1775 của chúa Trịnh.

<sup>2</sup> Văn bản chép nhầm là năm Cảnh Hưng thứ 22 [1761]. Chúng tôi thấy năm 1759 mới đúng văn cảnh.

[16a] Ngày 28, quan Đốc trấn xứ Lạng Sơn Mai Thế Chuẩn dâng nộp một quyển lịch Bắc quốc và bản sao chép tên họ, quan hàm các quan lại ở Long Bằng, Trung Quốc. Bên trong bản sao có kê khai đầy đủ:

1. Thự lý Lương Quảng Tổng đốc Bộ đường, Binh bộ hữu thị lang, kiêm Hữu phó đô ngự sử Tuần phủ Quảng Đông đẳng xứ địa phương, Đề đốc quân vụ, kiêm Lý lương hướng, gia nhất cấp tự lục ngũ thứ, họ Thác.

2. Tuần phủ đông tây Đô sát viện, gia tam cấp, họ Ngạc.

3. Thự lý Đề đốc Quảng Tây, toàn tỉnh quân môn ung án vụ, gia tam cấp, họ Đoàn.

4. Thự lý Quảng Tây, Tả giang Tổng trấn, Đô sát phủ án vụ, gia tam cấp, họ Tố.

5. Khâm mệnh Quảng Tây đẳng xứ, Thừa tuyên Bố chánh ty, gia nhị cấp họ Diệp.

[16b] 6. Quảng Tây Đề hình, Án sát sứ ty, gia tam cấp, họ Lương.

7. Quảng Tây toàn tỉnh Dịch diêm đạo, gia tam cấp, họ Trương.

8. Khâm mệnh Quảng Tây, Tả giang binh bị đạo, gia tam cấp, họ Trương.

9. Thự lý hiệp trấn Quảng Tây, Tân thái Đô đốc trấn án vụ, họ Mã.

10. Quảng Tây, Thái Bình phủ, Chính đường, gia tam cấp, họ Tra.

11. Thự lý Quảng Tây, Long Bằng doanh đô khố phủ án vụ, gia nhất cấp, họ Vương.

12. Quảng Tây, Quý Đạo doanh đô khố phủ, gia nhất cấp họ Trương.

13. Thự lý Quảng Tây, Thái Bình phủ, Lương bổ phân phủ, gia nhất cấp, họ Chu.

[17a] 14. Quảng Tây, Ninh Minh châu, Chính đường, gia nhất cấp, họ Vương.

15. Quảng Tây, Nam Ninh phủ, Chính đường gia tam cấp họ Quản.

16. Quảng Tây, Tầm Châu phủ, Chính đường gia tam cấp, họ Lý.

17. Quảng Tây, Bồi Châu phủ, Chính đường gia tam cấp, họ Vĩnh.

18. Quảng Tây, Vĩnh Lạc phủ, Chính đường gia nhị cấp, họ Chu.

19. Quảng Tây, Quế Đường phủ, Chính đường gia tam cấp, họ Thương.

20. Quảng Tây, Long Bằng châu, Chính đường, họ Lý.

21. Quảng Tây, Hạ Đông châu, Chính đường, họ Triệu.

[17a] 22. Quảng Tây, Giang Châu, Chính đường, họ Hoàng.

23. Quảng Tây, Tư Châu, Chính đường, họ Hoàng.

24. Quảng Tây, Thái Bình châu, Chính đường họ Lý.

25. Quảng Tây, Thượng Long ty, Chính đường, họ Triệu.

26. Quảng Tây, An Bình châu, Chính đường họ Lý.

27. Quảng Tây, Tư Lăng châu, Chính đường họ Vĩ

Quan hàm nhiệm kì trước là Thự lý Lương Quảng Tổng đốc, Thự Quảng Châu tướng quân, gia nhĩ cấp tự lục nhất thứ, họ Lý. [18a] Chức vị này đã giao ấn cho quan kế vị vào ngày 26 tháng 11 năm ngoái.

Quan hàm đương nhiệm là Thự lý Lương Quảng Tổng đốc Bộ đường, Binh bộ hữu thị lang, kiêm Hữu phó đô ngự sử Tuần phủ Quảng Đông đẳng xứ địa phương, Đề đốc quân vụ, kiêm Lý lương hướng, gia nhất cấp tự lục ngũ thứ, họ Thác. Chức vị này chính thức đến nhậm chức vào ngày 26 tháng 11 năm ngoái.

Tháng này, chiếu theo lệ cũ, triều đình phải soạn công văn báo cho quan Tả giang đạo về kì tuế cống sắp tới.

**[Vua nước An Nam gửi công văn cho quan Tả giang đạo Quảng Tây Trung Quốc về việc xin tuế cống]**

Vua nước An Nam vâng gửi công văn về việc tuế cống. Xét thấy nước tôi thần phục [18b] thiên triều, một lòng cung kính, sáu năm hai kì tuế cống, đều đặn tuân theo pháp độ. Lễ vật tuế cống năm Càn Long thứ 21 [1756] và năm thứ 24 [1759] cùng tổ chức chung một kì. Lễ vật hai lần tiến cống đã sắm sửa đầy đủ, quan viên Sứ thần cũng đã lựa chọn, chỉ đợi đến mùa thu tháng 8 năm nay khởi trình, kính mang lễ vật dâng tiến. Bởi vậy chúng tôi soạn công văn báo với quan Tả giang đạo, mong đại nhân thể恤 cho kẻ xa, đệ chuyển tường tận lên quan trên. Nếu được thiên triều cho phép thì mong đại nhân báo trước cho nước tôi được biết, để tuân chỉ thi hành, cho thỏa lòng cung thuận thiên triều. Nay viết công văn này. [19a] Công văn trên gửi quan Khâm phụng phân tuần Quảng Tây, Tả giang Binh bị đạo, gia tam cấp, họ Trương thuộc thiên triều Trung Quốc. Ngày 24 tháng 2 năm Càn Long thứ 24 [1759].

**[THÁNG 3]**

Ngày mùng 2 tháng 3, quan Thủ quỹ trình công văn kiến nghị triều đình ban chỉ giao phó viết lại công văn cho sạch sẽ tường tận và kiểm tra hoàn chỉnh. Ngày mùng 6 quan Thủ quỹ lại dâng tờ trình đề nghị triều đình ban chỉ cho dùng ấn tỳ. Triều đình liền sai người giáp bản tờ công văn cẩn thận, gửi xuống cho quan trạm chuyển đi.

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu truyền: Truyền cho quan Đốc trấn xứ Lạng Sơn, tước Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn, Kì này hễ có một bộ công văn chuyển đến ghi rõ tư báo gửi [19b] quan Tả giang đạo về việc triều cống thì giao ngay cho quan giữ ải. Quan giữ ải bọc bìa cứng cẩn thận, rồi nhanh chóng giao cho quan giữ ải ở Long Bằng Trung Quốc để sớm hoàn thành công việc. Nay phụng truyền. Ngày mùng 5 tháng 3 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

**[Sứ thần dâng khai kiến nghị triều đình quy định rõ số tiền các nha môn được phép thu].**

Các Bồi thần Phụng sai Chánh sứ Nhập thị Bồi tụng Lễ bộ Hữu thị lang Bái Xuyên hầu Trần Huy Mật, Phó sứ Thiêm sai Tri Binh phiên Hàn lâm viện Thị giảng Lê Quý Đôn. Hàn lâm viện Đãi chế Trịnh Xuân Thụ dâng khai về việc cúi xin triều đình soi xét.

Nay chúng thần vâng mệnh đi sứ phương Bắc, được chuẩn cấp cho dân lộc, điền lộc và Tùy nhân theo hầu. Các viên Hành, Tùy nhân đi theo Sứ thần cũng được ban cho Nhiều phu, điền lộc và quan chức theo trật tự khác nhau. Các năm trước đây được mùa, Tùy nhân, Nhiều phu còn dễ dàng nộp tiền. Nha môn triều đình cấp cho các khoản tiền sai phái cũng không quá **[20a]** 5, 6 quan, hoặc ít là 3 quan tiền cổ. Nay mệnh lệnh đã ban ra hơn ba tháng rồi mà vẫn chưa có Tùy nhân, Nhiều phu. Sứ thần chuẩn bị công trang tư vật, chỉnh biện sắm sửa đang gặp khó khăn.

Hơn nữa theo bản thảo dự tính chi tiêu của các nha môn, tiền bút mực, ban tước hiệu, ấn tỷ và các khoản tiền sai phái khác, tính chung lên đến 12 quan tiền cổ. Nếu tính bán ruộng lấy tiền, mỗi mẫu được 2 mạch tiền cổ. Mỗi đạo lệnh chỉ không dưới 20 quan. Mỗi đạo phái tích không suy tính cũng hết 7, 8 quan, nên Sứ thần khó mà ứng nộp cho được.

Thiết nghĩ nếu là những việc vụn vặt, chúng thần sao dám mạo muội tấu nhàm? Nhưng tiền dùng đang quẫn bách, không biết lo liệu ở đâu mà công việc lại có liên quan đến thể thống quốc gia, lẽ nào chúng thần cứ liên tục phải tự chi phí ngoại lệ? Bởi vậy mạo muội dâng khai, kính mong triều đình quy định rõ số tiền các nha môn được thu, để tiện cho việc ứng nộp, tỏ rõ ơn đức của nhà vua, làm nghiêm chính thể lệ. Muôn vãn kính mong. **[20b]** Ngày [...] tháng 3 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

#### **[THÁNG 4]**

Các quan Chánh sứ Trần Huy Mật và Phó sứ thuộc công bộ kì này có tờ khai tấu rõ rằng: “Chúng tôi vâng mệnh đi sứ phương Bắc, theo lệ đã được cấp ban cho điền lộc, dân lộc đầy đủ. Nay xin triều đình xem xét lượng thực mà giảm bớt các khoản tiền ngoại lệ của các nha môn thu nộp”. Qua bàn bạc từ nay về sau, bản thảo cấp dân lộc, điền lộc cho các quan Bồi thần cống bộ; bản thảo lệnh chỉ cấp Nhiều phu, điền lộc cho các viên Hành, Tùy nhân, mỗi một đạo lệnh phải nộp 1 quan 5 mạch tiền cổ. Các khoản tiền cho việc tuyển chọn Nhiều phu đều theo lệ cũ, mỗi suất phải nộp 1 quan tiền cổ. Còn các khoản tiền ngoại lệ khác đều châm chước miễn bỏ, để phù hợp với tình hình. Nên tuyển quan Công phiên tuân lệnh thi hành. Nay vâng tuyền. **[21a]** Ngày 17 tháng 4 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

Chánh sứ Bái Xuyên hầu và các Phó sứ đoàn sứ bộ năm nay có khai tâu rõ rằng: “Bồi thần chúng tôi phụng mệnh đi sứ, theo lệ cũ được cấp cho dân lộc, điền lộc đầy đủ. Nay xin triều đình xem xét lượng thực mà giảm bớt khoản tiền ban ấn tỹ.” Qua bàn luận thống nhất từ nay về sau, mỗi đạo công văn về việc cấp dân lộc, điền lộc cho Bồi thần; cấp Nhiều phu, điền lộc cho chức Hành nhân, Tùy nhân, sẽ quy định cho thu 1 quan tiền cổ. Ngoài ra các khoản tiền ngoại lệ khác đều bãi bỏ, để hợp với sự tình. Nên tuyền quan ban hiệu tuân thủ thi hành. Nay phụng truyền. Công văn ban ấn tỹ, tước hiệu, mỗi đạo đưa xuống thu 1 quan 2 mạch tiền cổ. giống như trên. [21b] Ngày 19 tháng 4 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Tham tụng Nguyễn Quý Kính dâng khai: Xét trong các chức Hành nhân sứ bộ tuế cống, từ năm Canh Tý [1720] trở về trước chưa từng đặt chức Lục phiên Thị nội tuyền vì đã sai một người thuộc Thủy sư phiên. Từ năm Canh Tý về sau triều đình đã sai viên Thị tuyền phục dịch Bồi thần đi sứ phương Bắc. Nhưng đến năm Nhâm Tuất [1742] quan Công phiên dựa theo Thủy sư phiên trước đây, cũng sai trước một người làm Thư tả theo Bồi thần đi sứ, xin triều đình chiếu theo lệ cũ phê chuẩn cho phép. Qua bàn luận thống nhất phê chuẩn cho phép cử viên Thư tả đi tùy tòng Bồi thần. Đến năm Quý Dậu [1753] cống bộ lại sai thêm một viên Thị tuyền. Nay [22a] quan Công phiên dựa vào lệ cũ lại xin sai một viên Thư tả phiên mình. Triều đình luận bàn tham chiếu lệ cũ nên quyết định sai một viên Thị tuyền làm Hành nhân và cho phép sai thêm một viên Công phiên Thư tả phục vụ Sứ thần đi sứ. Nay dâng khai. Một là sai một viên Thị nội tuyền: Nguyễn Chu Viên. Hai là sai một viên Công phiên Thư tả: Chu Đăng Liên. Ngày [...] tháng 3 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

[22b] Ngày mồng 8 tháng 5, Thiêm tri Hộ phiên tước Huân Trung hầu đã đợi lệnh.

Ngày 27 tháng 5, quan Tả giang đạo gửi tư văn đến thông báo đã đệ trình công văn lên cấp trên, nên soạn tờ tư báo trước cho quốc vương nước An Nam thi hành.

**[Tư văn của quan Tả giang đạo Quảng Tây thông báo đã gửi công văn xin tuế cống của nước An Nam lên Bộ đường, triều đình An Nam chiếu theo lệ cũ thi hành]**

Chức Quảng Tây phân tuần, Tả giang Binh bị đạo, quản hạt Nam Thái trấn, Tứ Tứ phủ, Hán Thổ châu, Động Ty đẳng xứ địa phương, gia tam cấp kỷ lục tứ thứ, họ Trương gửi tư văn thông báo cho quốc vương nước An Nam. Ngày 20 tháng 4 năm Càn Long thứ 24 [1759], xét theo hiến bài của quan Binh bộ Thượng thư Tổng đốc lưỡng Quảng Bộ đường họ Lý đề ngày 16 tháng 4 năm Càn Long thứ 24, căn cứ vào trình văn nước An

Nam tấu dâng viết rằng: “Nghị vật hai kì tuế cống năm Càn Long thứ 21 [1756] và năm Càn Long thứ 24 [1759] đều đã sắm sửa đầy đủ, quan sứ và những người phục dịch cũng đã tuyển chọn xong xuôi, chỉ chờ đến [23a] tháng 8 năm nay sẽ khởi trình, mang lễ vật dâng tiến. Bởi vậy chúng tôi soạn công văn, đệ chuyển tường tận lên trên. Nếu được đội ơn thiên triều cho phép thì thông báo cho nước tôi biết trước để tuân theo khâm mệnh thi hành.” Công văn của nước An Nam chuyển đến Tả giang đạo, xét thấy hợp tình lý nên chúng tôi đã báo lên Bộ đường. Ngoài việc soạn tư văn đề đạt rõ ràng lên trên, đợi ngày Bộ đường phúc đáp, tôi lại viết một tờ tư khác và sức thể bài xuống cho các quan địa phương trong đạo, chiếu theo sự lý, gửi ngay cho quốc vương, chớ làm trái lệnh. Bởi vậy tư báo cho vua [23b] quý quốc biết trước, phiên nhà vua tra cứu lệ cũ thi hành. Nên gửi tư văn này. Tờ tư trên gửi vua nước An Nam. Ngày 29 tháng 4 năm Càn Long thứ 24 [1759].

#### [THÁNG 5]

##### [Bồi thần dâng khải xin phát tiền thuê phu gánh tư trang]

Các Bồi thần phụng sai Chánh sứ Nhập thị Bồi tụng Lễ bộ Hữu thị lang Bái Xuyên hầu Trần Huy Mật, Phó sứ Thiêm sai Tri Binh phiên Hàn lâm viện Thị giảng Lê Quý Đôn, Hàn lâm viện Đãi chế Trịnh Xuân Thụ dâng khải.

[24a] Chiếu theo lệ cũ, Chánh sứ có 70 phu gánh tư trang và bốn viên Tùy nhân theo hầu. Mỗi viên Tùy nhân cũng được cấp cho 20 phu gánh tư trang. Mỗi phu gánh được ban cho 3 quan tiền cỏ. Tổng cộng là 450 quan.

Phó sứ có 60 phu gánh tư trang và ba Tùy nhân theo hầu. Mỗi viên Tùy nhân cũng được cấp cho 20 phu gánh tư trang. Mỗi phu gánh được ban cho 3 quan. Tổng cộng là 720 quan.

Tính chung số tiền trả phu gánh tư trang của ba vị Bồi thần và mười chức Tùy nhân là 1170 quan tiền cỏ. Số tiền đó [theo lệ] phải đợi đến ngày khởi trình, cùng với số tiền gánh hòm công và gánh tư trang các viên Hành nhân, nhất thể đều do quan Hộ phiên cấp phát. Nay kính xin triều đình cho chúng thần lĩnh nhận trước để sắm sửa công trang. Đến ngày cấp phát sẽ chiếu theo con số đã lĩnh mà trừ đi. Nay kính cẩn dâng khải. Ngày mồng 10 tháng 5 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

[24b] Phụng truyền giao cho quan Hộ phiên chiếu lệ phát trước tiền [thuê phu dịch gánh đồ tư trang] cho Sứ thần.

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu viết: Phụng truyền cho quan Đốc trấn tước Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn và quan Đốc đồng Nguyễn Tông Trình thuộc xứ Lạng Sơn. Trước đây khi công văn triều đình chuyển đến ở cửa Nam Quan thì các viên Đốc trấn,



Độc đồng đều có soạn khai gửi về báo trước. Tháng 3 năm nay, triều đình giao phó công văn gửi cho quan Tả giang đạo Trung Quốc, nhưng không thấy có tờ khai báo về. Công văn kì ấy không rõ đã chuyển hay chưa? Nay quan Tả giang đạo có tư văn hỏi đáp, các quan lại vội vàng gồm cả thùng gửi về mà không dâng khai trình bày rõ. Tự tiện khinh xuất như vậy là vi phạm quy định luật lệ. Nay truyền báo để các quan biết rõ. Từ nay về sau nghiêm chỉnh tuân theo lệ cũ, tất cả công văn chuyển đi, chuyển đến, dù sớm hay muộn cũng phải dâng khai về triều [25a] tấu rõ sự tình, nghiêm cẩn thực thi, chớ làm chậm trễ việc công. Nếu còn vi phạm như trên thì không được yên ổn. Nay phụng truyền. Ngày 29 tháng 5 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

### [THÁNG 6]

Ngày mồng 8 tháng 6 nhuận, Thái thượng hoàng băng hà ở điện Càn Thọ. Chiếu theo lệ thì triều đình phải soạn công văn báo tang lên thiên triều.

Tấu trình: Việc báo tang kì này, công văn tấu biểu theo lệ phải có tên húy của vua, phụng phỏng theo tên tự. Kính mong nhà vua quyết định. Vâng chọn một trong các tên húy giả của Hoàng thượng liệt kê dưới đây:

Đoan, âm là Đoan, nghĩa là tấm áo ngay ngắn.

Dư, âm là Dư, nghĩa là tấm áo đáng hót lên.

Huyền, âm là Huyền, nghĩa là bộ trang phục trang trọng.

Dung, âm là Dung, nghĩa là tấm áo choàng đẹp.

Ngày mồng 10 tháng 6 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Ngày 24 tháng này, Thiêm tri Hộ phiên tước Huân Trung hầu đã đợi lệnh chuẩn chọn chữ Đoan làm tên húy giả của Hoàng thượng.

Phụng tra các kì tuế cống của những năm thuộc niên hiệu Cảnh Trị [1663-1671], Dương Đức [1672-1674] đều có việc tang, nhưng tiến hành kèm theo đợt tuế cống. Kì tuế cống năm Long Đức thứ tư<sup>1</sup> [1735], tháng 3 triều đình có công văn gửi báo thiên triều, tháng 4 đổi niên hiệu Vĩnh Hựu lại soạn công văn xin tổ chức báo tang kèm với tuế cống. Việc ấy cũng giống với tình hình năm nay. Bởi vậy phỏng theo lệ cũ sửa soạn công văn báo với các quan Tổng đốc, Tuần phủ, Lưỡng viện của Lưỡng Quảng xin phụ kèm việc cáo

---

<sup>1</sup> Kì tuế cống năm Long Đức thứ tư [1735] do các Sứ thần Nguyễn Trọng Thường, Vũ Huy, Vũ Duy Tế đảm nhận. Kì này dâng lễ vật tiến cống hằng năm và lễ vật báo tang vua Lê Thuần Tông mất tháng 4 năm 1735.

ai với tuế cống cùng được tiến hành [26a] để hợp với lệ cũ. Kính mong Hoàng thượng quyết định. Lễ vật cáo ai gồm:

Trầm hương 30 cân. Tóc hương 70 cân

Ngày mồng 10 tháng 6 nhuận, năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Ngày 24 tháng này, chức Thiêm tri Hộ phiên, tước Huấn Trung hầu đã đợi lệnh ngự chuẩn cho phép.

Tuế cống kì này đúng khi có tang, lệ cũ phải sắm sửa lễ vật gồm: Trầm hương 30 cân. Tóc hương 70 cân. Việc báo tang tiến hành cùng [26b] dịp tuế cống. Bởi vậy sai quan Công phiên thi hành theo lệ cũ. Nay phụng sai. Ngày 25 tháng 6 nhuận, năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

**[Tur văn của vua nước An Nam gửi quan Tổng đốc Lương Quảng tấu xin báo tang kèm với kì tuế cống]**

Người nối ngôi quốc vương nước An Nam là Lê Duy Đoan dâng tờ tấu về việc báo tang. Xét thấy nước tôi thần phục thiên triều, một lòng cung thuận. Năm nay đúng dịp tổ chức hai kì tuế cống, cung kính chuẩn bị nghi vật, cân nhắc tuyển chọn Bồi thần, đợi ngày mang lễ vật tiến dâng. Tháng 3 năm nay nước tôi đã gửi công văn cho quan đạo đài, mong đại nhân chuyển rõ lên quan Thượng hiến. Nước tôi soạn tấu văn đề đạt tường tận nhưng vẫn chưa nhận được công văn báo lại. Nào ngờ ngày mồng 8 tháng 6, tiên vương qua đời, di chúc giao phó cho cháu là Lê Duy [27a] Đoan. Tôi là con đích của vua đời trước là Lê Duy Hựu, nay thân nhận lời di chúc, quyền quản việc nước, chỉ còn đợi thiên triều ban mệnh. Xét về nghi thức, nước tôi phải tổ chức lễ báo tang, về lý lẽ phải nhanh chóng sai Bồi thần đến Kinh trình tấu.

Trộm nghĩ, năm Khang Hy thứ 2 [1663], năm Khang Hy thứ 11 [1672], năm Ung Chính thứ 13 [1735], nước tôi có tang vào đúng kì tuế cống, từng đợi ơn thiên triều chuẩn cho nhất thể phụ tấu. Lệ cũ vẫn còn, bởi vậy chúng tôi trình bày rõ nguyên do để đạt công văn, mong quan đại nhân thể恤 kẻ xa, [27b] lĩnh sớ đề đạt lên triều đình để phụng chỉ. Nếu được thiên triều cho phép thì báo trước cho nước tôi biết, để vâng mệnh thi hành, may ra kịp kì tuế cống, cho thỏa lòng cung kính ngưỡng vọng. Nay viết tờ tấu.

Tờ tấu trên gửi Thiên triều Binh bộ Thượng thư Tổng đốc Lương Quảng Bộ đường họ Lý. Ngày 27 tháng 6 nhuận, năm Càn Long thứ 24 [1759].

**[Công văn của vua nước An Nam gửi quan Tả giang đạo Quảng Tây tấu xin báo tang kèm với kì tuế cống]**

Người nối ngôi vua nước An Nam là Lê Duy Đoan dâng tờ tư về việc báo tang. Xét thấy nước tôi thần phục thiên triều, một lòng cung thuận. Năm nay đúng dịp tổ chức hai kì tuế cống, cung kính chuẩn bị nghi vật, cân nhắc tuyển chọn **[28a]** Bồi thần, đợi ngày mang lễ vật tiến dâng. Tháng 3 năm nay nước tôi đã gửi công văn khẩn khoản tâu trình vv..., mong quan đại nhân thể恤 kẻ xa, lĩnh số đệ đạt quan Thượng hiến vv... (như trên)

Tờ tư trên gửi Thiên triều Khâm mệnh phân tuần phủ Quảng Tây, Tả giang binh bị đạo, Quản hạt Nam Thái trấn, Tứ Tứ phủ, Hán Thổ châu huyện Động Ty đẳng xứ địa phương, gia tam cấp kỷ lục, tứ thứ, họ Trương. Ngày 27 tháng 6 nhuận, năm Càn Long thứ 24 [1759].

### [THÁNG 7]

Ngày mùng 4 tháng 7, quan Thiêm tri Binh phiên Chu Thọ Hầu đã đợi lệnh cho phép đóng dấu hai đạo giản văn. Nhưng viên quan **[28b]** phụng chỉ triều đình truyền cho các quan Tham Bồi đến công quán ngay tức khắc, để khảo duyệt kỹ càng, tường tận, tránh dẫn đến sai sót nhầm lẫn như biểu văn của đoàn cống bộ năm kia, chữ “ô” viết thành chữ “điều” ảnh hưởng đến thể diện quốc gia.

Các quan thuộc ngũ phủ phủ liêu truyền: Phụng truyền cho quan Đốc trấn sứ Lạng Sơn, tước Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn và quan Đốc đồng Nguyễn Tông Trình. Tiến cống kì này có hai bộ công văn gửi quan Tổng đốc Quảng Tây và quan Tả giang đạo, nói rõ việc tổ chức lễ báo tang kèm với kì cống bộ tuế cống. Nếu các quan nhận được thì giao ngay cho quan giữ ải, cẩn thận bọc bìa cứng rồi đem giao cho quan giữ ải ở Long Bằng nội địa Trung Quốc tiếp nhận, nhanh chóng gửi đi để hoàn thành công vụ, cẩn trọng chớ trì hoãn công vụ. **[29a]** Nay phụng truyền. Ngày mùng 3 tháng 7 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Phụng truyền cho quan Đốc trấn xứ Lạng Sơn, tước Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn và quan Đốc đồng Nguyễn Tông Trình. Tuế cống kì này theo lệ có các bộ tư văn gửi báo các nha môn ở Thượng ty thiên triều nên truyền cho quan giữ ải nhanh chóng tra cứu tên họ, quan hàm Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh, Án sát, Tả giang đạo cùng các quan huyện, châu, phủ và những người có liên quan đến việc tiến cống hàng năm ở nội địa Trung Quốc. Việc tra cứu cốt sao tường tận, rõ ràng, hạn trong vòng 20 ngày phải đệ nộp, chớ có trì hoãn, sai sót. Nay phụng truyền. Ngày mùng 6 tháng 7 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

**[29b]** Ngày 20 quan Đốc trấn xứ Lạng Sơn đệ nộp một trang giấy sao chép tên họ, quan hàm các quan lại nội địa Trung Quốc.

## [THÁNG 8]

Phụng sai Chánh sứ Nhập thị Bồi tụng Lễ bộ Hữu thị lang Bái Xuyên hầu Trần Huy Mật tâu trình: Tuế cống kì này, thần cân nhắc lựa chọn năm viên Tuỳ nhân, liệt kê danh sách như dưới đây:

Lê Quán Quân, người xã Mao Xá, huyện Đông Sơn.

Nguyễn Văn Thụy, người xã Bách Tính, huyện Nam Trân.

Vũ Nguyễn Kỳ, người xã Hà Đông, huyện Thạch Hà.

[30a] Nguyễn Khắc Hải, người xã Yên Hộ, huyện Đông Sơn.

Đoàn Hữu Đào, người xã Nghĩa Trang, huyện Quỳnh Lưu.

Ngày mồng [...] tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Phụng sai Phó sứ Thiêm sai Thị nội Thư tả Binh phiên Hàn lâm viện Thị giảng Lê Quý Đôn tâu trình: Tiến cống kì này thần cân nhắc lựa chọn ba viên Tuỳ nhân và một người môn tử là Trương Trọng Đạt, nho sinh xã Nguyễn Xá, huyện Tiên Du.

[30b] Lê Hữu Thiêm, tự thừa xã Liêu Xá, huyện Đường Hào.

Bùi Khắc Diễm, điện tiền xã Minh Lương, huyện Diên Hà.

Bùi Đức Nhượng, nhiều nam xã Thiên Bồi, huyện Mỹ Lộc.

Ngày mồng [...] tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Phụng sai Phó sứ Hàn lâm viện Đãi chế Trịnh Xuân Thụ<sup>1</sup> tâu trình kê khai:

Ba viên Tuỳ nhân gồm: [31a] Trịnh Danh Phương; Nguyễn Xuân Chính; Nguyễn Gia Khánh.

Một môn tử là Vũ Đắc Thành.

Ngày mồng 10 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Vâng giao một tờ khai. Thần là Luân Trung công Nguyễn Mậu Du trình bày về đệ tử Thông sự Nguyễn Đình Thiêm đã làm việc lâu ngày ở ty Bắc ngử, nhiều lần được cử đi sứ, năng lực làm việc hơn hẳn Hoàng Đắc Dung. Vì vậy xin ban cho Đình Thiêm làm Hành nhân. Triều thần vâng mệnh tra cứu thấy rằng Nguyễn Đình Thiêm được bổ dụng làm việc ở ty Bắc ngử 13 năm, từng có thời gian sai làm Thám nhi. Còn Hoàng Đắc Dung năm ngoái mới vào làm việc, chưa từng được sai đi. Kì trước quan Phó tri Công phiên tước Lãng Trung hầu dâng khai, tha thiết xin cho Hoàng Đắc Dung làm Hành nhân đã giao phó cho phép. Nay căn cứ vào số năm công tác thì Nguyễn Đình Thiêm làm việc lâu ngày hơn

---

<sup>1</sup> Văn bản viết nhầm chữ “Đãi chế 待制” thành “Thị chế 侍制”

Hoàng Đắc Dung. Bởi vậy nên sai Nguyễn Đình Thiệm làm Hành nhân, còn Hoàng Đắc Dung thì bãi miễn. Việc này kính mong Hoàng thượng quyết định. Ngày 12 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

**[32a]** Ngày 24 tháng này, chức Nội sai Lại phiên tước Cung Thọ hầu đã đợi lệnh phê chuẩn cho phép.

Các ông Nguyễn Quý Kính ở phủ liêu dâng khai: Tuế cống kì này cử Bồi thân đi sứ phương Bắc nên sai các viên Hành nhân đi phục dịch. Tổng cộng có bảy người:

Thông sự ba người: Nguyễn Đình Ngạn, chức Đồng tri phủ, xã Tri Yên, huyện An Dương; Trương Đình Tài, chức Thủ hợp, thôn Cự Đồng, xã Đông Lâm, huyện Gia Lâm; **[32b]** Nguyễn Đình Thiệm, xã Thạch Ổi, huyện Thanh Oai.

Y viện hai người: Lê Đình Giai, chức Tuỳ nội lương y chính, xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm; Phạm Đình Liên, chức Huấn khoa, xã Bình Đông, huyện Gia Định.

Trung thư hai người: Phí Đình Chất, học sinh hoa văn, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm; Đào Đình Dự, học sinh hoa văn, ở phường Mỹ Lộc, xã Đa Sĩ, huyện Đường Hào.

Ngày 20 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

**[33a]** Các quan ở ngũ phủ phủ liêu dâng khai: Tuế cống và báo tang kì này sai quan Hầu mệnh lên cửa Nam quan, nên sai các chức Thông sự, Thám nhi đi tiền trình gửi công văn, tổng cộng có năm người gồm:

Thông sự có hai người: Nguyễn Quốc Hành, xã Nội Duệ Khánh, huyện Tiên Du; Nguyễn Đình Liên, xã Khúc Thủy, huyện Thanh Oai.

**[33b]** Thám nhi có ba người: Nguyễn Thế Tích, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du; Nguyễn Đình Hân, xã Tam Tảo, huyện Yên Phong; Quách Đăng Dao, xã Tam Tảo, huyện Yên Phong.

Ngày mùng 10 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

Các quan ở Ngũ phủ phủ liêu dâng khai. **[34a]** Sứ bộ tuế cống và báo tang kì này sai quan Hầu mệnh lên cửa Nam quan, phải có các chức Thông sự, Thám nhi đi theo lo liệu công vụ. Tổng cộng có chín người gồm:

Thông sự có bốn người:

Lý Đình Trân, xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì.

Nguyễn Duy Tấn, xã Dương Xá, huyện Siêu Loại.

Tào Văn Doãn, xã Bối Khê, huyện Thanh Oai.

Tào Thế Miên, xã Bối Khê, huyện Thanh Oai.

Y viện một người: **[34b]** Phan Trác Huệ, chức Huấn khoa, xã Phù Ủng, huyện Đường Hào.

Trung Thư hai người: Nguyễn Danh Oánh, học sinh hoa văn xã Dục Tú, huyện Đông Ngàn; Nguyễn [...] Môn, học sinh hoa văn xã Lương Quán, huyện Đông Ngàn.

Thám nhi hai người:

Nguyễn Đắc Tài, xã Hoa [...], huyện Thanh Oai.

Nguyễn Thế Trác, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du.

Ngày mồng 10 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

**[35a]** Ngày 29 tháng này, chức Thiêm tri Binh phiên Chu Thọ hầu vâng truyền phong thư xuống.

Các quan Ngũ phủ phủ liêu dâng khai: Kì này sai quan Hầu mệnh lên cửa Nam quan đợi mệnh. Theo lệ có mang lễ vật như bạc, lụa đến yết kiến các nha môn của Thượng ty thiên triều, tặng biếu tiền biệt lên đường và khao thưởng những người theo hầu. Cúi xin triều đình ban cấp giao cho quan Hầu mệnh lĩnh nhận thi hành để hoàn thành công việc. Nay kính cẩn dâng khai. Kê khai gồm: **[35b]** Bạc ta 700 lạng. Lụa ta 50 súc. Hồ tiêu 300 cân. Hương tuyền đen 2000 cây. Hương tuyền trắng 2000 cây. Quạt trúc 200 chiếc. Ngày mồng 10 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Ngày 29 tháng này, chức Thiêm tri Binh phiên Chu Thọ hầu đã đợi lệnh truyền phong thư xuống.

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu dâng khai: Kì này vâng cử các Bồi thần đi sứ Bắc quốc báo tang, nên sai trước quan Hầu mệnh lên cửa Nam quan đợi mệnh. Theo lệ có mang **[36a]** các lễ vật bạc, lụa đến yết kiến các nha môn của Thượng ty thiên triều, tặng biếu tiền biệt lên đường và khao thưởng những người tùy tùng. Kính mong triều đình ban cấp, giao cho quan Hầu mệnh lĩnh nhận thi hành để hoàn thành việc nước. Nay kính cẩn dâng khai. Kê khai gồm: Bạc ta 350 lạng. Lụa ta 15 súc. Hồ tiêu 15 cân. Hương tuyền đen 1000 cây. Hương tuyền trắng 1000 cây. Quạt 100 chiếc. Ngày mồng 10 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

Ngày 29 chức Thiêm tri Binh phiên Chu Thọ hầu đã đợi lệnh.

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu dâng khai: **[37b]** Kì này sai quan viên đi tiền lộ lên cửa Nam Quan gửi công văn. Tra cứu lệ cũ phải gửi tổng cộng 28 bộ công văn. Tiền biếu tặng mỗi bộ công văn 2 lạng bạc thoi, 1 súc lụa ta, 2 bình nền thom, 10 chiếc quạt, 1 cân hồ tiêu. Lễ vật mở cửa quan là 8 lạng bạc thoi. Kính xin triều đình căn cứ theo số

lượng phê chuẩn cấp cho quan Hầu mệnh để quan giao phó cho người đi tiền trình lĩnh nhận thi hành, hoàn thành việc nước. Nay kính cần dâng khai. Kê khai gồm: Bạc ta 66 lạng. Lụa ta 29 súc. Nến thơm 58 tám bình. [37a] Quạt trúc 290 chiếc. Hồ tiêu 29 cân. Ngày mồng 10 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Ngày 29, chức Thiêm tri Binh phiên Chu Thọ Hầu đã đợi lệnh.

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu dâng khai: Kì này cử quan Bồi thần đi sứ Bắc quốc dâng lễ vật tuế cống và báo tang. Triều đình đã sai người đi tiền trình mang tất cả công văn báo tang giáp bản chung lại gửi lên [37b] các nha môn Thượng ty thiên triều. Theo lệ có biếu tặng bạc tiền. Mỗi bộ công văn biếu 2 lạng bạc thoi, 1 súc lụa, 2 bình nến thơm, 10 chiếc quạt, 1 cân hồ tiêu. Lễ vật mở cửa quan là 8 lạng bạc thoi. Ngoài ra còn cần lễ vật dùng cho một số việc khác. Kính xin triều đình phê chuẩn cấp lễ vật như đã kê khai bên trên, giao phó quan Hầu mệnh để phát cho những người đi tiền trình lĩnh nhận thi hành, hoàn thành việc nước. Nay kính cần dâng khai. Kê khai gồm: Bạc ta 30 lạng. Lụa ta 10 súc. Nến thơm 20 bình. Quạt 100 chiếc. Hồ tiêu 10 cân. Ngày mồng 10 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

[38a] Ngày 29 Thiêm tri Binh phiên Chu Thọ hầu đã đợi lệnh.

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu dâng khai: Phụng mệnh tra cứu việc đi sứ, lệ thường ban yến cho Sứ thần, thưởng 148 lạng bạc; 9 phân 9 ly tiền cử; 125 quan 2 mạch 50 văn tiền cổ; 3 hốt bạc hoa; 149 quan 1 mạch 30 văn tiền sử; 3 bộ triều phục; 3 chiếc mũ triều; 3 chiếc dây lưng; 22 súc vải đen; 22 súc lụa; 152 bình nước mắm.

[38b] Ban yến ở điện Vạn Thọ. Thưởng cho ba vị Bồi thần, tổng cộng 9 lạng bạc, 9 phân 9 ly tiền cử; Ban cho 22 viên Hành nhân và Tuỳ nhân, tổng cộng là 11 quan 2 mạch 50 văn tiền cổ.

Ban yến ở bên phải thêm Đan Trì. Thưởng cho ba vị Bồi thần, mỗi người 10 lạng bạc thoi, 10 quan tiền cổ; Ban cho chín Hành nhân, mỗi người 5 lạng bạc thoi, 5 quan tiền cổ; Ban cho 13 Tuỳ nhân, mỗi người 3 lạng bạc thoi, 3 quan tiền cổ.

Quan viên Cống bộ bái tạ nhà vua. Quan Nội thị phụng mệnh phát cho ba vị Bồi thần, mỗi vị một bộ triều phục, mỗi bộ ba chiếc áo (Bên ngoài dung lụa đen mỏng, đan mau sợi. Bên trong dùng lụa đoạn màu trắng, màu hồng), một chiếc mũ, một dây da (làm bằng sừng trâu quấn quanh), và một hốt bạc hoa; ban cho các chức Hành nhân, Tuỳ nhân mỗi người một sất vải đen. Đồng thời ban cho Cống bộ lo liệu chung hai việc tuế cống và báo tang 149 quan 1 mạch, [39a] 30 văn tiền sử và 152 chỉnh nước mắm. Vâng ban cho

viên Y sĩ các loại dược liệu và bút mực, tổng cộng 25 lạng bạc thoi. Ngày mùng 10 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Ngày 29, chức Thiêm tri Binh phiên Chu Thọ hầu đã phụng mệnh truyền phong thư xuống.

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu dâng khai: Kì này phụng cử Bồi thần và các viên Thông sự, Y sĩ đi sứ phương Bắc về việc tuế cống và báo tang, nên triều đình [39b] sai trước quan Hầu mệnh và quan võ hộ vệ đưa các cống vật lên cửa Nam quan. Chiếu theo lệ cũ cấp phát lễ vật cáo tế các đền miếu dọc đường để bày tỏ lòng thành kính, hoàn thành việc nước. Nay kính cần dâng khai.

Lễ vật cáo tế các đền miếu là 59 quan, 5 mạch, 30 văn tiền cổ, lĩnh nhận tại nha môn quan Hộ phiên cấp phát.

- Tế thủy quan Hà bá ở bến sông Nhị Hà.

Một miếng thịt lợn (chuẩn định 8 mạch tiền cổ)

Một mâm xôi (chuẩn định 2 mạch tiền cổ)

Rượu, hương, vàng mã (chuẩn định 2 mạch tiền cổ)

- Tế tôn thần ở Cung Miếu:

[40a] Bảy con bò (chuẩn định mỗi con 4 quan tiền cổ, tổng cộng 28 quan); bảy mâm xôi (chuẩn định mỗi mâm 3 mạch tiền cổ, tổng cộng 2 quan 1 mạch); bảy mâm vàng mã (chuẩn định mỗi mâm 1 mạch, 30 đồng, tổng cộng 1 quan 30 mạch); Trầu cau, rượu, hương (chuẩn định 7 mạch tiền cổ)

- Tế tám vị vua triều Lý tại đền Lý Bát Đế<sup>1</sup>

Một con bò (chuẩn định 4 quan tiền cổ).

Một mâm xôi (chuẩn định 2 mạch tiền cổ)

Rượu, hương, vàng mã (chuẩn định 2 mạch tiền cổ)

- Tế tôn thần ở đền Quỷ Môn Quan<sup>2</sup>

Một con bò (chuẩn định 4 quan tiền cổ)

---

<sup>1</sup> **Đền Lý Bát Đế:** Hiện nay đền thuộc phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ngôi đền này được nhiều đời trùng tu mở rộng trở thành di tích lịch sử quốc gia, nổi tiếng khắp cả nước.

<sup>2</sup> **Quỷ Môn Quan:** (Ái cửa quỷ). Ở Quỷ Môn Quan có miếu thờ thần Phục Ba. Tương truyền Quỷ Môn Quan là một tử địa, núi non hiểm trở, hình thù quỷ quái, mười người qua một người về. Sứ bộ Việt Nam trên đường sang Trung Hoa và các sứ thần Trung Hoa sang nước ta đều đi qua Quỷ Môn Quan trước khi tiến đến [Ái Nam Quan](#). Ái này thuộc địa phận huyện Chi Lăng, Lạng Sơn.



Một mâm xôi (chuẩn định 2 mạch tiền cổ)

Rượu hương, vàng mã (chuẩn định 2 mạch tiền cổ)

**[40b]** - Tế tôn thần đền Trung Vũ<sup>1</sup>

Một con bò (chuẩn định 4 quan tiền cổ)

Một mâm xôi (chuẩn định 2 mạch tiền cổ)

Rượu, hương, vàng mã (chuẩn định 2 mạch tiền cổ)

- Tế tôn thần đền Pha Long<sup>2</sup>

Một con bò (chuẩn định 4 quan tiền cổ)

Một mâm xôi (chuẩn định 2 mạch tiền cổ)

Rượu, hương, vàng mã (chuẩn định 2 mạch tiền cổ)

- Tế tôn thần đền Pha Duy<sup>3</sup>

Một con bò (chuẩn định 4 quan tiền cổ)

Một mâm xôi (chuẩn định 2 mạch tiền cổ)

Rượu, hương, vàng mã (chuẩn định 2 mạch tiền cổ)

Ngày 20 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

Ngày 29 chức Thiêm tri Binh phiên Chu Thọ hầu phụng truyền phong thư xuống.

**[41a]** Công bộ kì này chiếu theo lệ cũ sai ba quan Hầu mệnh. Vâng chọn các viên quan sau. Kính mong Hoàng thượng quyết định.

Phạm Sĩ Thuyên, chức Hàn lâm viện Đãi chế

Nguyễn Xuân Huyền, chức Kinh Bắc đạo Giám sát Ngự sử.

Tạ Đình Hoán, chức Lễ khoa đô cấp sự trung, phụng sai Kinh Bắc đạo đốc đồng.

Ngày 20 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Ngày 29, chức Thiêm tri Binh phiên Chu Thọ hầu đã đợi lệnh cho phép.

**[41b]** Các quan thuộc Ngũ phủ phụng truyền: Phụng truyền cho quan Đốc trấn xứ Lạng Sơn, tước Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn và quan Đốc đồng Nguyễn Tông Trình. Các viên Thông sự đi tiền trình kì này phụng mang công văn và các quan vật lên cửa Nam

---

<sup>1</sup> **Đền Trung Vũ:** Có lẽ là đình Trung Sơn, xã Đức Thắng, tổng Đức Thắng huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Đền thờ Quý Minh tôn thần tức Dương Tự Minh.

<sup>2</sup> **Đền Pha Long:** “Đền thờ sơn thần dưới chân núi Pha Long, xã Mai Pha, châu Ôn, ở ngoài cửa phía nam tỉnh thành Lạng Sơn”, *Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam*, Ngô Đức Thọ, tr511

<sup>3</sup> **Đền Pha Duy:** “Đền ở địa phận xã Đồng Đăng, châu Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn, đền thờ sơn thần. Ngày trước các sứ thần đi qua đây đều vào làm lễ yết cáo”, *Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam*, Ngô Đức Thọ, tr511.

quan, dự kiến thượng tuần tháng 9 sẽ khởi trình. Bởi vậy các quan nên cân nhắc chuẩn bị binh lính nghiêm chỉnh, khí giới đầy đủ đồng thời sai phu dịch áp tải, đúng thời hạn đến đầu xứ Lạng Sơn, nơi giáp giới với Kinh Bắc tiếp nhận hộ tống các viên Thông sự cùng quan vật mà binh lính Kinh Bắc giao phó, đưa lên đến cửa Nam quan. Những người được sai đi hộ tống phải canh phòng cẩn mật để hoàn thành công vụ, nếu có sơ suất sai trái sẽ có công pháp xử lý. Nay phụng truyền. Ngày 29 tháng 8 năm Canh Hưng thứ 20 [1759].

### [THÁNG 9]

[42a] Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu truyền: Phụng truyền cho quan Trấn thủ xứ Kinh Bắc, tước Cơ Tọa hầu Phạm Ngô Cầu và quan Đốc đồng Tạ Đình Hoán. Kì tuế cống đang đến gần, đường xá cầu cống của xứ này những chỗ nào đang sửa sang, tu bổ phải tuyển chọn, ủy quyền cho dịch mục đi kiểm tra xem xét. Từ xã Ái Mỗ huyện Gia Lâm đến giáp giới xứ Lạng Sơn cầu cống có chỗ nào hư hỏng, hoặc đường xá có chỗ nào hiểm trở, rậm rạp phải đôn đốc dân chúng địa phận xã ấy tu sửa, mở mang đường lối, cốt sao bằng phẳng thông thoáng để thuận tiện thi hành công vụ. Nếu quan viên thực hiện không nghiêm chỉnh, gây phiền nhiễu dân chúng thì công pháp sẽ xử lý. Nay phụng truyền. [42b] Ngày mùng 3 tháng 9 năm Canh Hưng thứ 20 [1759].

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu truyền: Phụng truyền cho các quan Đốc đồng Tạ Đình Hoán, quan trấn thủ tước Cơ tọa hầu Phạm Ngô Cầu xứ Kinh Bắc. Kì tuế cống này, các viên Thông sự đi tiền trình mang công văn và các hòm quan vật lên cửa Nam quan, dự kiến thượng tuần tháng này khởi trình. Bởi vậy các quan địa phương nhanh chóng sai một viên tùy thuộc và 2000 binh lính tư trang chỉnh tề, khí giới đầy đủ tốc hành đến bên sông xã Ái Mỗ hộ tống đoàn Thông sự đến đầu địa giới Lạng Sơn, để giao phó cho binh lính trấn thủ xứ ấy tiếp lĩnh đưa tiếp đến cửa Nam quan hoàn thành công vụ. Những người được sai đi hộ tống phải phòng thủ cẩn mật tránh xảy ra sơ suất [43a] sai trái. Nay phụng truyền. Ngày mùng 3 tháng 9 năm Canh Hưng thứ 20 [1759].

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu truyền: Phụng truyền cho các viên Thông sự Nguyễn Quốc Hành, Nguyễn Đình Liên, Thám nhi Nguyễn Thế Tích, Nguyễn Đình Hân, Quách Đăng Dao. Kì này sẽ lĩnh nhận 6 bản thảo tấu biểu, 21 bộ công văn và 1 bức thư của quan Hầu mệnh mang lên cửa Nam quan phối hợp với quan giữ ải tước Khoái Nham bá Vi Phúc Hồng, Đề Trung hầu Nguyễn Đình Duệ thông báo cho quan giữ ải ở Long Bằng, đợi họ mở cửa khẩu tiếp nhận công văn để nộp cho các quan [43b] nội địa Trung Quốc. Sau đó lại đợi nhận được các bản thảo gửi về tức là tiếp nhận công văn hồi đáp, để hoàn thành

công vụ. Nếu quan viên thi hành không nghiêm chính, công phép sẽ xử lý nghiêm ngặt. Nay phụng truyền. Ngày mùng 3 tháng 9 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Các quan ở Phủ liêu truyền: Phụng truyền cho các quan ở nha môn bộ Binh. Kì này sai các viên quan đi tiền lộ, ngày mùng 8 tháng 9 khởi trình. Chiều theo lệ cũ cho phép sai các phu dịch gánh đồ. Kì đi có 27 gánh. Kì về có 22 gánh. Nên chuẩn cấp cho họ thẻ bài, kê khai đúng lệ để làm trang trọng việc công cán. Nay phụng truyền.

[44a] Năm gánh lễ vật công cán, kì về lược bớt. Thông sự Nguyễn Quốc Hành, Nguyễn Đình Liên, mỗi người 5 gánh tư trang. Thám nhi Nguyễn Thế Tích, Nguyễn Đình Hân, Quách Đăng Dao, mỗi người 4 gánh tư trang. Ngày mùng 3 tháng 9 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Ngày mùng 3 tháng 9 năm nay, chức Thiêm tri Binh phiên Chu Thọ Hầu dâng biểu tấu, thư từ, công văn tổng cộng 28 đạo, đã được phê chuẩn cho phép. Quan Thiêm tri Binh phiên lại phụng chỉ truyền sai chức Trung Giám sao chép sạch sẽ *cho kịp trống ba. Nếu chẳng kịp thì đợi đến canh năm là giờ Hoàng đạo sẽ viết, kéo canh tư là giờ Không vong chẳng nên*<sup>1</sup>. Quan Thiêm tri Binh phiên đã phụng truyền Ty thiên giám chọn giờ, lấy giờ Thân ngày hôm nay soạn công văn là tốt nhất.

[44b] Chức Ty thiên giám Nhập thị nội Ty thiên lệnh Thừa chánh sứ ty Thừa chánh sứ, tước Thuận Lĩnh bá Đình Công Vĩ dâng khai.

Vâng chọn ngày tốt để quan viên đi tiền lộ khởi trình. Chọn giờ Ất Mão ngày mùng 8 tháng 9 thượng cát khởi trình. Nay kính cẩn dâng khai. Ngày 20 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

#### [Vua nước An Nam xin tổ chức báo tang kèm với kì tuế cống]

Người nối ngôi vua nước An Nam họ Lê gửi công văn. Xét thấy nước tôi thờ phụng thiên triều, [45a] một lòng cung thuận, sáu năm hai lần, tuân theo phép độ. Lễ vật tiến cống năm Càn Long thứ 21 [1756] và năm Càn Long thứ 24 [1759] tiến hành chung vào kì này, đều đã chuẩn bị chỉnh tề, các quan viên Sứ thần, tòng dịch cũng đã lựa chọn xong xuôi. Tháng 3 năm nay nước tôi từng soạn công văn xin tuế cống gửi lên quan Đạo đài, mong đại nhân chuyển giúp lên quan Thượng hiến, nếu được thiên triều cho phép thì báo lại cho nước tôi được biết để tuân mệnh thi hành.

---

<sup>1</sup> Đoạn in nghiêng này văn bản viết bằng chữ Nôm

Nay ngày mồng 7 tháng 8, nước tôi nhận được tư văn, bên trong kê viết: “Cho phép bộ tư phụng chỉ thi hành, chuẩn cho tiến [45b] công, nhưng phải chiếu theo lệ cũ mang đầy đủ bản thảo tấu biểu cùng với danh mục, số lượng các loại nghi vật, tên họ các Sứ thần và những người tùy tòng phục dịch đồng thời phải thông báo trước kì tiến công.” Nước tôi vâng mệnh tuân hành, đã sai các viên Phạm Sĩ Thuyên, Nguyễn Xuân Huyền, Tạ Đình Hoán đến đợi mệnh ở biên giới Lạng Sơn, lại sai thêm các chức Thông sự mang bản thảo tấu biểu và các bộ công văn lên cửa Nam quan trước để sớm trình nộp thiên triều.

Trộm vì nước tôi có việc khẩn cấp là tháng 6 nhuận năm nay, quốc vương An Nam là chú ruột tôi qua đời. Tháng 7 triều đình chiếu theo lệ cũ, soạn tư văn báo tang, dâng số[46a] đề đạt, xin cho phép thi hành cùng với kì tuế cống. Vốn trước đó nước tôi xin tuế cống, đã được chuẩn y. Riêng việc báo tang cùng với tuế cống còn đợi trả lời lại. Nếu thiên triều cho phép báo tang cùng với tuế cống nhưng phải đợi đến ngày nhận được tư văn báo lại của triều đình, nước tôi mới tiếp tục gửi tấu biểu đi, bấm đốt ngón tay tính lịch trình thì thời hạn chỉ ít cũng phải đến mùa xuân sang năm mới kịp báo tang, chỉ e phải nhiều lần đi lại, mà việc đưa nhiều sẽ làm chậm trễ kì tuế cống. Bởi vậy nước tôi sửa soạn ngay[46b] hai đạo tấu biểu để cùng đem giao nộp. Các Bồi thần và chức Hành nhân, Tùy nhân đã chọn hạ tuần tháng 9 sẽ khởi trình. Lễ vật tuế cống và báo tang, tất cả đều vận chuyển luôn thể. Kính mong thiên triều thể tất kẻ xa, chiếu theo sự lý trong nước, đọc duyệt các bản thảo tấu biểu rồi gửi tư văn đáp lại ngay. Nếu được đợi ơn thiên triều, cho phép tiến hành báo tang kèm với tuế cống, thì nước tôi kính cần tuân hành, nhất thể công văn giấy tờ sẽ đệ tiến ngay, mong quan sai người tra cứu tình [47a] thực, chọn ngày đến cửa quan mở khóa, tiếp đón và hộ tống Cống sứ nước tôi đến Kinh đô thiên triều để được thỏa lòng cung thuận. Ngoài việc ghi chép đầy đủ bản thảo tấu biểu chờ xét duyệt gửi về, danh mục số lượng nghi vật và tên họ Sứ thần viên dịch, nước tôi đều đã kê khai hợp lý. Nên soạn tờ tư này.

Nghi vật tuế cống năm Càn Long thứ 21 [1756]

Lư hương và bình hoa bằng vàng bốn chiếc, nặng 290 lạng, tính ra vàng là 21 thoi, tính ra bạc là 12 thoi.

Mâm bạc 12 chiếc, nặng 691 lạng, tính ra bạc là 69 thoi.

[47b] Trầm hương 960 lạng. Tóc hương 2368 lạng.

Nghi vật tuế cống năm Càn Long thứ 24 [1759]

Lư hương và bình hoa bằng vàng 4 chiếc, nặng 290 lạng, tính ra vàng là 21 thoi, tính ra bạc là 12 thoi.

Mâm bạc 12 chiếc, nặng 691 lạng, tính ra bạc là 69 thoi.

Trầm hương 960 lạng. Tóc hương 2368 lạng.

Nghi vật bảo tang gồm:

Trầm hương 30 cân. Tóc hương 70 cân.

Vâng sai tổng cộng 25 người.

**[48a]** Ba vị Bồi thần: Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ

Chín người Hành nhân: Nguyễn Đình Ngạn, Trương Đình Tài, Nguyễn Đình Thiệm, Lê Đình Giai, Phạm Trọng Liên, Nguyễn Chu Viên, Chu Đăng Liên, Phí Đình Chất, Đào Đăng Dự.

Mười ba viên Tùy nhân: Lê Quán Quân, Nguyễn Văn Thụy, Vũ Nguyễn Kỳ, **[48b]** Đoàn Trọng Đảo, Nguyễn Khắc Hải, Trương Trọng Đạt, Lê Hữu Thiệm, Bùi Khắc Diễm, Bùi Đức Nhưỡng, Đặng Danh Phương, Nguyễn Xuân Chính, Nguyễn Gia Khánh, Lưu Đắc Thành.

Tờ tư trên gửi quan Binh bộ Thượng thư kiêm Đô sát viện Hữu đô Ngự sử, Tổng đốc Quảng Đông Quảng Tây đẳng xứ địa phương quân vụ kiêm Lý lương hướng, gia nhĩ cấp kỷ lục nhất thứ, họ Lý. Ngày 20 tháng 8 năm Càn Long thứ 24 [1759].

Công văn gửi Tuần phủ, Bố chánh, Án sát, Tả giảng đạo cũng giống như trên.

**[49a]** Người nói ngôi vua nước An Nam họ Lê viết tờ tư về việc gửi công văn. Xét thấy nước tôi thờ phụng thiên triều, một lòng cung thuận, sáu năm hai Kì tuế cống, tuân theo phép độ. Lễ vật tiến cống năm Càn Long thứ 21 [1756] và năm Càn Long thứ 24 [1759] tiến hành chung vào kì này đều đã chuẩn bị chỉnh tề, các quan viên Sứ thần, tòng dịch cũng đã cân nhắc lựa chọn xong xuôi. Tháng 3 năm nay nước tôi từng soạn công văn gửi lên quan đạo đài, mong đại nhân chuyển giúp lên quan Thượng hiến, viết sớ **[49b]** đề nghị, nếu được thiên triều cho phép thì báo lại cho nước tôi được biết để tuân mệnh thi hành.

Nay ngày mùng 7 tháng 8, nước tôi nhận được công văn, bên trong kê viết: “Cho phép bộ tư phụng chỉ thi hành, chuẩn cho tuế cống, nhưng phải chiếu theo lệ cũ mang đầy đủ bản thảo tấu biểu cùng với danh mục, số lượng nghi vật, tên họ Sứ thần và những người tùy tòng phục dịch đồng thời phải thông báo trước kì tuế cống”. Nước tôi vâng mệnh tuân hành, đã sai các viên Phạm Sĩ Thuyên, Nguyễn Xuân Huyền, Tạ Đình Hoán đến đợi mệnh ở đầu biên giới Lạng Sơn, lại sai trước nha dịch mang **[50a]** bản thảo tấu biểu và các bộ công văn lên cửa Nam quan đệ nộp thiên triều.

Trộm vì nước tôi có việc khẩn cấp nên xin được tâu trình. Tháng 6 nhuận năm nay, quốc vương An Nam là chú ruột tôi qua đời. Tháng 7 triều đình chiếu theo lệ cũ, lại soạn tư văn báo tang, viết sớ đề đạt, xin cho tấu kèm với kì tuế cống. Vốn trước nước tôi xin tiến cống, đã được chuẩn y. Riêng việc xin báo tang kèm với tiến cống còn đợi trả lời lại. Nếu thiên triều cho phép, mà phải đợi đến ngày nhận được tư văn báo lại mới gửi tấu biểu đi, tính toán lịch trình, ắt phải đến mùa xuân sang năm mới kịp kì, chỉ e **[50b]** phải chậm trễ. Bởi vậy nước tôi sửa soạn hai đạo tấu biểu cùng đem giao nộp. Các Bồi thần và chức Hành nhân, Tùy nhân đã chọn hạ tuần tháng 9 sẽ khởi trình. Lễ vật tuế cống và báo tang, tất cả vận chuyển luôn thể. Phiên đại nhân xem xét nội tình nước tôi mà sớm chuyển tư văn lên quan Thượng hiến. Nếu được đợi ơn thiên triều cho phép tiến hành báo tang kèm với tuế **[51a]** cống, thì xin kính cẩn tuân theo, nhất thể công văn giấy tờ sẽ đệ tiến ngay, mong quan sai người tra cứu tình thực, chọn ngày đến cửa quan mở khóa, tiếp đón và hộ tống Công sứ nước tôi đến Kinh đô thiên triều để được thỏa lòng cung thuận. Nên soạn tờ tư này.

Tờ tư trên gửi chức Thiên triều Quảng Tây, Sùng Thiện huyện Chính đường gia nhất cấp, họ Lý. Ngày 3 tháng 9 năm Càn Long thứ 24 [1759].

Các đạo công văn chuyển đi đều giống như trên. Một số đạo công văn không có kê khai, nội dung cũng giống như trên. Gửi cho các **[51b]** quan hàm.

1. Binh bộ Thượng thư kiêm Đô sát viện Hữu đô Ngự sử, Tổng đốc Quảng Đông, Quảng Tây đẳng xứ địa phương quân vụ kiêm Lý lương hướng, gia nhị cấp tự lục nhất thứ, họ Lý. (Tư văn có kê khai)

2. Binh bộ Thị lang kiêm Đô sát viện Hữu phó đô Ngự sử Tuần phủ Quảng Tây đẳng xứ địa phương Đề đốc quân vụ, họ Ngạc. (Tư văn có kê khai)

3. Đề đốc Quảng Tây toàn tỉnh, Thủy lục quân vụ Thống hạt Các lộ Hán thổ quan binh, gia tam cấp, họ Sử. (Tư văn không có kê khai)

4. Trấn thủ Quảng Tây Tả giang địa phương Thống hạt Hán thổ thủ ngự quan binh Tổng trấn Đô đốc phủ, gia tam cấp, họ Đoàn. **[52a]** (Tư văn không kê khai)

5. Khâm mệnh Quảng Tây đẳng xứ Thừa tuyên Bố chánh sứ ty, gia nhị cấp họ Diệp. (Tư văn có kê khai)

6. Khâm mệnh Quảng Tây đẳng xứ Đề hình Án sát sứ ty, gia tam cấp, họ Thân. (Tư văn có kê khai)

7. Khâm mệnh phân tuần Tả giang binh bị đạo, gia tam cấp, họ Trương (Tur văn có kê khai)
8. Hiệp trấn Quảng Tây Tân Thái đẳng xứ địa phương kiêm Thống hạt Hán thổ quan binh Phó tổng binh quan, họ Âu Dương (Tur văn có kê khai)
9. Quảng Tây, Thái Bình phủ, Chính đường kỷ lục thập nhị thứ, họ Tra (Tur văn không kê khai)
10. Quảng Tây Long Bằng Doanh đô khố phủ, gia nhất cấp, họ Mã. (Tur văn có kê khai)
11. Thự lý Quảng Tây Thái Bình lương bổ phân phủ, gia tam cấp, họ Lý. (Tur văn không kê khai)
12. **[52b]** Quảng Tây, Ninh Minh châu, Chính đường, gia tam cấp, họ Vương (Tur văn không có kê khai)
13. Quảng Tây, Sùng Thiện huyện, Chính đường, gia nhất cấp, họ Lý (Tur văn không kê khai)
14. Quảng Tây, Nam Ninh phủ, Chính đường gia tam cấp, họ Quản (Tur văn không kê khai)
15. Quảng Tây, Tuyên Hóa phủ, Chính đường, gia nhất cấp, họ Trần (Tur văn không kê khai)
16. Quảng Tây, Quỳ Đạo, Doanh đô khố phủ, gia nhất cấp, họ Trương. (Tur văn không kê khai)
17. Quảng Tây, Long Bằng tổng đốc, họ Trần. (Tur văn không kê khai)
18. Bằng Tường phủ, Chính đường, họ Lý (Tur văn không kê khai)
19. Thượng Long ty, Chính đường họ Triệu (Tur văn không kê khai)
20. **[53a]** Thái Bình phủ, Hạ Thạch châu, Chính đường, họ Bế. (Tur văn không kê khai)
21. Quảng Tây, Tân Ninh châu, Chính đường. (Tur văn không kê khai)

**[Vua An Nam dâng biểu về việc sai Sứ thần đi sứ]**

Thần Lê Duy Đoan nối ngôi vua nước An Nam, run rẩy sợ hãi, cúi đầu rạp đầu cung kính dâng lời. Kì tiến cống năm Càn Long thứ 21 [1756], chú thần là Lê Duy Y đã chuẩn bị đầy đủ lễ vật, đồng thời đã gửi công văn xin tiến cống lên thiên triều. Không ngờ ngày mùng 8 tháng 6 nhuận năm Càn Long thứ 24 [1759], chú thần đã qua đời, giao phó quốc sự cho thần. Nay đúng khi **[53b]** cử hành nghi vật tuế cống, đội ơn thánh đức lớn lao,

hoàng ơn sâu rộng. Thần cung kính tuân theo phép độ, giữ tròn chức phận bề tôi, khôn xiết kính thiên ngưỡng thánh, phụng dâng biểu tấu.

Cúi nghĩ nước thần được [54a] thiên triều che chở đã lâu, hai lần khai sáng, vâng quản đất đai, sáu triều cùng giữ phép cầu chương, lễ vật nhỏ bé mà ơn trạch lớn lao.

Kính nghĩ Hoàng đế bệ hạ, đức lớn cương kiện giữ gìn nền thái hòa, kiên trình hằng thường hoàn thành giáo hóa, như đế Nghiêu công lao rạng rỡ phổ khắp các bề tôi, tựa nhà Chu đất nước yên bình, lời dạy dỗ ngợi ca nơi Vương hội, vỗ về bốn phương, khắp nơi thấm nhuần. Thần ngưỡng mộ đức lớn hoàng đế, quy thuận lâu ngày nên được ban lộc. Nghĩa tôi con trăm năm ngưỡng vọng, phúc nước nhà muôn thuở [54b] ngợi ca.

Hạ thần chiêm thiên ngưỡng địa, khôn xiết cảm kích run sợ. Ngoài việc sắm sửa lễ nghi, sai các Bồi thần Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn và Trịnh Xuân Thụ mang đến Kinh đô tiến dâng, thần cung kính dâng tờ biểu lên Hoàng đế được biết. [55a] Ngày (...) tháng 9 năm Càn Long thứ 24 (1759).

#### **[Vua nước An Nam dâng biểu về việc sai Sứ thần tuế cống và báo tang]**

Thần Lê Duy Đoan nối ngôi vua nước An Nam kính dâng tờ biểu. Thần Lê Duy Đoan nối ngôi vua nước An Nam, run rẩy sợ hãi, cúi đầu rạp đầu cung kính tấu trình. Lễ vật tiến cống năm Càn Long thứ 24 [1759], chú thần là Lê Duy Y đã chuẩn bị đầy đủ, đồng thời đã gửi công văn xin tiến cống lên thiên triều. Đầu ngò ngày mùng 8 tháng 6 nhuận năm Càn Long thứ 24 [1759], chú thần đã qua đời, di chúc giao phó quốc sự cho thần. Nay đúng khi [55b] cử hành lễ vật tuế cống, đội ơn thánh đức sáng suốt, hoàng ơn sâu rộng. Thần cung kính tuân theo phép độ, giữ tròn chức phận, khôn xiết kính thiên ngưỡng thánh, phụng dâng biểu tấu.

Cúi nghĩ [56a] Hoàng thượng nhân đức rộng lớn, phổ khắp muôn phương. Nước thần ở chốn xa xôi, noi theo phép tuế cống của cử mục<sup>1</sup>, đem lòng thành khẩn tấu lên thiên triều. Kính nghĩ Hoàng đế bệ hạ, thiên đức lớn lao, sự nghiệp rạng rỡ. Phép xử thế

---

<sup>1</sup> **Cử mục 九牧:** Tức chín người đứng đầu của chín châu. Cách nói này xuất phát từ trong sách *Chu Lễ* thiên *Thu quan* viết: “九牧之维” Trịnh Huyền chú: “九牧, 九州之牧”(Cử mục là người đứng đầu của chín châu). Sách *Lễ ký* thiên *Khúc lễ hạ* viết: “九州之长, 入天子之国曰牧”. Trịnh Huyền chú: “每一州之中, 天子选诸侯之贤者以为之牧也”(Trong mỗi châu, thiên tử chọn ra một người hiền của chư hầu để cất cử giữ chức mục. [Chín châu gồm: 冀州 Dực Châu, 兖州 Duyện Châu, 青州 Thanh Châu, 徐州 Từ Châu, 揚州 Dương Châu, 荊州 Hình Châu, 豫州 Dự Châu, 梁州 Lương Châu và 雍州 Ung Châu])



cốt ở tam đức<sup>1</sup> đảm bảo đời sống dân chúng khỏe mạnh ổn định, trọng dụng người chính trực; đạo trị nước trọng ở cửu kinh<sup>2</sup>, ban phong thưởng xót kẻ đói khổ, vỗ về chiêu dụ người phương xa. Lớn nhỏ đều vui vẻ vâng lời khuyên bảo, gần xa đều học hỏi tôn kính người thân. Thần ở phương Nam xa xôi, ngưỡng trông Thần sở<sup>3</sup>. Thiên Vũ công<sup>4</sup> có viết: “Khi vượt biển, lúc qua đèo, mới rõ lòng trung thành”. Thơ *Thiên bảo*<sup>5</sup> có câu: “Như mặt trời khi mọc, như mặt trăng tỏa sáng”, mãi mãi nghìn năm [56b] ca tụng”

Hạ thần chiêm thiên ngưỡng địa, khôn xiết cảm kích run sợ. Thần đã sai các Bồi thần Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn và Trịnh Xuân Thụ mang lễ vật đến Kinh đô tuế cống. Thần cung kính dâng tờ biểu lên Hoàng đế được biết. [57a] Ngày mùng 3 tháng 9 năm Càn Long thứ 24 [1759].

Thần Lê Duy Đoan nói ngôi vua nước An Nam kính dâng tờ biểu.

**[Vua nước An Nam gửi Hoàng đế triều Thanh về việc dâng lễ vật tuế cống năm Càn Long thứ 21 [1756]]**

Thần Lê Duy Đoan nói ngôi vua nước An Nam cung kính soạn tờ biểu về việc tiến cống. Thần kính giữ phép thường, tuân theo công điển. Năm Càn Long thứ 21 [1756], chú thần là Lê Duy Y và Quốc phụ Quốc chính là Trịnh Hoàn đã chuẩn bị sẵn sàng các nghi

---

<sup>1</sup> **Tam đức 三德**: Ba đức lớn của con người gồm: Nhân, Trí, Dũng. Vốn là lời Khổng Tử từng nói trong sách *Trung Dung*: “知, 仁, 勇三者, 天下之達德也”. (Nhân, Trí, Dũng là ba đức lớn thông suốt trong thiên hạ)

<sup>2</sup> **Cửu kinh 九经**: Tức chín sách kinh điển. Có nhiều thuyết về cửu kinh. Đời Tùy Dạng Đế đặt ra khoa thi Minh Kinh chọn kẻ sĩ. Nhà Đường cũng theo chế độ đó, quy định cửu kinh gồm: Chu Lễ, Lễ kí, Nghi Lễ, Tả truyện, Công dương truyện, Cốc lương truyện, Dịch, Thi, Thư

<sup>3</sup> **Thần sở 辰所**: Tức Bắc thần hay gọi là sao Bắc đẩu, là chòm sao gồm bảy ngôi sao sáng nhất tại bán cầu Bắc, nên còn gọi là Bắc đẩu thất tinh hoặc Bắc thần. Ở đây tác giả có ý ví Bắc đẩu chính là ngôi hoàng đế Bắc quốc.

<sup>4</sup> **Vũ công 禹貢**: Là tên một thiên trong phần *Hạ thư* sách *Kinh thi*. Thiên *Vũ công* chủ yếu nói về địa lý, phong thổ và sản vật địa phương. Toàn thiên mượn lời vua Vũ nhà Hạ nhưng nghiên cứu đời sau đều cho đây là tác phẩm thời Chiến quốc nhà Chu.

<sup>5</sup> **Thiên bảo 天保**: Là tên một bài thơ trong phần *Tiểu nhã* sách *Kinh thi*. Bài thơ ca ngợi đức sáng quân vương cai quản chính sự ổn định, công tích rạng rỡ. Đồng thời bài thơ cũng là lời chúc tụng bề tôi tài năng báo đáp quân vương.

vật tuế cống, cân nhắc lựa chọn Bồi thần và các chức Hành, Tùy nhân. Tháng ba năm nay triều đình đã có công văn gửi các quan Tả giang đạo xin đến tháng tám mùa thu khởi trình, đã chuyển rõ lên quan Tổng đốc, viết sớ [57b] đề đạt lên trên. Không ngờ ngày mồng 8 tháng 6 nhuận năm nay chủ thần là Lê Duy Y đã qua đời, đem việc nước di chúc lại cho thần. Thần kính nhận giao phó, còn quyền quản quốc sự đợi mệnh của thiên triều. Liền đó triều đình nhận được tư báo của quan Tổng đốc, chuẩn cho nước thần tuân chỉ thi hành, mang nghi vật hai kì tuế cống cung tiến. Thần sai các quan Phạm Sĩ Thuyên, Nguyễn Đăng Huyền, Tạ Đình Hoán đến cửa Nam quan, gửi trước các công văn sang Trung Quốc, cúi xin quan Tổng đốc soạn sớ đề báo. Thần cũng sai các viên mục vận chuyển lễ vật đến bên ngoài cửa Nam quan ngay. Ngày [...] tháng [...] quan Tổng đốc Tuần phủ sai người kiểm tra cho đưa vào nội địa. Thần kính cẩn sai các Bồi thần Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ [58a] mang lễ vật tuế cống năm Càn Long thứ 21 [1756] tới kinh dâng tiến. Tất cả những biểu văn, danh mục số lượng nghi vật và tên họ quan viên đi sứ đều được kê khai hợp lý như bên dưới đây. Thần cung kính soạn tấu biểu dâng thiên triều được biết.

[58b] Phụng dâng một đạo biểu văn

Phụng mang lễ vật tuế cống gồm: Lư hương và bình hoa bằng vàng bốn chiếc, nặng 290 lạng, tính ra vàng là 21 thoi; Mâm bạc 12 chiếc, nặng 691 lạng, tính ra bạc là 69 thoi; Trâm hương 960 lạng. Tóc hương 2368 lạng.

Phụng sai 25 người đi sứ, gồm ba vị Bồi thần: [59a] Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ; chín viên Hành nhân: Nguyễn Đình Ngạn, Trương Đình Tài, Nguyễn Đình Thiệm, Lê Đình Giai, Phạm Trọng Liên, Nguyễn Chu Viên, Chu Đăng Liên, Phí Đình Chất, Đào Đăng Dự và 13 viên Tùy nhân: Lê Quán Quân, Nguyễn Văn Thụ, Vũ Nguyễn Kỳ, Đoàn Hữu Đảo, Nguyễn Khắc Hải, Trương Trọng Đạt, [59b] Lê Hữu Thiệm, Đoàn Khắc Diễm, Bùi Đức Nhượng, Trịnh Danh Phương, Nguyễn Xuân Chính, Nguyễn Gia Khánh, Lưu Đắc Thành.

Bản tấu tổng cộng 431 chữ, dài năm trang. Bản tấu dâng thiên triều được biết. Bên trên có kê khai đầy đủ danh sách, số lượng lễ vật và tên họ quan hàm sứ bộ.

Ngày mồng 3 tháng 9 năm Càn Long thứ 24 [1759]. Thần Lê Duy Đoan nói ngôi vua nước An Nam [60a] phụng tấu về việc tuế cống.

**[Vua nước An Nam gửi Hoàng đế triều Thanh về việc dâng lễ vật tuế cống năm Càn Long thứ 24 [1759]**

Thần Lê Duy Đoan nối ngôi vua nước An Nam cung kính soạn tờ biểu về việc tuế cống. Thần kính giữ phép thường, tuân theo cống điển. Năm Càn Long thứ 24 [1759], chú thần là Lê Duy Y và Quốc phụ quốc chính của thần là Trịnh Hoàn đã chuẩn bị sẵn sàng các nghi vật tuế cống, cân nhắc lựa chọn Bồi thần và các chức Hành nhân, Tùy nhân. Tháng 3 năm nay triều đình đã có công văn gửi các quan [60b] Tả giang đạo xin đến mùa thu tháng 8 khởi trình. Công văn đã chuyển lên quan Tổng đốc, viết số đề đặt lên trên. Không ngờ ngày mồng 8 tháng 6 nhuận năm nay, chú thần là Lê Duy Y đã qua đời, đem việc nước di chúc lại cho thần. Thần kính nhận giao phó, còn quyền quản quốc sự đợi mệnh của thiên triều. Liền đó triều đình nhận được tư báo của quan Tổng đốc, chuẩn cho nước thần tuân chỉ thi hành, mang lễ vật hai kì tuế cống đến Yên Kinh cung tiến. Thần sai các viên mục Phạm Sĩ Thuyên, Nguyễn Đăng Huyền, Tạ Đình Hoán đến cửa Nam quan, gửi trước công văn sang Trung Quốc, cúi xin quan Tổng đốc soạn số đề báo. Thần sai các viên mục nhanh chóng vận chuyển lễ vật đến bên ngoài cửa Nam quan. Vào ngày... tháng..., mong quan Tổng đốc, Tuần [61a] phủ sai người kiểm tra cho phép đưa vào nội địa. Thần kính cẩn sai các Bồi thần Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ mang nghi vật tuế cống năm Càn Long thứ 24 [1759] tới kinh dâng tiến. Tất cả những biểu văn, danh mục số lượng nghi vật và tên họ quan viên đi sứ đều được kê khai hợp lý như bên dưới đây. Thần cung kính soạn tấu biểu dâng thiên triều được biết.

Phụng dâng một đạo biểu văn

Phụng mang lễ vật tiến cống gồm: Lư hương và bình hoa bằng vàng bốn chiếc, nặng 290 lạng, tính vàng ra là 21 thoi. Mâm bạc 12 chiếc, nặng 691 lạng, tính ra bạc là 69 thoi. Trâm hương 960 lạng. Tóc hương 2368 lạng.

Phụng sai 25 người đi sứ gồm: ba vị Bồi thần: [62a] Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ; chín viên Hành nhân: Nguyễn Đình Ngạn, Trương Đình Tài, Nguyễn Đình Thiệm, Lê Đình Giai, Phạm Trọng Liên, Nguyễn Chu Viên, Chu Đăng Liên, Phí Đình Chất, Đào Đăng Dự và 13 viên Tùy nhân: Lê Quán Quân, Nguyễn Văn Thụy, Vũ Nguyễn Kỳ, Đoàn Hữu Đảo, Nguyễn Khắc Hải, Trương Trọng Đạt, [62b] Lê Hữu Thiệm, Đoàn Khắc Diễm, Bùi Đức Nhượng, Trịnh Danh Phương, Nguyễn Xuân Chính, Nguyễn Gia Khánh, Lưu Đắc Thành.

Bản tấu tổng cộng 431 chữ, dài năm trang. Bản tấu dâng thiên triều được biết. Bên trên có kê khai đầy đủ danh sách số lượng lễ vật và tên họ quan hàm sứ bộ.

Ngày mùng 3 tháng 9 năm Càn Long thứ 24 [1759], Thần Lê Duy Đoan nói ngôi vua nước An Nam phụng tấu **[63a]** việc tiến cống.

Ngày mùng 10, Vương thượng<sup>1</sup> tới bái yết Quốc tử giám. Chánh sứ bị ốm nên cáo từ. Phó sứ Lê Quý Đôn đến hầu, vâng lời chúa dặn, đi sứ tới thăm Văn miếu ở Thượng quốc, vẽ lấy thẻ chế mũ miện theo khuôn mẫu đó mang về.

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu Trịnh Đạc, Trịnh [...], Đỗ Thế Giai, Nguyễn Quý Kính, Nhữ Đình Toàn dâng khai: Cống bộ năm nay sai các viên Thông sự đi tiền lộ và các quan Hầu mệnh lên cửa Nam Quan, theo lệ cấp phát tiền cho phu dịch hộ tổng đi về, số phu dịch tổng cộng là 240 người. Chiếu theo lệ trước đây, triều đình cho phép quan huyện các huyện dọc đường lấy tiền ở trạm buru đình để thuê phu thợ, mỗi **[63b]** phu thợ mỗi ngày là 3 mạch tiền cổ. Nhưng một thời gian sau đó, tiền ở buru đình đã nhập vào tiền thuế điều nộp riêng [lên triều đình]. Năm Quý Dậu [1753] cống bộ phụng chuẩn lấy tiền công ở nha môn quan Hộ phiên. Nay triều đình quyết định theo lệ năm Quý Dậu [1753], sai quan Hộ phiên chiếu lệ cấp phát. Tiền công là 324 quan tiền cổ, cho phép quan các huyện lĩnh nhận, thuê phu thợ hộ tổng các viên Thông sự đi tiền lộ và Hầu mệnh quan đến ải Nam Quan để thuận tiện công vụ. Nay kính cẩn dâng khai.

Huyện Gia Lâm nửa ngày đường. (Kì đi có 138 phu. Mỗi phu 1 mạch 30 văn tiền cổ. Tổng cộng 20 quan 7 mạch tiền cổ. Kì về có 102 người. Mỗi phu 1 mạch 30 văn tiền cổ. Tổng cộng 15 quan 3 mạch tiền cổ). Tổng cộng cả hai kì đi về là 36 quan tiền cổ.

Huyện Đông Ngàn nửa ngày đường. (Kì đi có 138 phu, mỗi phu 1 mạch 30 văn tiền cổ. Tổng cộng 20 quan 7 mạch tiền cổ. Kì về có 102 người, mỗi phu 1 mạch 30 văn tiền cổ. Tổng cộng 15 quan 3 mạch tiền cổ). **[64a]** Tổng cộng hai kì đi về là 36 quan tiền cổ.

Huyện Vũ Giang nửa ngày đường. (Kì đi có 138 phu, mỗi phu 1 mạch 30 văn tiền cổ. Tổng cộng 20 quan 7 mạch tiền cổ. Kì về có 102 người, mỗi phu 1 mạch 30 văn tiền cổ. Tổng cộng 15 quan 3 mạch tiền cổ). Tổng cộng hai kì đi về là 36 quan tiền cổ.

Huyện Yên Dũng nửa ngày đường. (Kì đi có 138 phu, mỗi phu 1 mạch 30 văn tiền cổ. Tổng cộng 20 quan 7 mạch tiền cổ. Kì về có 102 người, mỗi phu 1 mạch 30 văn tiền cổ. Tổng cộng 15 quan 3 mạch tiền cổ). Tổng cộng hai kì đi về là 36 quan tiền cổ.

---

<sup>1</sup> **Wang thượng:** Chỉ chúa Trịnh Doanh.

Huyện Bảo Lộc 2 ngày rưỡi. (Kì đi 138 phu, mỗi phu 7 mạch 30 đồng, tổng cộng 103 quan 5 mạch tiền cổ. Kỳ về có 102 phu, mỗi phu 7 mạch 30 đồng, tổng cộng 76 quan 5 mạch tiền cổ. Tổng cộng cả kì đi lẫn về là 180 quan tiền cổ).

Ngày 20 tháng 9 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

### [THÁNG 10]

Ngày 19 tháng 10 chức Thiêm tri Binh phiên tước Chu Thọ Hầu đã đợi lệnh.

**[64b]** Kê khai. Phụng sai sửa soạn lễ vật báo tang.

Quan Hầu mệnh vâng mệnh lĩnh nhận các lễ vật gồm:

- Bạc ta 350 lạng
- Lụa ta 15 súc
- Hồ tiêu 15 cân
- Hương tuyền đen 1000 cây
- Hương tuyền trắng 1000 cây
- Quạt 100 chiếc
- Sơn tía hai thùng vuông và khóa nắp để chứa các vật.

Quan Bồi thần vâng mệnh lĩnh nhận các lễ vật gồm

- Vải đa la hồng hai tấm;
- Vải đa la xanh một tấm
- Bạc ta 420 lạng
- **[65a]** Trầm hương 30 cân
- Tóc hương 70 cân
- Lụa ta 200 súc
- Hòm lớn hai chiếc
- Lụa xanh sẫm 12 súc
- Hòm lớn hai chiếc, bên trong đựng trầm hương, tóc hương.
- Hòm trung bình hai chiếc, bên trong đựng các loại lụa ta.
- Hòm nhỏ một chiếc, bên trong đựng hộp công văn tấu biểu.
- Hòm đựng công văn tấu biểu hai chiếc. (Giao cho chức Trung thư làm. Mỗi hòm đựng một hộp biểu tấu).
- Bao bạc sáu chiếc, bên trong đựng bạc ta.

Ngày 10 tháng 10 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

Kì này sai sắm sửa lễ vật tiến cống hai bộ, tạ ơn hai lần. Tất cả các lễ vật được kê khai như dưới đây:

Lễ vật tuế cống của hai kì gồm:

- Hòm biểu tấu một chiếc, công văn giáp bản một bộ. **[65b]**
- Hòm nhỏ một chiếc, bên trong có một bao vàng đựng 21 thoi và hai bạc đựng 69 thoi.
- Hòm lớn một chiếc, bên trong đựng 960 lạng trầm hương.
- Hòm lớn một chiếc, bên trong đựng 1184 lạng tốc hương.

Lễ vật tuế cống hai kì gồm:

- Hòm nhỏ một chiếc, bên trong đựng một hộp biểu tấu, một bộ công văn giáp bản.
- Hòm nhỏ một chiếc, bên trong đựng một bao vàng có 21 thoi và hai bao bạc 69 thoi.
- Hòm lớn một chiếc, bên trong đựng 960 lạng trầm hương. **[66a]**
- Hòm lớn một chiếc, bên trong đựng 1184 lạng tốc hương.

Lễ vật đem biểu tặng và phụ kèm tuế cống gồm:

- Hòm trung bình một chiếc, bên trong đựng 2 dật vàng.
- Hòm đựng một tấm vải đa la hồng (tấm dài 8 thước).
- Hòm đựng hai tấm vải đa la xanh (mỗi tấm 8 thước).
- Hòm trung bình một chiếc, bên trong đựng 147 súc lụa loại một. (mỗi súc dài 20 thước) và 53 súc lụa loại hai (mỗi súc dài 19 thước).

- Hòm trung bình một chiếc, bên trong đựng 16 súc lụa loại một (mỗi súc dài 20 thước), **[66b]** 36 súc lụa loại hai (mỗi súc dài 19 thước) và 138 súc lụa loại ba (mỗi súc dài 18 thước).

- Hòm trung bình, một chiếc, bên trong đựng 100 cây hương đen và 80 cây hương trắng. (Vật riêng của các Bồi thần)

- Hòm trung bình một chiếc, bên trong đựng hai bình nền thom và 5000 trang giấy khổ lớn. (Vật riêng của các Bồi thần)

- Hòm trung bình một chiếc, bên trong đựng 600 chiếc quạt sơn (Vật riêng của các Bồi thần), ba cân hồ tiêu và 6000 cây hương đen.

Các vật được cấp phát gồm: 70 dật bạc ta, 25 súc lụa loại hai (mỗi súc dài 19 thước), 25 súc lụa loại ba (mỗi súc 18 thước), ba cân hồ tiêu, 2000 cây hương trắng, **[67a]** 2000 cây hương đen, 200 chiếc quạt trúc, 6000 trang giấy sạch, 6000 trang giấy khổ rộng, bốn dật nền vàng, một dật ngân sa, bốn chĩnh dầu mỡ, một thùng sơn đen tròn, 30 chiếc giáp bản sơn tía.

Các vật phải mua gồm: Giấy, bút, mực, dây gai, buồm, chiếu, dây mây trắng, sơn tía thùng vuông, giấy lụa trắng.

Các vật được cấp phát gồm: 60 lạng bạc ta, 25 súc lụa ta (mỗi súc 18 thước), 58 bình nền thơm, 29 cân hồ tiêu, 290 chiếc quạt trúc, hai dật nền vàng, [67b] sáu thùng sơn đen tròn, dây gai dây mây và 30 chiếc giáp bản sơn tía.

Ngày 10 tháng 10 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

Lục phiên chọn sai chức Thư tả ghi chép thay:

Lê Đức Trình, Lại phiên ngạn lộc

Đỗ Đình Dao, Hộ phiên đao lộc

Hoàng Trác Nhiên, Lễ phiên

Lê Đức Đồng, Binh phiên diên lộc

[68a] Hình phiên. Quan phiên này đã kê khai rõ rằng: Phiên quan hợp với chức Lệnh thư tả, ngoài ra không có người nào xứng đáng.

Nguyễn Đăng Khoa, Công phiên.

Ngày 20 tháng 9 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

**[Lê Quý Đôn dâng khải xin về quê một tháng chuẩn bị tư trang]**

Nhập thị Thiêm sai phụng sai Phó sứ Hàn lâm viện Thị giảng Lê Quý Đôn dâng khải về việc xin soi xét. Thần lạm được vâng mệnh đi sứ. Nay kì tuế cống đang đến gần, kính xin Hoàng thượng cho phép thần được về quê chuẩn bị tư trang, trong vòng một tháng, rồi sẽ lên Kinh đô đợi lệnh đi công cán. Nay cung kính dâng khải. Ngày 20 tháng 9 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

[68b] Ngày 12 tháng 10, quan Tả giang đạo tư báo thiên triều ban chiếu chỉ chuẩn cho tuế cống.

**[Quan Tả giang đạo tư báo cho vua An Nam biết trước để tra cứu lệ cũ thi hành]**

Chức Quảng Tây phân tuần Tả giang binh bị đạo, quân hạt Nam Thái trấn, Tứ Tứ phủ, Hán Thổ châu, Động Ty đẳng xứ địa phương, gia tam cấp, kỷ lục ngũ thứ, họ Trương thuộc thiên triều Trung Quốc gửi tờ tư về việc ban chiếu chỉ.

Ngày 5 tháng 9 năm Càn Long thứ 24 [1759], xét theo thẻ bài của quan Binh bộ Thượng thư Tổng đốc lưỡng Quảng Bộ đường, họ Lý đề ngày 8 tháng 8 năm Càn Long thứ 24, đã căn cứ vào trình văn nước An Nam tấu dâng viết rằng: “Nước tôi phụng sự thiên triều. Năm nay đúng dịp cử hành hai kì tuế cống, cung kính sửa soạn nghi lễ, cân nhắc lựa chọn Sứ thần viên dịch, chờ đến kì sẽ khởi trình mang lễ vật dâng tiến. Không ngờ ngày mồng 8 tháng 6 nhuận năm nay, tiên vương đã qua đời, di chúc giao phó vương mệnh cho

tôi là Lê Duy Đoan, nhưng quyền quản việc nước xin **[69a]** đợi mệnh của thiên triều. Theo đúng nghi tắc, nước tôi ắt phải có lễ báo tang. Nhưng trước đây nước tôi từng được quan trên chuẩn cho báo tang kèm với kì tuế cống. Bởi vậy chúng tôi trình bày rõ nguyên do, đệ chuyển tường tận. Nếu được đợi ơn thiên triều cho phép, xin thông báo cho nước tôi biết trước để tuân theo khâm mệnh thi hành”.

Công văn của nước An Nam đến Tả giang đạo, hợp tình hợp lý nên đã được chuyển báo đến Bộ đường. Ngoài việc soạn sớ đề đạt rõ ràng lên trên, đợi ngày **[69b]** Bộ đường phúc đáp, tôi đã ban hành tờ tri chiếu và gửi thẻ bài xuống cho các quan thuộc hạ trong đạo biết trước để chiếu theo sự lý, nhanh chóng báo cho quốc vương nước đại nhân biết, không được làm trái lệnh. Bởi vậy tư báo cho vua quý quốc biết trước, xin triều đình tra cứu lệ cũ thi hành. Nay gửi công văn này. Tờ tư trên gửi vua nước An Nam. Ngày 17 tháng 9 năm Càn Long thứ 24 [1759].

#### [THÁNG 11]

Kê khai lễ vật hai bộ báo tang và tuế cống kì này chiếu theo lệ cũ thi hành. Triều đình sai quan binh hộ tổng cống bộ. **[70a]** Phụng chiếu theo trước đây, sai tước Tiêm Vũ hầu ở Hữu thắng cơ và tước Đôn Cung hầu ở Hậu thắng cơ hộ tổng cống vật. Nay số lượng quan binh trong hai quân cơ rất ít. Bởi vậy chuẩn bị đến kì tuế cống, mong nhà vua truyền sai quan trấn thủ các xứ Kinh Bắc và Lạng Sơn chiếu theo địa giới hạt mình, ước lượng sai trấn binh tăng cường hộ tổng, để hoàn thành công vụ. Kính mong Hoàng thượng quyết định. Ngày 20 tháng 11 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Ngày 26 quan Thiêm tri Binh phiên Chu Thọ Hầu đã đợi lệnh.

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu truyền rằng:

**[70b]** Phụng truyền cho quan Đốc trấn, tước Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn và quan Đốc đồng Nguyễn Tông Trình thuộc xứ Lạng Sơn. Chiếu theo các kì tuế cống trước đây, vâng sai thay đổi quan phục hành lễ. Áo triều một chiếc bằng vải đoạn màu hồng. Mũ triều một chiếc. Dây lưng bằng bạc một chiếc. Mũ lông một bộ. Quạt tròn một chiếc. Ô che mưa một chiếc. Dày một đôi. Kiệu bảy đòn một chiếc. Tất cả truyền cho các quan xứ Lạng Sơn chỉnh biện. Kì tuế cống đang đến gần, đề nghị phải làm gấp, chuẩn bị sẵn sàng cho kì tuế cống dùng, để hoàn thành công vụ. Nay phụng truyền.

Tuế cống bộ này có kèm theo lễ báo tang thì phải thay đổi màu sắc quan phục, lựa chọn dùng màu nào cho thích hợp. Nên tra cứu tường tận lệ cũ để chế tạo trang phục hợp



với lễ nghĩa. Bởi vậy tầu rõ chuyển đạt lên trên. Ngày mồng 8 tháng 11 năm Canh Hưng thứ 20 [1759].

[71a] Tháng 4 trước, xứ Lạng Sơn có khai tầu trình việc phu dịch giao nhận vận chuyển qua các trạm dịch. Nay mới nghị bàn quyết định.

**[Khải của xứ Lạng Sơn xin triều đình phân rõ địa giới phu dịch giao nhận vận chuyển công vật]**

Các chức Phụng sai Lạng Sơn xứ, Đốc trấn Chính thủ hiệu, Hậu dũng cơ, Cai cơ quản Hữu hiệu điểm, tước Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn, chức Đốc đồng Hàn lâm viện Hiệu thảo Nguyễn Tông Trình dâng khai đề nghị triều đình xem xét việc hộ tổng vận chuyển công vật.

Chúng thần trộm chiếu theo lệ cũ, cương giới hạt Lạng Sơn chuẩn định dưới từ xã Tiên Lệ, trên đến Nam Quan. Mỗi kì tuế cống, đình phu xứ chúng thần đều tập trung đến đầu địa giới tiếp nhận rồi đưa đến Nam Quan. Từ năm Ất Tỵ [1725] về sau, bốn xã Tiên Lệ, Gia Quan, Ý Tịch và Hòa Lạc cắt nhập vào xứ Kinh Bắc. Nên từ đó sửa đổi lại định lệ, mỗi khi có việc đệ tiếp Sứ thần, đình phu khiêng gánh của xứ Lạng Sơn chúng thần chỉ đợi ở trạm Chi Lăng. Đến năm Quý Dậu [1753] lộ trình cống kì vẫn như cũ mà số đình phu thì càng nhiều, việc ấy rất thiên lệch. Nay đang đến gần, quân dân bảy châu [71b] đều kêu thán, khẩn khoản xin đề đạt. Bởi vậy chúng thần gửi tờ trình này chuyển đệ lên trên soi chiếu, kính mong triều đình ban xuống quyết định, cân nhắc sửa đổi định lệ về việc phu dịch, để cho dân chúng vùng biên viễn được sinh sống an lạc, ngưỡng trông ơn đức triều đình. Nay kính cẩn dâng khai. Phụng chuyển lên triều đình lời kêu trình của xứ Lạng Sơn. Bản khai tầu dài hai trang giấy khổ nhỏ. Ngày [...] tháng 4 năm Canh Hưng thứ 20 [1759]

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu truyền: Phụng truyền cho các quan thuộc nha môn trấn thủ xứ Kinh Bắc. Kì này quan Đốc trấn xứ Lạng Sơn tước Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn có khai tầu rõ cương giới xứ ấy, dưới từ xã Tiên Lệ, trên đến Nam Quan. Mỗi kì tuế cống, binh phu xứ ấy đều đến đầu địa giới tiếp nhận. Gần đây, bốn xã của hạt ấy gồm Tiên Lệ, Gia Quan, Ý Tịch và Hòa Lạc đã nhập vào xứ Kinh Bắc. Từ đó mỗi khi nghênh tiếp Sứ thần, đình phu khiêng gánh xứ Lạng Sơn đều đợi ở trạm Chi Lăng. Đến kì tuế cống năm Quý Dậu [1753], xét thấy lộ trình vẫn như cũ mà số phu thợ càng nhiều, kính xin triều đình nghị bàn sửa đổi định lệ. Triều đình đã điều tra sự thực, thông qua nghị bàn, bốn xã Tiên Lệ, Gia Quan, Ý Tịch, Hòa Lạc đã thuộc về xứ Kinh Bắc, nghĩa là địa

giới Lạng Sơn bắt đầu từ Chi Lăng. Bởi vậy từ nay về sau nếu có các việc công cán thì đình phu Kinh Bắc phải phục dịch đến Chi Lăng, giao cho xứ Lạng Sơn tiếp nhận để phân biệt cương giới. Triều đình chuyển báo cho các quan thuộc nha môn trấn thủ xứ Kinh Bắc biết rõ để tuân thủ thi hành. Nay phụng truyền. **[72b]** Ngày 24 tháng 11 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

Các quan thuộc Ngũ phủ phụng truyền. Phụng truyền cho quan Đốc trấn Hữu hiệu điểm, tước Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn và quan Đốc đồng Nguyễn Tông Trình thuộc xứ Lạng Sơn. Căn cứ vào việc xứ Lạng Sơn có khái trình bày: “Theo lệ cũ cương giới hạt Lạng Sơn chuẩn định dưới từ xã Tiên Lề, trên đến Nam Quan. Mỗi kì tuế cống, đình phu xứ chúng thần đều tập trung đến đầu địa giới tiếp nhận đưa đến Nam Quan. Từ năm Ất Tỵ [1725] về sau, bốn xã Tiên Lề, Gia Quan, Ý Tịch và Hòa Lạc cắt nhập vào xứ Kinh Bắc. Nên sửa đổi lại định lệ mỗi khi có việc đệ tiếp Sứ thần, đình phu khiêng gánh của xứ Lạng Sơn chúng thần đều đợi ở trạm Chi Lăng. Đến năm Quý Dậu [1753] lộ trình cống kỳ vẫn như cũ mà số đình phu thì càng nhiều, kính mong triều đình nghị quyết, sửa đổi định lệ về việc phục dịch.” Triều đình thông qua nghị bàn, **[73a]** bốn xã Tiên Lề, Gia Quan, Ý Tịch, Hòa Lạc đã thuộc về xứ Kinh Bắc, nghĩa là địa giới Lạng Sơn bắt đầu từ Chi Lăng. Bởi vậy từ nay về sau nếu có các việc công cán phục dịch, thì đình phu xứ Lạng Sơn sẽ nghênh tiếp từ Chi Lăng để phân biệt cương giới. Triều đình đã truyền cho các quan thuộc nha môn trấn thủ xứ Kinh Bắc tuân thủ thi hành. Bởi vậy truyền báo cho quan viên xứ Lạng Sơn biết rõ. Nay phụng truyền. Ngày 24 tháng 11 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

Kê khai các xã trang ở bảy châu xứ Lạng Sơn, theo lệ cũ mỗi năm đóng tô 656 quan, 4 mạch, 17 văn tiền cổ; đóng thuế dung 4890 quan, 9 mạch tiền cổ; đóng thuế điệu 2445 quan, 4 mạch, 30 văn tiền cổ. Các loại thuế tô, dung, điệu cộng lại là 7991 quan, 7 mạch, 47 văn tiền cổ. **[73b]** Ngày 10 tháng 9 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

### [THÁNG 12]

Ty thiên giám Nhập thị nội Tư thiên lệnh Hưng hóa đẳng xứ, Tán trị Thừa chánh sứ ty Thừa chánh sứ, tước Thuận Lĩnh bá Đình Công Vĩ dâng khai.

Phụng chọn ngày tốt ban yến cho Sứ thần và ngày tốt để khởi trình. Quan Hầu mệnh khởi trình chọn giờ Thìn, ngày Nhâm Thìn 16 tháng này là ngày tốt. Ban yến trong điện Vạn Thọ cho Sứ thần vào buổi sáng ngày mùng 10 tháng giêng sang năm là ngày tốt. Ban yến ngoài thêm Đan Trì vào buổi sáng ngày Bính Dần 12 tháng giêng sang năm là

ngày tốt. Các quan Bồi thần khởi trình lấy giờ Thìn, ngày Giáp Tuất 28 tháng giêng sang năm là ngày tốt. Ngày [...] tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Các quan thuộc Phủ liêu truyền: Phụng truyền cho các quan thuộc nha môn bộ Binh. Kì này phụng sai quan Hầu mệnh lên cửa Nam Quan làm công vụ đồng thời thay thế các viên Thông sự, Y viện, Trung thư, Thám nhi và thuộc tùy lo liệu công cán, chuẩn định ngày 16 tháng 12 khởi trình.

[74b] Phụng chuẩn ban cấp phu dịch theo thứ bậc khác nhau. Kì đi có 111 gánh. Kì về có 80 gánh. Chiếu theo bản kê khai dưới đây cấp cho thẻ bài để tiện việc đi lại và trang trọng việc công cán. Nay phụng truyền:

Hàn lâm viện Đãi chế Phạm Sĩ Thuyên (24 phu gánh); Kinh Bắc đạo Giám sát Ngự sử Nguyễn Xuân Huyền (20 phu gánh, kỳ về giảm một nửa); Lễ khoa cấp sự trung Tạ Đình Hoán (18 phu gánh, kỳ về giảm một nửa); Hộ phiên Thư tả Đỗ Đình Dao (6 phu gánh); Các viên Thông sự Lý Đình Trân, Nguyễn Duy Tấn, Tào Văn Nguyên, Tào Thế Miên (tổng cộng 20 phu gánh); Y viện Phan Trác Nhiệm (5 phu gánh). Các viên [75a] Trung thư giám hoa văn học sinh Nguyễn Danh Huỳnh, Nguyễn Môn (tổng cộng 10 phu gánh). Các viên Thám nhi Nguyễn Đắc Tài, Nguyễn Thế Trác (tổng cộng 8 phu gánh). Ngày mùng 10 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

**[Chánh sứ Trần Huy Mật dâng khải xin triều đình chuẩn theo định lệ năm Quý Mão [1723] cấp phát tiền cho phu gánh]**

Chức Phụng sai Chánh sứ Bồi thần Lễ bộ Hữu thị lang Bái Xuyên hầu Trần Huy Mật viết khải tấu trình: Giữa những năm niên hiệu Bảo Thái [1720-1729] triều đình chuẩn cấp cho đình phu gánh hòm công, mỗi phu 5 quan tiền cổ; gánh tư trang của Bồi thần và các viên Hành nhân, Tùy nhân, mỗi phu 3 quan tiền cổ. Hòm đựng công vật có 23 hòm, cần 96 phu gánh. Tổng cộng số tiền cần cấp phát là 480 quan, giao cho quan Hộ công. Chánh sứ hai người, mỗi người có 70 phu gánh, tổng cộng 420 quan tiền cổ. Phó sứ [75b] một người, có 60 phu gánh, tổng cộng là 180 quan tiền cổ. Chức Nội sai ba người, chức Hành nhân sáu người, mỗi người có 20 phu gánh. Chức Tùy nhân 13 người, mỗi người có 20 phu gánh. Tiền phu gánh có thứ tự khác nhau, tất cả giao cho quan Bồi thần lĩnh nhận để thuê phu gánh.

Riêng xứ Lạng Sơn vốn chịu trách nhiệm cung đốn phu dịch, ngựa xe cho các đoàn Công sứ và Khâm sứ, nên triều đình trừ tiền khiên gánh vào tiền thuế dung, thuế điệu mà không cấp tiền thuê gánh nữa. Hễ công sứ khởi trình, trấn Lạng Sơn phải chuẩn bị đầy đủ

dân phu tiếp đón. Việc đó không liên quan đến các khoản tiền thuê phu thợ khiêng gánh bên trên. Từ đó (từ những năm niên hiệu Bảo Thái [1721-1729] đến năm Đinh Tỵ [1737] niên hiệu Vĩnh Hựu [1735 -1740] các kì cống bộ đều giống nhau.

Gần đây hai đoàn sứ bộ tiến cống năm Tân Dậu [1741] và năm Đinh Mão [1747] tham chước không thống nhất. Đến năm Quý Dậu [1753] lại theo lệ cũ, xứ Lạng Sơn vẫn chịu trách nhiệm lo các việc phu dịch, xe ngựa cho Cống sứ, nhưng các khoản tiền phu gánh trên không thực hiện theo lệ cũ. Rút số tiền phu gánh của xứ Lạng Sơn, để đem thuê phu thợ thì không đủ. Vậy nên đề nghị Cống bộ năm nay chuẩn y theo định lệ từ sau năm Quý Mão [1723], cấp phát tiền trả cho các đình phu khiêng gánh. **[76a]** Triều đình tra cứu định lệ Cống bộ sau năm Quý Mão [1723], phụng chuẩn cho đúng như tờ khai tâu xin. Ngày 20 tháng 7 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

**[Sứ thần dâng khai xin cấp tiền thuê phu dịch gánh đồ đạc]**

Các quan Chánh sứ Bồi tụng Lễ bộ Hữu thị lang Bái Xuyên hầu Trần Huy Mật, Phó sứ Thiêm sai Tri Binh phiên Hàn lâm viện Thị giảng Lê Quý Đôn, Đãi chế Trịnh Xuân Thụ dâng khai về việc xin chuẩn cấp số lượng phu gánh cụ thể. Chúng thần vâng theo lệ cũ lấy đúng số lượng phu dịch gánh các hòm quan vật và tư trang của Bồi thần. Ngoài ra đến kì tuế cống, phải bổ sung thêm số lượng đình phu ở sáu huyện xứ Kinh Bắc gánh chuyển đến địa giới xứ Lạng Sơn để dân phu xứ Lạng Sơn gánh tiếp đến cửa Nam Quan.

Từ năm Quý Mão<sup>1</sup> niên hiệu Bảo Thái [1723] thu thuế điệu nhập chung vào phần đóng góp của từng hộ gia đình, bấy giờ mới chuẩn cấp tiền công gánh **[76b]** các hòm quan vật, mỗi phu gánh được cấp 5 quan tiền cỏ; tiền gánh tư trang của các Bồi thần, Hành nhân và Tuỳ nhân, mỗi phu gánh được cấp 3 quan. Qua khảo sát sơ bộ, từ năm đó thuê một phu phải thu nộp của dân 7, 8 quan tiền. Bởi vậy chúng thần đề nghị triều đình xác định số lượng phu gánh cụ thể để khoan thứ [giảm bớt số tiền thuế phải nộp] cho dân chúng. Ban đầu triều đình không kê khai nhật trình mà xác định cấp tiền theo số lượng phu gánh. Cống bộ lần này có 23 hòm, cần 96 phu gánh, tổng cộng phải chi 480 quan tiền cỏ. Phó sứ một người, cần 60 phu gánh, tổng cộng cần 180 quan tiền cỏ. Chức Nội sai ba người, Hành nhân sáu người, mỗi người 25 phu gánh, Tuỳ nhân 13 người, mỗi người 20 phu gánh, tiền phu gánh có thứ tự khác nhau. Tất cả giao cho Bồi thần và Hành nhân lĩnh nhận để thuê dân phu Kinh Bắc khiêng gánh.

---

<sup>1</sup> Văn bản ghi nhầm thành năm Quý Dậu [1753]

Từ đó [năm Quý Mão 1723] đến năm Đinh Ty [1737] năm đoàn tiến cống đều thống nhất theo quy định ấy. Xứ Lạng Sơn vốn chịu trách nhiệm các việc cung đốn phu dịch, ngựa xe cho các đoàn Cống sứ và Khâm sứ nên miễn thu thuế tô, dung, điệu và triều đình không cấp trả tiền thuê phu dịch nữa. Mỗi khi có đoàn sứ chuẩn bị qua địa phận Lạng Sơn, triều đình truyền công văn xuống, quan trấn phải chuẩn bị đầy đủ dân [77a] phu đợi tiếp trạm. Giữa những năm đó, việc trưng thu hay xá miễn các loại thuế tô, dung, điệu ở xứ ấy không thống nhất. Khi trưng thu thuế thì dân miễn các việc phục dịch [nếu phục vụ khiêng gánh thì phải trả tiền công] nhưng tiền công thuê gánh cũng không thấy trả tăng lên. Khi xá miễn các khoản thuế tô, dung, điệu, thì dân phu phải phục dịch [mà không được trả tiền công] nhưng tiền công thuê phu gánh cũng không thấy cắt giảm đi.

Đến năm Tân Dậu [1741], vì xứ Lạng Sơn điêu tàn, nên triều đình chuẩn cho Sứ thần cùng các chức Hành nhân, Tùy nhân tự thuê Nhiều phu gánh đồ tư trang. Trừ việc gánh đồ tư trang ra, việc gánh các hòm quan vật chiếu theo lệ cũ phát tiền cho các phu dịch.

Năm Đinh Mão [1747], vì trấn ấy vẫn bị tàn phá, triều đình phải lấy vệ binh xứ Kinh Bắc gánh các hòm quan vật thay. Nhưng triều đình lệnh cho xứ ấy vẫn phải đảm nhiệm một phần ba số phu gánh. Còn lại hai phần ba số phu gánh và nhật trình sẽ xem xét ban chức sắc để lấy tiền thuê đình phu gánh. Hai bộ tiến cống ấy đều tùy nghi xử lý.

Gần đây năm Quý Dậu [1753] vì trấn hạt ấy đã yên bình, dân chúng sinh sống ổn định, triều đình mới chiếu theo lệ cũ, chuẩn cho xứ ấy đảm nhiệm các việc cung đốn phu dịch xe ngựa cho Cống sứ và Khâm sứ, phụng truyền cho quan trấn thủ xứ ấy chuẩn bị đầy đủ phu dịch. Các khoản tiền phu gánh kể trên cấp phát theo lệ cũ, không được [77b] trừ giảm [vào tiền thuế]. Hiện nay tính phát tiền thuê gánh tức là gồm cả số tiền dân phu xứ Lạng Sơn đảm nhiệm chuyển trạm trong vòng 5 ngày, trừ đi 1213 quan 1 mạch 30 văn tiền cổ do xứ Kinh Bắc đảm nhiệm 4 ngày, còn lại 1920 quan, 8 mạch, 30 văn tiền cổ cấp phát theo lệ cũ. Số tiền bị trừ đi không thấy giao phó cấp phát. Xứ ấy lĩnh về là lệ các Sứ thần và các viên Hành nhân, Tùy nhân đáng được nhận và không bị giảm bớt.

Chúng thần trộm cho rằng cống bộ năm Quý Mão [1723] triều trước phụng chuẩn đã thành lệ. Kinh Bắc đã có tiền thuế điệu [tức không phải đóng thuế điệu], nhưng vẫn được chuẩn cho tiền công thuê phu gánh mà [số tiền ấy] vốn không được cấp cho nữa. Theo lệ mỗi ngày một 1000 quan tiền. Còn xứ Lạng Sơn đã có tiền thuế điệu [tức không phải đóng thuế điệu] nên phải tự nhận phụ trách phu dịch. Nay nếu xét theo quy định năm Quý Dậu [1753] thì tiếng là chiếu theo lệ cấp tiền thuê phu gánh nhưng bên trong lại là rút

tiền thuê gánh của xứ Lạng Sơn để thuê mướn phu dịch nhưng vẫn không đủ. Chúng thần e sợ triều đình không thấu hiểu nỗi vất vả phục dịch của dân chúng biên giới nên mới mạo muội dâng [78a] khai trình bày. Kính xin Hoàng thượng sáng suốt soi chiếu, truyền công văn xuống, chuẩn y theo lệ từ năm Quý Mão [1723] về sau, cấp tiền thuê phu gánh các hòm quan vật cùng với tư trang của Bồi thần và các chức Hành nhân, Tuỳ nhân. Các khoản chiếu theo số lượng thực tế, truyền giao phó cho quan Hộ trấn, Bồi thần và các viên Hành nhân lĩnh nhận để hợp với quy định cũ, thuận tiện công vụ. Chúng thần muôn vàn ngưỡng trông hi vọng. Ngày 20 tháng 7 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ Liêu dâng khai viết: [78b] Tuế cống kì này phụ kèm báo tang, chuẩn cấp cho các phu dịch gánh hòm cống vật, mỗi phu 5 quan, phu gánh các đồ tư trang của Bồi thần và các chức Hành nhân, Tuỳ nhân, mỗi phu 3 quan<sup>1</sup>. Các khoản cộng vào là 2445 quan. Kính cẩn lĩnh nhận. Triều đình sai quan Hộ phiên chiếu lệ cấp phát. Nay kính cẩn dâng khai.

Cống vật gồm 21 hòm<sup>2</sup>, cần 84 phu gánh, tổng cộng 420 quan, giao cho các quan Hộ cống nhận.

Chánh sứ một người, cần 70 phu gánh tư trang, tổng cộng 210 quan<sup>3</sup>.

Phó sứ hai người, mỗi người 60 phu gánh tư trang, tổng cộng 360 quan.

[79a] Hành nhân chín người, mỗi người 25 phu gánh, tổng 675 quan.

Tuỳ nhân 13 người, mỗi người 20 phu gánh, tổng 780 quan.

Ngày mồng [...] tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ Liêu truyền: Phụng truyền cho quan Đốc trấn Hậu nội Thủy đội, tước Túc Thành hầu Lê Đoan Khải và quan Đốc đồng Nguyễn Tông Trình thuộc xứ Lạng Sơn. Các kì cống bộ trước năm Quý Dậu [1753] đã quy định, xứ Lạng Sơn đảm nhiệm các việc yết kiến, tiếp đón và cung đốn phu dịch, xe ngựa, xây sửa đài quán cầu cống để các đoàn Khâm sứ, Cống sứ đi lại nghỉ ngơi. Nay đang đến gần, các quan Hầu

---

<sup>1</sup> **Mỗi phu 3 quan:** Văn bản chép nhầm thành “mỗi phu 2 quan”. Căn cứ vào ghi chép tại trang [75a] và tính toán số tiền thực tế, chúng tôi đã dịch sử lại là “mỗi phu 3 quan.”

<sup>2</sup> **Cống vật gồm 21 hòm:** Văn bản chép nhầm thành “11 hòm”. Căn cứ vào mạch văn và ghi chép tại trang [91a] ghi rõ. Bởi vậy chúng tôi dịch sửa là “Cống vật 21 hòm.”

<sup>3</sup> **Tổng cộng 210 quan.** Văn bản chép nhầm thành “tổng cộng 200 quan”. Do quy định Chánh sứ một người, cần 70 phu gánh tư trang, mỗi phu được cấp 3 quan. Vậy số tiền thuê phu gánh phải là 210 quan tiền. Nên chúng tôi dịch sửa thành “tổng cộng 210 quan”.

mệnh, Hộ cống, Bồi thần [79b] và các chức Hành nhân, Tuỳ nhân đã chọn ngày tốt lên đường. Chiếu theo lệ cũ kê khai như bên dưới. Triều đình chuẩn sai trước binh bị, hộ vệ, phu dịch xứ Lạng Sơn đúng thời gian quy định, đứng đợi ở đầu địa giới, nếu thấy phu dịch xứ Kinh Bắc đến thì nhanh chóng tiếp nhận chuyển tới Nam Quan, để việc công cán thêm phần trang trọng. Còn việc tiếp đón cung đón phu dịch, xe ngựa, tu sửa đài quán cầu cống, quan viên xứ ấy chiếu theo lệ cũ thi hành, nếu trì hoãn thiếu sót hoặc gây sự phiền nhiễu thì có phép nước xử trị. Nay phụng truyền. Kê khai như sau:

Phu gánh các đồ cho các quan Hầu mệnh, tổng cộng là 110 người, lên đường vào ngày 16<sup>1</sup> tháng này.

Phu gánh các hòm cống vật quan Hộ cống, tổng cộng 84 người, lên đường ngày 20 tháng giêng sang năm.

Phu gánh tư trang quan Bồi thần và các chức Hành nhân, Tuỳ nhân tổng cộng 615 người<sup>2</sup>, lên đường vào ngày 28 tháng giêng sang năm.

[80a] Ngày 18 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

Công bộ năm nay đã chọn ngày 20 tháng giêng năm Canh Thìn [1760], quan binh Hộ cống lên đường. Ngày 28 tháng ấy, Sứ thần khởi trình, giao cho quan Công phiên chiếu lệ, sai trước thủy binh và thuyền bè chuẩn bị chỉnh tề, đúng ngày hôm đó đến bến sông hộ tổng để hợp với quy định và trang trọng công cán, Nay phụng sai. Ngày 23 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759]

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu truyền: [80b] Phụng truyền cho các quan thuộc nha môn Phụng thiên phủ doãn. Kì này các quan Bồi thần đã chọn ngày 28 tháng giêng sang năm khởi trình. Theo lệ triều đình có cử hành lễ tiễn biệt Sứ thần lên đường, bởi vậy dựng đình ở bến đông, đến ngày đó sẽ hội họp tiễn biệt thể hiện sự tôn vinh Sứ thần, kì vọng quốc sự hoàn thành tốt đẹp. Nay phụng truyền.

---

<sup>1</sup> **Ngày 26 tháng này:** Trong văn bản ghi ngày 26 tháng này (tức 26 tháng 12 năm Kỉ Mão) có đánh dấu chú ý nhưng tại trang [73b] và [74a] đều ghi Ty thiên giám và các quan ngũ phủ phủ liêu truyền xuống chọn ngày 16 tháng 12 năm Kỉ Mão các chức Hầu mệnh quan lên đường. Chúng tôi theo trang [73b] và [74a] nên dịch sửa lại.

<sup>2</sup> **Tổng cộng 675 người:** Theo như ghi chép tại trang [79a-b], triều đình quy định Chánh sứ một vị được cấp 70 phu, Phó sứ hai vị mỗi người được cấp 60 phu, Hành nhân chín vị mỗi người được cấp 25 phu, Tuỳ nhân 13 người, mỗi người được cấp 20 phu gánh đồ tư trang thì tổng cộng số phu gánh đồ sẽ là 675 người. Văn bản ghi thành 615 người, có lẽ bị nhầm lẫn. Vì vậy chúng tôi dịch sửa lại là 675 người.

Ngày mùng 6 tháng ấy quan Tả giang đạo gửi tư văn và công văn của Tổng đốc, bên trong nói đã gửi cho An Nam 5 bản thảo tuế cống, còn 2 tờ biểu báo tang phải đợi Bộ đường phúc đáp, nên gửi riêng trước một bản tri chiếu.

**[Tư văn của quan Tả giang đạo thông báo trước cho vua nước An Nam chuẩn bị lễ vật tuế cống và báo tang trong khi đợi Bộ đường chuyển lại bản thảo tấu biểu]**

Chức Quảng Tây phân tuần Tả giang binh bị đạo, quân hạt Nam Thái trấn, Tứ Tứ phủ, Hán Thổ châu, Động Ty đẳng xứ địa phương, gia tam cấp, kỉ lục ngũ thứ, họ Chung thuộc thiên triều Trung Quốc gửi tờ tư về việc thông báo công văn.

Ngày 10 tháng 11 năm Càn Long thứ 24 [1759], xét theo hiến bài của quan Binh bộ Thượng thư Tổng đốc lưỡng Quảng Bộ đường, họ Lý đề ngày 15 tháng 10 năm Càn Long thứ 24, đã nói ngày 29 tháng 9 năm Càn Long thứ 24 [1759] huyện Sùng Thiện chuẩn sai chức Long Bằng, Đô Khôn phủ tên là Dững chuyển công văn giáp bản của vua nước An Nam lên Tả giang đạo. Quan Tả giang đạo mở xem, bên trong có viết: “Vua nước An Nam dâng trình văn về việc gửi tấu biểu. Nước tôi phụng sự thiên triều. Năm nay đúng dịp cử hành hai kì tuế cống năm Càn Long thứ 21 [1756] và năm Càn Long thứ 24 [1759], nước tôi cung kính tuân mệnh. Nhưng do có việc khẩn cấp xin được tấu trình. Ngày mùng 8 tháng 6 nhuận năm nay, tiên vương qua đời. Tháng 7, tra theo lệ cũ, [81b] lại soạn tư văn báo tang, mong quan thể tình, viết sớ đề đạt rõ lên trên, xin tổ chức báo tang được tấu kèm với kì tuế cống. Nay biểu tấu xin tiến cống đã được chuẩn y, riêng việc xin tấu kèm lễ báo tang còn chờ trả lời. Nếu được thiên triều cho phép mà phải đợi đến ngày nhận được tư báo mới tiến hành đệ chuyển công văn, xét tính lịch trình, ắt phải lùi lại đến mùa xuân sang năm mới khởi trình được, chỉ e kì tuế cống bị trì hoãn chậm chạp. Bởi vậy nước tôi soạn hai tờ biểu, cùng đợi sai người đọc duyệt và gửi đi. Các Bồi thần và chức Hành nhân, Tuỳ nhân đã lựa chọn hạ tuần tháng 9 sẽ lên đường. Nghi vật tuế cống và báo tang đều vận chuyển luôn thể, kính mong quan Tả giang đạo soi xét sự lý, chuyển đệ lên quan Thượng hiến xem xét tường tận các tấu biểu rồi gửi về cho nước tôi. Nếu được [82a] thiên triều cho phép tổ chức báo tang kèm với kì tuế cống, thì xin truyền tư văn thông báo sớm, để nước tôi được biết tuân theo. Đồng thời tư văn thông báo xin viết rõ kì hạn mở cửa quan, tiếp đón hộ tống Sứ thần, để hoàn thành việc lớn. Tất cả các bản tấu biểu tuế cống và báo tang cùng một bộ công văn giáp bản đều được gửi đến Bộ đường. Quan Bộ đường căn cứ vào đó, tra cứu rõ ràng việc nước An Nam xin báo tang kèm với kì tuế cống, thông cảm sự lý, viết sớ đề đạt tường tận lên trên. Hiện tại vẫn chưa có tư văn của Bộ đường trả lời lại. Tất



cả các bản thảo tấu biểu báo tang nước An Nam đã được xem xét gửi đi. Dựa theo lời tấu rằng: “Nếu được chiếu chỉ thiên triều cho phép mà phải đợi đến ngày nhận được công văn báo lại, mới đệ chuyển công văn thì e rằng kì tuế cống sẽ bị trì hoãn chậm chạp”, nay tôi đem các tấu biểu tuế cống của quý quốc đối chiếu rõ ràng và gửi trước cho quốc vương biết. Quan đạo tra theo lệ cũ gửi bản chuẩn cho nước An Nam. Các nghi vật tuế cống và báo tang nước An Nam có thể dựa theo lệ cũ chuẩn bị đầy đủ trước. [82b] Còn về tấu biểu báo tang phải đợi Bộ đường trả lời, khi có tư văn báo về sẽ đối chiếu bổ sung điền vào. Tôi sai người nhanh chóng chuyển một đạo trình văn khác đến nước An Nam để nước đại nhân viết lại chính xác, rồi cùng trình lên một thể. Căn cứ vào lý do của tờ tư văn lần trước, ngoài việc soạn tư văn báo lại cho vua nước An Nam, tôi thấy cần phải ban xuống các thẻ bài, để các quan viên thuộc quyền dựa theo đó mà thi hành sự lý, chuyển phát cho quốc vương An Nam. Gửi trước cho nước đại nhân các bản thảo tấu biểu tuế cống, còn lễ vật tuế cống và báo tang phải đợi Bộ đường gửi công văn báo lại, để đối chiếu điền vào. Tấu biểu báo tang của nước An Nam chuyển đến Tả giang đạo, thì gửi ngay bản chuẩn về cho nước đại nhân và định kỳ hạn mở cửa quan nhất thể đón tiếp hộ tống Sứ thần. Yêu cầu các quan đối chiếu rõ danh mục tấu biểu và chuyển phát cho quốc vương nước An Nam một đạo công văn. Quan viên chớ trái lệnh mà trì hoãn chậm chạp, phải nhanh chóng kê khai chuyển về bản sao chép một đạo công văn và bốn bản tấu biểu tuế cống của nước An Nam. Vì vậy tôi ban xuống công văn này. [83a] Tôi soạn tư văn báo trước cho quý quốc, xin phiên quốc vương tiến hành theo lệ cũ. Tôi sẽ gửi tấu biểu đến quan Đốc hiến xem xét. Khi quan Đốc hiến gửi trả lại bản thảo tấu biểu, tôi sẽ gửi ngay cho quý quốc để nước đại nhân viết lại làm bản chính thức. Còn các nghi vật tuế cống và báo tang cũng chiếu theo lệ chuẩn bị đầy đủ trước, đợi tư văn cho phép của Bộ đường gửi về, đối chiếu điền vào. Ngày nhận được tấu biểu cho phép báo tang, tôi sẽ gửi một bản chuẩn khác, hẹn kì mở cửa quan tiếp đón hộ tống Sứ thần. Nay viết tờ tư này. Chuyển đến quan Đốc hiến một đạo công văn và bốn bản thảo tấu biểu. Tờ tư trên gửi cho [83b] vua nước An Nam. Ngày 19 tháng 11 năm Càn Long thứ 24 [1759].

**[Công văn của Tổng đốc Quảng Đông Quảng Tây gửi vua nước An Nam về việc chờ Bộ đường gửi lại bản tấu biểu báo tang]**

Chức Binh bộ Thượng thư kiêm Đô sát viện Hữu đô Ngự sử Tổng đốc Quảng Đông, Quảng Tây đẳng xứ địa phương quân vụ kiêm lý lương hướng kỷ tự tam thứ, họ Lý gửi tờ chiếu hộ về việc chuyển tư văn.

Ngày 15 tháng 10 năm Càn Long thứ 24 [1759] căn cứ vào tư văn của vua nước An Nam họ Lê có viết: “Nước tôi phụng sự thiên triều. Năm nay đúng dịp cử hành hai kì tuế cống năm Càn Long thứ 21 [1756] và năm Càn Long thứ 24 [1759], nước tôi cung kính tuân mệnh. Nhưng vì trong nước có việc khẩn cấp, xin được trình bày rõ. Ngày mùng 8 tháng 6 nhuận năm nay, tiên vương nước tôi qua đời. Tháng 7 triều đình soạn tư văn báo [84a] tang, xin quan trên thông cảm sự tình, viết sớ đề đạt rõ lên trên, chuẩn cho nước tôi được cử hành lễ báo tang kèm với kì tuế cống. Nay công văn tuế cống đã được chuẩn y, riêng việc tấu xin cử hành lễ báo tang kèm với tuế cống còn đợi trả lời. Nếu được thiên triều cho phép mà phải đợi đến ngày nhận được tư báo mới tiến hành đệ chuyển công văn, thì xét tính lịch trình, ắt bị lùi lại đến mùa xuân sang năm mới khởi trình được, chỉ e kì tuế cống phải trì hoãn chậm chạp. Bởi vậy nước tôi soạn hai tờ biểu, cùng sai người đọc duyệt và gửi đi. Còn các Bồi thần và chức Hành nhân, Tuỳ nhân đã lựa chọn hạ tuần tháng 9 sẽ lên đường. Nghi vật tuế cống và báo tang nhất tề vận chuyển, kính mong quan Tả giang đạo soi xét sự lý, chuyển đệ lên quan trên xem xét tường tận các biểu tấu rồi thông báo cho nước tôi. Nếu [84b] thiên triều cho phép báo tang kèm với tuế cống, thì xin truyền tư văn thông báo sớm, để nước tôi được biết tuân theo. Lại cúi xin thiên triều sai người kiểm tra sự thực, định rõ kì hạn mở cửa quan tiếp đón và hộ tống Sứ thần nước tôi đến kinh đô tiến cống, để thoả lòng cung thuận. Ngoài việc ghi chép đầy đủ các bản thảo tấu biểu đợi Bộ đường gửi tư văn về đối chiếu, tất cả danh mục số lượng nghi vật tuế cống và tên họ Sứ thần viên dịch đều đã kê khai đầy đủ.”

Căn cứ vào bản kê khai lễ vật tuế cống và tên họ các quan viên Sứ thần, Hành nhân, Tuỳ nhân, đồng thời xem xét bản sao chép các tấu biểu của quan Tả giang đạo gửi lên Bộ đường, quan Bộ đường tra cứu việc tấu xin báo tang kèm với tuế cống của quý quốc và đã viết sớ đề đạt lên trên. Hiện đang chờ tư văn trả lời. Tất cả bản thảo tấu biểu báo tang của quý quốc đã được xem xét gửi đi. Căn cứ vào lời tấu xin: “Nếu được cho phép, đợi đến ngày nhận được công văn báo lại, mới đệ chuyển công văn thì e rằng kì tuế cống sẽ bị [85a] trì hoãn chậm chạp”, nay tôi đem các bản thảo tấu biểu tuế cống đối chiếu rõ ràng và gửi về trước cho quý quốc. Quan Tả giang đạo tra theo lệ cũ gửi bản chuẩn về cho nước An Nam. Các lễ vật tuế cống và báo tang, quý quốc có thể chiếu theo lệ cũ chuẩn bị đầy đủ trước. Còn về bản thảo tấu biểu báo tang phải đợi Bộ đường trả lời, khi có tư văn báo về sẽ đối chiếu bổ sung điền vào. Tôi sẽ nhanh chóng sai người chuyển một đạo công văn khác cho quý quốc viết lại chính xác, rồi trình lên một thể. Vì lý do trình bày trong tờ tư văn lần

trước của quý quốc nên tôi viết công văn báo trước để quý quốc thực hiện theo lệ trước đây. Nay soạn công văn này. Công văn trên gửi vua nước An Nam. **[85b]** Ngày 20 tháng 10 năm Càn Long thứ 24 [1759].

Tư thiên giám Nhập thị nội Tư thiên lệnh Hưng Hóa đẳng xứ Tán trị Thừa chánh sứ ty Thừa chánh sứ Thuận Lĩnh bá Đình Công Vĩ dâng khai: Vâng chọn ngày tốt viết tờ biểu. Lấy giờ Thìn ngày Nhâm Thìn ngày 16 tháng này là ngày tốt. Nay kính cẩn dâng khai. Ngày mồng 10 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

**[86a]** Các chức Phụng sai Lạng Sơn xứ, Đốc trấn chính thủ hiệu, Hậu dũng cơ Cai cơ quản quyền phủ sự Hữu hiệu điểm, tước Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn và quan Đốc đồng Hàn lâm viện Hiệu thảo Nguyễn Tông Trình dâng khai. Kì này kính truyền chuẩn bị sẵn các khoản áo mũ hành nghi thay thế. Hơn nữa kì này có kèm theo lễ báo tang, nên tra theo lệ cũ áo mũ sẽ phải thay đổi màu sắc, nên dùng màu nào cho hợp lễ nghi. Vâng tra hỏi các quan Phan Bảo hầu Nguyễn Đình Lộc ở xứ Lạng Sơn có nói rõ: Cống bộ năm Nhâm Tý [1732], chọn vải đoạn màu lục may áo triều, mũ triều không gắn đồ trang sức bằng vàng. Lão mục Hoàng Đình Thiệu cũng nói áo triều dùng vải đoạn màu xanh. Bởi vậy chúng thần căn cứ vào đó tấu trình. **[86b]** Nay kính cẩn dâng khai. Ngày 20 tháng 11 năm Cảnh Hưng thứ 24 [1759].

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liệu truyền: Truyền cho các quan thuộc nha môn Đốc trấn xứ Lạng Sơn. Kì này hễ có tờ khai trình bày rõ việc tra cứu đoàn cống bộ năm Nhâm Tý [1732] có lễ báo tang, áo triều chọn cắt áo bằng vải đoạn màu lục, mũ không trang sức bằng vàng thì phải chuẩn cho tra cứu tường tận. Kì tuế cống năm nay cũng có lễ báo tang, nên dùng màu áo ấy. Nhưng lễ tiến cống y phục đôi **[87a]** màu khác không hay chỉ dùng màu lục ấy hành lễ. Truyền cho quan viên xứ ấy làm gấp và chuyển đạt, kê khai thứ mục rõ ràng lên trên, để kịp kì tuế cống. Nay phụng truyền. Ngày mồng 2 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liệu truyền: Phụng truyền cho quan Đốc trấn Túc thành hầu Lê Đoan Khải và quan Đốc đồng Hàn lâm viện Hiệu thảo Nguyễn Tông Trình thuộc xứ Lạng Sơn. Kì này truyền cho các quan tra cứu việc thay đổi áo mũ vào triều. Trước đây nếu kì tuế cống có tấu kèm lễ báo tang thì phải dùng màu nào cho hợp lễ. Nay đã có khai trình bày rõ cống bộ năm Nhâm Tý [1732] thay đổi màu áo triều, chuyển dùng vải đoạn màu lục, **[87b]** mũ triều không trang sức vàng. Bởi vậy chiếu theo tờ truyền trước, đã truyền cho thay thế áo mũ, dây lưng, dây dép và các vật hành nghi giống như cống bộ

năm Nhâm Tý [1732], sai làm sẵn để kịp kì sử dụng, hoàn thành công vụ. Nay phụng truyền. Ngày 18 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Các quan Hầu mệnh Phạm Sĩ Thuyên, Nguyễn Xuân Huyền, Tạ Đình Hoán dâng khai rằng: “*Lạy đức thượng muôn muôn năm ngự hay, tháng này ngày mười sáu, chúng tôi đã vâng khởi trình. Còn tạm trú xứ Bắc Thị Cầu dịch. Ngày 20 chúng tôi vâng sai Thông sự vâng quan thượng cho hiệp với phó thủ ải. Kì tiền lộ thông [88a] sự tra không nội địa tiêu tức gì chưa? Thì có từ về cho chúng tôi được biết, để chúng tôi vâng đệ tiến. Vậy phải đồng đạt ngự hay. Chúng tôi rằng lạy đức thượng muôn muôn năm. Nay cung kính dâng tờ khai*”<sup>1</sup>. Ngày mùng 2 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Các quan thuộc Ngũ phủ phủ liêu truyền rằng: Phụng truyền cho các quan Hầu mệnh Phạm Sĩ Thuyên, Nguyễn Xuân Huyền, Tạ Đình Hoán. Hễ có công văn chuyển đến, xưa nay đã có quy định rõ ràng. Kì này có khai đựng trong ống trúc trực tiếp đệ lên trên, nhưng bên trong không có sự tình khẩn cấp hơn nữa ngôn ngữ lời nói trình bày không mạch lạc [88b] lô gic, vượt cấp tấu nhảm. Nên phụng chỉ truyền xuống trách phạt, thông báo cho các quan biết rõ. Từ nay về sau phải xem xét cẩn thận, nếu có văn thư nội địa Trung Quốc thông báo chính xác và các việc liên quan khẩn cấp mới được đựng trong ống trúc đệ đạt lên trên. Còn những việc bình thường thì chỉ cần viết tờ khai đệ nộp lên công điểm. Những lời bàn bạc mưu lược cũng càng phải kiểm tra kỹ lưỡng, cốt sao hợp tình lý. Nếu trái lệ vượt cấp sơ suất, tội lớn không tránh khỏi. Nay phụng truyền. Ngày 22 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Các quan Đốc trấn Hậu nội Thủy đội Đô chỉ huy đồng tri Túc thành hầu Lê Đuan Khải, Đốc đồng Nguyễn Tông Trình thuộc xứ Lạng Sơn dâng [89a] khai kê khai: Kì này phụng truyền tra cứu tường tận việc thay đổi áo mũ, đã có khai trình bày tường tận các tiết thứ đệ chuyển lên trên. Nay vâng mệnh tra hỏi các viên phiên mục tước Cán Thọ hầu Vi Thế Phiên, đều nói rõ rằng: Cống bộ năm Nhâm Tý [1723] có lễ báo tang. Kì ấy đã dùng vải đoạn màu lục may áo triều, mũ triều không dùng đồ trang sức bằng vàng. Lễ tuế cống kì ấy cũng chỉ dùng màu lục, nhất thể hành lễ. Bởi vậy chúng thần đề đạt lên trên đồng thời đem lời của các viên Vi Thế Phiên đệ nộp. Nay cung kính dâng khai. [89b] Ngày mùng 10 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

---

<sup>1</sup> Tờ khai này viết bằng Chữ Nôm, nên chúng tôi phiên lại và in nghiêng..

Các phiên thần xứ Lạng Sơn là Trung nhất hiệu thủ hiệu tuyên uỷ sứ, tước Cán Thọ hầu Vi Thế Phiên, Chính tiền hiệu thủ hiệu tuyên uỷ đại sứ, tước Bằng Anh hầu Nguyễn Khắc Nhất, Chính tả hiệu thủ hiệu tuyên uỷ đại sứ, tước Hoàn Thọ hầu Hoàng Đình Sinh, Chính hữu hiệu thủ hiệu tuyên uỷ sứ, tước Khương Bảo hầu Nguyễn Đình Lộc, Chính hậu hiệu thủ hiệu phòng ngự sử tước Truyền Cơ bá Hà Quốc Toàn, Thủ ả hiệu phó hiệu chiêu thảo đồng tri, tước Đề Trọng hầu Nguyễn Đình Duệ cùng toàn xứ Lạng Sơn tâu trình. Kì này vâng tra cứu Cống bộ năm Nhâm Tý [1732] có lễ báo tang. Kì ấy áo triều dùng vải đoạn màu lục, mũ triều không [90a] trang sức bằng vàng. Lễ tuế cống các Sứ thần cần thay đổi y phục khác hay chỉ dùng màu lục, phải tìm hiểu tường tận, cân nhắc kỹ lưỡng rồi đệ đạt lên trên. Các phiên thần Vi Thế Phiên được chứng kiến Cống bộ năm Nhâm Tý cử hành lễ báo tang và tiến cống dùng áo triều bằng vải đoạn màu lục, mũ không trang sức vàng. Nay vâng tra cứu kịp thời. Bởi vậy kính trình. Ngày mùng 10 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Vâng tra định lệ áo mũ các Bồi thần báo tang kì trước. Chiếu theo năm Nhâm Tý [1732]<sup>1</sup>, áo triều dùng vải đoạn màu lục, mũ không trang sức vàng. Y phục các Sứ thần khi hành lễ báo tang và tuế cống nhất thể một màu y phục, không phải thay đổi. Bởi vậy truyền cho các Bồi thần biết rõ. [90b] Ngày 20 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

Sứ bộ tuế cống và báo tang kì này được chuẩn cấp cho phu gánh các hòm cống vật, mỗi phu được 5 quan tiền cổ; phu gánh đồ tư trang của các chức Bồi thần, Hành nhân và Tuỳ nhân, mỗi phu được 3 quan. Tổng cộng 2445 quan tiền cổ. Trong đó Chánh sứ một người, Phó sứ hai người và Tuỳ nhân 13 người, tháng 9 đã dâng khai xin chiếu theo lệ, cấp trước cho 1350 quan tiền cổ để sắm sửa công trang. Triều đình đã cấp phát theo đúng số lượng ấy. Nay xem xét cấp phát tổng cộng 420 quan tiền cổ cho 84 phu gánh 21 hòm cống vật. Số tiền này giao phó cho quan Hộ cống lĩnh nhận. Còn chín người Hành nhân, mỗi người có 25 phu gánh, tổng cộng 675 quan tiền cổ, giao cho chức Hành nhân gồm các viên [91a] Thông sự, Y viện, Thị tuyền, Công phiên, Trung thư lĩnh nhận. Toàn bộ số tiền phu gánh hòm cống vật và tư trang chức Hành nhân là 1095 quan, thanh toán để phù hợp với quy định cũ. Nay truyền cho quan Hộ phiên chiếu lệ cấp phát. Ngày 20 tháng 12 năm Cảnh Hưng thứ 20 [1759].

---

<sup>1</sup> Đoàn đi sứ năm Nhâm Tý (1732): do Phạm Quang Dung, Ngô Đình Thạc đảm nhận.

**[1a] BẮC SỨ THÔNG LỤC (QUYỀN HẠ)**  
**BẮC SỨ THÔNG LỤC (QUYỀN BỐN)**  
**NĂM TÂN TÝ ĐỜI VUA CÀN LONG THỨ 26 [1761]**

**THÁNG 6**

Ngày 26, ngày 27 trú lại. Ngày hôm ấy gió thuận, nhưng do nhà thuyền bán muối nên không đi được. Chúng tôi sai viên Thông sự nhờ quan Khâm sai mở thuyền. Vì quan Khâm sai cho phép chủ thuyền buôn bán nên nói thác là gió nhỏ chưa thể đi được.

Ngày 28 giờ Tý đi được 130 dặm. Đầu giờ Dậu đến sông Mẫu Hạ, trú lại ở đó. Sông Mẫu Hạ thuộc địa phận Hòa Châu.

Ngày 29 giờ Tý đi 30 dặm, đến núi Tây Lương, không có gió nên trú lại.

**THÁNG 7**

Ngày mùng 1 vẫn đỗ lại. Ngày mùng 2 đi được 25 dặm đến bãi cát bên sông, không có gió nên đỗ lại. Thuộc địa phận Vu Hồ, đối diện sườn núi Tứ Hợp.

**[1b]** Ngày mùng 3, mùng 4, mùng 5, mùng 6 mưa to gió lớn nên sứ thuyền vẫn trú lại.

Ngày mùng 7, mùng 8, mùng 9, mùng 10, ngày 11, ngày 12 không có gió sứ thuyền đều trú lại.

Ngày 13, giờ Ngọ đi được 25 dặm. Giờ Thân đến huyện thành Vu Hồ, đỗ lại đưa cho chủ thuyền bạc để sắm lễ vật tế thần sông. (Từ sau các văn thường tế đều giống lần này, nên không nói dài thêm.)

Ngày 14, giờ Thìn tế thần sông xuyên hà bá tỉnh Giang Nam.

**[Văn tế thần sông xuyên hà bá tỉnh Giang Nam]**

Cúi thưa: Ngày mùng 1 Đinh Dậu đến ngày 14 Canh Tuất tháng 7 năm Tân Tỵ, niên hiệu Càn Long thứ 26 [1761] các quan Bồi thần Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ cúi dâng lễ vật gồm rượu, thịt và tiền vàng, dám **[2a]** xin tâu trình lên đức thần hà bá thủy quan tỉnh Giang Nam ở thiên triều. Trước bài vị tâu bày: Trong lòng có điều cảm khái khó nói thành lời nhưng chúng thần không dám không bày tỏ. Đó vừa là tình, cũng là lễ vậy. Nay chúng thần phụng mệnh quốc vương vào cống để đình. Công việc xong xuôi, phụng chỉ về nước, đi bằng đường thủy. Hôm qua đến tỉnh thành đổi thuyền đợi gió đã 7, 8 ngày, từng sửa soạn văn từ đầy đủ, cầu mong tôn thần phù trợ, mới được gió thuận mưa hòa. Nhưng thuyền sứ vừa vượt qua cửa sông lại gặp bãi cát ngăn trở, phải đỗ lại suốt cả ngày. Chúng thần lo lắng sợ hãi, tự biết mình có tội, may nhờ đức thần linh

thiên giúp đỡ, khiến gió lớn chuyển chiều gió nhẹ, thuyền sứ đi nhanh đến địa phương huyện Vu Hồ, định ngày hôm nay tiến trình. Cảm tạ tôn thần ơn đức to lớn, **[2b]** thương xót kẻ xa.

Trộm nghĩ chúng tôi rong ruổi vạn dặm, bốn ba nửa năm, lặn lội đường xa gió bụi, xông pha mưa bão tuyết sương để hoàn thành việc cống sứ của đất nước. Nay chúng tôi nhận chiếu thư thiên triều, vâng mệnh quốc vương, trách nhiệm nặng nề, chỉ mong nhanh chóng về nước, sớm báo cáo với triều đình bá quan thời gian quan Khâm sứ Trung Quốc nhập quan phong vương. May ra nước tôi không hổ thẹn với khuôn phép kính cẩn giữ gìn pháp độ triều cống và những người đi sứ không làm nhục mệnh vua mà còn được chút về vang trở về. Nay hành trình còn xa mà thuyền bè trì trệ, cũng có nghĩa là Sứ thần chậm chạp hành trình, chậm trễ thông tin. Trách nhiệm ấy chúng tôi không dám trốn tránh, nhưng việc tiếp đón Khâm sứ vội vàng sơ xuất thì nước chúng tôi sẽ trách cứ ai? Tôn thần danh cao tự điển, trật thượng công hầu, nghĩ tới sự rạng rỡ thánh triều, thương mến kẻ xa, ắt không tiếc ban ân trạch che chở phù hộ chúng tôi, không nỡ để chúng tôi vô công trạng trở về. Bởi vậy chúng tôi khấn khoản bày tỏ **[3a]** nỗi niềm, cúi xin đức thần xót thương ban cho mấy tuần mưa gió thuận hòa, không phải lo lắng đường đi trắc trở, ngược dòng vẫn khởi hành thuận lợi để sớm về phục mệnh, thông thả hoàn thành việc cống sứ. Chúng tôi vô cùng cảm kích ngưỡng trông ơn đức tôn thần. Kính cẩn tâu báo.

Quan Khâm sai biểu tặng mỗi Sứ thần một bình rượu trăm chén và một gói chè “lưỡng tiên”. Chúng tôi gửi thư cảm tạ. Hôm đó gió thuận nhưng vẫn trú lại.

Ngày 15 giờ Thìn đi được 80 dặm, đến giữa giờ Mùi đến huyện Phồn Xương, trú lại ở đó. Gió vừa thuận chiều, chủ thuyền bán muối, Chúng tôi xin khởi trình. Ông ta bảo sáng mai đi.

**[3b]** Ngày 16 giờ Tỵ đi được 70 dặm, tới giờ Dậu thuyền đến châu Đình Gia trú lại.

Ngày 17 giờ Tỵ đi được 10 dặm, trú lại ở cảng Không Du, ngoại thành huyện Đồng Lăng. Sứ thần sai người nói với quan Khâm sai xin khởi trình. Hai quan Bận tổng địa phương phải trực tiếp đến chỗ quan Khâm sai, đợi người hầu quan Khâm sai đến gác. Bọn chúng đòi quan địa phương dâng lễ vật. Quan Khâm sai nói thác là vì người chủ thuyền bảo quãng đường phía trước hướng gió chưa thuận chiều. Quan Bận tổng họ La gọi chủ thuyền ra mắng chúng dối trá. Sứ thần lại gửi văn thư trình bày: “Các kỳ cống sứ trước đây, mỗi khi từ tỉnh Giang Nam đến huyện Hồ Khẩu [phủ Cửu Giang tỉnh Giang Tây], do các huyện phần nhiều đều cách xa bến sông nên các quan thường sai người đi

trước lĩnh lương thực, xin chiếu theo lệ cũ để tránh tình trạng chờ đợi chậm trễ, nhân thế gió thuận tranh thủ đi nhanh. Hơn nữa quan Sách sứ chuẩn bị xuất phát từ kinh đô, trong vòng một tháng có thể đến Vũ Xương, mà hành trình sứ thuyền chậm chạp thì chúng tôi làm sao có thể về nước báo trước tình hình được?”

Quan Khâm sai gửi thư trả lời: “Tôi đã sai người đến Đồng Lăng trước rồi, không phải đợi người chuyển trạm nữa. **[4a]** Đường đến Trường Sa, việc an nguy có liên hệ trực tiếp đến chủ thuyền nên không thể không hỏi ông ta. Việc canh nông hỏi nô bộc, việc thu dệt hỏi thị tỳ, đó là lẽ đương nhiên, không phải là cố ý trì trệ. Còn về việc thuyền bè đi qua các địa phương, việc chào hỏi quan khách, thiên triều tự có quy định, không thể giản lược”.

Sứ thần lại gửi công văn nói: “Chúng tôi đã nhận được thư chỉ giáo, kính cẩn sợ hãi. Chúng tôi xin phép trình bày rõ việc chủ thuyền cố ý trì trệ hành trình. Vì đại nhân vốn khoan từ nên người quản thuyền mới dối trá trì hoãn. Nếu gặp ngày nghịch gió, chúng tôi không dám đệ trình. Nhưng vì gió đông thuận tiện, người có mắt nhìn, đều thấy mặt trời còn cao có thể khởi hành nên dám xin tấu trình. Nay đem ý kiến chung của ba vị Sứ thần, hai vị quan Bận tổng địa phương và các nhà thuyền mà không thắng được một hiệu lệnh của người quản thuyền thì từ nay chúng tôi thực không dám bàn tới nữa. Nếu căn cứ vào lời nói của người quản thuyền, dám xin nửa giờ sau gõ thanh la làm hiệu hoặc cho một thuyền nào đó đi trước thì sẽ rõ thực hư. Hướng gió thuận mà không đi thật **[4b]** đáng tiếc. Để thời gian trôi qua vô ích càng đáng tiếc. Bởi vậy chúng tôi bắt buộc dĩ phải nhiều lần đệ trình công văn. Chỉ có đức lớn bao dung như biển cả của quan Khâm sai mới lượng thứ được”.

Quan Khâm sai đáp: “Hôm nay trời đã tối, sáng mai sẽ khởi hành. Trên bờ sông có núi Quy Sơn, bên trên có miếu Tam quan, quan Chánh sứ và Phó sứ cùng đến bái yết, dạo bước ngắm cảnh cửa cảng”. Tối hôm đó ánh trăng sáng đẹp, gió đông mát dịu. Hai vị Bận tổng địa phương đến chơi, nói rằng: “Gió thuận mà thuyền không đi thật tiếc công phu nửa ngày, giám mất bảy tám mươi dặm đường”. Sứ thần đáp: “Chúng tôi đã nói mà quản thuyền không nghe, thì biết làm sao vậy?”

Ngày 18, giờ Thìn đi được 100 dặm, đầu giờ Dậu đến đê Thượng Trì, sứ thuyền trú lại.

Ngày 19, giờ Thìn đi qua huyện Quý Địa, được 120 dặm, giờ Thân đến vườn hoa phủ thành An Khánh trú lại.

Ngày 20 vẫn trú lại. Quan huyện Hoài Ninh Trương Triệu Dương đến chào hỏi và tiễn đưa. Sứ bộ từ chối không dám để huyện quan tiễn, **[5a]** liền viết thư sai người đáp tạ:



“Năm trước chúng tôi đi qua Vu Hồ từng được yết kiến dung nhan, đội ơn quan đại nhân ân cần hỏi han úy lạo. Nay trở về lại được qua quý tỉnh, cảm kích khôn xiết. Chúng tôi xong việc về nước, đỗ tạm ngoài cửa sông, không dám làm vất vả địa phương. Chúng tôi sơ xuất chưa kịp sắm sửa lễ vật dâng biểu thì lại nhận được lễ vật trọng hậu và thư từ ân cần hỏi thăm của quan đại nhân, thực vừa vui mừng vừa áy náy. Cửa sông cách xa phủ thành nên chúng tôi không thể đích thân tới hầu kiến. Chúng tôi đặc biệt ủy quyền cho viên Thông sử thay mặt bái tạ, dâng biểu chút lễ vật địa phương để bày tỏ tấm lòng vui mừng cung kính”. Sứ thần lại gửi thư và lễ vật tới quan Khâm sai, cảm ơn đại nhân đã biểu tặng hai gói nho khô và sản vật mùa vụ.

Ngày 21, 22, 23, 24 đều đợi gió nên vẫn trú lại.

Ngày 25 giờ Thìn đi được 70 dặm, giờ Dậu đến ngôi Lộ Quán đỗ lại. (Lộ Quán thuộc huyện Vọng Giang, hơi chệch xuống phía dưới chỗ đối diện huyện Đông Lưu)

Ngày 26 giờ Thìn đi được 60 dặm, giờ Dậu đến thị trấn Thượng Dương. Trú lại ở đó. (Khu vực này cùỉ rẻ)

[5b] Ngày 27 giờ Thìn đi được 60 dặm, giờ Thân đến huyện Bành Trạch, trú lại ở bãi cát bên bờ sông.

Ngày 28, 29 ngược gió, trú lại.

Ngày 30 giờ Thìn đi được 60 dặm, đầu giờ Thân đến huyện Hồ Khẩu cách bờ sông 8 km đỗ lại. (Gió hơi thuận. Quan Khâm sai đợi quan địa phương đến bái yết nên sứ thuyền không đi.)

## THÁNG 8

Ngày mồng 1, không có gió nên sứ thuyền trú lại.

Ngày mồng 2, gió nhỏ, thuyền sứ đi 10 dặm đến Sa Châu trú lại.

Ngày mồng 3, đi được 40 dặm, đầu giờ Mùi đến cảng Cửu Giang đỗ lại. Sứ thuyền sai viên Thông sử trình quan tuần kiểm tra. Quan huyện Đức Hóa là Chu Giám gửi thư đến bái yết, lại gửi biểu một mâm cỗ Hán và một vò rượu Thiệu. Chúng tôi sai người [6a] gửi thư cảm ơn: “Hôm qua đặt chân đến phủ thành phồn hoa, từ xa chúng tôi đã cung kính mến phục đức độ của đại nhân. Chúng tôi chưa dám đường đột tới bái yết thì lại được quan đại nhân ban cho lễ vật hậu hĩnh và thư từ hỏi thăm. Tuy có lễ lạt bạc trăm, cũng không sao báo đáp được ân huệ của đại nhân. Chúng tôi có chút lễ vật địa phương sai người phụng tạ đại quan để bày tỏ tấm lòng thành, xin quan đại nhân thông cảm mà lượng thứ cho. Quan ấy nhận một số lễ vật và gửi thư cảm ơn.

Ngày hôm đó sứ thuyền trên đường đi gặp Tân tiến sĩ vinh quy bái tổ, có hai chiếc thuyền, cờ treo mấy chữ “Tân khoa Hàn lâm viện”, trong khoang thuyền người nhà Tân tiến sĩ rất đông. Hỏi thăm được biết ngày mồng 8 tháng 3 năm nay sĩ tử vào thi trường thứ nhất, khảo trúng cách 270 người. Họ tham gia diện thí ứng chế, nhận phong quan hàm xong xuôi mới xin cáo phép về quê. Sứ thuyền chúng tôi lên đường về nước, xuất phát từ kinh đô ngày mồng 2 mà lại gặp họ ở đây, mới thấy hành trình chậm chạp như vậy đây.

Ngày mồng 4, giờ Mão tế thần sơn xuyên hà bá tỉnh Giang Tây. (Bài văn tế này cũng giống với văn tế các tỉnh khác nên lược bớt. Có đoạn viết là: “Nay đến địa phương huyện Đức Hóa, phủ Cửu Giang”) Thường bạc cho 4 **[6b]** thuyền. Quan sứ sai hai viên Thị tuyền và Thông sự lên phố lĩnh nhận sổ bình hoa đặt làm năm ngoái, kiểm ra số lượng và thanh toán, giữ gìn cẩn thận đem về tiến dâng triều đình. Giờ Ngọ, gió thuận, nhưng chủ thuyền bán muối nên không đi. Sứ thần sai người nói với quan Khâm sai (không nghe).

Ngày mồng 5, gió rất thuận nhưng vẫn đỗ lại. Sứ thần sai người xin cho khởi trình. Nhưng quan Khâm sai nói chủ thuyền bảo gió này chỉ đi chừng 30 dặm sẽ đổi chiều, nên đành đợi vậy. Khâm sai lại sai ngư ời nói gió không thuận mà đường sông vòng vèo [nên tạm đợi vậy]. Đáp: Chủ thuyền am hiểu dò giang nên chúng tôi không dám tranh luận. Nhưng đợi gió thuận ở đoạn kia thì nghịch ở đoạn này nên phải tính làm sao? Quan Khâm sai chỉ nói: Ngày mai thôi. Nhưng điều cốt yếu là quan Khâm sai thường nghe lời bàn của quân gia. Mà quân gia của ông ta lại cấu kết với chủ thuyền để bán muối khắp nơi, cố sức dùng lời lẽ chống chế ứng phó với chúng tôi.

Giờ Ngọ quan Khâm sai mời Phó sứ thứ nhất đến thuyền đàm luận thơ văn. Ông hỏi: “Chế độ nước đại nhân thế nào?”

Phó sứ đáp: “Cũng phỏng theo Trung Hoa”.

Ông ta lại hỏi: “Chế độ mở khoa thi thế nào?”

Đáp: “Giống nhau”.

Hỏi: “Quan viên có khoảng bao nhiêu người?”

Nói: “Khoảng bốn, năm trăm người”.

Quan Khâm sai hỏi: **[7a]** “Sao ít vậy?”

Phó sứ trả lời: “Quan chức cốt tuyển đúng người chứ không phải ở số lượng nhiều”.

Hỏi: “Chế độ lễ nghi như thế nào?”

Đáp: “Tôn ti lớn nhỏ đều có thứ bậc. Chúng tôi đến đây, theo lệ cũ chỉ có 25 người, tùy nghi giản lược, đến nước đại nhân thì theo phép tắc nước đại nhân. Tất cả những người

tùy từng đều có quan hàm chức phận và phân chia công việc rõ ràng, đó là việc không đáng nói của bậc cao nhĩ”.

Quan Khâm sai cười hỏi: “Thông sự là chức vị thế nào?”

Phó sứ đáp: “Là chức nhỏ có nhiệm vụ truyền tải ngôn ngữ, vật vả nhất trong lúc đối đáp thù tạc qua lại”.

Quan Khâm sai bày rượu, cơm, muối và quả vải. Hỏi: “Phương Nam có quả vải này không?”

Đáp: “Rất nhiều”.

Lại hỏi: “Sản vật nước đại nhân như thế nào?”

Đáp: “Chẳng phải xưa nay đã lưu truyền hoa thơm quả lạ đều có ở phương nam sao? Chúng tôi không dám nói quá, đơn cử *Tây du kí* có đoạn nói: “Trung Hoa tuy là Trung Hoa, tuy là nước lớn, nhưng rốt cục không có những thứ này. Đó không phải là những lời chúng tôi bịa ra”.

Quan Khâm sai cười nói: “Đại nhân có thể kể một số đồ quý lạ trong nước được chẳng?”

Đáp: “Trầm hương, đàn hương, tốc hương, quế hương từ xưa tới nay đều truyền tụng, vàng bạc đồng sắt bản xứ cũng nhiều. Đồ ăn [7b] thì kể đến tổ yến ở Thanh Hóa, con sò ở Hải Dương, cá khô ở Nghệ An, bong bóng cá ở Kinh Bắc, vải ở Đường Hào, mít ở Gia Lâm... Các loại cây thuốc quý thì kể đến Tiên Mao ở Cao Bằng, Sa Nhân ở Thái Nguyên, Sâm ở Nghệ An, Sơn Dược ở Kinh Bắc, Hà thủ ô, Tam thất ở Sơn Tây đều là thượng phẩm hảo hạng. Các loại tạp vật trên núi dưới biển làm sao kể hết được?”

Quan Khâm sai hỏi: “Quốc vương nước đại nhân có thường ra ngoài tuần thú không?”

Đáp: “Đi chơi ắt là rất vui, nhưng đều tuân theo pháp điển, không phải cứ rảnh rỗi thì đi tuần thú. Mười năm trước, nước chúng tôi nhiều trộm cắp giặc giã, nhà vua phải thân chinh đi tuần bốn phương, yên định dân chúng”.

Quan Khâm sai nói: “Đến nỗi như vậy sao? Bọn khấu tặc nước đại nhân chẳng qua cũng chỉ là bọn mèo mán khe động”.

Quan Khâm sai lại nói: “Giặc giã như bọn chúng, nước Trung Hoa chúng tôi cũng có, đặc biệt khu vực Vân Nam, Quý Châu rất nhiều”. Chúng tôi ngồi nói chuyện một lúc rồi cáo về.

[8a] Ngày mồng 6, giờ Tỵ sứ thuyền đi được 45 dặm, giờ Thân đến tư trang Lục gia, tắt gió nên đỗ lại. (thuộc huyện Hoàng Mai, tỉnh Hồ Quảng).

Ngày mùng 7, giờ Ngọ đi được 10 dặm đến Tân Khai trú lại.

Ngày mùng 8, mùng 9 vẫn trú lại. Do thuyền đi tiền trạm quân gia Trần Khôi của quan Khâm sai buôn lậu muối bị Nhật thượng tuần ty khám xét, bắt được hai người chủ thuyền và hàng trăm cân muối gửi lên huyện. Quan huyện soạn công văn đòi quan Khâm sai giải trình. Bởi vậy thuyền sứ không đi được.

Ngày mùng 10, giờ Tỵ đi được 40 dặm, giờ Thân đến đê Trung Miếu, mưa to gió lớn nên trú lại.

Ngày 11 không có gió đi được 5 dặm đến Vũ Huyệt trú lại. (Vũ Huyệt là thị trấn lớn thuộc huyện Quảng Tế. Ở đây hàng hóa rất phong phú, thuyền bè tụ hội rất nhiều)

Ngày 13 đúng dịp mừng thọ **[8b]** thiên Hoàng đế. Sứ thần đến thuyền quan Khâm sai, trông về hướng cửa khuyết làm lễ 3 quỳ 9 vái. Sứ thuyền vẫn trú lại.

Ngày 14 thuyền sứ vẫn đỗ lại. Quan Khâm sai gửi thư cho Phó sứ thứ nhất: “Nghe nói quý sứ vừa biên soạn sách *Sử biên*, sao không đem đến cho tôi xem một chút? Nếu đại nhân thấy tiếc thì tôi chỉ xem qua rồi gửi trả lại, được chăng?”

Giờ Tỵ quan Phó sứ thứ nhất qua chào. Quan Khâm sai ra đón vào trong, hai bên lấy giấy bút đàm luận vấn đối. Ông ta muốn mời quan Chánh sứ nhưng Chánh sứ bị cảm cúm không sang được. Quan Khâm sai nói với Phó sứ thứ nhất: “Trong thuyền không có việc gì thì đại nhân chớ tiếc thời gian qua lại chỗ tôi chuyện trò, để tôi thêm vui vẻ cảm kích.”

Khâm sai cầm xem cuốn sách *Quần thư khảo biện*, gật đầu vui vẻ khen ngợi, dưới mỗi điều mục đôi chỗ có đề thêm lời bình phẩm. Đoạn nào ý tứ không hợp thì lại trải chiếu cùng ngồi bàn luận hiệu đính, qua lại nhiều lần. Ông ta đọc đến các đoạn nói việc khởi nghĩa Khăn vàng thời Đông Hán và hội Bạch Liên thời Tống Nguyên liền khen ngợi: “Quan sứ quả thật diệu thức cao tài, kẻ ngu muội tôi đã bị khuynh đảo thuyết phục, có điều nhưng quan sứ nghị bàn sự việc rất thẳng thắn và quả quyết. sau này làm quan đại nhân phải nhớ cẩn trọng”.

Đáp rằng: “Tôi may mắn được đại nhân khích lệ khuyên bảo, đâu dám không bài nhận chỉ **[9a]** giáo. Tôi trộm đọc tín bút đại nhân viết, đều là lời hay, chân thành khuyến khích, đầy đủ kinh luân. Sau này Sứ thần tôi đội ơn đại nhân chỉ bảo cơ hồ được vinh

quang rạng rỡ. Bản thân thô mộc tầm thường đâu dám xứng với lời khen “Tử Đãng hiểu chính trị”<sup>1</sup>.

Quan Khâm sai nói: “Kẻ hèn mọn tôi bản tính tầm thường cổ hủ, lại không am hiểu thời sự, trộm xem xét việc xưa của cổ nhân, bình tâm đàm luận, có nhiều khi không thể im lặng mà vội vàng hạ bút, ghi chép liên miên. Lấy thực tế kiểm tra lại thì đôi khi không xác đáng. Câu nói “Thư sinh vô thực dụng” chính là nói tôi vậy. Ngược lại quý sứ tài cao sáng suốt, không tìm được chỗ nào chê trách. Hết thấy dân chúng trong nước hoặc ngoài biên giới đều là con dân của trời cả. Gặp được quý sứ, thật là vô cùng cảm kích!”

Ông ta lại đem cuốn *Độc thư kí* cho tôi xem. Sách ấy đại yếu dựa theo *Mao tự*, *Thi kinh tập chú* của Chu Hy và chú thích *Thi kinh* của các nhà học giả, rồi bổ sung thêm ý kiến cá nhân, bắt đầu khai bút từ khi rời kinh đô, mỗi ngày ngâm đọc và bình chú một vài, cộng lại hàng nghìn chương, bên dưới có phụ thêm phần bình luận, cũng có nhiều chỗ đáng tìm hiểu.

Quan Khâm sai nói: “Tôi đọc sách [9b] *Sử biện* quả thấy quan sứ có con mắt đọc sử. Lời lẽ ý kiến thô mộc của tôi chẳng biết có đúng không? Nhưng sách ấy rất đáng luận bàn, tôi cũng xin phê bác đôi lời. Đúng sai thiên hạ có đạo lý công bằng, đâu có phương hại gì chứ?”

Phó sứ đáp: “Tôi kính cần đọc cuốn sách quý [chỉ sách *Độc thư kí* của Tần Triều Vu], khôn xiết vui mừng. Các vị sĩ đại phu Trung Châu học vấn uyên thâm, nay được thấy rõ ở sách của ngài. Sách *Ngũ kinh* xuất hiện ở thời Hán, các bậc Hán nho tìm hiểu đầu mối, khảo luận kĩ lưỡng không thể sai sót. Đến đời Tống xuất hiện các bậc đại nho, giảng cứu Kinh học cặn kẽ, khúc chiết. Người đời sau mới không đọc chú sớ trước đây nữa. Nhưng không có chú sớ thì làm sao biết được cái học uyên nguyên của người xưa. Đó cũng là chỗ thiên lệch [của người học đời sau]. Như sách *Thi kinh Chu tử tập chú* đã loại bỏ hết những chỗ sai lầm của các thuyết cũ, không ai nói thêm được nữa. Nhưng thời Mao công<sup>2</sup> gần với

---

<sup>1</sup> **Tử Đãng hiểu chính trị:** Tử Đãng tên thật là Vi Ân Bãi, là quan Lệnh Doãn nước Sở thời Xuân Thu, Năm 546 TCN Tử Đãng đi sứ nước Tấn làm bài thơ *Kí tủy* được Thúc Hưởng tán thưởng. Năm 543 TCN, Tử Đãng đi sứ nước Lỗ. Thúc Tôn Báo hỏi về chính trị. Năm 541 TCN Sở Linh Vương lên ngôi cho Tử Đãng làm Lệnh Doãn phụ chính. Ông là người giỏi chính trị nổi tiếng thời Xuân Thu.

<sup>2</sup> **Mao công:** Tức Mao Hanh (người nước Lỗ) và Mao Trường (người nước Triệu), hay còn gọi là Đại Mao Công và Tiểu Mao Công sống đầu thời Hán. Thời Hán có bốn nhà truyền thụ *Thi Kinh* là Lỗ gia, Tề gia, Hàn gia và Mao gia. Nhưng ba bản *Thi kinh kim văn* của các nhà trên đã bị thất truyền, chỉ còn lại *Thi kinh cổ*

cổ nhân, bài *Tiểu tự* có lưu truyền, thì [mọi kiến giải] không thể ngược lại hoàn toàn với chủ sở thời ấy. Các bài thơ *Thương Trọng Tử*, *Tôn Đại Lộ*, *Tử Khâm*, *Phong Vũ* trong sách *Kinh thi*, Chu Tử đều cho đó là thơ dân. Nhưng *Tiểu tự* thì cho là đáng ca ngợi, trong thơ có văn nghĩa sáng đẹp, phải ngâm nga bằng tình cảm tinh tế, bằng tấm lòng đôn hậu [10a] mới cảm thụ được cái hay cái đẹp của bài thơ”.

Quan Khâm sai nói: “Chu Tử là tập đại thành của các Nho giả, vốn không phải là người mà hậu học dám nghị bàn, nhưng đối với *Tiểu tự* phần nhiều không dám biện luận chủ kiến. Mao công chưa chắc hết thấy mọi người đều tâm phục. Như vậy những bài thơ ấy nếu không thể nói là thơ dân, thì lẽ nào không giải thích minh bạch được?”

Phó sứ đáp: “Chu Tử chỉ dựa vào một câu nói trong sách *Luận ngữ* “Trịnh thanh dân” làm thành định án, cũng là trác tuyệt đương thời. Lã Đông Lai<sup>1</sup> từng phân tích tranh luận về việc này. Một đoạn trong sách *Văn hiến thông khảo* của Mã Đoan Lâm<sup>2</sup> nhận xét: “*Tiểu tự* viết tốt, đủ để khảo định bậc công thần”.

Quan Khâm sai nói: “Điểm tốt của Chu Tử vốn rất nhiều nhưng họ Mã khảo cứu bàn luận quá đáng, không chỗ nào bỏ qua, thực không phải là đạo trung”.

---

văn của hai ông họ Mao. Hai ông chính là người biên tập, chú thích và truyền thụ *Thi kinh cổ vấn*, cũng chính là bản *Thi kinh* ngày nay. *Mao thi* mỗi thiên đều có *Tiểu tự* giới thiệu và nêu ý nghĩa của từng thiên. Đồng thời ở dưới thiên *Quan thư* - thiên đầu tiên trong toàn sách, ngoài phần *Tiểu tự* còn có tổng tự, gọi là *Thi đại tự*, cũng gọi là *Mao thi tự*. *Mao thi tự* được coi là bài lý luận thơ ca đầu tiên trong lịch sử văn học Trung Quốc.

<sup>1</sup> **Lã Đông Lai 呂東來**: Tức Lã Tổ Khiêm (1137-1181), tự là Bá Cung, người Kim Hoa, Chiết Giang Trung Quốc. Ông là nhà tư tưởng nổi tiếng thời Nam Tống. *Dịch thuyết 易说* là bộ sách tâm đắc ông viết khi đọc *Chu Dịch*. Đó là kết quả của việc kết hợp thực tiễn cuộc sống xã hội đương thời với nghiên cứu sâu sắc tinh thần biện chứng Dịch học. Ngoài ra ông còn có sách *Lã thị gia thực độc thi ký 吕氏家塾读诗记* luận bàn về nhiều thiên chương trong sách *Thi kinh*. Ở đây có lẽ Lê Quý Đôn nhắc đến cuốn sách này của ông.

<sup>2</sup> **Mã Đoan Lâm 馬端林**: (1254-1324) tự là Quý Dữ, người Ngạc Bình (Nay là Nhạc Bình, Giang Tây, Trung Quốc). Ông là nhà sử học nổi tiếng Trung Quốc, phát triển thể loại tân sử, ghi chép sự kiện lịch sử thành từng điển chí. Đồng thời ông còn có nhiều tư tưởng tiên bộ trong phương pháp phân tích và phân loại tư liệu sử. Mã Đoan Lâm có tác phẩm nổi tiếng là *Văn hiến thông khảo 文献通考*, gồm 24 môn và 348 quyển, được viết trong thời gian 17 năm từ 1290-1307. Công trình sử học này được nhà Nguyên trọng thị và đưa tên tuổi ông trở thành một trong số ít nhà sử học hàng đầu Trung Quốc. Ở đây quan Khâm sai nhắc tới bộ sử này.

Quan sứ đáp: “Trời đã tối, tôi xin tạm cáo từ. Tôi may mắn được hầu chuyện, lại trở thành chỗ qua lại luận bàn, thực làm phiền đại nhân, lật đặt bận rộn”.

Quan Khâm sai đáp: “Nếu quý sứ đã hơi mệt, tôi không dám cố nín giữ. Còn nếu đại nhân không vội thì nán lại một tuần trà. Tôi vốn tầm thường chẳng đủ phân biệt ngu minh nhưng thích thưởng lãm, thường không biết mệt mỏi.”

Phó sứ đáp: “Trong khi luận bàn văn tự, tôi tuyệt không [10b] mệt mỏi, huống hồ tôi lại được lĩnh ý cao minh giảng luận của đại nhân, thực vui biết bao. Có điều hành trình còn xa, ngày ngày đều có thể đến hầu chuyện đại nhân, nên xin phép để hôm khác tôi lui tới. Hôm nay tôi xin cáo từ”.

Ngày 15 tết Trung thu, thủy thủ bốn thuyền đều làm lễ bái tụng. Sứ thần thưởng cho họ bạc và một số lễ vật địa phương. Hôm đó trú lại. Xem lệ cũ không thấy có lệ đem lễ vật kính biểu quan Khâm sai và quan Bận tống.

Ngày 16 sứ thuyền đi được 20 dặm đến Bàn Đường đỗ lại. Giờ Thân quan Khâm sai lại mời quan Phó sứ thứ nhất qua chơi cùng đàm đạo sách *Sử biện*.

Quan Phó sứ nói: “Mấy ngày hôm nay đội ơn đại nhân xem đến cuốn sách của kẻ thô bộc này. Tôi trộm biết tài học và ngôn luận uyên thâm mẫn tiệp của đại nhân khiến cho người đời mến phục. Mấy chục chương mục trong sách *Sử biện* được quan Khâm sai luận bàn chỉ giáo tôi sẽ ghi chép đầy đủ, để làm sáng tỏ đức sáng của đại nhân. Bởi vậy kính xin quan Khâm sai xem xét từng điều mục và chỉ giáo thêm cho”.

Khâm sai đáp: “Ghi chép những lời vấn đáp trao đổi không hại gì, cũng chính là có thể thấy được sự dẫn đo châm chước cẩn trọng khi biên soạn sách sử. Có một số điều tôi bình luận thì quý sứ có thể tham khảo ghi chép lại. Còn việc bình chú từng điều mục thì không nhất thiết. Người xưa cũng không [11a] làm như thế”.

Quan Khâm sai lại nói: “Tôi muốn sao lưu một bản mới, nhưng ở đây không có viên Thư lại, không thể chép được. Hay là quan sứ sai người chép cho tôi một bản được không?”

Phó sứ đáp: “Việc đó không khó, có điều xin đại nhân viết thêm cho lời tựa”.

Khâm sai nói: “Quý sứ còn sách nào khác nữa không, xin cho xem thêm?”

Phó sứ đáp: “Kẻ hèn mọn tôi có biên soạn sách *Thánh phạm hiền mô lục*<sup>1</sup>, cho phép hôm khác sẽ đệ trình đại nhân. Sách ấy chọn lựa biên tập những lời hay ý đẹp của

---

<sup>1</sup> *Thánh phạm hiền mô lục*: Tác giả hoặc người sao chép viết đảo lại. Nguyên văn tên sách ấy là: *Thánh mô hiền phạm lục*

người xưa, tôi vốn không viết thêm một câu một lời nào, xin đại nhân duyệt kĩ và viết cho lời tự.”

Quan Khâm sai đáp: “Xin tuân theo lệnh đại nhân”.

Quan Khâm sai bày cơm rượu thết đãi. Ông ta ung dung hỏi viên Thông sĩ Tài Trung rằng: “Trộm nghĩ ba vị quan sứ là do quý quốc tuyển chọn đi sứ chẳng?”

Quan sứ bảo viên Thông sự trả lời thay: “Phụng mệnh đi sứ thiên triều, lẽ nào không coi trọng việc tuyển chọn, nhưng ba vị cống sĩ cũng dựa theo ngôi thứ mà được đi chứ không phải là tuyển chọn người giỏi nhất.”

Quan Khâm sai lại nói: “Trong nước được như ba vị cống sứ đây cũng rất ít phải không?”

Viên Thông sự nói: “Đúng vậy”

Phó sứ thứ nhất bảo viên Thông sự nói đổi lại: “Các bậc danh thần tài học trong nước rất nhiều, uyên thâm như vị đại cống sứ Thượng thư Thị lang có đến mười mấy **[11b]** người. Các vị cống sứ hàng hai, hàng ba đều ở Đông các viện Hàn lâm. Còn những người có danh vọng khác cũng rất nhiều”.

Quan Khâm sai cười nói: “Tuy nhiên ba vị cống sứ đây cũng là tài năng hiếm có”.

Ông ta lại hỏi: “Sĩ tử bao nhiêu tuổi được ứng thí?”

Viên Thông sự nói: “Không câu nệ vào tuổi tác. Nước tôi có những người thi đỗ cử nhân, làm quan từ năm 13, 14 tuổi”. Quan Khâm sai nửa tin nửa ngờ. Đêm khuya quan Phó sứ mới xin cáo từ.

Ngày 17 sứ thuyền đi được 20 dặm đến thị trấn Điền Gia trú lại. Hai ngày 16, 17 đều không có gió, cố gắng đi vậy.

Ngày 18 gió thuận thuyền quan Chánh sứ men theo bờ tây đi được 70 dặm, đến Ngự Dương đỗ lại. Thuyền quan Khâm sai đi ngang bờ đông. Chủ thuyền đi chậm lại để bán muối. Thuyền hai quan Phó sứ đi theo hướng gió cuộn mạnh, cố hết sức mới dịch chuyển được, giờ Thân mới đi được 40 dặm, tới đêm khuya đỗ lại ở Kỳ Châu. Thuyền hai quan Bạng tổng cũng đi theo bờ đông thuận chiều gió nên đến Ngự Dương trú lại trước.

**[12a]** Ngày 19 thuyền hai quan Phó sứ đi được 120 dặm đến Dương Diệp. Thuyền quan Khâm sai đỗ ở bãi nổi hạ lưu sông. Thuyền quan Chánh sứ và thuyền hai vị Bạng tổng đều đến thành Hoàng Châu.

Ngày 20, 21 mưa gió không thuận nên trú lại.



Ngày 22 thuyền quan Khâm sai qua sông được 10 dặm, cùng đỗ lại với thuyền hai vị Phó sứ, sau đó đi thêm 10 dặm đến Quan Âm.

Ngày 24, 25 đều không có gió nên đỗ lại. (Phó sứ thứ nhất tặng quan Khâm sai sáu món quà nhuận bút).

Ngày 26 sứ thuyền đi được 70 dặm, giờ Mậu đến phủ thành Hoàng Châu trú lại.

[12b] Ngày 27 vẫn đỗ lại. Chúng tôi lên núi Xích Bích du lãm. Sách *Nhất thống chí* có viết: “Xưa nay người ta thường nói Xích Bích có năm nơi”. Nên coi Bồ Kỳ ở Giang Hạ là nơi diễn ra trận chiến Xích Bích. Gia Ngư cũng ở gần đó. Vậy thì núi Xích Ty ở Hoàng Châu không phải là vị trí của trận Xích Bích. Nhưng đọc bài phú của Tô Đông Pha<sup>1</sup> có nói ở hạ lưu Hoàng Châu có huyện Vũ Xương, nơi đó có ngọn núi thiêng, trên núi còn lưu giữ đàn lên ngôi của Ngô vương. Bờ sông có tên là Phàn Khẩu vốn là cố đô của nhà Ngô, nhưng không phải là phủ thành Vũ Xương ngày nay. Hơn nữa đi đường bộ, theo lối phải vào Xích Bích thì có đường Hoa Dung. Nay chúng tôi đi đường thủy từ Kỳ Châu trở lên, thuận gió Đông Nam. Bởi vậy có thể Tô Đông Pha nói đúng hoặc không. Điều này cũng chưa rõ thế nào.

Tôn Quyền ở Sài Tang, tức Cửu Giang ngày nay. Vũ Hưu<sup>2</sup> tới thuyết phục hợp binh chống quân Tào. Sách *Ngự chí* của Trần Thọ viết: “Lưu Bị đánh quân Tào trước”. Sách *Thực chí* cũng viết như vậy. Giả sử trận chiến Xích Bích diễn ra ở giữa Gia Ngư và Giang Hạ thì hoàn toàn không cần phải lợi dụng gió Đông Nam. Mà sách *Ngô chí* nói nhiều đến việc Hoàng Cái dùng chiến lược hòa công. Đại khái đương thời [13a] Tôn Hạo thường ca ngợi việc làm của mình và quy công lao mưu lược cho Chu Du. Trần Thọ cũng

---

<sup>1</sup> **Tô Thức** tự là Tử Chiêm, Hòa Trọng, hiệu là Đông Pha cư sĩ nên thường gọi là Tô Đông Pha. Ông là một trong Đường Tống bát đại gia, giỏi thơ văn thư họa. Ông viết *Tiền Xích Bích phú* và *Hậu Xích Bích phú* nổi tiếng xưa nay. Bài phú nói đến núi Xích Bích ở Hoàng Châu hay còn gọi là Văn Xích Bích, cho đó là nơi diễn ra trận chiến Xích Bích thời Tam Quốc.

<sup>2</sup> **Vũ Hưu** tức Gia Cát Lượng, tự là Khổng Minh. Ông là người Dương Đô thời Thục Hán (nay thuộc Sơn Đông) tránh nạn đến Long Trung, (nên còn gọi là Ngọa Long tiên sinh), sau trở thành quân sư tuấn kiệt tài ba phù giúp Lưu Bị lập ra nhà Thục Hán - chư hầu hùng mạnh thời Tam Quốc. Khi mất, ông được phong là Trung Vũ Hưu. Người đời thường gọi là Gia Cát Vũ Hưu. Ông văn võ kiêm toàn, tài đức lưỡng bị, nên hậu thế ngưỡng phục và tôn vinh là “vạn đại quân sư”, coi là tấm gương sáng muôn đời.

viết theo đó. Bởi vậy các sách có chỗ mâu thuẫn dị biệt. Nếu cho rằng Xích Bích không ở Hoàng Châu thì phải bác bỏ thuyết cầu gió đông nam<sup>1</sup> mới phù hợp.

Buổi tối quan Khâm sai đem biếu Chánh sứ rượu, miến và mời hai vị Phó sứ uống rượu. Quan Phó sứ thứ hai lấy cớ ốm từ chối. Chỉ có Phó sứ thứ nhất đến.

Quan Khâm sai ân cần lấy bút viết: “Sách *Thánh mô hiền phạm lục* tập hợp được nhiều lời hay ý đẹp trong sách sử của người xưa. Công phu nỗ lực biên soạn của quan sứ thật không hổ thẹn với cổ nhân”.

Phó sứ đáp: “Ngày xưa một vị vua của nước tôi đánh cờ với người Trung Hoa thời Đường có khâm phục nói: “Hạng nhất của nước nhỏ chúng tôi không bằng hạng ba của nước lớn các đại nhân. Nay kẻ hèn mọn tôi tự lượng sức mình không đủ để đứng vào hàng ba của nước nhỏ, trộm thấy tài học của đại nhân đứng hàng đầu của Trung Hoa, lòng ngưỡng mộ khâm phục đại nhân kể sao cho xiết?”

Quan Khâm sai nói: “So với các nhân vật trong triều đình Trung Hoa, tôi ngu tối xếp ở hàng thấp nhất, không dám nhận lời quá khen. Còn đại nhân được quý quốc tuyển chọn [13b] đi sứ, là niềm kì vọng của cả nước. Nhưng trộm nghĩ đại nhân nên kín đáo gìn giữ tài trí. Bởi lẽ nói chung những người có tài cao học rộng thường bị nhiều kẻ xấu ghen ghét. Mong đại nhân chớ cho những lời nông cạn của tôi là kì lạ”.

Phó sứ đáp: “Các bậc công khanh, sĩ đại phu nước tôi thường khiêm nhường hòa hợp, nên cố nhiên không phải lo lắng mâu thuẫn lẫn nhau. Nhưng dù sao những lời đại nhân khuyên bảo chỉ giáo vốn là chính phép giữ mình xưa nay, tôi sao dám không lĩnh nhận?”

Quan Khâm sai đưa cho Phó sứ bài tựa sách *Quần thư khảo biện* ông mới viết xong và nói: “Bản thảo tôi đã hoàn thành, xin quý sứ chớ chê cười?”

Phó sứ đáp: “Chu Biền<sup>1</sup> đời Tống có câu: “Thợ giỏi không sợ bị chỉ ra nét thô mộc thuần phác mà chỉ e người khác tìm ra dấu vết tia tốt cắt gọt”. Tôi cho rằng người thợ giỏi

---

<sup>1</sup> **Thuyết cầu gió Đông Nam:** Trong trận chiến Xích Bích, quân Ngô muốn dùng chiến lược hỏa công. Nhưng thời tiết mùa đông chỉ có gió Tây Bắc thổi xuôi Đông Ngô ở bờ nam sông Trường Giang mà không có Đông Nam thổi ngược bờ bắc đến trại quân Tào. Tướng sĩ đang lo lắng tìm kế sách. Bấy giờ Gia Cát Lượng mới xin lập đàn ở núi Nam Bình cầu phong 3 ngày 3 đêm làm phép 3 lần vẫn chưa có gió. Mãi đến canh 2 gió Đông Nam thổi tới rất mạnh. Liên quân Tôn - Lưu nhân cơ hội đó nổi lửa đốt sạch thuyền quân Tào. Nhờ sự tinh thông thiên văn thời tiết mà Khổng Minh đã giúp liên quân Tôn Lưu đánh bại mấy chục vạn quân Tào, ghi danh trận đánh lừng lẫy trong lịch sử Trung Quốc.

đều bánh xe ngại gì việc chỉ ra cho người ta biết? Công Thâu Ban<sup>2</sup> bài bác Mặc tử<sup>3</sup>, ai dám bình phẩm khen chê? Tôi được đội ơn quan Khâm sai cho xem bản gốc lời tựa thực như trao cho tấm chân tình quý báu. Trong bản thảo lời lẽ văn chương thông suốt không có chỗ nào phải sửa lại”.

Quan Khâm sai nói: “Phần cuối có kèm thêm một đoạn khuyên nhủ khuyến khích, mong quan sứ xem xét lời nói của kẻ hèn mọn này. Người xưa cũng thường làm như vậy, xin chớ chê khinh tôi là người thô mộc hấp tấp”.

Phó sứ đáp: “Tôi đâu dám vậy chứ. Tôi vốn tự nguyện xin đại nhân viết cho bài tựa vậy”. [14a] Đêm khuya quan sứ mới từ biệt ra về.

Ngày 28, 29 đều ngược gió nên trú lại. (Bảy giờ ở Hoàng Châu gặp kì khảo thí thường niên. Quan Đề đốc học chính, hiệu là Sĩ Thư chở sách đến đây bán với giá rất rẻ).

## THÁNG 9

Ngày mùng 1, ngày mùng 2 đều không có gió nên trú lại.

Ngày mùng 3 sứ thuyền đi được 30 dặm đến Tam giang khẩu, không có gió nên trú lại.

Ngày mùng 4 sứ thuyền đi được 5 dặm đến bãi cát bên sông, không có gió nên đỗ lại.

Ngày mùng 5 thuyền sứ vẫn đỗ lại.

Ngày mùng 6, giờ Thìn đi được 120 dặm, giờ Thân đến phủ Nhập Khê đỗ lại.

---

<sup>1</sup> **Chu Biền** (1085-1144), tự Thiệu Chương, hiệu Quan Như cư sĩ. Ông là nhà thơ, nhà văn trọng yếu đầu thời Nam Tống. Hiện còn lưu truyền *Khúc hựu cựu văn*, *Phong nguyệt đường thi thoại*.

<sup>2</sup> **Công Thâu** còn gọi là Công Thâu Tử, tên đầy đủ là Công Thâu Ban. Ông , là người nước Lỗ nên người đời sau gọi ông là Lỗ Ban. Ông sống cuối thời Xuân Thu đầu Chiến Quốc, cống hiến lớn lao trong lĩnh vực kiến trúc và điêu khắc. Ông từng đến nước Sở, giúp vua Sở chế tạo các loại vũ khí chiến tranh. Tương truyền một hôm ông khoe với Mặc Tử các phát minh mới của mình. Nhưng Mặc Tử chủ trương hòa bình, phản đối chiến tranh, cổ vũ tương kính, thuyết giải triết lý nhân ái. Từ đó Công Thâu chuyên tâm chế tạo các loại đồ gỗ dùng trong các công trình kiến trúc và gia dụng. Hậu thế tôn xưng Lỗ Ban là ông tổ của lĩnh vực chế tạo đồ gỗ.

<sup>3</sup> **Mặc Tử** tên gọi là Mặc Dịch, năm sinh năm mất không rõ. Mặc tử là người khai sáng học phái Mặc gia thời kỳ Chiến Quốc. Ông người nước Lỗ, từng làm Đại phu nước Tống. Ông xuất thân từ thợ thủ công, từng tự xưng là tiện nhân, nhưng xem khắp cuộc đời ông thuộc phần tử tri thức cao cấp đương thời. Ông là nhà tư tưởng có sức ảnh hưởng lớn thứ hai sau Khổng Tử thời kì Tiên Tần. Sách *Mặc tử* gồm 71 thiên là tổng tập trước tác đại diện cho tư tưởng học thuật phái Mặc gia với 10 chủ trương Thượng Hiền, Thượng Đồng, Tiết dụng, Tiết táng, Phi lạc, Phi mệnh, Thiên chí, Minh quý, Kiêm ái, Phi công. Đặc biệt thuyết kiêm ái nổi tiếng chính trị đương thời.

Ngày mùng 7, giờ Tỵ đi được 60 dặm, giờ Thân đến bến Sơn Quy, phủ Hán Dương đỗ lại.

Ngày mùng 8 thuyền đi được 10 dặm, đến cảng Liên Ngự, phủ Vũ Xương tỉnh Hồ Bắc đỗ lại. Sứ thần sai viên Thông sử bẩm báo tình hình. Nghe tin quan tuần cũ là Chu Uyển Do trình báo lũ lụt số lượng không chuẩn xác nên bị đình chỉ nhậm chức Tổng đốc. Người họ Ái mới nhận việc, đem biểu tâng quan Khâm sai 10 lạng bạc và 10 loại lễ vật địa phương, phát cho mỗi người theo hầu 3 lạng. Hai quan Bận tổng mỗi người 5 lạng, phát cho những người theo hầu mỗi người 1 lạng. Sứ thần có công văn xin cấp thêm thuyền.

**[Tờ trình xin quan Tổng đốc phủ Vũ Xương, tỉnh Hồ Bắc cấp thuyền]**

Các quan công sứ nước An Nam là Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ cung kính tâu trình về việc khẩn khoản cúi xin thiên triều khai ân để an ủi thể tất sự tình kẻ xa. Năm ngoái chúng tôi phụng mệnh mang lễ vật tiến cống thiên triều, **[15a]** đi qua quý tỉnh, chờ cấp đổi thuyền để tiếp tục hành trình, đại nhân thể tình vất vả xa xôi, thấu hiểu nỗi bức bách, thiếu thốn thuyền bè đi lại, ngoài hai chiếc thuyền cũ, đại nhân đã ban thêm cho một chiếc nữa. Do các quan Giang Nam đều chiếu theo lệ cấp thêm thuyền đi lại cho Sứ thần. Nên nay trên đường trở về cũng xin đại nhân ban cho như vậy. Ôn sâu che chở, an ủi vỗ về, chúng tôi vô cùng cảm ơn. Sứ thuyền trở về lại được đi qua phủ thành hoa lệ, ngưỡng trông đức độ thanh khiết của đại nhân, chúng tôi như mạ non không hạn gặp được mưa móc tưới gội, càng thêm ngưỡng vọng kính cẩn. Bởi vậy để tình quan trên thăm xuống, chúng tôi mạo muội tâu trình kính mong đại nhân soi xét, thấu hiểu lòng thành thực, **[15b]** đặc cách ban ơn thi hành điều nhân, báo rõ cấp trên, ưu tiên ban thêm cho một chiếc thuyền hồng, khiến cho Sứ thần đi lại ổn định thuận tiện. Thịnh đức của đại nhân như núi cao biển rộng, chúng tôi ca tụng, mãi mãi không quên, khắc ghi vô cùng. Nay cung kính tâu trình.

Ngày mùng 8 tháng 9 năm Càn Long thứ 26 [1761]. (Trong công văn gửi quan Tổng đốc, có sửa vài chữ là: Giao xuống cho quan Đạo đài).

Buổi tối ngày hôm đó quan Nhật đạo chiếu lệ, sai lính đem phiếu cấp cho Sứ thần 4 chiếc thuyền Tuyên lâu. Tờ trình không phải đem nộp lên trên.

Tờ phiếu viết:

Trạm... xem tờ trình, cấp ngay 4 chiếc thuyền Tuyên lâu hiệu là Phương, Bạt, Áo, Hạo để chở các quan sứ An Nam về nước và [16a] quan công diêm<sup>1</sup> đến Hồ Nam, chớ có trái lệnh, nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ.

Ngày mồng 9 tháng 9<sup>2</sup> năm Càn Long thứ 26 triều Thanh [1761]

Quan Chính đường huyện Giang Hạ được ủy quyền ký thay.

Cấp phiếu... Ngày đi... Ngày về... Hết hạn.

Ngày mồng 9 quan Chánh sứ và Phó sứ thứ hai đều cáo từ. Chỉ có Phó sứ thứ nhất qua yết kiến quan Tổng đốc họ Ái. Quan Tổng đốc cho miễn lễ. Ông ấy còn nhắc nhở đi đường bảo trọng. Lễ vật tiếp kiến của Sứ thần ông ấy trả lại nguyên vẹn. Quan Bố chánh sứ có việc công đi vắng. Quan Án sát sứ tên là Tác Bằng, người Chiết Giang, học vị Tiến sĩ mời vào gian trái công đường. Quan Án sát sai người hỏi: “Quan sứ đến đây chẳng hay có việc gì cần hỏi?” Phó sứ đáp: “Không có việc gì khác cả. Chúng tôi hoàn thành công việc tiến cống, dọc đường về nước, đi qua quý tỉnh, muốn tới hầu kiến đại nhân thôi”. Quan Án sát lại cho người hỏi: “Tôi và quan sứ gặp nhau nên dùng lễ yết kiến như thế nào?” Quan sứ đáp: “Quan phủ huyện dùng Tân lễ, còn đại nhân là quan Thượng ty nên hành lễ Đệ tham”.

Một lúc sau quan Án sát sai người dẫn quan Phó sứ vào Thư phòng bên phải phía sau công đường. Ông ấy mặc thường phục ra nghênh tiếp. Phó sứ vừa mới quỳ xuống thì đại nhân đã đỡ tay dậy mời ngồi lên ghế tựa bên trái. Quan Án sát hỏi: “Quan sứ biết nói tiếng phổ thông Trung Quốc không?” Đáp: “Tôi không biết”. Ông ấy bèn hỏi viên Thông sĩ: “Bên nước các vị có nhiều sách vở thư tịch không?” Phó sứ đáp: “Các sách Kinh, Sử, Tử, Tập chúng tôi đều được đọc qua hết. Nhưng sao dám so sánh với thư tịch phong phú của Trung Quốc?” Hỏi: “Kinh thành của nước đại nhân rộng bao nhiêu dặm?” Đáp rằng: “Chu vi hơn 70 dặm. Lại hỏi: “Chế độ áo mũ trong triều chính có tuân theo triều trước không?” Đáp: “Vâng”. Quan Án sát nói: “Vì sao đại nhân lại xõa tóc vậy?” Phó sứ nói: “Nước tôi có phong tục đó, dân chúng đều quen rồi. Thường ngày dân chúng vẫn buộc búi, chỉ khi gặp bậc tôn trưởng quan liêu thì mới xõa tóc để thể hiện sự kính trọng bề trên vậy”. Quan Án sát cười nói: “Tóm lại là xõa tóc”. Phó sứ xin cáo lui. Quan Án sát tiễn ra bên

---

<sup>1</sup> Đoạn này mất 2 -3 chữ, nên chưa rõ nghĩa. Chúng tôi tạm dịch.

<sup>2</sup> **Ngày mồng 9 tháng 9:** Đoạn này văn bản ghi thành “ngày mồng 9 tháng 6”. Đọc mạch văn, ở đây phải là tháng 9. Có lẽ văn bản chép nhầm. Chúng tôi đổi lại là “ngày mồng 9 tháng”

ngoài cửa. Phó sứ gặp quan Nhật đạo, quan ấy cũng cho miễn lễ. Lễ vật biếu tặng, hai quan đó đều không nhận. Quan sứ lên lầu Hoàng hạc rồi trở về.

Quan Khâm sai đem biếu tặng [17a] hai mâm bánh và miến. Buổi tối các quan ở các nha môn là Bộ chánh, Án sát, Nhật đạo, Lang đạo, Đốc học đạo sai một viên Kinh lịch là Trầm Hán Cửu đến tiễn chúng tôi, lại kèm theo bức thư biệt tạ. Sứ thần sai viên Thông sĩ khải khoản tâu trình: “Vì thuyền bè trật trội, quan sứ không dám mời đại nhân lên thuyền, xin đại nhân thay chúng tôi bảm báo với năm vị đại nhân, rộng ban ơn đức, ngày mai cấp đổi thuyền cho chúng tôi. Ngày kia chúng tôi khởi trình. Chúng tôi không thể đích thân đến hầu kiến đại nhân nên gửi tờ thư tay cảm tạ”. Sứ thần lại nhờ viên quan ấy đem biếu tặng sản vật địa phương cùng với tờ thiếp hồi tạ.

Ngày mùng 10 đổi thuyền. Nghe tin quan Bạng tổng họ Bành tiện đường về Ba Lăng thăm nhà. Sứ thần đem 8 loại sản vật địa phương biếu tặng cùng với tờ thiếp viết: “Chúng tôi với đại nhân góc biển chân trời quen nhau, chặng đường thuyền xe kết bạn, tình tựa trúc bách, nghĩa thấm tiêu lan, nghe tin đại nhân tiện đường về thăm cha mẹ, thực là việc tốt lành. Lên núi Kỳ, núi Hổ<sup>1</sup> thỏa lòng ngóng vọng quê nhà, mặc áo hoa vải đoạn để đón niềm vui sum họp. Chúng tôi [17b] gửi lời hỏi thăm sâu sắc, tạm có chút lễ vật kính biếu làm rượu chúc thọ hai cụ, mong đại nhân lượng thứ cho. Chúng tôi cung kính dâng bái. Quan Bạng tổng nhận hết lễ vật và cảm tạ từ biệt.

Ngày 11, giờ Thìn, Sứ thuyền tế thần sơn xuyên hạ bá xứ Hồ Quảng. (Bài văn tế nội dung gần giống với văn tế các tỉnh khác. Bên trong có đoạn sửa viết rằng: “Nay đến huyện Giang Hạ, phủ Vũ Xương, đổi thuyền để ngày mai đi tiếp”).

Bốn người quản thuyền là Hùng Thắng, Ngô Đình Lượng, Lê Thượng Nghi, Lô Chính Vĩ và các đầu đà thủy thủ đến yết kiến. Sứ thần thưởng cho họ 4 lạng bạc. Bốn người quản thuyền cũ cũng vái chào từ biệt. Quan sứ cũng chiếu theo lệ cũ khao thưởng cho họ. (Người ở phủ Hán Dương là Đoàn Đức An giữ chức An tá đến nói rằng: “Nghe

---

<sup>1</sup> Núi Kỳ, núi Hổ: Diễn tích lấy trong bài thơ *Trắc Hổ* phần *Ngụy phong* sách *Kinh thi*: “陟彼岵兮瞻望

父兮...陟彼岵兮瞻望母兮” Trắc bi Hổ hề chiêm vọng phụ hề... Trắc bi Kỳ hề chiêm vọng mẫu hề”

Trèo lên núi Hổ chừ nhìn ngóng cha chừ! Trèo lên núi Kỳ chừ trông mong mẹ chừ! Bài thơ miêu tả tâm trạng của người con đi quân dịch lâu ngày, thương nhớ cha mẹ, lên núi ngóng trông thương nhớ cha mẹ ở quê nhà. Về sau núi Kỳ, núi Hổ trở thành hình tượng cho quê hương cha mẹ. Lên núi Kỳ, núi Hổ là niềm cảm hoài thương nhớ mẹ cha quê nhà.

nói đại nhân là bậc tài cao, xin đại nhân viết cho một bài thơ đề vào bức tranh”. Lê Quý Đôn liền viết cho viên quan ấy bài thơ xướng họa lúc ông lui tới Hoàng Hạc lâu).

Ngày 12 Sứ thần sai viên Thông sự mang tờ thư tay đến nha môn xin từ biệt lên đường đồng thời hỏi thăm tin tức sứ bộ Trung Quốc. Viên Thông sự trở về nói: “Sứ bộ vâng mệnh thiên triều đến sách phong cho nước ta có Chánh sứ Đức Bảo và Phó sứ Cố Nhữ Tu đã đến tỉnh thành vào **[18a]** ngày 26 tháng 8. Ngày 27 tháng 8 lên đường đi sớm. Đến nay có lẽ họ đã tới phủ Trường Sa”. Quan sứ liền lệnh cho viên Thông sự nói với quan Khâm sai gió thuận, xin nhờ neo đi nhanh. Ông ta đáp: “Chiều mai gõ thanh la báo hiệu ngày tốt. Ngày kia sẽ tiến hành”.

Ngày 13, 14 vẫn trú lại.

Ngày 15, giờ Tỵ đi được 10 dặm đến Bạch Sa Châu, gió to nên đỗ lại.

Ngày 16, giờ Thìn, đi được 80 dặm. Đầu giờ Mùi đến Giang Đông đỗ lại. (Thuyền quan Khâm sai bị rơi bánh lái. Thuyền khác nhặt được. Người nhà chúng đuổi theo đòi hậu tạ bằng bạc, phải trả hai lạng rưỡi bạc, chúng mới buông tha).

Ngày 17 giờ Tỵ đi được 45 dặm. Giờ Dậu đến Hạ Bài Châu đỗ lại.

Ngày 18 giờ Thìn đi được 50 dặm, giờ Thân đến vịnh Tiểu Lâm đỗ lại. (Gió đương thuận chiều. Nhưng quan Khâm sai, sai thuyền đưa thư đến Gia Ngư trước. Cho nên vẫn đỗ lại đợi thuyền về báo lại tình hình.

Ngày 19 giờ Thìn đi được 75 dặm đến huyện Gia Ngư. Giờ Dậu đến cửa sông Lăng Khê đỗ lại.

**[18b]** Ngày 20 gió thuận vẫn nghỉ lại. (Vì chủ thuyền đỗ lại bán muối, một cân được 28 tiền. Viên Thông sĩ xin nhờ neo khởi trình. Quan Khâm sai lên bờ thấy sắc mặt họ muốn tiền. Vả lại chủ thuyền ra sức van xin nên lại dừng.

Ngày 21, giờ Mão sứ thuyền đi được 165 dặm, đầu giờ Dậu đến Cảng Tượng Cốt đỗ lại.

Ngày 22, sứ thuyền đi được 30 dặm, giờ Ngọ đến cảng Bắc Môn, phủ Nhạc Châu đỗ lại.

Ngày 23, giờ Thìn Sứ thần tế tôn thần hồ Động Đình nên đỗ lại.

**[Văn tế tôn thần hồ Động Đình, phủ Nhạc Châu, tỉnh Hồ Nam]**

Cúi thưa: Ngày sóc Bính Thân đến ngày 23 Mậu Ngọ tháng 9 năm Tân Tỵ niên hiệu Càn Long thứ 26 [1761] các công sứ An Nam là Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ kính cẩn dâng phẩm vật gồm rượu, thịt và tiền vàng, kính xin **[19a]** tâu trình Hộ

quốc Đại vương hồ Động Đình cùng các vị tiên thánh thuộc thiên triều. Trước bài vị dám thưa: Có lòng thành cầu khẩn thì làm lễ cáo yết lên thần linh. Chúng thần phụng mệnh quốc vương đi sứ, công việc hoàn thành, lại vâng chỉ thiên triều về nước. Nay đến huyện Ba Lăng, phủ Nhạc Châu, dự định ngày hôm nay nhờ neo vượt hồ, việc có quan hệ đến lòng thành kính cần nên chúng thần sửa soạn nghi lễ thanh khiết kính cáo.

Cúi mong tôn thần linh thông cảm ứng, rủ lòng phù trợ, ban cho mưa thuận gió hòa, sóng yên bể lặng, để sáng tỏ phúc lớn đức thần và xóa tan nỗi lo sợ gặp ghèngh khiến cho chúng thần và tùy tùng an [19b] khang mạnh khỏe, thuyền bè đi lại đều được bình yên thuận lợi, dương buồm lướt nhanh đến Tương Âm, hành trình không còn lo ngại, sứ thuyền sớm trở về nước Nam. Thực là nhờ ơn đức lớn phù trì bảo hộ của tôn thần. Chúng thần vô cùng vui mừng cảm kích ngưỡng trông ơn sâu đức sáng của đại nhân. Nay kính cần cáo lễ.

Ngày 24 gió thuận, chủ thuyền lấy có mưa nhỏ không đi nên vẫn đỗ lại.

Ngày 25 gió Đông Nam vẫn đỗ lại. Quan Khâm sai đưa đến cho Phó sứ thứ nhất hai bài tựa sách *Quần thư khảo biện* và *Thánh mô hiền phạm lục*.

**[Khâm sai Tàn Triều Vu đề tựa sách *Quần thư khảo biện*]**

*Thượng thư*<sup>1</sup> là ông tổ của sử. *Xuân thu*<sup>2</sup> là dòng tông của sử. *Tả truyện*<sup>3</sup>, *Quốc ngữ*<sup>4</sup> và các sách sử của Ban Cố<sup>1</sup>, Tư Mã Thiên<sup>2</sup> là con cháu dòng dõi tiếp nối của sử. Đọc

---

<sup>1</sup> *Thượng thư* 尚書: Là bộ tổng tập văn kiện, tư liệu lịch sử cổ nhất của Trung Quốc, ghi chép từ thời Nghiêu Thuấn đến thời Chiến quốc, gồm có *Ngu thư*, *Hạ thư*, *Thương thư*, *Chu thư*. Đời Hán, *Thượng thư* được liệt vào một trong *Ngũ kinh*, gọi là *Kinh thư*. Thời Tây Hán, Khổng An Quốc viết *Thượng thư truyện*. Thời Đường, Khổng Dĩnh Đạt viết *Thượng thư chính nghĩa*.

<sup>2</sup> *Xuân thu* 春秋: Là bộ sử ghi chép lịch sử nước Lỗ từ thời Lỗ Ẩn Công nguyên niên 722 TCN đến thời Lỗ Ai Công thứ 14 (481 TCN). Đây là bộ sử viết theo thể biên niên sớm nhất của Trung Quốc. Tương truyền sách *Xuân thu* do Khổng tử biên soạn phần đầu và các thế hệ học trò của ông bổ sung thành hơn 100 thiên. Đời Hán, sách *Xuân thu* được liệt vào *Ngũ kinh*, gọi là *Kinh xuân thu*.

<sup>3</sup> *Tả truyện* 左傳: Là bộ sử biên niên tương đối hoàn chỉnh và sớm nhất của Trung Quốc. Tương truyền bộ sử này do Tả Khâu Minh sống vào cuối thời kỳ Xuân Thu, chú thích biên tập chỉnh lý lại sách *Xuân thu* của Khổng tử nên còn gọi là *Xuân thu Tả thị truyện*.

<sup>4</sup> *Quốc ngữ* 國語: Là bộ sử ghi chép lịch sử vương thất nhà Chu và các nước chư hầu như Lỗ, Tề, Tấn, Trịnh, Sở, Ngô, Việt, khởi đầu từ Chu Mục Vương tây chinh khuyến khích nhưng khoảng năm 947 TCN đến khi Trĩ Bá



những sách sử ấy [20a] để khảo cứu cái được mất, nhận định lẽ đúng sai, thì trong có thể tu thân, ngoài đảm nhiệm công việc chính trị quan trường. Cho nên người quân tử rất coi trọng việc đọc sách sử.

Từ đời Tần, Hán về sau, nho sĩ các đời phần nhiều đều luận bàn ý nghĩa bên ngoài. Đến đời Tống, Nguyên trở đi càng tệ hơn. Họ coi sử sách không có gì đáng xem xét, bỏ sách không đọc, bàn luận vu khoát không có căn cứ. Hoặc một số người chộp giật đôi ba câu trong sách sử để tô điểm đẽo gọt cho văn từ của mình. Phải chăng sử học đã không được khảo cứu từ lâu rồi? Mờ tối cổ sử mà thông tỏ kim sử, không hiểu biết gốc rễ mà nắm được ngọn ngành thực chưa từng có. Bởi vậy sử học có quan hệ mật thiết với con người. Lẽ nào dám coi nhẹ sự quan trọng của sử học?

Mùa xuân năm nay tôi phụng mệnh nghênh tiễn quan sứ nước Nam. Đi thuyền nhiều khi rảnh rỗi, Phó sứ Lê Thị giảng đưa tôi cuốn sách *Quần thư khảo biện* để cùng trao đổi. Sách ấy khảo cứu lịch sử từ nhà Hạ, Thương đến đời Đường, Tống, chia thành hơn 100 điều mục, thường suy xét kẻ hở của người xưa, [20b] đặc biệt quan tâm tới việc kén chọn nhân tài, quy luật hưng phế, đặc thất của triều chính. Có thể nói ông là người giỏi đọc sử và thấu tóm được điểm cốt yếu trong sử.

Tôi ngưỡng mộ ông từ lâu, nhưng trộm có đôi lời muốn góp ý với ông. Người không có tài học thì mong có thể học được giỏi. Còn người có tài học thì mong quên việc học. Xưa kia Yên tử<sup>3</sup> thân làm tướng nước Tề, nổi danh khắp chư hầu. Nếu so sánh với trí thức kiến

---

bị diệt vong năm 453 TCN, bao gồm các sự kiện và truyền thuyết về việc triều sinh, yến hội, can gián, hung biện, ứng đối...

<sup>1</sup> **Ban Cố 班固**: (32 CN- 92 CN), người Phù Phong, An Lăng, (nay thuộc đông bắc Hàm Dương, Thiểm Tây).

Ông là nhà sử học, nhà từ phú nổi tiếng thời Đông Hán. Ông chuyên tâm hơn 20 năm viết xong bộ *Hán thư* quý báu lưu truyền khắp hậu thế.

<sup>2</sup> **Tư Mã Thiên 司马迁**: (145 hoặc 135 TCN-87 TCN) tự là Tử Trường, người Hạ Dương, (nay thuộc Hàn Thành, Thiểm Tây. Có thuyết khác nói ông người Hà Tân, tỉnh Sơn Tây). Ông là nhà sử học, nhà văn học, nhà tư tưởng vĩ đại thời Tây Hán. Công hiến lớn nhất của ông là viết ra bộ thông sử theo thể kí truyện sớm nhất của Trung Quốc – *Sử kí*, ghi chép hơn 3000 năm lịch sử từ thời kì Hoàng đế thời thượng cổ đến đời vua Hán Vũ Đế nguyên niên (122 TCN). Đây là bộ sử quý giá và ảnh hưởng vô cùng lớn lao tới hậu thế.

<sup>3</sup> **Yên tử**: Tức Yên Anh (580TCN-500TCN) tự Bình Trọng, người Di Duy (thuộc Cao Mật, tỉnh Sơn Đông ngày nay). Ông từng làm Đại phu nước Tề. Năm 556 TCN cha ông mất, ông liền kế khanh vị làm quan phò giúp ba đời vua Tề là Tề Linh Công, Tề Trang Công, Tề Cảnh Công. Yên Anh là nhà chính trị gia nổi tiếng nước Tề thời Xuân Thu. Bình sinh ông thủ tín sùng lễ, trung quân ái dân, giản dị cần kiệm, đối nội thẳng thắn

văn của ông ta, kẻ sĩ nước Tề không ai vượt được. Nhưng ông luôn khiêm tốn và thường tự nhún mình. Vì sao vậy? Biết được cái lẽ vô cùng trong trời đất, nhưng không thể bao quát hết cái phồn tạp của thiên hạ. Ôi, những cái chưa học thì nhiều mà những cái học được thì ít, muốn đem cái sở trường của một người để thu tóm cái tổng chung của tất cả, thực không thể bao quát hết. Việc đời thay đổi từng ngày, tình người mỗi ngày mỗi khác, cố vin theo cái xưa để mong soi tỏ và hiểu thấu cái nay, thực không phải là lẽ thông suốt.

Thị giảng sinh ra và lớn lên ở nước xa xôi, chuyên tâm đọc sử, thực đã hơn người thường một bậc vậy. Tôi thán phục ông về tài học [21a] cố nên mong điều tốt cho ông, khiến ông tìm trong cổ sử để soi tỏ ngày nay, tiết chế cương trường hào dật, khéo léo với mọi người thì những điều học được từ sách sử đem ra vận dụng không hết. Bởi vậy nói một cách đầy đủ thì mối liên quan của sử học rất lớn, sở dĩ giúp đỡ nhiều cho người học. Thị giảng có tài trung dẫn rộng rãi, chi tiết điển tích sách sử, rong ruổi trên dưới mấy trăm năm lịch sử. Còn tôi kiến văn nhỏ hẹp phần nhiều quên lãng, cho dù có chí hướng đó cũng khó đạt tới.

Thiên triều tứ Tiến sĩ xuất thân Phụng Trục đại phu Lễ bộ Viên ngoại lang, khâm mệnh biện lý Bận tổng sự vụ Giang tả Tần Triều Vu đề tựa.

**[Khâm sai Tần Triều Vu đề tựa sách *Thánh mô hiền phạm lục*]**

[21b] *Kinh Thư* viết: “Thánh hiền có mưu lược, giáo huấn, thì con cháu mới được bảo hộ yên định”. Lại có câu: “Người ta mong cầu kiến văn rộng lớn để làm việc. Học tập noi theo những lời giáo huấn cổ xưa thì sẽ có thành tựu lớn.”

Ôi! Định tức là định yên mệnh của mình. Bảo tức là bảo toàn thân mình. Cầu tìm và gìn giữ thì sẽ có được cái mình sẵn có ban đầu. Tính mệnh là do trời, vốn không phải là bất định. Nếu không có lẽ nghĩa xác lập thì cái tính ấy dễ dao động thay đổi, ham thích công danh hiệu thặng thì trăm mối nhân đó nổi dậy. Bởi vậy không định yên được tính mệnh thì không bảo toàn được thân thể. Thiên tính trời phú cho chúng dân muôn vẻ riêng

---

ngộ bàn triều chính, đối ngoại cương trực luận biện ngoại giao. Người đời sau vô cùng cung kính, ngưỡng vọng, thường ví ông với Quân Trọng. Tác phẩm đại diện cho tư tưởng Yên Anh hiện còn lưu giữ đến nay là *Yên Anh Xuân Thu*. Tương truyền tác phẩm do Yên Anh trước tác. Nhưng trên thực tế *Yên Anh Xuân Thu* do người đời sau thu lượm ghi chép những lời nói việc làm của Yên Anh khi nội chính ngoại giao và trong cuộc sống thường nhật. Sách có 8 quyển, tổng cộng có 215 chương chia thành nội ngoại thiên, chủ yếu phản ánh tư tưởng chính trị của Yên Anh.

biệt, vốn không mất đi [mà chỉ bị mờ tối che lấp mất], nhờ giáo dục nên gìn giữ được cái vốn có ấy. Đánh mất cái thiên tính vốn có ấy sẽ tự rơi vào cầm thú.

Các bậc thánh hiền vốn có thể định yên tính mệnh, bảo toàn thân thể vì luôn giữ được cái thiên tính bản nguyên của mình. Những lời dạy bảo của thánh hiền nào có nằm ngoài điều ấy, nhưng vì chúng phân tán trong sách sử *Thư, Thi*, xen kẽ trong truyện kí. Chỉ người thành học<sup>1</sup> mới có thể thu tóm xuyên suốt được. [22a] Những kẻ sơ học vấp vả mà không nắm được đầu mối. Cho nên người xưa soạn nhiều sách gia huấn cách ngôn. Chu Tử có sách *Tiểu học cận tư lục*<sup>2</sup> tập hợp lời nói việc làm mẫu mực của người xưa. Sách ấy phân chia theo từng loại mục, đạo lý *Chính tâm Tu thân Tề gia Trị quốc* đều đầy đủ cả. Thực tốt đẹp thay! Người đời sau kính cẩn gìn giữ sách ấy làm lời răn dạy noi theo.

Thị giảng họ Lê là Phó sứ nước An Nam đọc rộng biết nhiều, ngưỡng mộ lối tập cổ trong sử sách, bèn phỏng theo người xưa, trích dẫn đạo lý trong các sách *Kinh Thư, Thư sử bách gia* và học tập những lời hay lẽ phải của các danh nhân cận đại viết thành sách *Thánh mô hiền phạm lục*. Từ chỗ *Tu thân* đến *Tiếp vật*, lựa chọn những lời lẽ đôn hậu chuẩn mực, phân chia thành điều thứ rõ ràng, tổng cộng có 12 quyển. Phó sứ đem tới hỏi tôi. Tôi không biết tài học của ông thế nào, nhưng cái chí của ông thì cao lớn lắm! Lời dạy của thánh hiền ông đều trích dẫn đầy đủ cả. Xưa nay người đọc sách thì nhiều, mà kẻ nên người thì ít là vì sao? Đó là khuyết thiếu vậy. [22b] Có kẻ không tự hiểu tính mệnh của mình là do trời; sa ngã vào nơi núi hiểm sông sâu mới biết níu giữ; chìm đắm trong dục vọng lạc thú không biết kiểm thúc; nghe lời dạy *Tôn tâm Dưỡng tính* thì cho là vu khoát xằng bậy, cau mày nhăn mặt bỏ đi. Thực là những kẻ không đáng cùng bàn bạc.

Có kẻ không tự biết tính thiện là cái sẵn có của mình mà cho rằng đó là lời của Thánh hiền; ra sức ca tụng, tán thán không dứt, vội vàng đem tính thiện đó nhường cho thánh hiền mà bản thân mình thì cho là xa vời không dám can dự tới. Tệ hơn, có người

---

<sup>1</sup> **Người thành học 成學者**: Tức người đã đạt được thành tựu trong sự nghiệp học tập đạo đức của mình. Đây là bậc học cao nhất trong cái học cương thường đạo đức của nhà nho, được ghi chép cụ thể trong sách *Trung Dung* 中庸

<sup>2</sup> **Tiểu học cận tư lục 小學近思錄** là bộ sách do Chu Hy và Lã Tổ Khiêm biên soạn khoảng năm 1175, bao gồm 16 quyển, tập hợp những câu ngữ lục của các nhà Lý học đời Bắc Tống là Chu Đôn Di, Trình Hạo, Trình Di và Trương Tải.

ngoài mặt nhân nghĩa mà hành động thì trái ngược. Thực là những kẻ không đáng cùng làm việc.

Trừ hai loại người ấy ra, người nào lấy bản thân mình noi theo phép cổ thì có thể định yên tính mệnh, bảo toàn thân thể, giữ được tính thiện sẵn có thì thực đáng nên người. Những người giỏi hơn thế, thì có thể tu thành bậc thánh hiền. Những người dưới thế cũng không đến nỗi đánh mất tính thiện, vẫn cẩn trọng giữ được bản thân, chỉ là có chút lỗi nhỏ mà thôi. Những câu chữ trong sách *Thánh mô hiền phạm lục* mà Phó sứ tập hợp [23a] đều là những lời dạy bảo của thánh hiền. Lời của thánh hiền thì không thể bịa ra. Xin đọc cuốn sách ghi chép lời dạy của thánh hiền! Ngày 23 tháng 9 năm Càn Long thứ 26 [1760], tại Động Đình, Chu Thứ Hồ Trai Tản Triều Vu đề tựa.

Ngày 26, buổi tối gió hơi thuận, thuyền đi được 5 dặm qua Nhạc Dương lâu đến cảng Nam Tân đỗ lại.

Ngày 27 gió thuận. Chủ thuyền lấy cơ gió to không đi. Nên sứ thuyền vẫn đỗ lại.

Ngày 28 trời quang đãng, gió đông bắc nhẹ, đi được 180 dặm vượt qua hồ. Giờ Dậu đến bến Vân Điền đỗ lại.

Ngày 29 mưa nhỏ đi được sáu mươi dặm, giờ Mùi đến huyện Tương Âm, giờ Thân đến lễ tạ ở miếu hồ Động Đình. Quan sứ thưởng bạc lạng cho 4 thuyền.

**[Văn tế tạ thần hồ Động Đình, huyện Tương Âm, tỉnh Hồ Nam]**

Cúi thưa: Ngày sóc Bính Thân đến ngày 29 Giáp Tý các công sứ An Nam là Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ kính cẩn dâng lễ vật gồm rượu, thịt và tiền vàng, dâng tâu trình lên Hộ quốc Đại vương hồ Động Đình và các vị tiên thánh thuộc thiên triều: Chúng tôi được nhờ ơn đức thần linh thiêng phù trợ nên làm lễ đáp tạ. Nay chúng tôi phụng mệnh quốc vương đi sứ xong việc, lại vâng chỉ thiên triều về nước, hôm qua đến huyện Ba Lăng nhờ neo vượt hồ, kính cẩn cầu đảo, ngưỡng trông [24a] thịnh đức, nhờ được tôn thần phù hộ che chở, sứ thuyền đi lại bình ổn. Nay chúng tôi đã đến huyện Tương Âm cung kính sửa soạn lễ vật lễ tạ, cúi mong tôn thần linh nghiệm chứng giám ban ơn khiến cho chúng tôi và những người theo hầu tính mệnh bình yên, thân thể mạnh khỏe, mưa nắng ôn hòa, hành trình thuận lợi, công thành danh toại, lĩnh nhận ngọc tiết sứ trình, mang vinh quang rạng rỡ về nước Nam. Thực là nhờ ơn trạch to lớn của tôn thần vậy. Chúng tôi vô cùng cảm kích, ngưỡng vọng đức sáng thánh thần. Kính cẩn cáo tạ.

Ngày 30 buổi sáng đi được 180 dặm. Đầu giờ Thân đến phủ Trường Sa, tỉnh Hồ Nam. Sứ thần sai viên Thông sĩ bẩm báo đến địa phương.

## THÁNG 10 (THIỆU)

Ngày mồng 1, Chánh sứ và Phó sứ thứ hai đều cáo từ, chỉ có Phó sứ thứ nhất đến yết kiến quan Tuần phủ Phùng Trân, khách đến chơi nhà quan Tuần phủ có [24b] năm, sáu người tướng võ là thuộc hạ dưới chướng của ông cùng ngồi nói chuyện hàn huyên. Quan Tuần phủ nhìn thấy đai bạc của sứ thần đều khen đẹp. Viên tướng Quách Tham hỏi: “Đai lưng ấy có ý nghĩa gì không?” Phó sứ đáp: “Đai lưng đỏ này vốn là nỉ nhung, tên gọi là Đại mọi, phía trước là sao Tam thai, hai bên là sao Lục đầu, tả phụ hữu bát, thứ nữa là mặt trăng, mặt trời, mặt sau là bảy ngôi sao Bắc đẩu”. Quan Tuần phủ nói: “Quý quốc người tốt, trang phục đẹp”. Phó sứ nói: “Nước tôi sao dám so sánh với Trung Quốc”. Ông ta lại nói: “Nghe nói quan Công sứ đồ đầu hai bằng thi, tôi có một câu đối xin được thỉnh giáo”, liền viết:

安南貢使, 安南使乎, 使乎?

*An Nam cống sứ, An Nam sứ hồ, sứ hồ?*

(Cống sứ nước An Nam, cống sứ An Nam, đáng bậc cống sứ thay!)

Phó sứ đối lại rằng:

天朝聖皇, 天朝皇哉, 皇哉!

*Thiên triều thánh hoàng, thiên triều hoàng tai, hoàng tai!*

(Bậc thánh hoàng thiên triều, thánh hoàng thiên triều, đáng bậc thánh hoàng thay!)

Câu vừa rồi ấy lấy từ sách *Văn tuyển*. Quan Tuần phủ nói: “Tốt lắm, nói hay lắm!”

(Lúc quan sứ ra về, sau thuyền có một chiếc thuyền nhỏ gửi lời Chu Bách Tổng tới quan sứ rằng: “Còn có mấy vế đối hay nữa”:

中朝閣臣, 中朝臣哉, 臣哉!

*Trung triều các thân, trung triều thân tai, thân tai!*

(Các bề tôi trong triều, bề tôi trong triều, đáng đạo bề tôi thay!)

Hoặc:

天下大大老, 天下老者, 老者

*Thiên hạ đại lão, thiên hạ lão giả, lão giả!*

(Các bậc đại lão trong thiên hạ, đại lão trong thiên hạ, đáng bậc đại lão thay!)

Một lúc sau quan Phủ viện sai người tiếp đón, mời vào thư phòng bên trái công đường. Có các quan ở hai ty Bô chánh và Án sát đến hầu việc ngày sóc mùng một, từ bên

trong đi ra vừa khéo gặp Sứ thần An Nam. Họ xin tiếp kiến. Quan sứ đáp: “Sứ thần chúng tôi chưa đến vái chào ra mắt các quan, không dám đường đột gặp đại nhân, lát nữa tôi sẽ đích thân [25a] đến hầu kiến”. Các quan từ biệt ra về. Quan Phủ viện cho miễn thi hành lễ nghi tiếp kiến. Lễ vật đều trả lại nguyên vẹn.

Sứ thần qua bái kiến quan Bố chánh họ Vĩnh. Quan Bố chánh người Kỳ Hạ, đã hơn 60 tuổi, tính rất khiêm tốn, tiếp đón vào hậu đường, hành lễ chủ khách. Phó sứ vừa mới quỳ xuống, quan Bố chánh liền đỡ dậy rồi cùng lui về trung đường. Đại nhân đã đặt sẵn hai ghế tựa đối diện nhau, liền đưa tay mời cống sứ ngồi bên trái. Cống sứ ra sức từ chối. Quan Bố chánh cũng kiên quyết nhường ghế. Viên Thông sự Ngạn Trung liền đem chiếc ghế phải dịch về giữa rồi mời quan Bố chánh ngồi. Sứ thần ngồi bên trái hướng lên trên. Quan Bố chánh hỏi: “Năm ngoài quý sứ đến kinh đô vào ngày bao nhiêu?” Đáp: “Ngày mùng 8 tháng 12”. Hỏi: “Sứ thần vào triều kiến ngày nào?” Đáp: “Ngày 15 vâng mệnh vào triều kiến”. Hỏi: “Triều hạ năm nay tổ chức ở đâu?” Đáp: “Ở điện Thái hòa”. Hỏi: “Hoàng thượng có vui mừng hỏi thăm khuyến khích không?” Đáp: “May mắn đội ơn trời đất, hoàng thượng hỏi thăm vua nước tôi trước, sau mới ủy lạo Sứ thần chúng tôi”. Hỏi: “Sứ thần không biết nói tiếng phổ thông sao có thể đối đáp được?” Trả lời: “Lúc đó tôi quỳ, sai viên Thông sự trả lời thay”. Hỏi: “Hoàng thượng có ban thưởng không?” Trả lời: “Việc này đều chiếu theo lệ cũ”. Hỏi: “Tiên vương của đại nhân mất năm nào? [25b]” Đáp: “Tháng 6 năm Kỷ Mão [1759]”. Hỏi: “Quốc vương hiện nay có quan hệ thế nào với vua cũ?” Đáp: “Là cháu của tiên vương”. Hỏi: “Tiên vương có mấy người con?” Đáp: “Rất nhiều”. Hỏi: “Sao không lập con mà lại lập cháu làm vua?” Đáp: “Tiên vương vốn là em nối ngôi anh, trước khi mất để lại mệnh lệnh truyền ngôi cho con của anh. Vua ngày nay là con cả dòng đích thống của quốc vương trước đó, thực là Thuần Vương”. Ông ta liền nói liên tiếp: “Việc lập ngôi và phong ngôi đúng lắm”.

Quan Bố chánh lại hỏi: “Sứ thần rời khỏi Kinh đô về Nam ngày bao nhiêu?” Phó sứ trả lời: “Ngày mùng 1 tháng 3”. Hỏi: “Sao bây giờ sứ thuyền mới đến đây?” Đáp: “Do đi thuyền trên sông nước gió ngược cản trở, không thuận lợi”. Hỏi: “Sóng gió không thuận cũng không trì trệ đến như vậy, tất có duyên cớ gì đó”. Đáp: “Chúng tôi không dám nói, thực tình do chủ thuyền Giang Nam bán muối khắp nơi nên mới chậm chạp như vậy”. Quan Bố chánh nói: “Hóa ra vậy! Tôi sẽ thúc giục bọn họ giúp quan sứ, để cống sứ sớm được về nước”. Phó sứ đáp: “Cảm ơn đại nhân rất nhiều!”, sau đó từ biệt lui về. Quan Bố chánh tiễn ra bên ngoài cửa. Quan Bố chánh lại hỏi viên Thông sự: “Viên quan là người

xứ nào mà biết nói tiếng phổ thông Trung Quốc?” Đáp: “Tôi vốn người Hải Dương nước An Nam”. Hỏi: “Có giữ chức quan gì không?” Đáp: “Chỉ có chức sắc nhỏ”. Quan Bố chánh nói: “Tôi có ít bạc tiền và lễ vật, xin cống sứ nhận cho”. Sứ thần cảm ơn và trả lại toàn bộ lễ vật.

Phó sứ đến [26a] yết kiến hai quan Án đạo. Hai quan ấy đều cho miễn hành lễ tiếp kiến và đều không nhận vật phẩm biếu tặng. Quan Phó sứ về thuyền. Phủ viện sai hai viên Đường quan cùng một người dịch mục đến tiễn và biếu tặng tám loại lễ vật. Sứ thần cũng gửi tờ thư tay đáp tạ. (Tháng này có biếu hai quan Bận tổng thịt lợn, thịt dê và rượu).

Ngày mùng 2 buổi sáng, Sứ thần sai viên Thông sự mang thư đến các nha môn đạo, ty, viện cảm ơn việc tiễn đưa và từ biệt lên đường. Các quan đều bái tạ và chúc ba vị công sứ đi đường bình an, sớm được về nước. (Quan Phó sứ thứ nhất có bài thơ nhỏ gửi tặng quan Bố chánh. Ông ấy rất cảm động.)

Sứ thần lại sai viên Thông sự đến nha thự quan huyện cảm ơn vì đã cấp cho thuyền. Hai vị quan huyện Thiện Hóa và Trường Sa đều từ tạ và không dám nhận lời cảm ơn của Sứ thần.

Giờ Tỵ triệu tập 15 chiếc thuyền bản mã. Quan Khâm sai 2 chiếc, quan Bận tổng 2 chiếc, Sứ thần và những người theo hầu tổng cộng 11 thuyền. Bốn chủ thuyền cũ đến vái chào từ biệt. Sứ thần thưởng cho họ 4 lạng bạc. Quan hộ tổng họ Lư là người Nhạc Châu đến từ biệt. Sứ thần đem lễ vật địa phương tặng quan hộ tổng, đồng thời phát cho quan binh tiền bạc vì quan huyện sai 12 người đã vớt và kéo thuyền cho Sứ thần. Quan sứ lại thưởng thịt lợn và rượu cho họ. Bọn họ đều khấu đầu cảm ơn. Sứ thần cho miễn.

Giờ Thân công sứ tể [26b] thần sơn xuyên hà bá ở địa phương Hồ Quảng. (Bài văn tế cũng giống với văn tế các tỉnh trước đó. Chỉ khác bên trong có viết: “Nay đến huyện Trường Sa, đổi thuyền để đi ngay trong ngày. Việc có quan hệ đến lòng thành kính cần nên làm lễ cáo yết”).

Ngày hôm đó quan Tuần phủ liên tục thôi thúc quan Khâm sai nhổ neo. Giờ Dậu đi được 3 dặm đỗ lại. Hai tỉnh Giang Nam, Hồ Bắc năm nay lũ lớn mất mùa nên thóc gạo rất đắt đỏ, chỉ có Hồ Nam được mùa lúa, khoai môn cũng nhiều.

Ngày mùng 3 quân thuyền của 15 thuyền đến bái kiến chúc mừng. Sứ thần chiếu lệ khao thưởng. Quan Khâm sai lấy đình phu trong huyện để kéo thuyền, mỗi chiếc thuyền cần 2 người. Giờ Ngọ sứ thuyền đi được 25 dặm. Giờ Dậu đến miếu Bao Gia đỗ lại.

Ngày mùng 4 giờ Tỵ đi được 60 dặm. Giờ Thân đến huyện Tương Đàm đỗ lại, phát lụa may 13 lá cờ. Sứ thần chiếu theo tiền lệ viết: “An Nam cống sứ phụng chỉ hồi quốc”. Thuyền quan Bạt tổng viết mấy chữ: “Phụng tổng cống sứ hồi quốc.”

Ngày mùng 5, giờ Mùi thuyền đi được 45 dặm, giờ Dậu đến đê Hương Gia trú lại.

**[27a]** Ngày mùng 6, buổi sáng, thuyền đi được 60 dặm, giờ Dậu đến đê Lục Khẩu trú lại.

Ngày mùng 7, buổi sáng, thuyền đi được 75 dặm. Giờ Dậu đến đồn trấn Cư Đình trú lại.

Ngày mùng 8, buổi sáng, thuyền đi được 75 dặm, giờ Dậu đến đê Thạch Vĩnh trú lại. (Mấy ngày liền đều có mưa. Hôm nay mưa càng to hơn).

Ngày mùng 9, buổi sáng, thuyền đi được 20 dặm đến huyện Hoành Sơn đỗ lại, giờ Mùi lại đi được 15 dặm, buổi tối đến đốc Lôi Gia trú lại.

Ngày mùng 10, buổi sáng, thuyền đi được 95 dặm, giờ Dậu đến chùa Trạc Mộc trú lại.

Ngày 11, buổi sáng, đi được 30 dặm đến phủ Hoành Châu đỗ lại. Năm ngoái xuất phát từ phủ Hoành Châu này vào ban đêm nên không biết địa thế ra sao. Năm nay đi ngược dòng, giờ Mùi đến chỗ cách thành phủ khoảng 10 dặm, bên phải có một nhánh sông khá rộng, chảy xuống Liễu Châu, thẳng đến Quảng Đông. Qua phía đông bắc thành phủ, có **[27b]** nước bốc hơi màu đỏ từ phủ Bảo Khánh chảy đến cửa sông này. Bên trong có một chiếc cầu đá nhưng không mở, có bảy cửa vách đá cho thuyền bè qua lại. Bên ngoài có núi Thạch Cổ, trên núi có đình Hợp Giang, thành quách rất dài, thuyền bè đi lại rất đông, cá gạo rất nhiều, khoai sắn cực rẻ. Hơn nữa từ đây đến Vĩnh Châu đa số đều dùng tiền xấu không khát khe kén chọn lắm. Quan hộ tổng Trường Sa là Chu Thế Phú đến từ biệt. Quan Cống sứ đem ít vật phẩm địa phương biếu ông ta.

Ngày 12 giờ Ngọ thuyền đi được 45 dặm. Giờ Dậu đến đê Xa Giang trú lại.

Ngày 13 mưa to, giờ Thìn thuyền đi được 70 dặm. Giờ Dậu đến phố Tùng Bách trú lại.

Ngày 14 buổi sáng thuyền đi được 65 dặm. Giờ Dậu đến đê Quán Sơn trú lại.

Ngày 15 buổi sáng thuyền đi được 60 dặm. Giờ Dậu đến đê Thượng Sơn trú lại.

**[28a]** Ngày 16 buổi sáng, thuyền đi được 50 dặm. giờ Dậu đến đê Ngưu Tân trú lại.

Ngày 17 buổi sáng đi được 60 dặm. Giờ Dậu đến huyện Kỳ Dương trú lại. (Quan Phó sứ thứ nhất gửi biểu quan Khâm sai lễ vật nhuận bút).

Ngày 18 vẫn trú lại. Từ tỉnh Hồ Nam trở xuống phía nam đất đai phì nhiêu, khí hậu ẩm áp, cây cối tốt tươi, hoa thơm cỏ tốt, mùa đông rét mướt cũng không khô héo, phong



tục cảnh vật hết như nước ta vậy. Du chơi vùng Tương Đàm, lại men theo dãy núi trùng điệp hai bên, vòng quanh đường sông ngoằn ngoèo, mặt nước tĩnh lặng. Từ đê Quán Sơn ngược lên có rất nhiều bãi đá bên sông tựa như trào lên sườn núi, nước mạnh chảy xiết, xanh biếc đến tận đáy.

Ngày 19 giờ Ty thuyền đi được 40 dặm. Giờ Dậu đến ty Hoàng Giang trú lại.

Ngày 20 buổi sáng đi được 70 dặm. Giờ Dậu đến gò cũ ở Vĩnh Châu trú lại.

**[28b]** Ngày 21 vẫn đỗ lại. Quan Khâm sai gửi tờ thiệp cho Phó sứ thứ nhất nói: “Gặp dịp quan sứ rảnh rỗi, sao đại nhân không qua chơi gặp gỡ trò chuyện?”

Giờ Ty, Phó sứ qua thuyền quan Khâm sai, hai bên lấy bút hỏi han trao đổi. Quan Khâm sai nói: “Đã lâu không gặp, tôi rất nhớ mong mỗi thân tình với quan sứ”.

Phó sứ đáp: “Cảm ơn thịnh tình của đại nhân.”

Quan Khâm sai lại nói: “Khi oanh ca yến hót, liễu hoa đua thắm chính là lúc các vị công sứ lên đường về nước. Trong lùm cây gắm vóc, bên buổi tiệc hát ca tưởng nhớ đến mưa đêm ở Thương Giang thật là thanh tao điểm lệ, nhưng giờ ít người tân khách còn nhớ tới.”

Phó sứ đáp: “Đại trượng phu chí để ở bốn phương. Người xưa nói lời hào hùng. Nhưng xem trong thơ cổ hiếm thấy bài thơ nào không dạt dào nỗi niềm thương nhớ quê hương. Chúng tôi đi sứ lâu ngày, cũng không tránh khỏi niềm nhớ nước thương nhà canh cánh bên lòng, nhưng về đến quê hương gia đình, hồi tưởng lại những ngày cùng đại nhân nói cười, rong ruổi dọc đường thấy nhớ nhưng lưu luyến”.

Quan Khâm sai lại hỏi: “Ở trong nước đại nhân quan huyện, quan phủ địa phương có sợ quan triều đình không?”

Đáp rằng: “Đó là điều tất nhiên”.

Ông lại hỏi: “Đại nhân đã từng quỳ để tâu trình sự việc chưa?”

Trả lời: “Việc thường lệ vậy”.

Ông hỏi tiếp: “Vậy sao viên Thông sự yết kiến công sứ không quỳ xuống bẩm báo?”

**[29a]** Quan sứ đáp: “Ở trong nước ắt phải như thế, nhưng ở đây trên đường đi cốt sao cho giản tiện, không phải hình thức rườm rà”.

Ông ấy lại hỏi: “Nước đại nhân có lẽ cũng coi trọng khoa thi Tiên sĩ. Đặc biệt người Đường, người Tống rất trọng dụng Tiến sĩ”.

Trả lời: “Chế độ nước tôi đa số phỏng theo triều Tống, triều Minh, nhưng việc tuyển chọn người hiền tài bất luận là người có tiền của hay ngôi thứ thế nào, nhất thể đều

được coi trọng. Riêng những người đỗ cao trong kì thi Tiến sĩ thì đãi ngộ, lễ nghi long trọng hơn. Đó là tuân theo khuôn phép cũ của các triều đại trước”.

Quan Khâm sai nói: “Tôi nghĩ quan sứ thi đỗ Tam nguyên nên cố ý khiêm tốn nói vậy chăng? Nhưng nói về cái đạo làm quan, nên bàn xem quan ấy có đúng là người hiền tài không, chứ không nên luận bàn về xuất thân của quan chức”.

Phó sứ đáp: “Tôi đâu dám nói năng hồ đồ. Nay nước tôi có các quan chức từ Cử nhân đến Tể tướng, hiện đang chấp chính, tài đức cao rộng, cũng thật không dễ tuyển chọn được”.

Quan Khâm sai cười nói: “Như vậy mới đúng là phép dùng người”.

Phó sứ hỏi: “Đại nhân viết Thi kinh luận chú đã xong chưa?” Ông ấy liền lấy ra cho Phó sứ xem và nói: “Tôi tiện bút viết ra, nếu có chỗ nào lầm lẫn, xin quan chỉ giáo cho”.

Phó sứ nói: “Sách kinh điển yếu chỉ sâu rộng, tuy các nho giả đời trước đã chú giải rõ ràng mà người đời sau vẫn có chỗ phát minh, sáng tạo thêm, cũng không phương hại đến [29b] quan điểm các nhà tiên nho. Nay đội ơn đại nhân cho xem sách quý, mới thấy được thực học sâu rộng uyên bác của đại nhân.”

Quan Khâm sai mới hỏi: “Sách Sử biện quan sứ đã sai người chép cho tôi xong chưa?”

Trả lời: “Đã viết xong rồi”.

Ông ấy lại hỏi: “Là ai chép vậy?”

Trả lời: “Viên Thư lại Phí Đình Chất chép”.

Ông ta nói: “Thẻ chữ cũng đẹp”. Nhân đó Phó sứ biểu quan Khâm sai một cuốn. Ông ta vui mừng thiết rượu, đến tối Phó sứ mới từ biệt ra về.

Ngày 22 vẫn đỗ lại. Sứ thần sai người cúng tiền hương đèn Tiêu Tương. Buổi tối quan Khâm sai mời Chánh sứ đến uống rượu.

Quan Khâm sai hỏi: “Ở bộ Hình có những quan chức và công việc gì? Có thông thả không?”

Trả lời: “Không có nhiều việc lắm, khá là nhàn rỗi. Chỉ là xét xử các án kiện tụng, kiểm tra, ghi chép bọn tù nhân, trưng thu các việc chuộc phạt”.

Ông ấy lại hỏi: “Ở trong nước, theo lệ đại nhân được cấp cho bao nhiêu người theo hầu?”

Trả lời: “Triều đình cấp cho 60 người”. Ông ấy hỏi tiếp: “Thế quan sứ thứ hai được cấp cho mấy người?”

Đáp: “40 người”.

Ông ta lại hỏi tiếp: “Thế quan sứ thứ ba được cấp bao nhiêu?”

Đáp: “30 người”.

Quan Khâm sai nói: “Cổng sứ thứ hai có sách *Quần thư khảo biện*, sách ấy hay không? Đại nhân đã từng xem qua chưa?”

Đáp: “Tôi đã đọc qua rồi. đúng là có tâm khảo cổ”.

Ông ấy liền nói. “Đúng vậy”. Quan Chánh sứ uống thêm mấy chén rồi lui về.

[30a] Ngày 23 buổi sáng đi được 30 dặm. Giờ Dậu đến Cẩm Thôn Đường trú lại.

Ngày 24 buổi sáng đi được 20 dặm, đến bến Tây Ngưu. Thuyền quan hộ tống Vĩnh Châu bị lật, trôi hết đồ đạc. Đi 10 dặm đến thành phố Thạch Kỳ. Chủ thuyền về thăm nhà, nên vẫn trú lại.

Ngày 26 đi được 55 dặm, giờ Dậu đến bến Hắc Cầu trú lại.

Ngày 28 đi được 20 dặm đến thành Toàn Châu trú lại, cúng tiền vàng chùa Tương Sơn và miếu Động Đình trên bờ sông.

Ngày 29 quan Khâm sai lấy dân phu kéo thuyền. Giờ Tỵ thuyền đi được 45 dặm, cuối giờ Mùi đến Tiểu Giang trú lại.

## THÁNG 11

Ngày mồng 1 đi được 35 dặm. Cuối giờ Mùi đến đê Thâm Phòng trú lại.

[30b] Ngày mồng 2 đi được 30 dặm. Giờ Dậu đến ty Đường Gia trú lại.

Ngày mồng 3 đi được 10 dặm, qua cầu Hoa Triều, thuyền phải hạ cột buồm. Giờ Mùi sứ thuyền đến đền Phên Thủy, kính cẩn cúng tế.

### [Văn tế tôn thần sông Tương Giang, tỉnh Quảng Tây]

Cúi thư: Ngày sóc Ất Mùi đến ngày mồng 3 Đinh Dậu các công sứ An Nam là Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ kính cẩn dâng lễ vật gồm rượu, thịt và giấy tiền, dăm tâu trình lên tôn thần Đại Long Vương sông Tương Giang, tỉnh Quảng Tây thuộc thiên triều: Có lòng thành kính thì phải làm lễ cáo yết. Nay chúng tôi phụng mệnh quốc vương mang [31a] cống vật hàng năm và các lễ nghi tâu biểu dâng lên thiên triều, công việc xong xuôi, lại vâng chỉ về nước, đến địa phương huyện Hưng An phủ Quế Lâm định ngày hôm nay nhổ neo. Việc có quan hệ đến lòng thành kính cần, bèn sửa soạn lễ vật thanh khiết kính cẩn tâu bày. Cúi mong đức thần linh thiêng soi xét, rủ lòng thương xót phù hộ cho Bồi thần và những người theo hầu sứ bộ chúng tôi đều được bình yên mạnh khỏe, mưa nắng ôn hòa, hành trình thuận lợi, công thành danh toại, lĩnh nhận ngọc tiết, rạng rỡ ở nước Nam. Được như vậy là nhờ đức lớn bảo hộ của tôn thần. Kính cẩn cáo lễ.

[31b] Sứ thần sai cúng tiến tiền, hương đèn Phục Ba. Mười năm thủy thủ các thuyền đến khấu kiến chúc mừng. Quan sứ cho khao thưởng. Sau đó sứ thuyền lại đi được hơn một trăm dặm đến huyện Hưng An trú lại.

Ngày mồng 4 đi được 13 dặm. Đầu giờ Thân đến đê Họa My trú lại.

Ngày mồng 5 đúng dịp lễ diên thọ của hoàng đế thiên triều<sup>1</sup>, Sứ thần và các viên Hành nhân đều mặc công phục ngoảnh mặt hướng nam cung kính bái vọng. Giờ Thìn đi được 30 dặm. Giờ Thân đến đê sông Đại Dung trú lại. Quan Khâm sai mời hai vị công sứ sang thuyền uống rượu. Phó sứ thứ nhất đến trò chuyện trước.

Quan Khâm sai nói: “Chúc mừng các đại nhân sắp về đến nước Nam. Các vị hoàn thành sứ mệnh về nước, nhà vua nhất định trọng dụng”.

Trả lời: “Chúng tôi vô tài đức không dám cầu mong chức cao lộc trọng?”

Ông ta mới nói: “Các vị Sứ thần nên kể hết công lao vất vả mới được thăng chuyển”.

---

<sup>1</sup> Lễ tức lễ mừng thọ vua Càn Long 50 tuổi.

Trả lời: “Nước chúng tôi sáu năm một lần tiến cống, dựa vào thứ bậc, chức vị để [32a] kén chọn Sứ thần, rong ruổi ngàn dặm, đó là trách nhiệm phận vị của bề tôi, chúng tôi sao dám kể công lao khó nhọc? Theo lệ trước đây cũng không có ai vì kẻ lẽ vất vả mà được thăng chức. Hoặc giả ngày sau được đề bạt quyền hành thì đó cũng là thời mệnh, chẳng phải vì công lao đi sứ.”

Quan Khâm sai cười nói: “Quý quốc quả thực như vậy thì rất tốt”.

Đáp rằng: “Nước tôi đất đai gồm cả núi rừng biển cả, thuận lợi đường thủy và đường bộ, nhân dân từ xưa tới nay tụ tập sinh sống, an cư lạc nghiệp đều là đội ơn phúc lớn của thiên triều”.

Quan Khâm sai hỏi: “Sông nước đất đai có bình ổn yên lành không?”

Đáp: “Bốn trấn trong thành và hai xứ Thanh Nghệ đều là đất lành. Chỉ có các trấn như Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa đều là vùng rừng sâu nước độc. Mỗi khi có lệnh đi làm việc ở những nơi đó đều phải gánh nước ở Kinh thành đi để dùng. Như nước ở Lạng Sơn có nhiều hoa hồi rụng xuống, rất nóng, uống vào khiến cho dây thanh bị hỏng mất tiếng, nên không ai dám uống”.

Quan Khâm sai hỏi: “Thế nước sông Minh Giang thế nào?”

Đáp rằng: “Cũng có độc, thường phải múc nước ở giếng Thái tử uống”. Ông ấy lại hỏi: “Sông ấy bắt nguồn từ đâu?”

Đáp: “Sông Minh giang vốn xuất phát từ Lộc Châu, sông Tả giang vốn bắt nguồn từ Quảng Nguyên Châu của nước tôi”.

Quan Khâm sai hỏi: “Nước đại nhân giáp với tỉnh nào của Trung Quốc?”

Trả lời: “Trấn Tuyên Hưng của nước tôi giáp với tỉnh Vân Nam, Cao Bằng giáp với [32b] vùng ranh giới của tỉnh Vân Nam và Quảng Tây, Lạng Sơn giáp với tỉnh Quảng Tây, An Quảng giáp với Quảng Đông. Các trấn Thanh, Nghệ, Thuận, Quảng giáp với các nước Ai Lao, Chiêm Thành. Trước mặt là biển đông rộng lớn”.

Quan Khâm sai hỏi: “Có dân mèo mán không?”

Trả lời: “Rất nhiều, quanh vùng biên giới bên ngoài đều là núi cao rừng thẳm, dân mèo mán sống ở đó, thường xuyên ra vào trộm cướp, nếu không có uy lực binh sĩ thì không thể trấn áp khiến chúng quy phục được”.

Ông ấy liền hỏi: “Hiện nay đã chế phục được chúng chưa?”

Đáp: “Nếu nước tôi không thu phục được chúng thì chúng đã xâm nhập vào nội địa của Trung Quốc từ lâu rồi. Bọn chúng không biết lễ nghĩa, thực là dân chúng vùng biên giới”.

Ông ấy nói: “Nay ở Quý Châu cũng còn nhiều hạng người ấy”.

Quan Khâm sai lại nói: “Nước đại nhân có nhiều di tích thắng cảnh kỳ lạ không?”

Đáp: “Sách truyện ghi chép các nhân vật tiên Phật nhiều không kể hết”.

Quan Khâm sai hỏi: “Quý sứ có sợ đi đường thủy không?”

Đáp: “Nước tôi là quê hương sông núi, tập quán đi thuyền. Sông Nhị Hà cũng không nhỏ hơn sông Hoàng Hà. Từ Kinh đô đến quê tôi đi đường thủy cũng phải 3 ngày đường, đến quê Đại công sứ [tức Nghệ An, quê Trần Huy Mật] tôi phải mất 8, 9 ngày. Đáng nói hơn là vượt biển, mới thực khiếp sợ.

Quan Khâm sai nói: “Tôi cũng từng rất sợ hãi, nghĩ lại thấy sông Trường Giang thật hiểm trở”.

Phó sứ đáp: “Sông nào không nguy hiểm chứ, [33a] thế nên sách xưa có viết: “Người trung tín vượt nước sâu sóng dữ”.

Quan Khâm sai hỏi: “Lần này về nếu gặp quan Khâm sứ sang sách phong cho vua An Nam nước đại nhân, quan sứ có tới yết kiến không?”

Đáp: “Lần trước gặp quan Khâm sứ chúng tôi có gửi công văn xin vãn an, quan đại nhân cho miễn kiến”.

Phó sứ lại nói tiếp: “Ở đây mùa đông giá rét mà cây cối không khô héo, giống như nước chúng tôi, nếu ở Bắc Kinh mùa này cây cối trơ trụi, ngay cả một chiếc lá cũng không còn”.

Khâm sai đáp: “Vâng, đúng vậy”.

Phó sứ hỏi: “Đại nhân đã từng vào trung tâm kinh thành chưa?”

Ông ấy đáp: “Chưa. Nơi đó chỉ có quan lại người Mãn Châu mới được vào”.

Phó sứ nói: “Quê đại nhân cũng rất phồn hoa. Tục ngữ có câu: “Trên có thiên đường, dưới có Tô Châu, Hàng Châu” nghĩa là thế nào?”

Quan Khâm sai nói: “Nước tôi không có nơi nào phồn hoa, có điều bốn mùa khí hậu ôn hòa, không nóng không lạnh, nhiều người giỏi văn học, đỗ đạt khoa cử”.

Quan Khâm sai liền nói: “Sách *Quần thư khảo biện* rất tốt. Bên trong có đoạn ghi “Phụng chỉ Bạt tông”. Chữ “chỉ” nên viết dài. Đó là xét về hình thức đại thể nên làm như

vậy. Sau này sách ấy nếu được khắc bản, lưu truyền ở Trung Quốc, cách thức viết như thế mới hợp đạo lý”.

Phó sứ nói: “Viên Thư lại phụng mệnh ghi chép hàng ngày, tôi cũng chưa kịp kiểm tra kỹ, cúi xin tuân theo sự chỉ giáo của đại nhân”.

Đêm khuya Chánh sứ đến. Quan Khâm sai bày [33b] com rượu thết đãi ân cần. Ông ấy nói: “Chánh sứ từ lượng tốt, phải sai người đổi cốc to”. Quan Chánh sứ từ chối không uống. Ông ấy lại nói: “Quan sứ có làm thơ thì không thể không uống rượu. Thơ đại nhân như Thái Bạch<sup>1</sup> thì uống rượu có gì không bằng Thái Bạch?” Nói về chuyện tiễn biệt, quan Khâm sai liền nhắc tới câu thơ *Dương Quan*<sup>2</sup> của Vương Duy<sup>3</sup> và nói: “Vì tình sâu nghĩa thắm xin quan sứ chớ ngại uống say”.

Ông lại ngoảnh ra phía quan Chánh sứ nói thêm: “Lý Thái Bạch xin mời đại nhân cốc rượu đầy này”. Chánh sứ từ tốn cảm tạ hồi lâu.

Quan Khâm sai nói: “Thủy thổ ở đây rất nặng”.

Quan Chánh sứ đáp: “Người xưa cử đi làm quan xa xôi, đều sợ vùng Ngũ Lĩnh là nơi gió độc đất dữ”.

Ông ta liền đáp: “Nay lưỡng Việt đều khai thông hết rồi, cũng không còn nhiều lam chướng”.

Phó sứ thứ nhất đáp: “Đội ơn đức lớn của thánh triều, giáo hóa rộng khắp bốn phương, nơi nơi khí hậu ôn hòa, người người sinh sống yên ổn”.

Quan Khâm sai nói: “Hai vị công sứ thực thông hiểu xưa nay”.

---

<sup>1</sup> **Thái Bạch:** Là tên hiệu của Lý Bạch (701-761), nhà thơ danh tiếng bậc nhất đời Đường. Ông được hậu thế tôn xưng là Thi Tiên. Giới thi nhân đương thời rất kính nể ông về tài uống rượu và làm thơ bẩm sinh, nên gọi Lý Bạch là Tử trung tiên, Lý Trích Tiên. Hiện nay Trung Quốc còn lưu giữ được khoảng hơn 1000 bài thơ của Lý Bạch.;

<sup>2</sup> **Dương Quan:** Tức chỉ bài *Dương quan khúc* được Vương Duy làm khi tiễn bạn Nguyên Nhị phụng sứ đến An Tây đô hộ phủ (vùng Tân Cương ngày nay). Bài thơ còn có tên khác là *Tống Nguyên Nhị sứ An Tây* miêu tả cảm động tâm trạng của người đưa tiễn. Sau này *Dương quan khúc* được phổ nhạc gọi là *Dương quan tam điệp* hát trùng điệp luyện láy nhiều lần diễn tả tình cảm chia biệt lưu luyến, trở thành khúc nhạc thịnh hành đương thời, thường được ca hát mỗi khi tiễn biệt bạn hữu.

<sup>3</sup> **Vương Duy** (700-761) tự Ma Cát, người huyện Kỳ, Sơn Tây, Trung Quốc. Ông là nhà thơ, nhà họa sĩ, nhà thư pháp, nhà chính sách nổi tiếng đời Đường. Ông còn được người đời tôn xưng là Thi Phật. Cùng với Lý Bạch được tôn xưng là Thi Tiên và Đỗ Phủ được tôn xưng là Thi Thánh là ba người nổi tiếng về tài thơ ca thời Đường. Ngày nay thơ ông còn giữ được khoảng 400 bài, với phong cách tinh tế, trang nhã.

Ông hỏi: “Đại cống sứ năm nay bao nhiêu tuổi?”. Quan Chánh sứ đáp lại.

Ông ấy lại hỏi: “Thầy quan Phó sứ năm nay bao nhiêu tuổi?”

Phó sứ đáp: “Cha tôi năm nay 70 tuổi”.

Hỏi: “Ông giữ chức gì?”

Đáp: “Hiện nay ông đã về nghỉ hưu, nhưng lại ra làm việc ở Nội các”.

Hỏi: “Ông tuy già nhưng cũng quản giữ nhiều việc phải không?”

Đáp: “Thong thả tùy triều thôi, cũng không [34a] nhiều việc lắm”.

Quan Khâm sai nói: “Hai vị cống sứ đi xa lâu ngày, người nhà chắc là nhớ lắm. Tôi sẽ trình bày với quan Phủ đài giúp quan sứ, sai thuyền chạy nhanh để các đại nhân sớm về nước”.

Đáp: “Cảm ơn thịnh tình của quan đại nhân. Chúng tôi đến quý tỉnh không có nhiều việc lắm. Một là đến yết kiến theo lệ. Hai là đến nộp kiểm tra quân khí. Trong vòng 4, 5 ngày xin được nhanh chóng về nước, đó là nguyện vọng của chúng tôi, mong quan đại nhân giúp đỡ”. Nhân đó quan sứ xin từ biệt về thuyền.

Ngày mùng 6, buổi sáng đi được 10 dặm, đến đê Đại Phụ. Thuyền quan Thị tuyền Đặng Trung va vào đá ngầm bị vỡ, may mà có chiếc bè nổi trôi xuôi gác kéo đi. Các hòm quan vật được thiên triều ban tặng đều không bị tổn thất gì, lại nhanh chóng sai thuyền của hành nhân hầu vận chuyển chia cho các thuyền khác chở giúp. Lúc đó thuyền quan Chánh sứ và Phó sứ thứ nhất đi trước, cách chừng hơn một dặm. Có hai thuyền Trần Quảng của hai quan Bạn tổng họ Bành và họ La vừa hay đến đó cũng chở giúp. Họ còn gọi các thuyền phía sau cùng lên phân chia chở đỡ. Giờ Ngọ lại đi được 30 dặm, giờ Dậu đến huyện thành Linh Châu đỗ lại.

Ngày mùng 7 đi được 60 dặm, giờ Mùi đến phủ Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây trú lại. Quan sứ sai viên Thông sự bẩm báo quan địa phương sứ thuyền đến quý phủ.

[34b] Ngày mùng 8, quan Chánh sứ và Phó sứ thứ nhất đến yết kiến quan Tuần phủ Binh bộ Hữu thị lang Hùng Học Bằng. (Ông là người Giang Nam, đỗ Tiến sĩ năm Canh Thìn 1760). Chúng tôi gửi hai đạo công văn đến trước. Một là xin quan Tuần phủ chiếu theo lệ cũ cho người đi khảo sát tiền trình. Hai là xin đại nhân ban thẻ bài xuống cho các châu huyện từ Ngô Châu trở đi để các quan địa phương ấy cấp cho đình phu kéo thuyền.

Một lúc sau chúng tôi vào yết kiến. Quan Phủ viện hỏi viên Thông sĩ về chức tước của các Sứ thần. Viên Thông sự trả lời ông ta. Ông ấy nói: “Quý quốc cung thuận thiên triều, các Sứ thần đi đường vất vả quá. Công văn quan sứ gửi, tôi đã xem qua và phê



chuẩn, trong vòng vài ngày sẽ cấp phát [thẻ bài xuống các địa phương], quan sứ cứ lui về chuẩn bị về nước sớm. Nhà vua ở trong nước chắc cũng đang vui mừng trông mong các vị trở về”. Đáp: “Đội ơn đại nhân chu toàn, chúng tôi vô cùng cảm tạ”. Tan tuần trà, quan sứ xin từ biệt ra về.

Sứ thần sang yết kiến quan Bố chánh sứ Diệp Tồn Nhân và quan Án sát Dịch diêm đạo thự họ Trương. Hai vị này đều cho miễn kiến, lễ vật cũng không nhận. Quan sứ xin gặp quan phủ thự Quế Lâm Giả Thiệu Bành và quan Tri huyện Quế Lâm Trương Cảm Hùng nhưng họ đều cảm ơn không dám nhận yết kiến. Quan sứ mang lễ vật biếu tặng quan Khâm sai. Nhưng ông ấy vừa đi thăm khách bạn, hẹn lại ngày mai gặp. Buổi chiều có người đến báo là quan Thượng ty sai quan Kinh lịch Đường Bính Anh và phủ [35a] quan Lại phòng là Tô Đại Tham dự kiến ngày mai tới khám thuyền.

**[Tờ trình xin quan Tuần phủ Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây Hùng Học Bằng chiếu theo lệ cũ sai người đi tiên trình báo tin]**

Các cống sứ nước An Nam là Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn và Trịnh Xuân Thụ cung kính tấu trình về việc khẩn khoản xin quan đại nhân chiếu theo lệ cũ. Trộm nghĩ Sứ thần chúng tôi chiếu theo các kỳ tiến cống trước đây, quan sứ xong việc về đến quý tỉnh, đều được đội ơn quan hiến đài tư báo cho vua chúng tôi biết trước, đồng thời còn có lệ sai người đi tiên trình báo tin đến phủ thành Nam Ninh. Nay chúng tôi phụng mệnh mang lễ phẩm tiến cống hàng năm và các công văn tấu biểu tới thiên triều, công việc xong xuôi, trên đường về nước đi qua quý tỉnh, ngưỡng trông ân đức sâu rộng, cúi xin quan đại hiến đài chiếu theo lệ cũ cho người đi tiên trình tư báo cho nước tôi, đồng thời ban thẻ bài cho các quan Tả giang đạo đài, chuẩn cấp nhân phu xe ngựa binh lính đến cửa Nam Quan giao cho biên mục nước tôi tiếp lĩnh, để sớm tấu trình lên quốc vương xin nhà vua sai quan Hầu mệnh lên cửa Nam quan tiếp đón. Kính mong nhờ cậy đức độ nghiêm chính của đại quan. Nay cung kính tấu trình.

**[36a]** Kê khai kèm theo:

Bồi thần 3 người: Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ

Hành nhân 7 người: Trương Đình Tài, [36b] Nguyễn Đình Thiệm, Phạm Trọng Liên, Lê Đình Giai, Nguyễn Chu Viên, Chu Đăng Liên, Phí Đình Chất.

Tùy nhân 11 người: Lê Quán Quân, [37a] Vũ Nguyễn Kỳ, Nguyễn Trọng Hải, Đoàn Hữu Đảo, Lê Hữu Thiệm, Bùi Đức Nhượng, Bùi Khắc Diễm, Trịnh Danh Phương<sup>1</sup>, Nguyễn Xuân Chính, [37b] Nguyễn Gia Khánh, Lưu Đắc Thành.

Những người sai đi tiền lộ gồm:

Hành nhân 2 người: Nguyễn Đình Ngạn, Đào Đăng Dự

Tùy nhân 2 người: Nguyễn Văn Đoan, [38a] Trương Trọng Đạt.

Ngày mồng 8 tháng 11 năm Càn Long thứ 26 [1761]

**[Tờ trình xin quan Tuần phủ Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây Hùng Học Bằng ban  
thẻ bài chuẩn cấp phu thợ kéo thuyền cho Sứ thần An Nam]**

Các công sứ nước An Nam là Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ khẩn khoản tâu trình về việc kính mong đại quan thể tất tình xa, phá cách ban ơn cho chúng tôi. Năm trước chúng tôi phụng mệnh mang lễ vật tiến cống vào kinh đô. Năm nay công việc đã hoàn thành, chúng tôi phụng chỉ về nước. Từ cuối chân trời, qua sông Đông Tào từng được nhờ ơn các quan địa phương ban cấp nhân phu kéo thuyền, kịp ngược dòng Trường Giang đến Hồ Nam, đổi thuyền thổ mã. Lại được [38b] các đại quan ban thẻ bài xuống các châu huyện dọc đường chuẩn cấp cho phu thợ kéo thuyền cho đoàn sứ.

Nay chúng tôi đến quý tỉnh, từ xa ngưỡng trông đức sáng như sao Bắc đẩu, công cao như núi Thái sơn, vời vợi lớn lao che chở rộng khắp cho chúng tôi. Nay xét thấy từ Lâm Quế đến Ngô Châu thuyền bè đi lại thuận chiều, nên không mất nhiều công sức, duy chỉ có đoạn từ Ngô Châu đến Ninh Minh hơn 2290 dặm, toàn là ngược dòng, bãi đá gập ghềnh rất khó đi, không thể chỉ dựa vào mái chèo và cánh buồm mà phải cần nhiều người hợp sức, mới xoay chuyển tình thế được. Hơn nữa thủy thủ lái thuyền thì ít, người kéo dây neo lại thiếu, e sẽ chậm trễ thời gian. Chúng tôi như mạ non khô héo chờ mong mưa móc của quan đại nhân, càng ngưỡng trông càng khẩn thiết, xin quan đại nhân thấu hiểu tình lý. Chúng tôi mạo muội đề đạt [39a], cúi mong đại quan thương xót kẻ phương xa, rộng ban nhân đức, lệnh cho các quan lại châu huyện từ Ngô Châu trở đi, xem xét cấp cho phu thợ kéo thuyền. Mỗi thuyền sáu người trực sẵn ở bờ sông đợi thuyền sứ đến, cùng hợp sức kéo thuyền, may ra sứ thuyền đi nhanh trong cả ngày mưa ngày nắng để kịp kỳ về nước. Nay cung kính tâu trình. Ngày mồng 8 tháng 11 năm Càn Long thứ 26 [1761].

---

<sup>1</sup> Đoạn này chép nhầm: Tên đúng là Đặng Danh Phương, hiệu là Thư Hiên (Xem thêm trang 48b quyển 1, sách *Bắc sử thông lục* và sách *Quế Đường thi vịnh tập* quyển nhất, trang 58b)

Ngày mùng 9 quan Tri huyện Trương Cẩm Hùng giữ chức đốc thúc xây cung Vạn Thọ để chúc mừng lễ thánh đàn của Hoàng Thái Hậu sai người mang [39b] tờ thư tới bái chào. Thự tri phủ Giả Thiệu Bành đến hỏi thăm. Quan sứ đều cảm ơn từ chối không dám.

Giờ Ngọ quan Kinh lịch Đường Bính Anh đến thuyền sứ, quan sứ tiếp trà, một lúc sau ông ấy lên đình Trạm Ân, sai hai người hầu và hai viên Lại phòng họ Lý, họ Tô tới kiểm tra. Quan Kinh lịch sai mở các sách vở thư tịch. Ba vị Sứ thần và chín chức Hành nhân đều viết giấy kê khai xong xuôi. Đường Bính Anh quay lại khám các thuyền, mở các thư tịch xem qua rồi về. Quan sứ vẫn sai người gửi tờ thư cảm ơn và biếu tặng các sản vật địa phương, giao phó cho người hầu ông ta lĩnh nhận. Các viên Lại phòng và các nha dịch cũng đều được biếu tặng một vài sản vật địa phương.

Quan phủ sai người gửi biếu lễ vật đi đường và thư cảm ơn. Quan Bạng tổng xin lĩnh trước các lễ vật địa phương để cấp phát. Các viên Lại phòng lĩnh nhận thẻ binh bài, khám hợp cũng chiếu theo lệ cũ cấp cho sứ thuyền. Quá trưa, hai vị công sứ đến công quán của quan Khâm sai cáo biệt lên đường, đồng thời biếu tặng quan Khâm sai 20 lạng bạc và 12 loại sản vật địa phương. Ông ấy nhận hết, đáp tạ lại bằng thơ phú, đối liên, hương vòng, quạt giấy và miếng chè. Sứ thuyền ta cũng ban cho những người hầu quan Khâm sai bạc và các loại vật phẩm địa phương.

[40a] Buổi tối quan Phủ viện sai người hỏi quan Bạng tổng về thể lệ đối với các quan công sứ. Quan Bạng tổng nói: “Hàng ngày chúng tôi sai viên Thông sự đến hỏi thăm sao đại nhân không trả lời? Hôm nay vâng mệnh khám thuyền nên tôi không có thời gian rảnh rỗi.”

Ngày mùng 10, Sứ thần sai viên Thông sự soạn công văn gửi đến quan Phủ viện, gặp được quan Tuần bổ Dư Thuần là người được quan Phủ viện ủy quyền xử lý các việc. Sứ thần liền đệ trình công văn và mang lễ vật biếu tặng. Ông ấy cố từ chối không dám nhận. Quan sứ lại sai người nhờ ông kiểm tra số lượng bò, rượu, và bạc tiền mà Ngạc đại nhân năm ngoái đã trả lại ở cửa khẩu. Nước tôi có công văn xin sao chép lại lệ khao thưởng cũ. Ông ta liền đem trình lên quan Phủ viện, lệnh cho viên Thư lại tra cứu lần lượt nhưng không thấy ghi chép việc đó. Sứ thần sai người đáp tạ quan Phủ mấy loại sản vật địa phương. Nhưng quan Phủ viện không nhận.

Giờ Ngọ hai người họ Lý và họ Tô đến thuyền đưa công văn của quan Thượng ty chuẩn phê thu lại thư tịch và ấn tín của quan sứ, yêu cầu các quan Công sứ và Hành nhân kê khai các bộ sách mỗi bộ mấy bản, giá tiền bao nhiêu. Các tờ kê khai phải trình nộp ngay.

Hai viên quan họ Tô và họ Lý xuống thuyền thu bản [40b] cam kết của quan Bận tổng và các Sứ thần, viết thành sáu bản, giao cho quan Bận tổng chuyên nộp lên trên.

**[Bản cam kết không mang quân khí, thuốc nổ và hàng cấm]**

Các công sứ nước An Nam là Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ viết bản cam kết. Năm Càn Long thứ 25 [1760] chúng tôi phụng mệnh quốc vương mang tấu biểu và lễ vật tiến cống hàng năm đến kinh đô dâng tiến thiên triều, đội ơn [41a] thánh thượng ban cho quốc vương nước tôi tiền và lụa. Các sắt lụa màu bên trong thêu hình mãnh sà năm chân. Còn như các loại quân khí, thuốc nổ và hàng cấm chúng tôi tuyệt đối không mang theo. Việc đó chúng tôi cam kết là thực. Ngày mùng 10 tháng 11 năm Càn Long thứ 26 [1760].

Ngày hôm đó quan sứ đưa biểu hai vị quan Bận tổng mỗi người 5 lạng bạc và những người theo hầu hai quan Bận tổng mỗi người một lạng. Vì bản cam kết đã được đệ chuyên lên trên, hoàn thành việc khám thuyền nên lại có lễ vật biểu tạ. Hai quan Bận tổng báo: “Thượng ty đã tra xét việc lần trước, nay ban chỉ phê chuẩn từ đây về sau cấp cho quan Bận tổng hai chiếc thuyền, quan sứ tám chiếc thuyền, tổng cộng mười chiếc, không cho tăng thêm”. Quan sứ sai người xin quan trên nhanh chóng cấp phát cho sứ thuyền.

Ngày 11 quan sứ sai viên Thông sự Trung Ngạn đến phủ viện nộp trình văn đề nghị quan phủ gửi văn bản xuống Tả giang đạo và các châu huyện sở thuộc bỏ dùng [41b] các chữ “đi quan”, “đi mục” trong văn từ và nghi thức. Quan Tuần bổ Dư Thuần chuyển trình lên Tuần phủ.

**[Tờ trình xin bỏ gọi các Sứ thần là “đi quan”, “đi mục”]**

Các Sứ thần nước An Nam là Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ kính cẩn tấu trình về việc đức vua sáng suốt thông tỏ lòng thành, vui vẻ đều muốn giữ gìn thể diện, chúng tôi mạo muội bày tỏ kiến thức hạn hẹp, phiền đọi đại nhân phán quyết. Trộm nghĩ nước tôi phụng sự thiên triều, cung kính tuân theo phép độ chư hầu, riêng ở biên thù, phong làm phen dậu. Nước tôi thường xuyên lễ ngọc bạch trước đài Chiêu Đức, vâng mệnh ngưỡng trông ơn đức Hoàng triều đã lâu nên được phong tước và ban mệnh. Nước tôi sắm sửa cống lễ nên được gia thưởng. Sứ thần ở công quán được thánh triều ban cho lương thực, đi đường thì có người hộ tống. Thiên triều thương xót kẻ xa, ban ơn chu toàn khắp chốn. [42a] Quan Thượng hiến trên thì thể theo mưu lược sáng suốt, dưới thì ca tụng đức lớn của quân vương, dân chúng gần xa không ai không đội ơn mưa móc của Tuần

Hầu<sup>1</sup>, Thiệu Bá<sup>2</sup>. Nhưng việc xưng hô trong nghi thức tiếp kiến khiến chúng tôi rất bất bình. Cúi đọc sách *Học kinh* có đoạn viết: “Thánh vương trị thiên hạ không dám bỏ sót bề tôi nước nhỏ. Cho nên mình quân thu phục được lòng tin yêu ca tụng của vạn nước. Đó là đạo lý của bề trên đối với kẻ dưới”. Chúng tôi được quan Khâm sứ cho xem các chiếu thư hiện nay, cùng các chiếu thư của các kì cống tiến trước đó. Các nghi thức sách phong đều xưng rõ là Sứ thần nước nào, quan viên nước nào. Các công văn Bộ đường soạn, [42b] các nghị chú triều hạ đều gọi là quan viên tuế cống nước An Nam. Từng câu, từng chữ có liên quan đến thể thống quốc gia.

Ngày chúng tôi vào cửa khẩu, quan Tả giang đạo đài đến cửa khẩu mở khóa. Sứ thần chúng tôi vào bái yết Long đình. Viên lễ sinh xưng nghi thức chỉ gọi “đi quan”, “đi mục”. Xung quanh tai mắt nghiêm trang nhìn vào. Chúng tôi thực vô cùng xấu hổ. Khi đến Nam Ninh yết kiến quan Đạo đài, đến Ngô Châu yết kiến quan Hiệp đài, nhiều người ngồi xung quanh vẫn dùng từ “đi quan”, “đi mục”. Nước tôi đúng là nơi hoang vu, nhỏ bé và xa xôi nhưng được phong làm phân dậu, đủ gọi là văn hiến. Sách *Xuân Thu* có nói: “Tứ Di mà dùng lễ của Trung Quốc thì cũng coi như Trung Quốc”. Nay nước tôi hơn trăm năm nay phụng thờ thiên triều nhất nhất tuân theo điển lễ nghi thức Trung Quốc. Vậy mà họ vẫn coi chúng tôi là “đi quan”, “đi mục”, thì những người có tri thức làm sao yên lòng cho được. Chúng tôi phụng theo chiếu chỉ năm Ung Chính thứ 9 [1731] cho phép Sứ thần yết kiến các nha môn ở đạo, ty, phủ, viện, thi hành lễ Đình tham, dùng chức danh xưng hô đệ đạt [43a] công văn; yết kiến các quan tri phủ trở xuống thi hành lễ Tân khách, dùng chức danh gửi thư từ. Sứ thần nước chúng tôi từ xưa đến nay đệ trình văn thư đều xưng “sinh đẳng” không dám viết quan chức của mình, luôn giữ gìn lễ nghi, nói năng cung kính để

---

<sup>1</sup> **Tuân Hầu:** Tương truyền đầu thời kì Tây Chu, con thứ 17 của Chu Văn Vương được phong ở đất Tuân (nay thuộc huyện Lâm Y, tỉnh Sơn Tây). Sử sách và dân chúng tôn xưng là Tuân hầu, ông có nhiều công lao đối với dân chúng. Thời Xuân Thu, nước Tuân cổ bị Tấn Vũ Công tiêu diệt. Về sau con cháu lấy tên nước làm họ và tôn Tuân hầu làm thủy tổ.

<sup>2</sup> **Thiệu Bá:** Là con vợ bé của Chu Văn Vương Cơ Xương. Ông được phong ở Tây nam Kỳ Sơn. Đất ấy xưa gọi là đất Triệu nên dân chúng gọi ông là Thiệu công, cũng gọi là Thiệu Bá. Tương truyền trong khi thi hành xây dựng Lạc ấp để phối hợp với Chu Công trấn thủ Đông kinh Lạc Dương, ông thường xuyên đi khảo sát tình hình dân chúng, xử lý tranh chấp kiện tụng, được dân chúng kính mến. Thiệu Bá dùng đức trị thiên hạ, hợp với thiên thời, thuận lòng dân chúng, chẳng bao lâu đời sống nhân dân bình yên, phong tục thuần phác, thiện lương. Bởi vậy dân chúng nhiều đời tưởng nhớ ơn đức Thiệu Bá.

tránh mạo muội đắc tội với các quan. Vì khuôn phép cũ của nhà Minh chưa sửa đổi hay vì dùng chữ “Di” để coi khinh nước tôi? Thực là uất ức và xấu hổ gì hơn?

Chúng tôi trộm nghĩ đại nhân văn võ song toàn, đối đãi ôn hòa, nghiêm trang như mùa thu, sáng suốt như mùa xuân, bao dung như biển lớn, thư thái như bình nguyên, rộng lượng như trời đất, có thể mang điều nhân lễ ban ơn đức cho nước chúng tôi, không nỡ để cho các Sứ thần từ nơi xa xôi hướng về giáo hóa mà có chút tơ hào uất ức không dám tỏ bày. Vì vậy chúng tôi mạo muội tâu trình, bày tỏ qua trang giấy, kính mong quan đại nhân soi xét lòng thành trên đây, nghĩ đến đại thể mà gửi công văn cho [43b] Tả giang đạo và các phủ châu huyện sở thuộc. Từ nay về sau thi hành nghi thức tiếp kiến Sứ thần nước chúng tôi phải bỏ chữ “Di” đi, để cho những thuộc quốc giữ lễ cầu chương mãi được đức sáng che chở, những bề tôi biên ngoại giữ gìn phép độ được tiêu tan nỗi lo ngại xấu hổ. Chúng tôi khôn xiết vui mừng, muôn vàn trông mong đức lớn soi chiếu. Nay kính trình. Ngày 11 tháng 11 năm Càn Long thứ 26 [1761]

Quan Phủ viện gửi một đạo công văn cho Sứ thần, bên trong nói rõ đã ban cấp thuyền bè và lương thực tương ứng. Quan phủ giao phó cho quan sở thuộc cấp phát binh lính hộ tống đến cửa khẩu, đồng thời gửi thư báo tin cho quốc vương nước ta, để nhà vua sai quan Hầu mệnh đến cửa ải tiếp đón Sứ thần. Quan sứ chiếu lệ cũ biểu viên Hiệu phòng một số sản vật địa phương.

**[Tuần phủ Quế Lâm tỉnh Quảng Tây Hùng Học Bằng tư báo cho vua nước An Nam]**

[44a] Chức Binh bộ Thị lang kiêm Đô sát viện Hữu phó đô Ngự sử Tuần phủ Quảng Tây dâng xức Đệ đốc quân vụ gia ba cấp tùy đới, gia tăng nhất cấp họ Hùng soạn tư bào về việc các quan sứ khẩn khoản xin chiếu theo lệ cũ.

Ngày mùng 8 tháng 11 năm Càn Long thứ 26 [1761] căn cứ vào kiến nghị của các Sứ thần Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ: “Xét thấy các kỳ phụng cống thiên triều, Sứ thần nước chúng tôi về nước, đi qua quý tỉnh, đội ơn quan Hiến đài gửi công văn thông báo cho quốc vương chúng tôi biết trước. Khi đến phủ thành Nam Ninh lại có lệ sai người đi tiền trình báo tin. Nay chúng tôi phụng mệnh mang [44b] nghi vật tiến cống và các công văn tấu biểu tới thiên triều, công việc xong xuôi, về đến quý tỉnh, ngưỡng trông ơn đức của quan Đại hiến đài, thể tình kẻ xa xôi, chuẩn cho các việc vừa nêu trên chiếu theo lệ cũ thi hành. Đồng thời xin quan đại nhân gửi các thẻ bài xuống Tả giang đạo đài, chuẩn cấp cho đình phu, kiệu ngựa hộ tống, sai người đến trấn Nam quan tiếp lĩnh để Sứ

thần được thuận tiện về nước. Khai báo lên quốc vương nước chúng tôi sai viên Hầu mệnh quan đến cửa khẩu tiếp đón trước để thỏa lòng trông mong. Nay cung kính tâu trình”. Quan sứ đã sai trước bốn người đi tiền trình là Nguyễn Đình Ngạn, Đào Đăng Dữ, Nguyễn Văn Thụy, Trương Trọng Liên đến phủ viện của tôi.

Căn cứ vào đó xét thấy nước đại nhân cung kính sửa soạn lễ vật tiến cống, đội ơn thánh triều soi chiếu. Nay Sứ thần Trần Huy Mật và các [45a] cống sứ hoàn thành công việc, phụng chỉ về nước. Thiên triều sai viên ngoại lang bộ Lễ là Tàn Triều Vu hộ tống. Ngày mùng 8 tháng 11 năm nay [1761] Sứ thần về đến tỉnh Quảng Tây, lần lượt đi qua các phủ được phát thuyền bè, qua các châu huyện được cấp lương thực, lệnh sai chuyên ủy văn võ mỗi ban một người, cùng với các binh lính hộ tống đến cửa khẩu. Nay xét thấu sự tình, chúng tôi gửi công văn báo trước, phiên quý quốc tra cứu theo lệ cũ, sai ngay các quan viên lên cửa khẩu tiếp đón thi hành. Nên gửi công văn này. Tờ tư báo bên trên gửi quốc vương nước An Nam họ Lê. Ngày 11 tháng 11 năm Càn Long thứ 26 [1761] (đóng dấu).

[45b] Bên ngoài mặt trước (đóng dấu)

Binh bộ Thị lang... họ Hùng

Công văn gửi đến quốc vương nước An Nam họ Lê

Mở công văn trước thượng đài (đóng dấu).

Mặt sau ghi: Ngày 11 tháng 11 năm Càn Long thứ 26 [1761] (Dán một mẫu giấy đỏ viết: “Sai bọn Hành nhân Nguyễn Đình Ngạn mang công văn đi tiền trình”).

Quan sứ lệnh cho viên Thông sự đến ty Bố chánh tra cứu sự việc năm ngoái hoàn trả trâu, rượu, bạc trên cửa khẩu. Họ báo rằng đã vâng mệnh quan Phủ đài tra xét việc này rồi, công văn giấy tờ đã chuyển lên quan Tổng đốc Quảng Đông, không còn lưu lại ở nha môn của ty Bố chánh.

Về việc khám thuyền, hai viên Lại phòng họ Tô và họ Lý đến truyền báo thu giữ toàn bộ sổ sách lần trước kiểm tra. Họ liền sai người khuân các hòm sách lên đình Trạm Ân gửi về nha phủ.

Quá trưa có chiếu thư lệnh cho các quan huyện phủ ở Tam ty. Các quan mặc công phục ra đình nghênh tiếp, trống chiêng ô lọng rước vào tỉnh viện. Quan phủ huyện đến trước. Quan sứ sai viên Thông sự gửi thiệp hỏi thăm. Ông ấy đáp không dám nhận và lại gửi thiệp vái tạ. Quan Kinh lịch Đường Mật nói: “Các việc sắp xếp xong xuôi, quan Tuần phủ sẽ đến sau”. Cống sứ [46a] sai người mang tờ công văn đến quỳ chúc sức khỏe. Chiều

tối hôm đó kéo hai thuyền chờ hàng công; ba thuyền Thị tuyển, Tùy thủ, Tam sứ; một thuyền Chắt Dung, Thuần Trung; một thuyền viên Tài Liên, Thiêm Trung.

Buổi tối Bô chánh ty sai gọi hai vị quan Bận tổng và một viên Thông sự đến nha môn có việc cần nói. Cống sứ sai viên Thông sự cùng quan Bận tổng họ La đến nha môn. Còn quan Bận tổng họ Bành đi vắng, một lúc sau mới vội vàng đến. Bô chánh sứ Diệp Tồn Nhân mặc công phục ngồi chờ trên nhà chính, đèn nến sáng rực. Ông ta sai gọi viên Thông sự lại gần trước mặt và cho miễn hành lễ.

Trước tiên đại nhân hỏi thăm: “Quan sứ đi đường vất vả”, sau đó mới lấy ra trình văn nói: “Công văn này viết rất tốt, mạch văn lưu loát, lý lẽ cao sâu nhưng người xưa có câu: “Đề Thuần sinh ở Chư Phùng, là người Đông Di. Vua Văn Vương sinh ở Kỳ Chu, là người Tây Di. Chữ “Di” vốn không có ý kinh mạn quý quốc. Nay Sứ thần lấy đó dâng khai tấu trình, đã được cho phép của Phủ đài nên tôi không tiện phê nữa. Bởi vậy tôi đã ban xuống một đạo công văn báo cho quan Tả giang đạo, từ này về sau bỏ dùng chữ “Di”, đổi gọi là “An Nam cống sứ”. Quan sứ có thể gửi khai về dâng lên quốc vương biết”. [46b] Viên Thông sự khấu đầu cảm tạ. Đại nhân cho miễn.

(Diệp Tồn Nhân là người Giang Hạ, tính khoan hòa, lễ phép trên dưới. Năm ngoái Sứ thần từng làm thơ tạ ơn và sai viên Thị tuyển Dạng Trung vẽ tranh tặng ông. Ông ấy rất quý trọng. Thơ và sách của ông đều vào loại diệu phẩm. Ông sai người bóc hết giấy bên ngoài chỉ lấy bức tranh có chữ bên trong, lại dùng tơ lụa tô sức thêm, rồi đem treo ở thư phòng. Bức tranh đó mọi người đều khen ngợi. Sau này có một học trò ghi lại cảnh Pha Tiên đến thăm Quý Thường ngắm bóng trúc bách. Học trò kia đưa cho Dạng Trung xin vẽ một bức tranh ứng với cảnh ấy. Dạng Trung đã vẽ tặng một bức. Họ yêu chuộng như vậy đấy.)

Ngày 12 buổi sáng, Phó sứ thứ nhất đến các nha môn của các viện, ty, đạo, cảm ơn và từ biệt lên đường. Các quan đều cho miễn yết kiến, gửi lời chúc đi đường cẩn thận, giữ gìn sức khỏe.

Quan sứ lệnh cho viên Thông sự Thiêm Trung hỏi quan Lại phòng thuộc Bô chánh sứ rằng: “Thượng ty đã gửi văn thư cho quan Đạo đài báo bỏ gọi chữ “Di” chưa?”

Viên Lại phòng nói: “Trình văn của Sứ thần vì phải chép lại để lưu bản gốc. Sau đó quan Bô chánh còn phải gửi lên quan Khâm sai, đợi quan Khâm sai hồi đáp rồi mới soạn công văn chính thức trình lên quan Tuần phủ, rồi chuyển tiếp lên quan Tổng đốc, cuối cùng mới gửi xuống cho Tả giang đạo được, quan sứ không phải lo lắng”.



Viên Thông sự lại nói: “Không chỉ xin bỏ gọi chữ “Di” trong khi yết kiến chào hỏi mà phàm hết thầy các nghi thức, hết thầy các văn thư giấy tờ gửi đến nước chúng tôi xin chấm dứt dùng chữ đó, phiền đại nhân xem xét thấu đáo việc ấy”.

Viên Lại phòng đáp: “Được rồi”.

Quan sứ lại sai viên Thông sự hỏi viên Lễ phòng về sổ sách vở quan phủ thu đã trình công văn lên chưa?

Đáp: [47a] “Chưa gửi”

Bởi vậy Phó sứ bèn soạn trình văn gửi lên quan phủ xin trả lại sách *Uyên giám* và gửi lời từ biệt lên đường. Quan Tuần phủ đi vắng, viên Lại phòng họ Tô tiếp nhận. Quan sứ lại sai viên Thông sự đến huyện quan từ tạ và xin phát sớm tiền trạm cho chủ thuyền.

**[Tờ trình xin quan Tuần phủ trả lại bộ sách *Uyên giám loại hàm*]**

Phó sứ nước An Nam là Lê Quý Đôn tấu trình về việc khẩn khoản cúi xin quan đại nhân bao dung soi xét. Trộm nghĩ thánh triều văn trị rực rỡ, ơn đức thấm khắp bốn biển, muôn dân đều đội ơn giáo hóa. Kẻ tiểu sinh tôi hoàn thành công việc tiến cống thiên triều, lạm được thăm thú phong cảnh Trung Hoa, cũng từng chọn mua mấy cuốn sách, lần trước kiểm tra các sách, đã được đội ơn trả lại, chỉ thu một vài loại. Đại nhân ơn đức rộng rãi, thương xót kẻ xa, chúng tôi mang ơn không bao giờ quên. Riêng chỉ có bộ sách *Uyên giám loại hàm*, từ năm Ung Chính thứ 3 [1725] thiên triều [47b] ban cho đoàn Sứ thần Phạm Khiêm Ích nước tôi mang về dâng vua, hiện vẫn còn chứng cứ. Bởi vậy chúng tôi mới dám mua. Nay quan đại nhân kiểm tra thu lại, chúng tôi không thể không trình bày rõ ràng sự tình. Ngày xưa bọn thổ phiên Cao Ly<sup>1</sup> sai người xin sách, nhà Đường, nhà Tống đều ban cho, bởi lẽ đạo đức trung tín lễ nghĩa đều học tập từ sách vở giáo hóa. Huống hồ nước chúng tôi từ lâu đã là phen dậu của Trung Quốc, mà sách ấy phần nhiều ghi chép thơ văn, đạo đức vua tôi, nhân luân thế sự... đã từng được ban cho, xét ra cũng không có lo

---

<sup>1</sup> **Cao Ly:** Vương quốc Cao Ly được Vương Kiến tức Vương Thái Tông thành lập năm 918, đến năm 1392 bị nhà Lý tiêu diệt đổi gọi là Triều Tiên. Nước Triều Tiên xưa (Joseon) tồn tại hơn 5 thế kỉ từ 1392 đến 1910, bao gồm địa phận Đại Hàn dân quốc (Hàn Quốc) và Cộng hòa dân chủ Nhân dân Triều Tiên ngày nay. Do thủ đô của nước Triều Tiên xưa đặt tại Hán Thành (*Hanseong*), nay chính là Seoul – thủ đô của Hàn Quốc - trung tâm văn hóa văn hiến thủ đô vẫn được duy trì liên mạch dù có sự thay đổi tên gọi quốc gia. Bởi vậy chúng tôi thống nhất gọi là sứ thần Triều Tiên trước đây là sứ thần Hàn Quốc. Trong lịch sử, vương triều Cao Ly tồn tại 474 năm trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, để lại dấu ấn to lớn trong lịch sử Phật giáo, văn hóa nghệ thuật, khoa học quân sự của Hàn Quốc ngày nay.

ngại gì. Bởi vậy kính mong quan đại nhân soi xét sự tình trên đây mà hoàn trả lại bộ sách, để mở rộng giáo hóa các nước đồng văn. Chúng tôi muôn vàn trông ngóng. Nay kính trình.  
Ngày 12 tháng 11 năm Càn Long thứ 26 [1761].

[48a] Buổi tối hôm đó viên Phủ lại Tô Đại Tham mang trả sách *Uyên giám*, nhân đó chúng tôi gửi bản cam kết nhận đủ số tiền sách bị thu giữ.

**[Bản cam kết nhận đủ số tiền tương ứng với số sách bị thu giữ]**

Bọn công sứ là Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ, nay trước đài Thượng ty, đã nhận số bạc tương ứng số thư tịch mà quan Phủ viện thu giữ không cho mang về nước. Số bạc đó là bốn lạng, hai đồng, sáu hào. Trong đó không có gì mạo muội gian trá. Số bạc lĩnh là có thực. Ngày (...) tháng 11 năm Càn Long thứ 26 [1761].

Ngày hôm đó quan Khâm sai về kinh đô phục mệnh. (Theo lệ cũ, hễ quan Khâm sai đến tỉnh thì quan Phủ viện và Tam ty phải tức tốc ra nghênh tiếp. Quan huyện sai người đến phục dịch hành lễ, trên dưới rất chỉnh tề. Ngày quan Khâm sai về kinh văn võ trong toàn tỉnh đều đến tiễn.)

Ngày 13 viên Lại phòng ở Phủ viện họ Tô mang tiền thu sách đến. Ông ta viết ra một tờ giấy, lần lượt đối chiếu giá tiền và tên sách như sau:

Đại Bồi thần

- *Trí nang* : (2 bộ) 3 đồng 5 hào bạc

- *Thiên cổ kỳ văn*: 7 hào bạc

- *Thần tượng toàn thư*: 5 hào bạc

[48b] - *Cổ kim trị bình lược*: 1 lạng bạc

- *Tử vi đấu số*: 8 hào bạc

- *Địa lý tuyết tâm*: 1 đồng bạc

Bồi thần thứ hai

- *Phong thần diễn nghĩa*: 8 hào bạc

- *Nam du bắc du*: 6 hào bạc

- *Giám hải tử bình*: 8 hào bạc

- *Tử vi đấu số*: 8 hào bạc

- *Mai hoa dị số*: 5 hào bạc

Bồi thần thứ ba

- *Phong thần diễn nghĩa*: 8 hào bạc

- *Tam thiên chí*: 1 đồng bạc

- *Thuyết linh*: 8 hào bạc
- *Cắm giả đình*: 4 hào bạc
- *Kích nhượng tập*: 7 hào bạc

Hành nhân họ Đào

- *Sơn hải kinh*: 1 đồng bạc
- *Tham hoan báo*: 7 hào bạc

Thái y viện

- *Ngọc hạp ký*: 2 hào bạc

Thư ban

- *Đại Thanh luật*: 7 đồng bạc
- *Chấp nhất chủng* (2 bộ): 7 đồng bạc
- *Kinh tế*: 1 đồng bạc
- *Liệt tiên truyện*: 1 đồng bạc

[49a] Bô chánh ty đưa xuống một thẻ bài nhà binh cho quan Bận tổng thu giữ.

**[Thẻ bài của Tuần phủ Quế Lâm tỉnh Quảng Tây Hùng Học Bằng gửi các châu huyện về việc cấp phát lương thực, binh lính hộ tống đoàn sứ bộ An Nam về nước]**

Chức Binh bộ Thị lang kiêm Đô sát viện Hữu phó đô Ngự sử Tuần phủ Quảng Tây đẳng xứ địa phương Đề đốc quân vụ gia nhĩ cấp tùy đới, hựu gia nhất cấp họ Hùng gửi thẻ bài về việc cống sứ về nước. Xét thấy các Bồi thần nước An Nam đứng đầu là Trần Huy Mật vâng mệnh tiến cống thiên triều, công việc xong xuôi, về đến tỉnh thành, nay cấp cho thẻ bài để được giúp đỡ hộ tống, kính mong các phủ, châu, huyện dọc đường cống sứ đi qua tuân theo thẻ bài này. Nếu gặp đoàn cống sứ đến, quan địa phương phải nhanh chóng kiểm tra các khoản quy định trong thẻ bài rồi ghi đầy đủ các thông tin liên quan. Các địa phương cấp lương thực cho các quan Bồi thần Trần Huy Mật 3 người và 22 viên Hành nhân, Tù nhân, chiếu theo số lượng sai người hộ tống, không được hạch sách và mượn cớ gây sự. Đến ngày các quan sứ về nước, thẻ bài này phải nộp ngay lại cho phủ sở tại để chuyển giao về bộ viện của bản chức. Tất cả không được trái mệnh. Nay ban cấp thẻ bài này. [49b] Thẻ bài trên kính gửi các phủ, châu, huyện dọc đường cống sứ đi qua, yêu cầu tuân theo nội dung trong thẻ bài. Ngày 11 tháng 11 năm Càn Long thứ 26 [1761] Phủ bộ viện gửi xuống ngày..... hạn đến ngày..... về nộp.

Giờ Thân tế thần sơn xuyên hà bá tỉnh Quảng Tây. (Bài văn tế giống như văn tế ở đền Phần Thủy lần trước, riêng bên trong có sửa rằng: “Nay đến địa phương huyện

Lâm Quế, phủ Quế Lâm, chọn ngày hôm nay để nhổ neo”). Giờ Dậu thuyền đi được nửa dặm đến cầu Trúc Lô đỗ lại. (Cổng sứ sai viên Thông sự xin nhổ neo. Quan phủ báo đợi ngày mai).

Ngày 14 qua cầu vẫn trú lại. Mười thuyền đến chúc mừng. Sứ thần khao thưởng bạc lạng. Quan Kinh lịch Đường Bính Anh mang các đồ ăn địa phương đến biếu. Cả ngày quan Bạt tổng đi lĩnh nhận tiền thủy cước cho các thuyền. Thương ty phát 100 lạng từ tỉnh thành đến Ninh Minh. Quan Bạt tổng phải vất vả xin thêm 20 lạng, lại có chuyện buôn bán riêng nên chưa đi được.

[50a] Ngày 15 giờ Thân đi được 25 dặm. Buổi tối đến đê sông Long Môn đỗ lại.

Ngày 16 buổi sáng đi được 90 dặm. Giờ Dậu qua đê Duyên Bảo, đi tiếp 5 dặm đến Tượng Kỳ đỗ lại.

Ngày 17 buổi sáng đi được 40 dặm đến huyện Dương Sóc, lại đi tiếp 75 dặm. Giờ Thân đến phủ Bình Lạc qua cầu phao đỗ lại.

Ngày 18 sương mù dày đặc, giờ Thìn đi được 115 dặm đến đê Hoàng Ngưu đỗ lại.

Ngày 19 sương mù dày đặc, giờ Thìn đi được 75 dặm đến huyện Chiêu Bình, lại đi tiếp 40 dặm. Giờ Dậu đến đê Thâm Xung đỗ lại.

Ngày 20 buổi sáng đi được 120 dặm. Giờ Dậu đến đê Cổ Lâm đỗ lại.

Ngày 21 buổi sáng đi được 145 dặm. Giờ Mậu đến đê phủ Ngô Châu đỗ lại.

[50b] Ngày 22 vẫn đỗ lại. Chủ thuyền chỉnh sửa sắp xếp lại cánh buồm để chuẩn bị ngược dòng. Sứ thần cấp 3000 quan tiền làm cơm rượu mời quan Bạt tổng và khao thưởng các viên Hành Tù nhân đã vất vả dọc đường. Quan sứ sai người đến yết kiến và mang lễ vật biếu quan phủ. Phủ quan đều trả lại. Quan huyện Toàn Trấn có quà biếu sứ thuyền đi đường. Sứ thần gửi thiệp xin lĩnh nhận và cảm ơn.

Ngày 23 vẫn đỗ lại. Quan sứ sai người điều tra việc viên Lại phòng nói Phủ viện mới phát thẻ bài xuống các phủ, châu, huyện, điều động 60 phu thợ dọc đường đến kéo thuyền sứ. Sứ bộ lại sai quan Bạt tổng qua chính đường của quan huyện nói: “Đội ơn đại nhân chuẩn cấp cho phu thợ kéo thuyền được nhanh chóng lên đường. Chúng tôi khôn xiết cảm kích ơn đức của quan đại nhân. Riêng những huyện nào không có đình phu thì ắt phải huy động tập trung dân chúng, lại mất đến vài ngày, e rằng lại chậm trễ một lần nữa. Xin quan gửi công văn báo trước đến huyện Đằng, chuyển báo đến các châu huyện phía trước để chuẩn cấp các thẻ bài tập trung đình phu, tránh tình trạng chậm trễ. Lại xin các quan châu huyện thông báo trước với các đình phu bắt buộc phải đến huyện thành đợi giao nhận,

không để xảy ra hiện tượng đình phu mới đến đầu giáp giới vì phải chờ đợi một lúc đã vội bỏ về, dẫn đến tình trạng đình phu huyện này bỏ về, [51a] đình phu huyện kia chưa đến, lại phải phiền phức gửi công văn chờ đợi phu thợ kéo thuyền.

Viên Lại phòng đã trình thẻ bài lên quan huyện. Huyện quan nói: “Được, xin theo mệnh lệnh thẻ bài”. Nhân đó quan sứ cho người đem sản vật địa phương biếu viên Lại phòng. Quan sứ lại cho kiểm tra thực tế thấy các huyện cấp phát cho đình phu mỗi ngày một cân gạo và 20 đồng. Ngô Châu rất nhiều hải sản ngon, lại có các loại khế, cam, rau, trầu cau rất rẻ.

Ngày 24 giờ Ngọ đi ngược dòng được 45 dặm. Giờ Dậu đến đê Thạch Lương đỗ lại. (Từ đây trở đi đá lởm chởm đầy sông, rất khó đi).

Ngày 25 buổi sáng đi được 50 dặm. Giờ Thân đến đê Khắc Tiên. Thuyền quan Bận tổng họ La va vào đá bị vỡ hỏng nên vẫn đỗ lại. Quan sứ phải đốc thúc chủ thuyền sửa chữa sớm.

Ngày 26 đi được 15 dặm đến huyện thành huyện Đằng, gọi thợ cho đi tiếp 10 dặm đến đê Hạ Lĩnh đỗ lại.

Ngày 27 đi được 45 dặm. Giờ Dậu đến đê Hoàng Thê đỗ lại. (Từ đây trở đi đá lởm chởm đầy sông rất khó đi).

[51b] Ngày 28 đi được 95 dặm. Giờ Dậu đến huyện thành Bình Nam đỗ lại.

Ngày 29 đổi phu kéo thuyền. Giờ Thìn đi được 70 dặm. Giờ Dậu đến đê Thạch Chủy đỗ lại (Đoạn đường về sau có đổi phu kéo thuyền, không ghi chép hết).

Ngày 30 đi được 35 dặm. Giờ Thìn đến phủ thành Tầm Châu, đỗ lại ở đình Nghênh Miện. Quan sứ sai người mang lễ vật đến yết kiến quan phủ. Phủ quan trả lại cả. Ngày hôm đó đi qua Tuần Quan, đi được 15 dặm đến đê thôn Tiền đỗ lại.

## THÁNG 12 (ĐỦ)

Ngày mùng 1 đi được 130 dặm. Giờ Dậu đến đê Thạch Môn đỗ lại.

Ngày mùng 2 đi được 120 dặm. Giờ Dậu đến quý huyện thành đỗ lại, phát 2 lạng bạc 6 đồng tiền sắm sửa lễ vật tế thần miếu Phúc Ba.

[52a] Ngày mùng 3 giờ Thìn đi được 70 dặm. Giờ Dậu đến đê Lão Loan đỗ lại. (Đi tuần xét huyện thành, giá gạo rất rẻ sáu đồng hai cân. Từ đây trở đi đến đê đổi thợ kéo thuyền không ghi chép nữa).

Ngày mùng 4 đi được 55 dặm. Giờ Mùi qua thác Ngũ Hiêm đê Long Môn đến miếu Phúc Ba bái yết.

**[Văn tế miếu Phục Ba]**

Cúi thưa: Ngày sóc Ất Sửu đến ngày mùng 4 Mậu Thìn tháng 12 năm Tân Tỵ niên hiệu Càn Long thứ 26 [1760] các công sứ nước An Nam là Trần Huy Mật, Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Thụ cúi dâng lễ vật gồm tiền và lễ vật dâng tâu trình trước bài vị Phục Ba đại tướng quân thuộc thiên triều. Có lòng thành kính ắt phải làm lễ cáo yết. Nay Bồi thần chúng tôi vâng mệnh quốc vương mang các [52b] nghi vật tiến công và công văn tâu biểu dâng lên thiên triều. Công việc xong xuôi phụng chỉ về nước, đi thuyền đến bến Ngũ Hiểm Ô Man Hoành Châu, dự định ngày hôm nay nhổ neo đi tiếp. Việc có liên quan đến lòng kính cẩn, chúng tôi bèn sắm sửa lễ vật thanh khiết cẩn cáo, cúi mong tôn thần linh thông cảm ứng không xa, rủ lòng phù trợ khiến cho Bồi thần và những người hành Tùynhân bình yên mạnh khỏe, mưa nắng thuận hòa, thuyền sứ bình ổn, kịp kỳ về nước, hoàn thành công vụ, vinh quang sứ tiết. Tất cả thực nhờ công đức bảo hộ của tôn thần. Kính cẩn tâu trình.

[53a] Miếu Phục Ba ở sát bờ sông. Sơn thủy hữu tình, quanh co uốn lượn, cây cối tốt tươi rậm rạp. Các triều đại đều trùng tu sửa sang. Lư hương, bình hoa, giá đèn, đài nến đều làm bằng đồng rất to. Trước cửa nghi môn có mấy tấm bia đá, bên ngoài có hai con sư tử đá rất lớn. Lấy đá gõ vào bên phải tiếng vang tựa chuông khánh, gõ vào bên trái tiếng đánh như gạch ngói. Các dãy nhà chính, hành lang, tả hữu vu hoành phi biển đề rất nhiều, không thể ghi chép hết được. Có vài cặp câu đối.

**[Câu đối số 1]**

圖繪雲臺湮上將

功高銅柱砥中流

**Phiên âm:**

Đồ hội vân đài yên thượng tướng

Công cao đồng trụ砥 trung lưu

**Dịch nghĩa:**

Tranh họa cảnh đài mây che khuất người thượng tướng

Cột đồng ghi công lớn mai một tiếng lưu truyền

**[Câu đối số 2]**

伏波廟下利有攸往共浴恩波

起敬灘頭神之格思常生畏敬



**Phiên âm:**

Phục Ba miếu hạ, lợi hữu du vãng, cộng mộc ân ba  
Khởi Kính than đầu, thần chi cách tư, thường sinh úy kính

**Dịch nghĩa:**

Dưới miếu Phục Ba, khách lui tới cầu lợi lộc, đều được ơn trạch  
Ở bên Khởi Kính, thần linh linh thiêng, thường khiến kính sợ.

**[Câu đối số 3]**

東漢伏干城,一片雪心徵薏苡

南交憑衽席,萬年膏澤滿牂牁

**Phiên âm:**

Đông Hán phục can thành, nhất phiến tuyết tâm trung ý dĩ  
Nam Giao bằng nhâm tịch, vạn niên cao trạch mãn Tang Ca.

**Dịch nghĩa:**

Giữ gìn xã tắc nhà Đông Hán, một lòng liêm khiết sáng tỏ nỗi oan xe ý dĩ<sup>1</sup>  
Vững yên chiếu áo ở Nam Giao, muôn thuở ơn trạch khắp miền Tang Ca<sup>2</sup>.

**[Câu đối số 4]**

**Phiên âm:**

功高銅柱,億萬年砥柱南天,想鬻鑠是翁,真不愧中興國柱

官拜伏波,千百歲靖波東土,雖椒房不預,終難忘漢室恩波

Công cao đồng trụ, ức vạn niên砥 trụ nam thiên, tưởng Quốc thước thị ông, chân  
bất quỹ trung hưng quốc trụ

---

<sup>1</sup> **Một lòng liêm khiết tựa xe ý dĩ:** Mã Viện trong thời gian cai trị ở Giao Chỉ thường ăn gạo ý dĩ. Do gạo ý dĩ trồng ở phương nam, nấu ăn ngon và có thể chữa bệnh. Khi quay về kinh đô Lạc Dương ông đã mang về cả xe hạt ý dĩ. Đương thời Lương Tùng có hiềm khích thù hận với ông nên đã tấu nhằm lên vua Hán Quang Vũ để rằng ông mang theo cả xe vàng bạc bên trong, bên ngoài che giấu bằng ý dĩ. Nhà vua nghe theo đã truất hết vương tước và thái ấp của ông. Mãi sau này đến đời Hán Chương Đế mới minh oan và trao tặng ông tước Trung Thành hầu. Thành ngữ Ý dĩ minh châu chỉ lòng liêm khiết trong sạch bị gièm pha oan uổng.

<sup>2</sup> **Tang Ca:** Tức quận Tang Ca bao gồm đại bộ phận tỉnh Quý Châu và một phần tỉnh Quảng Tây, tỉnh Vân Nam ngày nay.



Quan bái Phục Ba, thiên bách tuế tĩnh ba đông thổ, tuy Tiêu Phòng bất dự, chung nan vong Hán thất ân ba.

**Dịch nghĩa:**

Công cao cột đồng, ức vạn năm dựng cột trụ ở trời nam, nhớ Quắc Thước thị ông<sup>1</sup>, thật không hổ thẹn đáng trung hưng quốc trụ

Quan báỉ Phục Ba, trăm ngàn năm định yên miền đông thổ, tuy không dự vào cung thất Tiêu Phòng<sup>2</sup>, nhưng mãi không quên ơn sâu nhà Hán.

Tăng thất trong miếu rất gọn gàng sạch sẽ. Sứ thần sai người cúng tiến hương [53b] tiền và công đức tiền tu sửa gác Quan Âm. Quan sứ lại khao thưởng bạc tiền cho 10 thuyền. Ngày hôm ấy đi được 25 dặm. Giờ Dậu đến đê Bình Phật đỗ lại.

Ngày mùng 5 đi được 75 dặm. Giờ Mùi đến thành Hoàn Châu đỗ lại. Nghe nói quan Khâm sứ chọn ngày 19 tháng 11 qua cửa khẩu. Tri phủ Thái Bình là Tra Lễ mới lên giữ chức Tả giang đạo. Đêm hôm ấy mưa to. (Quế Lâm, Ngô Châu, Hoàn Châu đều sản xuất hà thủ ô, chế biến rất tốt).

Ngày mùng 6 đi được 90 dặm. Giờ Dậu đến đê Phi Long đỗ lại.

Ngày mùng 7 đi được 75 dặm. Giờ Dậu đến đê Tam Châu đỗ lại.

Ngày mùng 8 đi được 20 dặm đến huyện thành Vĩnh Thuần, lại đi tiếp 50 dặm. Giờ Dậu đến đê Linh Lợi đỗ lại.

Ngày mùng 9 đi được 170 dặm. Giờ Dậu đến đê Báo Tử trú lại.

[54a] Ngày mùng 10 đi được 15 dặm, đến phủ thành Nam Ninh trú lại. Cống sứ sai viên Thông sự bẩm báo đến. Lúc đó Thự đạo cống còn ở Thái Bình đón tiếp Khâm sứ. Quan phủ Dĩ Thành Xuất đi tuần vùng biên giới. Quan sứ bèn sai người đến yết kiến Tổng trấn Đoàn Khởi Hiền thưa rằng: “Quan sứ tôi vạn dặm gió sương, trong người hơi mệt mỏi, không thể đích thân đến yết kiến”. Quan Tổng trấn cho miễn hành lễ và trả lại các lễ vật biếu tặng. Quan tri huyện Tuyên Hóa là Dương Đình Phương cũng không nhận. Huyện lại kê khai những người đi tiên trình để cấp phát phu ngựa. Quan sứ biếu cho ông ấy một vài thứ vật địa phương.

Ngày 11 cống sứ viết khai gửi lên các đạo. Quan sứ lại sai viên Hành nhân là Nguyễn Đình Ngạn, Đào Đăng Dự đệ khai về nước. Các đạo tư văn gửi về bộ Lễ trong

---

<sup>1</sup> **Quắc thước thị ông:** Tương truyền Mã Viện râu tóc dài trắng xóa. Khi ông ngoài 60 tuổi vẫn xin vua ra trận. Vua Hán lo ông già yếu nên không đồng ý. Ông liền mặc áo giáp nhảy phốc lên lưng ngựa. Vua cười khen: “Ông này quắc thước lắm!” (Quắc thước tại thị ông!).

<sup>2</sup> **Tiêu Phòng 椒房:** Tên một cung điện dành cho Hoàng hậu, Hoàng phi ở, nằm trong cung Vị Ương. Ở đây chỉ cung thất, triều chính nói chung.

nước và công văn gửi quan Tuần phủ Quảng Tây đều nhất loạt gửi đi. Lại gửi công văn cho các quan trấn Lạng Sơn. Ba vị công sứ đều gửi thư về nhà. Quan sứ phát tiền lộ phí cho 4 người Hành nhân, Tùy nhân đi tiền trình. Tổng cộng là 6 lạng bạc, lại phát cho 6 loại lễ vật địa phương để đưa lên cửa khẩu.

**[Bài khải viết bằng chữ Nôm gửi về nước trình vua An Nam]**

*Phụng sai Chánh sứ Nhập thị Bồi tụng Lễ bộ Tả thị lang Bái Xuyên hầu Trần Huy Mật, Phó sứ Nhập thị Thiêm sai [54b] Hàn lâm viện Thị giảng Dĩnh Thành bá Lê Quý Đôn, Thị chế Hội Phương bá Trịnh Xuân Thụ kính cẩn dâng khải rằng:*

*Lạy bề trên muôn muôn năm, ngự hay chúng tôi vâng sai rằng việc quan năm Canh thìn [1760]. Tháng 5 đến Quảng Tây tỉnh thành, ngày ấy chúng tôi đã có khải đệ về triều. Đến ngày 16 tháng ấy chúng tôi tiến hành, gặp dịp tỉnh Hồ Quảng can hạc [hạn hán]. Tháng 7 ngày 19 mới đến Trường Sa. Tháng 8 ngày 22 đến Hán Khẩu. Tháng 9 ngày 21 đến Nam Kinh. Mỗi dịp công sứ trong tháng 7 đã đến đấy thì cũng được hơn một tháng. Kì ấy đã gần đông thiên [mùa đông], đường vào kinh còn xa. Quan Bận tổng đốc thúc đi. Tháng 10 ngày 19 chúng tôi khai thuyền độ Trường [55a] giang [nhỏ neo đi thuyền qua bến sông Trường Giang]. Tháng 11 ngày mồng 6 té Hoàng Giang, ngày 14 đến Sơn Đông tỉnh, Đặc huyện, Đài Nhi, gian hà thủy khẩu đóng [sông nước đều đóng băng lạnh buốt], tiền lộ phong hạp [phía trước đều đóng cửa]. Quan địa phương bắt cấp nhân phu xa mã [cấp cho phu dịch và ngựa xe đi lại]. Chúng tôi khởi hành lục bộ. Tháng chạp ngày mồng 8 đến Bắc Kinh.*

*Quan Lễ bộ Chu lại mục cụ [báo] Hội đồng quán đại sứ là họ Sử xuất tam thập lý ngoại [ra ngoài Kinh thành 30 dặm] nghênh tiếp, vâng ban nhà quan Cửu môn Đề đốc làm công quán. Ở cung thành chỉ nhật [những ngày ở trong cung thành] chúng tôi vào trú, cung trưởng chỉnh khiết. Quan Đề đốc họ Tô đến làm lễ áp [lễ vái chào], vắn lạo tân khổ. Quan chủ khách tư họ Thư truyền báo kê khai Bồi thần tính danh quan chức đạt bộ chuyển tấu. Ngày mồng 10 chúng tôi tiến biểu văn tấu bản nơi công đường Lễ bộ. Gửi xin mặc áo đại hồng bào, tiến tuế cống biểu bản, rồi cải phục quan lục bào, tiến sự biểu sự. Quan Lễ bộ hữu đường là họ Trình báo: [55b] “Tiên quốc vương phục dĩ du niên, bất tất canh phục, ưng phục đại hồng bào nhất thể phụng tiến”. [Tiên quốc vương đã mất hơn một năm rồi, không nhất thiết phải thay y phục, cứ mặc đại hồng bào phụng tiến luôn thể]*

*Ngày 11 chúng tôi thụ trình văn nơi quan Đề đốc [nộp trình văn cho quan Đề đốc] rằng: “Nhu yêu thiên ân trước nghị tứ phong, dục vọng đặc vi đề đạt, ti du hiên chi giá,*

lược thiếu thư từ, ư trọng thu cát thìn giới lộ, nhưng hứa cống sứ tiên hồi báo tri, dự bị nghênh tiếp, dĩ phù cung thuận” [Nếu thiên triều ban ơn cho phép kiến nghị, chúng tôi xin được đề đạt: Để xa giá ban sách phong được thư thái thì [thiên triều] chọn giờ tốt tháng 8 khởi trình, [đồng thời] cho phép cống sứ báo trước về nước để triều đình nước tôi sai người nghênh tiếp cho thỏa lòng cung kính]. Ngày 13 quan Lễ bộ truyền chúng tôi dĩ thập ngũ nhật [ngày 15] đặc ban triều kiến. Ngày 14 truyền tỵ [đến] Hồng Lô tỵ diễn lễ.

Ngày rằm giờ Sửu, quan đại sứ dẫn chúng tôi vào Thái Hòa điện đình, tùy ban hành lễ, rồi lại về công quán. Ngày 17 chúng tôi vâng cử trong phụng truyền nói với quan Đề đốc xin đến Quốc tử giám chiêm bái [56a] tiên thánh, mới xin xem trong triều lễ nhạc văn vật. Quan ấy rằng việc ấy Nho môn thịnh văn, vâng chuyển đạt, cho đợi lai niên [sang năm] sẽ hay. Ngày trừ tịch lại truyền đi diễn lễ, khâm ban chúng tôi tửu bính [rượu bánh] hoa quả.

Năm Tân Tỵ tháng giêng ngày chính đán, chúng tôi vào triều hạ, giờ Mùi, khâm ban ra công quán yến diên tam trác [ba mâm yến tiệc]. Ngày mùng 10 quan Lễ bộ truyền cho chúng tôi đi yết văn miếu, có quan Bác sĩ trợ giảng họ Trương ra nghênh tiếp dẫn đạo hành lễ. Kì điển chế độ đã vâng có biệt khải. Tháng 2 ngày mùng 2 quan Lễ bộ báo rằng vâng Hoàng thượng đại đức đã chuẩn sai quan Sách phong truyền các nha môn kê khai chức danh lên để khâm điểm. Song cống sứ có trình văn xin quan Khâm sứ thu tiết khởi trình, ấy cũng là lòng cung thuận, đã nghị chuyển tống chuẩn y cho. Ngày 20 [56b] truyền chúng tôi vào ngo môn, khâm thụ ban thưởng thái đoan các sát. Ngày 25 truyền tứ yến công đường Lễ bộ. Giờ Thân Quang lộc tỵ lại đệ khâm ban yến diên 12 trác đến công quán. Ngày 28 Lễ bộ đường lại mới tống tư văn việc tuế cống, tích phong tứ tuất, ban thưởng cộng 6 bộ.

Tháng 3 ngày mùng 1 chúng tôi phụng chỉ hồi quốc. Ngày trước đã xin quan Đề đốc, xin về độ nhị nguyệt thượng tuần [đầu tháng 2]. Quan ấy rằng quan Khâm sai Bạt tống họ Tần có lời xin hoãn, cho nên phải đợi đến tháng 3 ngày ấy mới được khởi trình. Tháng 6 ngày mùng 7 đến Nam Kinh. Ngày 21 tiến hành, tiết ấy phong vũ chẳng thuận với thuyền nhân buôn bán tư hóa sở chỉ đản các [dẫn đến đi lại chậm chạp]. Chúng tôi lũy thứ [nhiều lần] trình quan Khâm sai Bạt tống họ Tần xin đốc thúc tiến trình. Song quan ấy cũng tuân tình nhất hướng [57a] trì trệ.

Tháng 9 ngày mùng 9 mới đến Hán Khẩu thì nghe quan Khâm sai sách phong Chánh sứ họ Đức và Phó sứ họ Cố, khởi lục xuất Kinh [xuất phát từ Kinh đô đi bằng

đường bộ], nhưng đầu tháng 8, ngày 26 tháng 9 đến đây, ngày 27 đã ra Quảng Tây<sup>1</sup>. Chúng tôi đi thủy lộ [đường thủy] chẳng thể theo làm sao kịp. Tháng 10 ngày mồng 7 chúng tôi đến Quảng Tây tỉnh thành<sup>2</sup>, viên lệ đầu gián [liền gửi công văn], xin quan Phủ viện họ Hùng, tiên hành tư đầu báo [gửi tư văn báo trước], thả hành bài quan Tả giang đạo chuẩn cấp phu mã cho tiền lộ dự hồi báo tin [và ban xuống thẻ bài cho Tả giang đạo chuẩn cấp phu dịch ngựa xe cho người đi tiền trình báo tin trước].

Ngày mồng 9 quan phủ Quế Lâm xuống khám thuyền. Ngày 11 quan Phủ viện tổng [gửi] tư văn cho kì trước chúng tôi tiến quan, mới vào chỉ kiến quan Nam Ninh. Thời nó cũng chiếu cữ lệ, nó xướng rằng “di quan kiến kì này”. Chúng tôi cũng có gửi văn thư nơi quan Phủ viện đạo đạt tình do [trình bày rõ nguyên do], xin hành văn đạo phủ hệ các nghị chủ văn thư, đình “di quan” tự [bỏ dùng chữ “di quan” trong các nghị thức, văn thư ở phủ đạo]. Tối hôm ấy quan Bố chánh họ Diệp truyền hai quan Bận tổng với Thông sự [57b] lên công đường, trước hỏi han úy vấn “Cống sứ nhất lộ tân khổ” [Cống sứ đi đường vất vả], sau lấy trình văn ra bảo rằng “Giá cá thậm hảo, thuyết đắc hoạt lý, dẫn cổ ngữ vân: “Thuần sinh ư chư Phùng, Đông Di chi nhân dã. Văn Vương sinh ư Kỳ Chu, Tây Di chi nhân dã. “di quan” nguyên phi khinh mạn quý quốc. Kim Sứ thần dĩ thử vi ngôn dĩ môn phủ đài chuẩn doãn. Hành nhất giác công văn truyền Tả giang đạo cấp các phủ, tự hậu đình hô “di quan”, xưng “An Nam quốc sứ”. Cống sứ khả hồi khai quốc vương tri đạo”<sup>3</sup>.

Ngày 12 chúng tôi lên tạ và từ hành [từ biệt lên đường]. Lại hỏi Đường quan việc công văn ấy, nó bảo rằng quan Bố chánh chuyển tường quan Phủ viện, lại truyền báo sang quan Tổng đốc Quảng Đông mới hành hạ văn di [chuyển công văn xuống]. Tự kim chước chữ “di quan” [Từ nay bỏ chữ “di quan”]. Ngày 13 chúng tôi khai thuyền tiến hành.

<sup>1</sup> Ngày 26 tháng 9 đến đây, ngày 27 đã ra Quảng Tây: Trong văn bản chép nhầm thành “ngày 26 tháng 9”. Đối chiếu với trang [18a] thì ngày 26 tháng 8 Khâm sai Sách sứ đến Hán Khẩu. Tiếp đó văn bản chép nhầm ghi “ngày 27 đã ra Quảng Tây”, tại trang [18a] ghi rõ: “Sáng sớm ngày 27 khởi trình đường bộ”. Điều này có thể do người sao chép viết nhầm. Nhưng do đây là bài khai chữ Nôm gửi về triều đình nên chúng tôi giữ nguyên văn mà không sửa lại.

<sup>2</sup> Tháng 10 ngày mồng 7 chúng tôi đến Quảng Tây tỉnh thành: Đối chiếu với trang [27a], ngày mồng 7 tháng 10, đoàn sứ mới đến đồn trấn Cư Đình, chưa đến phủ Hoành Châu thì làm sao ra Quảng Tây được. Tại trang [34a] viết: “Ngày mồng 7 [tháng 11] đi được 60 dặm, giờ Mùi đến phủ Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây trú lại.” Như vậy ở đây văn bản chép nhầm nhưng do đây là bài khai chữ Nôm gửi về triều đình nên chúng tôi giữ nguyên văn mà không sửa lại.

<sup>3</sup> Đoạn ghi chép lời quan Bố chánh Diệp Tồn Nhân: Đã được nhắc tới và dịch ở trang [46b].

*Tháng chạp ngày mồng 10 đến Nam Ninh. Ngày 13 chúng tôi cho Thông sự Nguyễn Đình Ngạn, Trung thư Đào Đăng Dữ với hai Tùy nhân cường về tiền lộ [nhanh chóng đi về trước], đệ [58a] khai với tư vấn quan Phủ viện về triều bằng công văn quan Lễ bộ lệ thẩm [theo lệ kiểm tra], thời sao ra đệ về. Song chúng tôi nghĩ rằng tiết này quan sách phong đã sang trước. Chúng tôi chẳng dám để hoãn, vậy phải nhất thể đệ về triều. Ngày 15 chúng tôi khai thuyền tiến hành. Phóng bản niên bản nguyệt hạ tuần [dự đoán khoảng trong hạ tuần tháng này năm nay] về đến Nam quan và tết này chúng tôi lại xem quan Trung Quốc có lòng kính trong bản quốc. Để kịp kì sứ, từ ngày chúng tôi tiến Kinh, Hồ Nam, Hồ Bắc, An Huy, Giang Nam, Sơn Đông, ngũ tỉnh ấy, quan Tổng đốc, Tuần phủ đều đặc ủy thuộc liêu quan viên hộ tống, khi khởi lục, thì duyên đồ châu huyện bốn tâu cung ứng trướng mạc kết thái, khi vào triều hạ thì quan Nội các lục bộ đại thần đều tấu vấn, có lời tưởng lạo mãi. Như cống sứ nước Cao Ly<sup>1</sup>, cống sinh nước Lưu Cầu<sup>2</sup> gặp chúng tôi cũng hỏi han thư từ vãng phục. Kê thì rằng lập quốc trung hậu, kê thì rằng văn vật chi thịnh. Chúng tôi đều tùy sự [58b] đối đáp. Chuyên đối là Sứ thần chức phận chúng tôi chẳng dám cãi lại lịch phiên độc . Chúng tôi Bồi thần tam viên với Hành nhân cửu danh, Tùy nhân thập tam danh muôn nhờ hồng phúc , đều được bình ninh . Như môn tử chúng tôi cũng có đem sang, cùng đều được mạnh khỏe cả. Chúng tôi gửi rằng lạy bề trên muôn muôn năm. Tư cần khai.*

Ngoài ra các sứ thần gửi về triều đình một trình văn đã dâng quan Lễ bộ ki ến nghị xin Khâm sai Sách sứ khởi trình vào mùa thu tháng 8 và một trình văn xin quan Tuần phủ Quảng Tây ban xuống Tả giang đạo cùng các nha môn sở thuộc về việc miễn gọi chữ “Di” . Cả hai trình văn này đều viết: “*Phụng dâng đức vua muôn muôn năm*”.

Ngày mồng 10 tháng 12 bắm một đạo trình văn như trên.

[59a] Ngày 13 tháng này phụng dâng một đạo trình văn

**[Khải trình xin mua sách *Khuyết lý chí* gửi vua Lê]**

Chức Chánh sứ Nhập thị Bồi tụng Bái xuyên hầu Trần Huy Mật, Phó sứ Nhập thị Thiêm sai Dĩnh thành bá Lê Quý Đôn, Thị chế Hội phương bá Trịnh Xuân Thụ kính cẩn dâng khai về việc xin soi xét. Chúng thần tháng 12 năm Canh Thìn [1760] đến Bắc Kinh,

<sup>1</sup> Cao Ly: Xem chú thích tr 52.

<sup>2</sup> Lưu Cầu: Là nước độc lập cai quản phần lớn quần đảo Ryukyu (cũng gọi là đảo Lưu Cầu) suốt nhiều năm từ 1429 đến 1879. Trong thời kì cai trị, vương quốc này mở rộng nhiều đảo lớn nhỏ tới tận đảo Yaeyama sát gần Đài Loan. Đến năm 1879 nước này bị Nhật Bản xâm chiếm và sát nhập thành tỉnh Okinawa, Nhật Bản.

gửi thư lên quan Đề đốc Tô Mẫn ở Hội đồng quán xin đến chiêm bái Quốc tử giám. Ngày mùng 10 tháng giêng năm Tân Tỵ [1761], quan Đề đốc đề đạt lên trên rồi sai người quan Nguyên sứ ở Hội đồng quán là Sử Chu Hàn dẫn chúng thần ra ngoài quán đi khắp Tây uyển Hoàng thành, sau đó đến Quốc tử giám. Quan trợ giáo là Trương Nguyên Quán ra đón vào Trì Kính môn, ngồi ở Trí Trai sở. Chúng thần nói: “Chúng tôi từ phương xa [59b] đến triều cống thượng quốc, may được chiêm bái cung tường, vui mừng khôn xiết, cúi mong chỉ dẫn tường tận để được xem khắp lễ dung nhạc khí”. Ông ta đáp: “Lễ nhạc khí cụ dụng kính cất trong kho, hàng năm có hai kì tế Đình. Trước kì tế tự một ngày mới xin chiếu chỉ cho phép mở khóa, xếp bày ra ngoài, ngày thường không được tự tiện mở cửa”.

Chúng tôi lại hỏi về nghi thức mũ miện. Ông đáp: “Chỉ có miếu Khổng tử ở Khúc Phụ mới có. Nay ở kinh đô và các địa phương khác chỉ thờ bài vị”. Ông mời chúng tôi vào làm lễ, đi theo lối cửa nách bên phải Kích môn, đến giữa sân điện Đại thành. Bọn tạo lệ đã sắp trước các đồ tiến cúng, nói: “Xưa nay Hoàng thượng đích thân đến hành lễ và các vị vương công bách quan cũng không dám ngồi đệm, nhất nhất quy định như vậy”. Chúng tôi làm lễ ba quỳ chín vái xong, đi ra bước lên Kích môn xem trông đá. Kích môn tức là cửa lớn bên ngoài chính điện, hai bên mỗi bên đặt một giá, mỗi giá cắm 12 cây kích màu vàng nhạt. Vòng ngoài hai giá mỗi bên 5 chiếc trông đá là cổ vật thời vua Tuyên Vương<sup>1</sup>. [60a] Các chữ đều viết theo kiểu chữ Triện, khắc thơ *Xa công*, *Cát nhật*<sup>2</sup>. Bên phải có một tấm bia khắc bài *Thuyết văn tự huân*.

Chúng tôi lại đến chính điện, lên chính đường chiêm ngưỡng. Chính giữa đặt một cái khám hai tầng thờ bài vị. Bên trong có đề *Chí thánh tiên sư Khổng Tử vị*. Bên ngoài phía trên có treo một bức biển đề *Vạn thế sư biểu* do Thánh tổ Nhân hoàng đế<sup>3</sup> viết. Bên

---

<sup>1</sup> **Tuyên Vương:** tức vua Chu Tuyên Vương trị vì từ năm 827 TCN đến năm 782 TCN, tên thật là Cơ Tĩnh, là vị vua thứ 11 của nhà Chu trong lịch sử Trung Quốc. Ông được 2 đại thần Chu Công và Triệu công phụ chính, sửa sang lại chính sự theo gương Chu Vũ Vương và Chu Thành Vương. Tình hình ổn định trở lại, chư hầu lại đến triều kiến nhà Chu.

<sup>2</sup> *Xa công*, *Cát nhật* là tên hai bài thơ trong phần Tiểu Nhã, sách *Kinh Thi*. Hai bài thơ miêu tả cảnh đi săn cũng là buổi diễn tập quân sự lớn của Chu Tuyên Vương. Chu Tuyên Vương mượn cơ đi săn cử hành nghi lễ tế trời để thể hiện thực lực quân đội nhà Chu đã hưng thịnh, pháp luật nghiêm chỉnh, tình thân ái vui vẻ kẻ trên người dưới. Từ đó thị uy thu phục các chư hầu về chầu. Đây là bài thơ ca tụng công đức trị yên thiên hạ của Chu Tuyên Vương, cũng là bài nhã nhạc thường được hát trong các buổi yến tiệc săn bắn.

<sup>3</sup> **Thánh tổ Nhân hoàng đế:** tức vua Khang Hy trị vì trong thời gian 1662-1722.

trái có treo một bức biển đề *Sinh dân vị hữu* do Thế tông Hiến hoàng đế<sup>1</sup> viết. Bên phải treo một bức biển đề *Dữ thiên địa tham* do Hoàng đế hiện nay<sup>2</sup> viết. Hai cột trụ hai bên treo câu đối chữ vàng:

氣備四時,與天地日月鬼神合其德

教垂萬世,繼堯舜武湯文武作之師

**Phiên âm:**

Khí bị tứ thời, dữ thiên địa nhật nguyệt quỷ thần hợp kỳ đức

Giáo thủy vạn thế, kế Nghiêu Thuấn Vũ Thang Văn Vũ tác chi sư

**Dịch nghĩa:**

Hòa khí tràn ngập bốn mùa, cùng trời đất nhật nguyệt quỷ thần hợp đức sáng

Giáo hóa lưu truyền muôn đời, nối Nghiêu Thuấn Vũ Thang Văn Vũ làm thầy dạy.

Phía trước có ba lư hương, hai bình hoa đều là đồ đồng, mỗi cái to hơn hai thước, tám ván gỗ màu xanh vẽ hình hoa sen cắm trong bình. [60b] Hai bên khám có đặt đèn gỗ, hai chân đèn có lồng vải lụa hồng. Gần ngay phía trước có hai cây lư hương bày ở bên trái và bên phải. Hai bên gian ngoài có để hai khám thờ Tứ phối. Bên trái đề *Phục thánh Nhan tử chi vị. Thuật thánh Tử tư chi vị*. Bên phải đề *Tổng thánh Tăng tử chi vị. Á thánh Mạnh tử chi vị*. Phía trước mỗi chỗ đặt một cái bàn. Giữa hai bên trái phải đều đặt sáu khám thờ bài vị Thập triết. Bên trái đề *Tiên hiền Mẫn tử chi vị*, thứ đến *Nhiễm tử*, tiếp đến *Đoan Mộc tử*, *Trọng Tử*, *Bốc Tử*, *Hữu Nhược Tử*. Bên phải đề *Tiên hiền Nhiễm Tử*, thứ đến *Tế Tử*, *Nhiễm Tử*, *Ngôn Tử*, tiếp đến là bài vị mới được thăng là *Chuyên Tôn Tử*, *Chu Tử* tổng cộng là Thập nhị triết. Bên trên đều là những bức họa màu vàng kim, màu xanh biếc rực rỡ. Bên dưới xếp bày các đồ tiến cống, nhiều đến nỗi không có chỗ để. Mỗi khám đều được xếp đá làm đài, cao chừng hai thước rưỡi. Hai dãy nhà vu bên tả bên hữu thờ 72 vị tiên hiền và tiên triết, tiên nho. Hai bên sân đình có bảy, tám ngôi đình nhỏ. Ở giữa dựng bia các triều đại từ đời Tống đến nay. Phía trước có cửa nách bên trái, [61a] cửa nách bên phải đều đặt ngang. Các kho chứa đồ tế khí đều khóa cửa niêm phong. Hai bên đường phía ngoài cổng cây bách, cây tùng xum xuê. Mỗi bên dựng hàng loạt bia tiến sĩ các triều. Các

<sup>1</sup> Thế tông Hiến hoàng đế: tức vua Ung Chính trị vì trong thời gian 1723 -1735.

<sup>2</sup> Hoàng đế hiện nay: Tức vua Càn Long trị vì trong thời gian 1736-1795.



chính điện, nhà ở và nhà vu hai bên đều lợp ngói vàng, bốn phía đều có tường bao quanh, bậc thêm đều xây bằng gạch đỏ. Bên trên lợp ngói vàng.

Chúng tôi ra đến Trai sở, ông Trương Nguyên Quán lại dẫn đi xung quanh bên ngoài đại điện bên ngoài. Bên phải là nhà Di luân có chín gian. Phía trước treo biển *Di luân đường* viết đại tự nạm ngọc biếc. Bên trong treo bức đại tự mạ vàng *Văn hạnh trung tín* do vua Ung Chính viết. Bên trên tấm biển này lại bố trí bốn bức biển vàng khắc sắc dụ của bốn triều Thuận Trị, Khang Hy, Ung Chính, Càn Long, bên dưới là đá ngọc khắc kinh điển của thánh nhân, bắt đầu từ *Đại học chi đạo* đến *Vị chi hữu dã* do triều Khang Hy viết. Bên ngoài dựng đá trắc cảnh. Bên trái là Thằng diển sảnh. Bên phải là Tiến sĩ sảnh. Dịch tiếp sang trái là nhà chuông, có phân chia từng tên gọi như: Tu đạo, Văn hạnh, Quảng nghiệp, Thành tín. Chúng tôi nghe nói [61b] bên tả nhà đại điện là Sùng đạo điện thờ riêng Thánh phụ, Thánh mẫu của Khổng Tử và thờ các chư hiền như Nhan Lộ, Khổng Lý, Tăng Diễm. Đó là do người xưa truy tôn thờ tự. Vốn theo đạo nghĩa trong Lễ văn: “Dù con là bậc Tề thánh cũng không hưởng trước cha mẹ”. Chúng tôi muốn được chiêm ngưỡng hết trong ngày nhưng vì trời đã về chiều không thể xem hết được.

Các ông Trương Nguyên Quán mời vào trong sảnh Bác sĩ nghỉ tạm. Một lúc sau có quan Bác sĩ Trương Phụng Thư đến, đem bút nghiên ra cùng trò chuyện. Các công sứ của quý quốc từ trước tới nay chưa được yết kiến Thánh miếu, nay các vị cung kính đến đây thực thấy rõ thành ý hiếu học trọng đạo. Chúng tôi đáp: “Nước tôi kính cẩn vâng thờ Thánh giáo, học tập *Thi, Thư* cho nên nhân khi được tới thăm Trung Hoa mong muốn được bày tỏ lòng kính cẩn ngưỡng phục”. Lại nói: “Quý Trát xin xem nhạc nhà Chu, người xưa cho đó là việc tốt đẹp”. Nay chúng tôi may mắn được bái yết Thánh miếu, chưa được xem lễ [62a] dung nhạc vũ, trộm nghĩ xin các đại nhân ban ơn, hôm nào rảnh rỗi đến công quán mang cho chúng tôi xem các điển cổ thư tịch. Ông đáp: “Các thư tịch đều đem bán ở phường sách”. Ông ấy cũng không giữ riêng được quyển sách hay nào cả. Các đồ lễ như xa kiệu, trang phục ở Thánh miếu đến ngày mùng 7 tháng 2 tế Khổng Tử mới bày ra. Ba vị công sứ có thể cùng với Sứ thần nước Cao Ly tâu lên quan Bồi tự thuộc bộ Lễ đến kỳ đó xin được chiêm bái tường tận. Chúng tôi đáp: “Cho phép chúng tôi nói với quan Đề đốc, nhưng liệu đại nhân có xem xét cho không?” Sau khi về công quán chúng tôi gặp xa giá nhà vua đi thăm Ngũ đài sơn. Chúng tôi không dám mạo muội tâu xin. Trộm thấy các

sách *Khuyết lý chí*<sup>1</sup> và *Minh sử chí*<sup>2</sup> được vua Thế Tông niên hiệu Gia Tĩnh [1522-1566] nhà Minh, theo lời bàn của Trương Nhận đem chữ “Tiên sư” gọi thành “Tiên thánh”. Xét thấy việc truy tôn vương hiệu trọng vọng hơn nên nhà vua liền ban mệnh thay đổi cách gọi, lại ra lệnh chỉ thờ bài vị, không dựng tượng, cũng không có lễ nhạc, [62b] trở đầu, chuông, trống, quạt, sáo. Đồ thờ của các triều trước, nay miếu Khúc Phụ và Thánh miếu ở kinh thành đều theo sách *Khuyết lý chí*. Sách có cả tranh minh họa có thể khảo cứu được. Chúng tôi mua một bản để mang về tiến dâng. Vì vậy cung kính soạn tờ khai.

Ngày mồng 10 tháng 12 năm Càn Long thứ 26 [1761]

**[Tờ khai xin vua Lê sai phu thợ gánh đồ về nước]**

Chức Chánh sứ Nhập thị Bồi tụng Bái Xuyên hầu Trần Huy Mật, Phó sứ Nhập thị Thiêm sai Hàn lâm viện Dĩnh Thành bá Lê Quý Đôn, Hội Phương bá Trịnh Xuân Thụ kính cẩn dâng khai về việc cúi xin soi xét.

Chúng tôi phụng chiếu theo lệ cũ, hễ khi Sứ thần về nước các hàng hóa công và tư [63a] trang cá nhân đều được triều đình cấp cho phu gánh, giao cho quan huyện dọc đường đi thuộc xứ Kinh Bắc lĩnh nhận tiền thuê phu thợ trước, tập trung đến biên giới Lạng Sơn, chờ trạm dịch đến. Tuy vậy từ trước đến nay các phu trạm Kinh Bắc tập trung không đủ, thường đẩy cho dân phu Lạng Sơn phải vận chuyển trạm dài. Họ cũng tìm cách trốn tránh dẫn đến tình trạng việc chở gánh đồ đặc bị chậm trễ bỏ bê. Sứ thần phải ngồi đó đợi thuê người khác. Còn về các phu gánh hòm công, theo lệ cũ cống sứ về nước giảm một nửa số hòm công. Nay được ban cho hơn 200 hốt bạc mua thư tịch và các đồ vật quý. Các phu gánh vác đồ tư trang của Sứ thần xin theo quy định của năm Ất Hợi [1755]. Nghe nói kỳ trước số phu không cấp đủ. Thiết nghĩ đó là trách nhiệm của bề tôi, nào dám kể

---

<sup>1</sup> *Khuyết lý chí* 闕里志: Gồm 24 quyển do Trần Cảo đời Minh soạn, Khổng Doãn Thực biên tập lại, đến năm Khang Hi thứ 6 (1669) khắc bản. Trần Cảo người Cối Kê, đỗ Tiến sĩ khoa Đinh Mùi niên hiệu Thành Hóa, làm quan đến chức Hữu phó đô ngự sử, Tuần phủ Hồ Quảng. Khổng Doãn Thực là cháu đời 65 của Khổng Tử. Năm Sùng Trinh, ông biên tập bổ sung *Khuyết lý chí* thành bản như ngày nay gồm: *Đồ tượng, Lễ nhạc, Thế gia, Sự tích, Tự điển, Nhân vật, Lâm miếu, Sơn xuyên, Cổ tích, Ấn điển, Đệ tử, Soạn thuật, Nghệ văn*.

<sup>2</sup> *Minh sử chí* 明史志: *Minh sử chí* là một phần trong bộ *Minh sử* - bộ sử cuối cùng trong *Nhị thập tứ sử* của Trung Quốc. Đây là bộ sử viết theo thể kỉ truyện, do nhóm Trương Diên Ngọc, người đời Thanh phụng mệnh biên soạn, ghi chép 277 năm lịch sử đời Minh từ Minh Thái Tổ niên hiệu Hồng Vũ nguyên niên (1368) đến Minh Tư Tông, niên hiệu Sùng Trinh thứ 17 (1644). Kết cấu bộ sử gồm bốn phần Bản kỉ, Chí, Biểu, Liệt truyện, chia thành 320 quyển. Ở đây Lê Quý Đôn nhắc tới phần *Chí* trong *Minh sử*, gọi là *Minh sử chí*.

công lao. Nhưng chúng tôi kính mong đại đức thể tình kẻ dưới, ắt không nỡ để Sứ thần chúng tôi vạn dặm đường xa lại phải chi phí thuê riêng phu thợ gánh đồ. Hơn nữa các hòm quan vật kỳ đi chỉ có các cống vật. Nay kỳ về lại có thêm các quan vật thiên triều ban tặng và cống sứ mua thêm, tăng lên gấp bội so với kì đi. Số hòm đựng hành **[63b]** lý của Bồi thần và Hành Tùy nhân cũng không giảm hơn so với lúc đi. Nhưng nếu theo lệ cũ, kì về triều đình cấp cho số phu thợ ít hơn kì đi, thì không đủ người gánh đồ. Vì vậy chúng tôi mạo muội tâu bày, kính mong đức lớn thông tuệ, rủ lòng soi chiếu, ban xuống công văn hoặc truyền cho quan trấn thủ xứ Kinh Bắc sai người đến trạm dịch. Quan Khâm sứ theo lệ có thể lấy đình phu các huyện gần Vũ Giang, Hợp Hòa. Dân phu ở tổng ấy đã vào binh lính. Lệnh trước cho họ đến xứ Lỗi Nồng thuộc địa giới Lạng Sơn đợi chuyển trạm. Việc cấp số lượng phu gánh các hòm công, tư trang của Sứ thần, Hành nhân và Tùy nhân, ngoài việc cấp phát theo lệ năm Ất Hợi [1755], thì xin triều đình cấp thêm 1000 người gánh hòm công, cấp cho mỗi quan sứ 1000 người gánh tư trang hành lý. Như thế may ra mới gánh hết đồ đạc, tránh dẫn đến tình trạng vội vàng thuê người. Chúng thần ngưỡng trông đức lớn, muôn vàn kính mong.

**[64a]** Ngày hôm đó giao Thông sự đi tiền lộ để cấp phát các loại thổ nghi ở cửa quan. Chiếu theo lệ cũ biểu hai quan Bận tổng 10 lạng bạc và 8 loại thổ nghi. Sứ thần lệnh cho quan Thông sự Thị Tuyển thuê người dân địa phương bọc các loại bạc lạng và thổ nghi

Ngày 12 các viên Thông sự, Trung Thư, Tùy nhân và Môn tử đến bến Nam quan về nước. Quan huyện đến bái kiến. Các sứ thần sai người xin từ chối. Sau đó quan sứ lại gửi thiệp cảm ơn. Cấp cho 2 lạng 5 phân bạc sắm sửa lễ vật tế thần sông. Lệnh đem biểu quan Bận tổng họ La các loại lễ vật địa phương và gửi thiệp rằng: “Hai năm kết bạn, vạn dặm cùng chung, tình nghĩa trúc bách tiêu lan thân thiết vui vẻ. Nay kính biểu ngài mấy loại lễ vật, chúc Thái phu nhân vui khỏe và sống lâu trăm tuổi, gặp đúng giai tiết, hưởng thọ phúc lớn”. Ông ấy đích thân đến bái tạ.

Ngày 13, 14 thuyền sứ vẫn đỗ lại.

Ngày 15 giờ Thân tế thần hà bá sông Tuần Áp tỉnh Quảng Tây. (Bài văn tế cũng giống như trước đây. Bên trong sớ viết: Nay đến địa phận phủ Nam Ninh)

**[64b]** Ngày 16 Sứ thần sai người đến trấn huyện từ biệt lên đường. Giờ Ngọ nhổ neo đi được vài dặm đỗ lại.

Ngày 17 giờ Ngọ đi được 40 dặm. Giờ Dậu đến đê Thạch Phụ đỗ lại.

Ngày 18 buổi sáng đi được 150 dặm. Giờ Dậu đến đê Dương Vĩ đỗ lại.

Ngày 19 buổi sáng đi được 125 dặm. Giờ Dậu đến đê Tân Loan đỗ lại.

Ngày 20 buổi sáng đi được 15 dặm đến thành Tân Ninh Châu. Giờ Ngọ đi thêm được 30 dặm. Giờ Dậu đến đê Đinh đỗ lại.

Ngày 21 buổi sáng đi được 125 dặm. Giờ Dậu đến đê Trục Lệ đỗ lại.

Ngày 22 buổi sáng đi được 95 dặm. Giờ Dậu đến đê Lại Than đỗ lại.

Ngày 23 buổi sáng sứ thuyền đi được 85 dặm. Giờ Dậu đến đê Lũng Hoàng đỗ lại.

**[65a]** Ngày 24 buổi sáng đi được 30 dặm. Giờ Ty đến phủ thành Thái Bình trú lại. Quan Khâm sứ Đức Bảo và Cố Nhữ Tu đi thuyền từ nước ta trở về, cũng vừa cập bến. Dân địa phương dựng thảo đình kết hoa nghênh tiếp. Quan Thự đạo đài là Tra Lễ đi mở cửa khẩu nghênh đón quan Sách sứ, cũng đi thuyền về tới nơi. Hai vị Sách sứ lên thảo đình ngồi cùng với các quan trấn, đạo, huyện. Sứ thần mặc công phục lên bờ muốn đến hầu yết. Quan Bận tổng bảo nên đến hành quán của quan Sách sứ đợi trước. Hai quan Sách sứ về hành quán gửi thư báo ngày mai gặp mặt.

Ngày 25 quan Chánh sứ và quan Phó sứ thứ nhất đến hành quán của quan Sách sứ gặp đúng ngày quan Đạo đài có giỗ, không tiếp khách. Công sứ nghe nói quan Đạo đài định đến ngày 28 tháng giêng sang năm mở cửa khẩu, bởi vậy Sứ thần sai người nói với viên Lại dịch xin rút ngắn thời hạn, đồng thời gửi công văn:

**[Sứ thần gửi công văn xin rút ngắn thời gian mở cửa khẩu về nước]**

“Chúng tôi vâng mệnh đem cống khoản đến thiên triều, công việc xong xuôi, phụng **[65b]** chỉ về nước. Ngày mồng 10 tháng này đến phủ thành Nam Ninh. Ngày 13 quan sứ sai viên Thông sự đi tiền trình mang công văn đến Thượng hiến và gửi tờ khai về báo quốc vương nước tôi biết trước. Nay đến trước phủ thành quý tỉnh, trộm nghe quan đại nhân định ngày 28 tháng giêng sang năm mới mở cửa khẩu. Chúng tôi nghĩ hay vì gặp kỳ phong ấn nên định thời gian dài như vậy. Kể đi đường chúng tôi khôn xiết sợ hãi. Chiếu theo thời gian về nước của các đoàn cống sứ nước tôi [trước đây], quan Thượng hiến đều sai người đến cửa khẩu trước, hễ nghe Long Bằng đô ty báo là quan Hầu mệnh nước An Nam đã đến thành Lạng Sơn thì lập tức định ngày mở cửa khẩu, mà không câu nệ vào kỳ phong ấn. Bởi vậy vào ngày sai viên Thông sự đi tiền trình, chúng tôi đã đệ khai về nước thông báo trước. Bên trong có nói đến việc mở cửa khẩu. Xưa nay thiên triều thượng ty thương xót kẻ xa, công quán không giữ tân khách, không câu nệ kỳ phong ấn. Chúng thần ước định ngày 26 tháng này đến Minh Giang, đã xin triều đình tức tốc sai quan Hầu mệnh đến Nam quan tiếp đón, tránh tình trạng phu ngựa trong nước phải chờ

đội vất vả lãng phí. Nay **[66a]** ước tính tờ khai ấy khoảng hạ tuần tháng này sẽ về đến quốc đô. Quốc vương nước tôi ắt sẽ sai quan Hầu mệnh đến cửa khẩu chờ sẵn. Khoảng chừng ngày mồng 10 tháng giêng sang năm toàn bộ Sứ thần cùng các viên Hành Tù nhân và phu ngựa đều tập trung đầy đủ ở Kinh thành. Nếu hoãn đến ngày 28 tháng giêng năm sau, e rằng quan viên phục dịch tiếp đón ở Lạng Sơn càng thêm vất vả đội chờ. Hơn nữa đất ấy thủy thổ khác lạ, ở lâu không tiện, lương thực cung ứng phiền phí rất nhiều. Chúng tôi ngưỡng thấy quan Hiến đài chỉ dụ rằng: “Dù là ngày phong ấn, nếu có việc gấp vẫn phải giải quyết”. Vì vậy chúng tôi nhân việc này dám xin bộc bạch, mong quan đại nhân thể恤 tình cảnh kẻ xa mà chiếu theo lệ cũ, sai thuộc hạ đến cửa khẩu trước. Hễ nghe quan Hầu mệnh nước tôi thông báo đã đến thành Lạng Sơn thì xin định ngày mở cửa khẩu ngay chứ không câu nệ ngày phong ấn, may ra kẻ Sứ thần nơi vạn dặm đường xa kịp kì về nước, hoàn thành trách nhiệm vượt ngoài biên cương, trọn vẹn sứ mệnh với triều đình vua chúa”.

Quan Hiến đài đáp: “Trước đây Sứ thần về nước, Đạo quan không có công văn thông báo, thực là **[66b]** sơ xuất. Nay đã gửi công văn báo trước, để thêm trang trọng sự việc. Công văn gửi đi phải mất mấy ngày mới đến nơi, lại đợi quý quốc hồi đáp cũng mất mười mấy ngày, bởi vậy mới hoãn lại chứ không câu nệ kỳ phong ấn mà nghỉ làm việc. Quý sứ cứ ung dung ở lại làm bạn với tôi vài ngày, để tôi được thỏa lòng trò chuyện yên vui. Xin quan sứ không phải lo lắng”.

Ngày 26 Sứ thần đến hành quán của quan Sách sứ. Hai vị Sách sứ bảo chúng tôi kê khai quan chức đương nhiệm trước, rồi lệnh cho Đường quan dẫn vào bên trong tiếp trà.

Quan Sách sứ hỏi: “Các vị cống sứ hai năm vất vả, vạn dặm bình yên. Nước đại nhân sông núi đẹp, con người tốt”.

Đáp rằng: “Nước tôi khắp nơi thanh bình đó là nhờ ơn phúc lớn của Thánh triều”.

Quan Sách sứ hỏi: “Nước đại nhân Kinh đô chỉ ở đây phải không?”

Đáp: “Nước tôi trước đây xây dựng hai Kinh đô, nơi đón tiếp đại nhân là Đông Kinh. Còn Tây Kinh ở Thanh Hóa, cách đây chừng 70, 80 dặm”.

Ông ta nói: “Đa tạ **[67a]** quốc vương và phụ chính đã thịnh tình tiếp đón. Vật phẩm, lễ nghi vô cùng đầy đủ và cung thuận. Quốc vương mi thanh mục tú<sup>1</sup>. Quan Tiết

---

<sup>1</sup> **Quốc vương:** Tức chỉ vua Lê Hiến Tông, lên ngôi và đặt niên hiệu Cảnh Hưng từ năm 1740.

ché phụ giúp quốc vương tuổi trẻ, khôi ngô, phúc lộc dài lâu<sup>1</sup>. Khi nào Sứ thần về nước có thể dâng khai tấu lên quốc vương được biết và cho tôi gửi lời bảm tạ”.

Đáp rằng: “Đội ơn ý tốt của đại nhân, chúng tôi cúi xin vâng mệnh”.

Ông ta nói: “Chúng tôi đến quý quốc trước được thấy người nước An Nam đều có văn học, nay gặp được cống sứ phong nhã, thực là khéo chọn hiền tài. Quan sứ có thể làm một bài thơ, chỉ giáo cho tôi chăng?”

Cống sứ không từ chối được, liền bước ra ngoài sách viết nhanh gửi tặng hai vị Sách sứ mỗi vị một chương.

Ông ta nói: “Nhanh quá. Xem thơ càng thấy sự hiểu học sùng nho của nước đại nhân. Hôm nay xin quan sứ về nghỉ, hôm khác vâng mời quan sứ”.

Nhân đó Sứ thần đến yết kiến quan Thự đạo đài họ Tra. Ông tiếp đón vào trong, hành lễ chủ khách, đàm thơ luận văn, đến quá canh hai mới đem trầu cau ra mời nhau. Ông nói: “Cái này mang về từ quý quốc, nay đem ra mời đại nhân thưởng thức chút phong vị quê hương”. Chúng tôi thân mật nói chuyện rồi từ biệt ra về.

[67b] Ngày 27, Phó sứ thứ nhất đến yết kiến quan Hiệp trấn Âu Dương Mẫn. Quan Hiệp trấn tiếp đón mời trà, rồi đem bài thơ đề trên động Bạch Vân khi lên lầu Thành Nam cho xem. Quan Phó sứ xem xong nói: “Đại nhân thực cao tài”.

Ông đáp: “Kẻ sát phu tôi chẳng dám nhận phong nhã cao tài, chẳng qua là tự khoe cái vụng về, dốt nát của mình vậy”.

Sau đó, Phó sứ đến yết kiến quan Khâm mệnh Đề đốc học chính Chu Bội Liên. Ông sống ở Quảng Tây, nhân dịp đi làm chủ khảo kỳ khảo thí hàng năm ở phủ Thái Bình nên ở tạm tại Thư viện Lệ Giang. Thư viện này vốn quan Tri phủ họ Tra khuyến góp xây dựng. Kiến trúc rộng lớn tráng lệ, có Ngọc Xích đường, Tĩnh Nghi hiên và Quang Lang đình.

Quan Đề đốc mời Phó sứ vào, hỏi quan chức để tiện nói chuyện. Ông lấy bút nghiên ra cùng quan sứ vấn đáp. Ông viết trước: “Sứ thần từ xa đến yết kiến, thật là đáng khen. Nghe nói chức Thị giảng Hàn lâm viện quý quốc cũng giống với quan chế thiên triều, ắt hẳn thông thái sách truyện cổ kim và sự việc xưa nay. Tôi có mấy điều phiên quan sứ chỉ giáo cho.

---

<sup>1</sup> **Quan Phụ chính, quan Tiết chế:** Tức chỉ Trịnh Sâm, khi đó mới ngoài 20 tuổi. Tháng 10 năm Mậu Dần, chúa Trịnh Doanh phong cho con trai – Trịnh Sâm làm Tiết chế thủy bộ chư quân, Thái úy, Tể tướng công, mở phủ Lượng Quốc và giao phó nhiều công việc triều chính cho Trịnh Sâm.

Một là, địa danh Tượng quận thời Tần, đến đời nhà Hán đổi gọi là quận Nhật Nam, đời nhà Tùy gọi là Hoan Châu, đến thời Minh thì là châu gì? Đến nay lại gọi tên là châu gì? Hai là, quận Cửu Chân thời Hán tức là [68a] Ái Châu đời Tùy, đến đời nhà Minh là châu gì? Hiện nay tên gọi là gì? Ba là, quận Giao Chỉ nhà Hán, đến cuối thời Hán đổi là Giao Châu, triều Đường lập An Nam đô hộ phủ, đó cũng chính là nơi ngày nay quý quốc xây dựng Kinh đô phải không? Giao Chỉ gồm mười huyện. Giao Châu tăng lên thành mười hai huyện. Trong đó có huyện Câu Lậu là nơi Cát Hồng<sup>1</sup> xin làm huyện lệnh. Lại có huyện Long Biên tức là Long Uyên [vực rồng] bắt nguồn từ sông Côn giang chảy từ phía bắc huyện Phong Khê đến huyện Khúc Dương. Nay đất Câu Lậu, Phong Khê thuộc vùng đất nào?”

Quan sứ nhân đó viết đáp: “Đội ơn đại nhân đã hỏi thăm về sự thay đổi địa lý nước tôi. Dựa theo kiến thức hiểu biết của mình, tôi xin được lần lượt tâu trình.

Một là, địa danh Tượng quận thời Tần vốn là quận có diện tích rộng lớn và xa xôi, bằng khoảng ba bốn quận hiện nay chứ không chỉ là một châu, địa phận như cả khu vực Thái Bình, Uất Lâm, Hợp Phố giao thoa lẫn lộn với nhau. Các sử sách của tiền nhân đều nói Tượng quận thuộc đất Giao Chỉ xưa. Từ đó có thể thấy Tượng quận không chỉ là quận Nhật Nam. Thời nhà Hán đặt quận Nhật Nam sau đổi gọi là Bắc Cảnh. Nhà Ngô đặt thêm hai quận Tân Xương, Cửu Đức. Nhà Đường gọi theo đó. Từ đầu thời Ngũ đại, họ Đinh nước tôi phân chia cát cứ. Đến thời nhà Tống, [68b] nhận phong vương tước cũng vẫn gọi tên châu huyện như vậy. Họ Lý thắng [quận Nhật Nam] làm phủ Nghệ An. Nhà Trần theo đó. Đến những năm Vĩnh Lạc thời nhà Minh [1403-1424] mấy chục năm ấy đều gọi là phủ Nghệ An. Đến đầu niên hiệu Tuyên Đức nhà Minh [1426-1435] tiên quốc vương nước tôi nhận phong vương tước, đặt chức Nghệ An xứ Thừa tuyên Bố chánh sứ ty quản lý chín phủ.

---

<sup>1</sup> **Cát Hồng** 葛洪 (284-364) tự là Trĩ Xuyên, hiệu là Bão Phác Tử, là người huyện Cú Dung quận Đan Dương thời Tấn, nay thuộc huyện Cú Dung, tỉnh Giang Tô). Ông là cháu của Phương sĩ Cát Huyền thời Tam Quốc, người đời sau gọi là Tiểu Tiên Ông. Ông chủ trương theo đạo giáo, là nhà luyện đan, nhà y dược nổi tiếng thời bấy giờ. Ông không chỉ xây dựng phát triển lý luận đạo giáo mà còn tinh thông nho học, văn học, âm nhạc, trị thuật... Ông soạn các sách như: 神仙传 *Thần tiên truyện*, 抱朴子 *Bão Phác Tử*, 肘后备急方 *Trìu hậu bị cấp phương*, 西京杂记 *Tây Kinh tạp kí* ...

Hai là, thời nhà Hán đặt quận Cửu Chân. Sang thời Tùy đổi gọi là Ái Châu. Thời Đường gọi theo đó. Đầu thời Tống, nhà Đinh phát tích, đất ấy [Cửu Chân] xây dựng làm phủ Trường Yên. Nhà Lý thắng làm phủ Thanh Hóa. Tiên vương được dân chúng tôn phò từ làng Lam Sơn phủ Thanh Hóa, bèn xây dựng đất ấy thành phủ Thiệu Thiên thuộc Tây Kinh, lại đặt chức Thanh Hóa xứ Thừa tuyên Bố chánh sứ ty quản lý bốn phủ.

Ba là, thời Hán đất đai Giao Chỉ bộ thứ sử rất rộng lớn, bao gồm nước tô hiện nay và cả vùng đông tây Lưỡng Quảng. Từ khoảng niên hiệu Hoàng Vũ đời Ngô [222-228] mới phân gọi Giao Châu và Quảng Châu<sup>1</sup>. Diện tích từ phủ Thái Bình hất ra ngoài theo hướng tây gọi là Giao Châu<sup>2</sup>. Còn diện tích từ các quận Ung, Tầm, Ngô, Đao dịch vào trong theo hướng đông gọi là Quảng Châu<sup>3</sup>. Thời Tấn, thời Tống đều theo đó. Thời Đường đặt [Giao Châu] làm An Nam đô hộ [69a] phủ, trị sở Long Biên. Nay chính là Đông Kinh nước tô. Còn trị sở bộ Giao Chỉ thời Hán thì ở đất Thương Ngô.

Còn về núi Câu Lậu, các trước thuật của tiền nhân có chỗ nói ở huyện Khách, có chỗ lại viết là ở nước tô, chưa biết ai đúng ai sai. Thời Hán, ở đất Giao Chỉ xưa, Cát Hồng nghe nói có vị thuốc chu sa nên xin làm huyện lệnh ở đó. Chuyện này hợp với thuyết cho rằng núi Câu Lậu ở huyện Khách. Nhưng hiện nay ở nước tô có núi Câu Lậu. Bởi vậy việc này vẫn còn khuyết nghi.

Trị sở Long Biên của quận Giao Chỉ thời Hán nay là Đông Kinh nước tô. Sông Nhị Hà bắt nguồn từ núi Ngọc Án của Vân Nam, hợp chung với các sông Thao, sông Đà, chảy qua xứ Sơn Tây, vòng quanh phía đông thành, chảy xuống Sơn Nam đổ ra biển. Huyện Phong Khê chính là huyện Bạch Hạc xứ Sơn Tây của nước tô”.

Quan Đề đốc học chính đáp: “Quan sứ là người thông hiểu xưa nay, cực kỳ uyên bác thông minh. Nhưng chữ “Tì Cảnh” mà đọc là “Bắc Cảnh” thì thực là lấy bóng người mà so với mặt trời vậy.”

Phó sứ trả lời: “Tôi đọc sách *Cương mục* có chữ “Bắc Cảnh”, không đọc kỹ sách *Hán chí*. Nay được đại nhân chỉ bảo đó là chữ “Tì” mới biết là sai sót. Thật xấu hổ vì đọc sách sơ lược”.

---

<sup>1</sup> Cụ thể là năm Hoàng Vũ thứ 5 (226), sau khi Sĩ Nhiếp mất, Đông Ngô đã chia Giao Châu ra làm hai châu: Quảng Châu và Giao Châu.

<sup>2</sup> Giao Châu gồm các quận Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam.

<sup>3</sup> Quảng Châu gồm các quận Nam Hải, Uất Lâm, Thương Ngô.



Quan Đề đốc nói: “Thời Hán, trị sở Giao Châu tại **[69b]** Thương Ngô. Đó là vì lúc đó họ Dương tiếm quyền chiếm cứ nên đành tạm chuyển trị sở đến Thương Ngô”.

Phó sứ đáp: “Thời Hán, phương Nam ổn định vô sự. Thương Ngô là nơi thông suốt các đường thủy bộ với Lưỡng Quảng, đáng được lựa chọn là nơi thiết đặt quan chế cai trị. Trong khoảng niên hiệu Kiến An nhà Hán [Hán Hiến đế] [196-219] Trương Tân làm quan mục, người dân ở đây [Thương Ngô] vẫn thường truyền tụng, vậy thì thực đúng như thế. Mà lúc đó ông [Trương Tân] là Thứ sử bộ Giao Châu, chứ không phải là Thái thú quận Giao Chỉ. [Bởi vậy trị sở của bộ Giao Châu khi đó đặt tại Thương Ngô.]

Căn cứ vào sách *Tiền Hán thư địa lý chí*, trị sở quận Giao Chỉ ở My Linh (có chỗ đọc là Luy Lâu, Viên Linh) và trị sở quận Thương Ngô ở Quảng Tín. Đời Hán Vũ Đế, năm thứ 6 niên hiệu Nguyên Đĩnh [111 TCN], nhà vua bình định Nam Việt, phân chia đất [Giao Chỉ] làm chín quận<sup>1</sup>, các quận đều đặt quan Thái thú cai quản. Mùa hạ năm Nguyên Phong thứ 5 [106 TCN], [vua Hán Vũ Đế] mới đặt Thứ sử mười ba bộ<sup>2</sup>, sáng lập ra các châu ở phía bắc Giao Chỉ và đặt trị sở của thứ sử bộ Giao Châu ở Thương Ngô.

Sách *Giao Quảng xuân thu* của họ Vương viết: “Niên hiệu Nguyên Phong thứ 5 [106 TCN] trị sở của Giao Châu chuyển từ huyện Luy Lâu đến đây”. Có thể thấy trị sở Giao Châu thứ sử bộ vốn đặt ở huyện Luy Lâu thuộc quận Giao Chỉ, sau mới dời đến huyện Quảng Tín của Thương Ngô, cũng là tỉnh lỵ ngày nay.

Đến thời Tam Quốc [220-280] nhà Ngô sai Bộ Chắt làm Thứ sử Giao Châu. Bộ Chắt thấy **[70a]** đường xá Giao Châu không thông suốt với các nơi, liền cho giết viên Thái thú Thương Ngô là bề tôi của nhà Ngô, rồi chiếm cứ đất Nam Hải, thấy hình thế đất đai tốt nên đặt làm quận và chuyển trị sở đến Phiên Ngung. Như vậy thì trị sở bộ Giao Châu lại từng dời đến đất Nam Hải. Đó là lời vấn đáp về văn võ trong trị sở của bộ Giao Châu. Sau

---

<sup>1</sup> Chín quận thời Hán Vũ Đế là: Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Đạm Nhĩ. Chín quận này nằm chung trong Giao Chỉ bộ. Năm Kiến An thứ 8, đời vua Hán Hiến Đế (203) nhà Hán đổi bộ Giao Chỉ thành Giao Châu. Đến thời Đông Ngô, năm Hoàng Vũ thứ 5 (226) mới tách Giao Châu thành Giao Châu và Quảng Châu. Giao Châu gồm các quận: Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, trị sở ở đất Long Biên thuộc quận Giao Chỉ. Quảng Châu gồm các quận là Nam Hải, Quất Lâm và Thương Ngô, trị sở ở Phiên Ngung thuộc quận Nam Hải. Năm 264, nhà Ngô chia lại đất đai, Giao Châu có 4 quận cũ và mở rộng thêm 3 quận mới: Tân Xương, Vũ Bình và Cửu Đức.

<sup>2</sup> Mười ba bộ đó là: Tư châu, Dục châu, U châu, Thanh châu, Ích châu, Duyện châu, Kinh châu, Tịnh châu, Lương châu, Từ châu, Dự châu, Dương châu và Giao châu.

này đổi là Quảng Châu thì chức Thứ sử Giao Châu nghi là không lập riêng lại. Còn trị sở của Giao Chỉ thái thú là Luy Lâu. Quan Đề đốc cao minh có cho là đúng không?”

Chu Bội Liên nói: “Quan sứ chỉ ra mỗi điều đều là những lời luận bàn quý báu. Hôm qua tôi vâng trình đại nhân, đã viết: “Trị sở bộ Giao Chỉ thời Hán ở Thương Ngô. Trị sở quận Giao Chỉ ở Long Biên, đội ơn quan sứ đã phân tích chi tiết khiến tôi hiểu rõ ràng hơn. Dương Tử Vân<sup>1</sup> có bài châm về Giao Châu, đã đem Giao Châu xếp ngang hàng cùng chín châu trong nước. Trước đó giáo hóa nhà Hán đã dần phổ biến thông suốt khắp nơi. Hán Hiến đế cho thăng làm châu mục, từng [ban cho] Trương Tân dấu ấn rằng: “Bọn nghịch tặc Tôn Quyền lại sai bề đẳng dòm ngó cõi Nam. Việc Tôn Ngô sai Bộ Chấn [đến Giao Châu], sao biết không dòm ngó thôn tính đất đai nhà Hán?” Trương Tân là bề tôi của nhà Ngô đã thất bại. Phía bắc cửa quan đều là nơi sở hữu của nhà Ngô, phía nam chỉ còn anh em Sĩ Nhiếp [70b] phụng mệnh giữ tiết độ. Tôn Quyền tăng cường Thái thú Giao Chỉ thì việc phân chia Giao - Quảng chỉ là thế sự quyền nghi một thời. Nhưng nhà Tấn đã dẹp yên nhà Ngô, liền ban cho Đào Hoàng làm Thứ sử Giao Châu cai quản vùng đất trước đây Sĩ Nhiếp thống trị. Từ đó Nam Hải, Thương Ngô mãi mãi thuộc về Quảng Châu. Theo sách *Thiên triều địa chí* nhà Tấn kê khai riêng biệt rõ ràng các huyện thuộc Giao Châu và Quảng Châu, nghĩa là chức Thứ sử cũng được thiết đặt riêng rẽ độc lập.”

Quan Đề đốc lấy ra một tập sách kê khai đầy đủ các phủ huyện trước thời Minh, hỏi: “Diễn cách ngày nay của các phủ huyện ấy thế nào? Từ thời Tần, Hán trở lại đây, các phủ huyện ấy thuộc vùng đất nào, tên gọi là gì?”

Phó sứ đáp: “Giao Chỉ nằm riêng một phương, xa xôi tận cuối chân trời. Các triều đại trước tuy giáo hóa rộng khắp nhưng trình độ dân chúng còn rất thấp. Thư tịch ghi chép hiếm hoi, cho nên đọc sách *Đường thư địa chí* mà ngược xem các sách của thời Tây Đông Hán, Tấn, Tống, Tùy thì sách *Đường chí* đã không phân biệt được địa giới châu nào huyện nào nữa rồi. Huống hồ từ triều Tống, sau khi họ Đinh được phân phong, tùy việc mà cắt đặt phân bổ. Ngày tháng trôi đi khó mà rõ ràng việc xưa. Căn cứ vào các sử sách của tiền nhân, thời Minh tạm đặt phủ huyện, nhưng cũng là dựa vào ý kiến riêng của quan lại đương thời [71a] tâu xin phân chia xây dựng thành quách. Đến khi nước tôi nhận phong vương tước, thuận theo lòng dân mà đổi mới sửa chữa, tùy nghi xây đặt, lại tham khảo chế

---

<sup>1</sup> **Dương Tử Vân:** Tức Dương Hùng (53 TCN - 18 SCN), người Thành Đô, quận Thục, thời Tây Hán. (Nay thuộc Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên). Ông là nhà từ phú nổi tiếng thời Hán, sau Tư Mã Tương Như.

độ nhà Lý, Trần. Toàn bộ những quy hoạch của Trương Phụ, Hoàng Phúc đều xóa bỏ. Bởi vậy ngày nay khó có thể phân tích sự thay đổi địa danh một cách rõ ràng thấu đáo được.”

Quan Đề đốc nói: “*An Nam quốc chí* lẽ nào không ghi chép lưu giữ? Hay là Sứ thần tiếc chỉ giáo cho tôi, xin đại nhân ban ơn mà bảo rõ cho”.

Phó sứ đáp: “Tôi không dám giấu giếm điều gì, chỉ có điều hiện giờ khó mà nói cho tường tận rõ ràng.”

Phó sứ lấy ra hai tập *Thánh mô hiền phạm* nhờ quan Đề đốc hiệu đính cho. Ông xem qua một chút, liên tục gật đầu, rồi nói: “Sách này xin quan sứ để lại vài ngày, rồi tôi sẽ gửi trả lại sau”.

Ngày hôm đó quan Đạo đài họ Tra gửi biếu lễ vật đi đường. Cống sứ gửi thiệp xin lĩnh nhận và cảm tạ. Quan sứ sai đem quà biếu quan huyện Sùng Thiện là Hoạn Nho Chương. Ông ta nhận hết.

Ngày 28 quan Sách sứ sai viên Tuần bổ mang đến thuyền sứ một tờ giấy ghi chép các bài thơ tặng đáp giữa Sách sứ với quốc vương nước Nam. Quan Sách sứ lại sai người hỏi thăm tình hình đi đường vất vả. Cống sứ mời viên Tuần bổ vào thuyền nói chuyện. Viên quan cảm ơn rồi từ chối xin lui về.

**[71b] [Bài một]**

Sách phong Chánh sứ Đức đại nhân tặng thơ quốc vương An Nam

**[Nguyên văn chữ Hán]**

**[Phiên âm]**

象星尊北極

Tượng tinh tôn Bắc cực

作鎮守炎方

Tác trấn thủ viêm phương

幸沐分茅惠

Hạnh mộc phân mao huệ

新攸脉土章

Tân ban mạch thổ chương

慶傳銘帶礪

Khánh truyền minh đới lệ

榮衍捧圭璋

Vinh diễn phủng khuê chương

幸際霑深澤

Hạnh tế chiêm thâm trạch

宜思續令望

Nghi tư tục lệnh vọng

得邦忠是鵠

保國孝為坊

更廣詩書教

全榛仁讓鄉

屏韓名克付

恭謹良誠良

一意無諭忒

千秋睹耿光

Đắc bang trung thị cốc

Bảo quốc hiếu vi phường

Cánh quảng thi thư giáo

Toàn trần nhân nhượng hương

Bình hàn danh khắc phó

Cung cặn lương thành lương

Nhất ý vô dụ thác

Thiên thu đồ cảnh quang

### [Dịch nghĩa]

Trong các loại tinh tú, tôn kính ngôi Bắc cực  
Làm trấn thủ phương Nam  
May được phân phong chư hầu  
Lại được ban ngọc tốt đất lành  
Mừng truyền khắc ghi ơn huệ yên định<sup>1</sup>  
Vinh dự cầm khuê chương  
Nhờ được đội ơn sâu  
Nên nghĩ tiếp tục giữ lệnh hướng về thiên triều  
Giữ nước trung là chính<sup>2</sup>  
Bảo quốc hiếu làm đầu<sup>3</sup>  
Càng mở rộng giáo hóa thi thư  
Khắp chốn đều là làng có nhân lễ  
Xứng danh là chư hầu che chở giúp rập thiên triều  
Cung kính và thành thực  
Tâm ý không hai lòng  
Ngàn thu ngắm cảnh quang rực rỡ.

### [Bài hai]

Quốc vương An Nam họ Lê cung kính họa nguyên vận

[Nguyên văn chữ Hán]

[Phiên âm]

---

<sup>1</sup> Dịch từ “đội lệ”: Đội là vật áo. Lệ là viên đá mài. Trong *Sử ký thiên Cao tổ công thần hầu giả niên biểu* 史記 - 高祖功臣侯者年表 chép rằng: “Dù Sông Hoàng Hà nhỏ như vật áo, núi Thái Sơn bé như viên đá mài thì quốc gia vẫn mãi mãi yên định dài lâu”. Đội lệ ví với việc nhận được sủng ái ơn huệ mà được bình định, yên ổn.

<sup>2</sup> Dịch từ chữ 鹄 “cốc”: Nghĩa gốc chỉ cái vòng tròn trên bia để tập bắn. Trong bia vẽ một cái vòng, bắn vào giữa vòng là trúng, người xưa gọi là chánh 正 hay là cốc 鹄. Nghĩa mở rộng chỉ những cái gì làm nêu làm mốc cho việc làm cũng gọi là chánh cốc 正鹄.

<sup>3</sup> Dịch từ chữ 坊 “phường”: Một vật gì xây đắp để tiên phong, tiêu biểu các người hiền ở các làng mạc cũng gọi là phường. Như trung hiếu phường 忠孝坊, tiết nghĩa phường 節義坊, v.v.

北紐端宸極

南交入職方

四乘華使節

九命賁王章

虞嶽榮班瑞

周庭恪奉章

開顏欣鳳睹

拭目快雲望

將事公平準

稷躬禮義坊

文明 [...] [...] 軌<sup>1</sup>

雅淡葛胥鄉

礪操橫安子

吟懷寫富良

瑤瓊留永好

台斗挹餘光

**[Dịch nghĩa]**

Phía Bắc dựng ngôi thần cực

Nam Giao nhập vào biên cương<sup>2</sup>

Bắc nữ đoan thần cực

Nam Giao nhập chức phương

Tứ thừa hoa sứ tiết

Cửu mệnh bí vương chương

Ngu Nhạc vinh ban thụ

Chu đình khác phụng chương

Khai nhan hân phượng đồ

Thức mục khoái vân vọng

Tương sự công bình chuẩn

Tắc cung lễ [72a] nghĩa phùng

Văn minh [...] [...] quỹ

Nhã đạm cát tư hương

Lệ thao hoành Yên Tử

Ngâm hoài tả Phú Lương

Dao Quỳnh lưu vĩnh hảo

Thai Đẩu áp dư quang

<sup>1</sup> Đoạn này văn bản thiếu mất hai chữ.

<sup>2</sup> **Dịch từ “chức phương”**: Chỉ nơi biên cương của đất nước. Tống Trần Sư 宋陳師 viết trong tác phẩm Đại hạ An Tây Xuyên biểu 代賀安西川表：奉清廟之遺策，還職方之故區，恩賞并行，人神共庆 (Phụng

Bốn xe pháp phối vinh hoa cờ sứ thần  
 Chín mệnh<sup>1</sup> ban xuống sáng tỏ lễ nghi của nhà vua<sup>2</sup>  
 Núi cao nhà Ngu được vinh dự ban cho ngọc thụ  
 Sân đình nhà Chu cung kính phụng ngữ khuê chương  
 Mở mặt mừng vui ngấm dáng phượng bay  
 Ngược mắt nhìn trông áng mây trời  
 Làm việc công bằng chuẩn chỉ  
 Tu thân theo phường lễ nghĩa  
 Văn minh [...] [...] quỹ đạo  
 Nhã đạm như làng Cát Tư  
 Mài rửa tiết tháo như ngang qua núi Yên tử  
 Ngâm nga hoài niệm viết về sông Phú Lương  
 Ngọc quỳnh ngọc dao lưu mãi điều tốt đẹp  
 Sao Thai, sao Đẩu phủ chiếu rực rỡ ánh sáng

### [Bài ba]

Quan Sách phong Phó sứ họ Cố tặng thơ quốc vương nước An Nam

[Nguyên văn chữ Hán]

[Phiên âm]

慶衍南交繼序明

Khánh diển Nam Giao kế tự minh

炎方屏蔽拱神京

Viêm phương bình tế củng thần kinh

兩言忠孝能治國

Lưỡng ngôn trung hiếu năng trị quốc

---

theo chính sách để lại của triều đình, trở lại quận cũ miền biên cương, ân thưởng cùng được ban hành, người và thần cùng vui mừng).

<sup>1</sup> **Chín mệnh:** Chín bậc quan tước thời Chu. Chế độ lục quan và cửu mệnh được ghi chép chi tiết trong thiên *Diển mệnh*, phần *Xuân Quan* sách *Chu Lễ* 周礼 - 春官 - 典命 và sách *Lễ kí* thiên *Vương chế* 礼记 - 王制. Chế độ nghi lễ, y phục, xe ngựa, cung thất quy định theo từng cấp bậc.

<sup>2</sup> **Lễ nghĩa nhà vua:** Dịch từ “vương chương”. Vương chương cũng có nghĩa là vương lễ, tức lễ nghi của nhà vua. Sách *Tả truyện*, mục *Hy công năm thứ 15* viết: “Tấn hầu xin dung đường hàm, thiên tử không cho. Đó là vương chương vậy”. Không Dĩnh Đạt sớ: “Đường hàm là dùng trong lễ tang vua. Chư hầu đều treo linh cữu rồi thả xuống. Cho nên không dùng đến đường hàm. Tấn hầu xin đường hàm là muốn nhà vua cho phép sau khi ông ta chết thì dùng vương lễ táng ông ta. [Ý chỉ muốn tiếm ngôi thống trị thiên hạ]

|         |                                     |
|---------|-------------------------------------|
| 千載共球幸守成 | Thiên tải cộng cầu hạnh thủ thành   |
| 佛跡山巔摩漢直 | Phật tích sơn điền ma hán trực      |
| 龍門江水照人情 | Long môn giang thủy chiếu nhân tình |
| 海隅萬里非荒服 | Hải ngung vạn lý phi hoang phục     |
| 天盡西陲載赫聲 | Thiên tận tây thùy tải hách thanh   |

**[Dịch nghĩa]**

Phúc lành trải khắp đất Nam Giao từ trước đến nay liên tiếp rõ ràng,  
 Chôn Viêm phương<sup>1</sup> phen dậu hướng về Thần kinh<sup>2</sup>.  
 Hai lời trung hiếu có thể trị quốc,  
 Nghìn năm cùng một thiên hạ may giữ được thành tựu.  
 Đỉnh núi Phật Tích mài tính cương trực của kẻ hảo hán,  
 Nước sông Long Môn chiếu rọi tình người.  
 Vạn dặm góc biển không phải miền xa xôi gì<sup>3</sup>,  
 Biên giới phía Tây cuối trời chờ tiếng tăm hiển hách.

**[Bài bốn]**

Quốc vương nước An Nam họ Lê cung kính họa nguyên vận

**[Nguyên văn chữ Hán]**

**[Phiên âm]**

|         |   |
|---------|---|
| 日朗中天萬國明 | Nhật lãng trung thiên vạn quốc minh       |
| 使星光彩耀宜京 | Sứ tinh quang thái diệu nghi kinh         |
| 親承鳳詔知堯渥 | Tân thừa phượng cáo tri Nghiêu ốc         |
| 迓接鸞儀見舜成 | Nhĩ tiếp loan [72b] nghi kiến Thuần thành |
| 一路賢勞嵐霧霽 | Nhất lộ hiền lao lam vụ tễ                |
| 億年聖澤海波清 | Úc niên thánh trạch hải ba thanh          |

<sup>1</sup> **Viêm phương:** chỉ khu vực nhiệt đới phương Nam, ở đây ý chỉ nước ta.

<sup>2</sup> **Thần kinh:** từ chỉ đất đế đô, nghĩa rộng chỉ Trung Quốc nói chung.

<sup>3</sup> **Dịch từ “hoang phục”:** ý chỉ những vùng đất cách xa kinh đô 2000 đến 2500 dặm.



明 朝 宣 室 承 清 問

Minh triều tuyên thất thừa thanh vấn

銅 柱 南 來 總 教 聲

Đồng trụ nam lai tổng giáo thanh

**[Dịch nghĩa]**

Mặt trời sáng giữa trời, muôn nước được sáng soi,

Ánh sáng Sứ tinh<sup>1</sup> rực rỡ hợp chốn kinh đô.

Gần thì kế thừa phượng cáo mà biết thịnh trị đế Nghiêu,

Xa thì kế tiếp loan nghi mà thấy thành tựu vua Thuần.

Cả chặng đường mệt nhọc khí mù núi non chợt sáng,

Mãi nghìn năm ơn thánh trạch trong như sóng biển.

Cung điện<sup>2</sup> triều Minh được nhà Thanh nối tiếp học hỏi

Cột đồng<sup>3</sup> đánh dấu từ phía Nam trở đi luôn vang tiếng giáo hóa.

Quan Hiệp trấn Âu Dương Mẫn sai người đệ thiếp và tặng bài thơ Động Bạch Vân.

Cổng sứ gửi thiếp cảm ơn và tỏ ý không dám [múa riu qua mắt thợ]. Quan huyện sai người biếu lễ vật đi đường. Cổng sứ bèn gửi thiếp tạ ơn và gửi trả lại lễ vật. Cổng sứ biếu quan Tuần bổ cùng hai vị họ Đàm, họ Mi các loại thổ nghi vì các quan ấy đã tặng thưởng chủ thuyền rượu và thịt dê.

Chủ thuyền muốn nhờ neo đến trú lại ở Minh Giang vì số tiền trạm cấp lần trước ở lâu sẽ khánh kiệt. Nếu đến Minh Giang các thủy thủ quay về thì có thể miễn tổn hao lương thực. Còn nếu vẫn phải thuê thủy thủ ở lại phủ thành thì phải cấp thêm lương thực, không biết lấy gì cung ứng. Sứ thần viết thư mật báo lên quan Đạo đài, xin hỏi ý kiến xử lý như thế nào để họ không ồn ào. Đạo quan liền gọi quan Bạt tổng đến, thông báo xuống các thuyền: “Ta muốn lưu giữ các vị cổng sứ ở đây ăn [73a] tết, thông thả chuyện trò. Thời gian mở cửa khẩu còn xa, không cần phải đi vội. Các người nói là thiếu lương thực, nay ta cấp cho mỗi phu thợ mỗi ngày 2 bát gạo và 10 đồng, đến ngày quan sứ xong việc về nước

---

<sup>1</sup> **Sứ tinh:** ý chỉ sứ giả. Theo *Hậu hán thư* 后汉书, mục *Lí Cáp truyện* 李邰传 có viết: “Hoàng đế lên ngôi, phân sứ giả đi đến các châu huyện sưu tập ca dao. Hai sứ giả đi đến Ích Bộ, Đầu Bộ, bấy giờ đã đến ban chiều, liền chỉ lên ngôi sao mà nói rằng: có hai ngôi sao sứ đang hướng về địa phận Ích Châu”. Nhân thế, đời sau gọi các sứ giả là “Tinh sứ”.

<sup>2</sup> **Dịch từ “Tuyên cung”:** Tuyên Cung là tên một cung điện thời nhà Ân, ở đây ý chỉ cung điện nói chung.

<sup>3</sup> **Dịch từ chữ “Đồng trụ”:** tức “cột đồng Mã Viện” là cây cột đồng lớn trên có khắc: “*Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt*” (Cột đồng gãy, Giao Chỉ diệt) do Mã Viện sai làm. Ở đây ý chỉ mốc giới giữa nước ta và Trung Quốc.

thì thôi. Nếu các người còn ồn ào vô lễ, ta sẽ xử lý nghiêm khắc”. Bởi vậy 10 thuyền, tổng cộng là 150 người đều vui mừng đến thuyền quan sứ khấu tạ.

Ngày 29 gần đến tết Nguyên đán, Công sứ đem lễ vật biếu hai vị Sách sứ và gửi tờ thiệp rằng: “Nay sao Thái giai trong sáng, hoàng đạo rực rỡ, vui mừng được chiêm ngưỡng xe thánh giá, được nghênh trông hai vị sứ tinh, chúng tôi có chút lễ vật tuy không được đầy đủ hậu hĩnh, tạm coi như chén rượu xuân kính dâng quan Sách sứ, cung chúc quan đại nhân muôn vàn phúc lộc”. Công sứ đem lễ vật biếu quan Đạo đài và gửi tờ thư viết: “Đầu năm tiết lành, đầu xuân thịnh trị, cúi mong ơn đức che chở, tạm đem mâm cơm kính biếu, xin quan đại nhân vui lòng nhận cho”. Các quan đều không nhận lại còn sai người đáp tạ. Riêng quan huyện thì lĩnh nhận hết. Sứ thần lại ban thưởng bạc lạng cho các thuyền.

Quan Đề đốc học viện họ Chu sai người đem trả sách *Thánh mô hiền phạm lục* và gửi một bài tựa cùng [73b] một tờ thư cho quan Phó sứ thứ nhất.

**[Đề đốc Chu Bội Liên viết tựa sách *Thánh mô hiền phạm lục*]**

Thời Xuân thu, Đàm tử<sup>1</sup> vào triều kiến [vua Lỗ Chiêu Công]. Khổng tử hỏi Đàm tử về quan chế rồi than rằng: “Cái học đã ở Tứ duệ<sup>2</sup>”. Cái học của Tứ duệ chính là học tập từ Trung Châu. Trung Châu đánh mất thì Tứ duệ thu được. Trung Châu lại nhờ Tứ duệ mà phục hồi được, cũng là vì Trung Châu có các bậc cổ thánh hiền nhân. Đó là giáo hóa của thánh hiền phổ rộng trong ngoài, như ngọn gió thổi khắp bốn phương vậy. Nhưng vì Tứ duệ không cùng phong tục tập quán. Từ khi Lão tử vào Lưu Sa, phía Tây Bắc đều bị Phật mê hoặc. Phật thuyết xâm nhập vào Trung Châu, đạo nghĩa lớn ít dùng, lời lẽ của thánh hiền cổ xưa như còn như mất, không thể thắng nổi học thuyết của họ Phật đó. Riêng có khu vực Đông Nam sáng suốt, không u tối như Tây Bắc nên tà thuyết khổ hạnh của họ Phật không thể mê hoặc được. Hơn nữa đạo Nho vẫn còn những người giữ được chuyên nhất và kiên định lắm.

Tôi trộm thấy hai nước Cao Ly và An Nam, [74a] những điều dị biệt ít, đại thể giống với phong tục tập quán Trung Châu. Ôi, chẳng qua là Cao Ly và An Nam đều có

Đà ử 郊子 ườ ờ â à ướ Đà ườ ả ả dạ đứ à â í  
 ộ ô ô à ề ạ ỗ ê ô dạ ướ ỗ à ê ử ỏ ô ì ờ  
 ế ạ ướ Đà ấ ê ể dạ ê ứ Ô ề ả ờ ườ ậ ỗ “ ế  
 ạ à ỗ ê ủ ô à ư ớ ạ ướ ó ượ à ừ đó đề ấ ê  
 dạ ê ” á ề ấ ấ đề â ụ đó ỗ ử ở ướ ỗ  
 ế ô è ì đế ỉ á è ị ử để ị ể độ ứ ờ ế ạ Đ  
 ạ ế ủ Đà ử đượ á ị ậ ứ ế ô ả ể đ ì ử ê ô  
 ẹ à ế

ử ệ 四裔 Túc chỉ bốn vùng biên viễn thời cổ là 幽州崇山三危羽山. Sách *Thượng thư*, thiên *Nghiêu diên* viết: “流共工 于 幽州, 放驩兜 于 崇山, 窜三苗 于 三危, 殛 鯀 于 羽山” (Lưu Cộng Công ở U Châu, phóng thích Hoan Đâu tới Sùng Sơn, đầy Tam Miêu đến Tam Nguy, bức Côn tại Vũ Sơn”. Sách *Khổng truyện* nói U châu là Bắc Duệ 北裔; Sùng Sơn 崇山 là Nam Duệ 南裔 ; Tam Nguy 三危 là Tây Duệ 西裔 Vũ Sơn 羽山 là Đông Duệ 东裔. Nước Đàm là nước chư hầu nhỏ bé của nhà Chu. Tổ tiên của nước Đàm là họ Thiệu Hạo tộc Đông Di. Khổng tử sau khi gặp thỉnh giáo Đàm tử cảm thấy vô cùng ngưỡng mộ, mến phục nên than rằng: “Cái học đã ở Tứ duệ”

giáo hóa của các bậc cổ thánh hiền nhân Trung Châu thời tới? Ngày xưa Chu Vũ Vương đánh thắng nhà Thương, phong cho Cơ Tử ở đất Triều Tiên, thi hành giáo hóa “bát điều mục” của thánh hiền. Thời Thành Vương, cỡi Việt Thường<sup>1</sup> vì lâu không có mưa dầm gió lớn, biết Trung Châu có thánh nhân liền mang lễ vật đến yết kiến, được Chu Công ban cho xe chỉ nam về nước. Bởi vậy hai nước đều có giáo hóa của thánh hiền để lại.

Cao Ly sùng chuộng nhu hòa cung kính, đội khăn bẻ góc, mặc áo cổ rộng tay, vui vẻ đọc sách, thành thực tuân theo phép độ uy nghi. Nhưng có một số người không đủ sáng suốt, sùng chuộng Thích giáo. Nước An Nam áo mũ gần giống Cao Ly, riêng có việc để tóc dài không búi tóc về phía sau, chẳng phải tập quán xưa hay phong tục nay mà đó là vì học đạo chưa thuần vậy. Nhưng người Giao Châu và Ái Châu thường phóng khoáng, thông minh. Người Hoan Châu, Diên Châu thường đôn hậu, thanh tú và hiếu học. Điểm này cũng giống với Cao Ly. Riêng có việc họ không bị mê hoặc, tin chuộng Thích giáo thì vượt xa người Cao Ly.

Về việc sản sinh nhân tài, Cao Ly thì thịnh lên từ đời Đường trở về sau, còn An Nam thì thịnh từ đời [74b] Đường trở về trước, tức là như thế nào? Nước Cao Ly từ đời Đường về sau có Thôi Chí Viễn, Thôi Khuông Dụ, thi Hiền khoa, đỗ Tiến sĩ. Đến thời Minh có Trịnh Mộng Chu<sup>2</sup> chủ trương trung hiếu đạo đại nghĩa, nghiên cứu sâu về tính lý, trở thành ông tổ Lý học của phiên dậu phương đông. Hai vị họ Thân, ba người họ Hứa cũng là những bậc tài danh có công hiến lớn, trước đó tôi chưa từng nghe người nào được như vậy. Nước An Nam thời Đường về trước, đời Hán Minh Đế có Trương Trọng thi đỗ được thăng vào làm quan ở Lạc Dương. Học trò Sĩ Nhiếp đều học *Tả truyện*. Đến thời Đường, tể tướng Khương Công Phụ cũng vì học kinh điển mà làm vẻ vang gia tộc. Từ đó

---

<sup>1</sup> **Việt Thường:** Tương truyền chỉ tộc người Việt cổ cư trú khu vực Quảng Bình - Quảng Trị ngày nay. Tộc người Việt này xuất sinh sống khoảng đầu thiên niên kỉ thứ 2 trước công nguyên, giai đoạn giải phóng xã hội nguyên thủy bước vào xã hội nô lệ. Sách *Việt Nam sử lược* viết: “Về đời bấy giờ, sứ Tàu có chép rằng năm tân mao (1109 TCN), đời vua Thành Vương nhà Chu, có nước Việt Thường, ở phía nam xứ Giao Chỉ sai sứ đem chim bạch trĩ sang cống, nhà Chu phải tìm người làm thông ngôn mới hiểu được tiếng và ông Chu Công Đán lại chế ra xe chỉ nam để đưa sứ Việt Thường về nước.”, Sđd, Trần Trọng Kim, tr9.

<sup>2</sup> **Trịnh Mộng Chu 郑梦周:** (1337-1392), tự là Đạt Khả, hiệu Phổ Ân, thụy Văn Sứ. Ông là nhà chính trị, nhà ngoại giao, nhà văn học, nhà triết học, nghiên cứu sâu về Tính, Lý, được tôn vinh là ông tổ của Lý học vương triều Cao Ly. Ông từng phụ trách giảng giải sách *Chu tử tập chú* ở Cao Ly, giữ chức Đại tư thành, 4 lần đi sứ Trung Quốc, thiết lập quan hệ với Trung Quốc.

về sau không có ai được như thế. Sở dĩ như vậy là vì nước Cao Ly là phiên dậu phía Đông từ trước lại cách Trung Châu rất gần. Còn An Nam mãi sau mới là phiên dậu phía Nam, lại cách Trung Châu xa. Đạo Thánh hiền và giáo hóa của thiên triều cũng có chỗ xa gần khác nhau. Giáo hóa của thiên triều phổ khắp bốn biển, không có nơi nào không tới, bất kể là Cao Ly hàng năm vào triều cống tiến hay An Nam sáu năm hai lần triều cống, [75a] đi lại liên tục. Trung Châu có sách hay, Sứ thần không tiếc đất rẽ tranh nhau mua. Đọc văn từ biết được đạo lý. Bởi vậy nhân tài hai nước đều hưng thịnh hơn các triều trước.

Mùa đông, năm Càn Long thứ 26 [1761] quan sứ nước An Nam họ Lê, hiệu là Quế đường biết tôi ở Thí viện Thái Bình mới đem tập sách *Thánh mô hiền phạm lục* đến xin tôi viết cho lời tựa. Trước kia tôi vẫn nghĩ, hơn 300 năm triều Minh trở lại đây, chỉ lưu truyền chuyện người An Nam sắm sửa vàng hương kính thờ Giải Đại Thân, tôn xưng là Giải phu tử. Những bậc lãnh tụ anh tuyệt của nước ấy chẳng qua cũng chỉ là những người có tài nhanh nhẹn, khéo léo; có tính thẳng thắn, cương trực như Đại Thân mà thôi. Từ Đại Thân trở về trước chắc chưa có ai đập sóng rẽ nguồn để đến gần địa vực thánh hiền.

Nay tôi đọc sách của quan sứ thấy cuốn sách chia thành 12 điều, bắt đầu từ chỗ *Thành trung, Lập chí*; kết thúc ở các điều *Tông nghị, Khốn huấn* và Ngũ đạt đạo<sup>1</sup> của *Trung dung*; ở giữa thì có các điều *Tu đạo, Bế tà, Đạt lý, Vệ sinh* để tu dưỡng bản thân, các điều *Thủ quan, Tòng chính, Khiêm thận, Thù ứng* để đối nhân xử thế. Sách ấy phân chia hợp với nghĩa lý đ ạt đức<sup>2</sup> cửu kinh<sup>3</sup>, rất giống với sách [75b] *Định tính thư* của Lý

---

<sup>1</sup> **Ngũ đạt đạo:** Năm đạo lý thông suốt trong trời đất, vốn là lời Khổng Tử trong sách *Trung Dung*: 天下之達道五, 曰君臣也、父子也、夫婦也、昆弟也、朋友之交也。 ( *Thiên hạ chi đạt đạo ngũ*, sở dĩ hành chi tam. Viêt: Quân thần dã, phụ tử dã, phu phụ dã, côn đệ dã, bằng hữu chi giao dã. Ngũ giả thiên hạ chi đạt đạo dã.) Năm đạt đạo gồm: quân thần, phụ tử, phu phụ, côn đệ, bằng hữu. Năm mối quan hệ giường cột ấy có thể vận hành thực thi thông suốt nhờ ba đức lớn Trí, nhân, dũng quán triệt trong xã hội.

<sup>2</sup> **Đạt đức 達德:** 《中庸》“智、仁、勇三者，天下之達德也。 Sách *Trung Dung* viết: “Ba đức Nhân, Trí, Dũng là đạt đức trong thiên hạ. Đó là những đức lớn thông suốt trong trời đất.

<sup>3</sup> **Cửu kinh 九經:** 《中庸》“为天下国家有九经。修身也，尊贤也，亲亲也，敬大臣也，体群臣也，子庶民也，来百工也，柔远人也，怀诸侯也”。 Sách *Trung Dung* viết: Cai quản quốc gia thiên hạ có chín đạo trị lý lớn lao: Tu thân (Tu dưỡng bản thân), Tôn hiền (Tôn kính người hiền tài), Thân thân (Yêu mến người thân), Kính đại thần (Kính trọng bề tôi), Thể quần thần (Hiểu thấu các quan thần), Tử thứ dân (Thương

Tập. Nhưng văn từ của Lý Tập là tự viết ra, còn ông Quế Đường chỉ thuật lại những lời có sẵn của thánh hiền. Hết thấy những lời hay ý đẹp trích ở Kinh, Sử, Tử, Tập trong *Tứ khố*, cho đến những lời bàn mưu lược trong các buổi yến hội của nhà Nho và những lời giáo huấn của các bậc kỳ cựu.

Quan sứ đọc rộng mà thâu tóm ghi chép được ngôn từ chính yếu. Công phu của ông đáng nói là cần mẫn. Chí hướng đúng đắn của ông thật đáng ca ngợi. So với Trịnh Mộng Chu của nước Cao Ly, mức độ cao thấp uyên thâm, nông cạn thì tôi chưa biết như thế nào. Nhưng cốt yếu là những lời hay đức tốt của thánh hiền, quan sứ giữ được chuyên nhất và kiên định, không hổ thẹn là ông tổ Lý học của phân dậu phương Nam<sup>1</sup>. Điều đó làm tôi rất vui mừng và ngưỡng mộ ông. Tiếc rằng ông Quế Đường sinh trưởng ở phân dậu phương Nam, không được ở mãi Trung Châu. Giả sử ông được ở Trung Châu vài năm cùng với các đại nhân có đạo đức và năng văn của Trung Châu, giảng đàm nghiên cứu thấu suốt tình cảm Chu Công, tư tưởng Khổng tử, thì tôi sao có thể đoán trước được thành quả của ông cao như thế nào. Nhưng dù sao ông sống lâu ở phương Nam, khiến cho người trong nước đều coi cuốn sách này là xe chỉ nam, ắt không bị mê hoặc hay lạc lối ở ngã ba đường. Công lao đó thực vô cùng lớn lao. Không dám vội vàng tôn xưng ông [76a] đến bậc thánh hiền, nhưng lẽ nào không thể nói ông là học trò của các bậc thánh hiền?

Đại Thanh khâm mệnh Đề đốc Quảng Tây đẳng xứ học chính, nhật giảng khởi cư trú quan Hàn lâm viện, Biên tu tiền hữu xuân phương, hữu trung doãn Hàn lâm viện Thị độc, Khâm điểm Mậu Thìn khoa hội thí đồng khảo quan, Canh Thìn ân khoa Thiêm Tây hương thí chủ khảo quan, sung Kinh sử quán, Tam lễ quán, Minh sử cương mục quán, Quốc sử quán, Đại Thanh hội điển quán, Độc văn hiến thông khảo quán, Toàn tu quan, Hải Diêm Chu Bội Liên đề tựa.

#### [Thư của Chu Bội Liên gửi Lê Quý Đôn]

“Sách *Thánh mô hiền phạm lục* ngắn gọn, tinh túy có thể coi là bảo quý. Riêng có đoạn ghi chép lời Mã Dung<sup>2</sup> có thể lược bỏ. Chỗ mô phỏng Văn Trung Tử<sup>1</sup> trở xuống có

---

yêu dân chúng như con), Lai bách công (Chiêu vời thợ thuyền), Nhu viễn nhân (Mềm dẻo với người ở xa) và Hoài chư hầu (Quan tâm chư hầu).

<sup>1</sup> Đoạn này bỏ trống một chữ. Chúng tôi căn cứ vào ngữ cảnh đoán là chữ “quỹ” (hổ thẹn).

<sup>2</sup> **Mã Dung** 马融 (79 - 166), tự là Quý Trường, người Hưng Bình, Thiêm Tây. Ông là cháu của danh tướng Mã Viện đời Đông Hán, từng giữ chức Hiệu thư lang, Lang trung. Ông là nhà Kinh học nổi tiếng đương thời,

thể nói là hành văn của bậc khoa cử tài tình. Đoạn ghi chép những lời gia huấn cách ngôn gần đây còn tùy hứng, thông tục, lời bàn phải dè sẻn cẩn trọng. Sách ấy giống như bản nháp, chữ tục thể, phá thể rất nhiều, cần sửa sang hiệu đính kỹ lưỡng.”

[76b] Quá trưa ngày hôm ấy, quan Phó sứ thứ nhất đến cảm ơn Chu Đề đốc. Phó sứ lại mang hai tập *Quần thư khảo biện* trình quan Đề đốc xem.

Quan sứ nói: “Tôi đã từng chép lại một bản sạch sẽ nghiêm chỉnh tặng quan Khâm sai Tàn đại nhân. Nay còn giữ lại bản gốc, muốn dâng đại nhân xem thêm cho. Tôi vốn không ngại tỏ bày cái chất phác, ngu dốt của mình”.

Quan Đề đốc xem qua một lúc vỗ tay tán thưởng, rồi lấy bút ra viết: “Sách *Sử biện* khảo cứu về lịch sử căn cứ vào kinh truyện, thể hiện rõ kiến thức trác tuyệt của người viết. Sách *Thánh mô hiển phạm lục* là cái học “minh thể” (làm sáng tỏ bản thể); sách *Quần thư khảo biện* là cái học “trí dụng” (đề cao công dụng) của bậc đại Nho. Sách *Nhật tri lục*<sup>2</sup> của Cố Viêm Vũ hiệu là Lâm Đình ở thiên triều cũng gần giống như vậy”.

Quan Đề đốc lại nói: “Bài tựa, tán sách *Thánh mô hiển phạm lục* lời tinh ý rõ, thật không dễ có được. Quan sứ họ Lê thực là nhân vật số một của quý quốc”.

Phó sứ đáp: “Tôi không dám, đại nhân đã quá khen. Tôi được đại nhân chỉ giáo cho là may mắn lắm rồi”.

Quan Đề đốc nói: “Sách *Sử biện*, quan sứ cho phép tôi đọc vài ngày sẽ gửi lại sau.”

---

đặc biệt thông tuệ cổ văn kinh học , từng biên tập chú thích rất nhiều kinh điển như : *Chu dịch*, *Thượng thư*, *Mao thi*, *Luận ngữ*, *Hiếu kinh*, *Lão tử*, *Hoài Nam tử*, *Ly tao*, *Liệt nữ truyện*... đương thời, ông mở lớp thu nhận đệ tử. Học trò theo học có đến hơn nghìn người. Lô Thực, Trịnh Huyền đều là môn đệ của ông.

<sup>1</sup> **Văn Trung Tử 文中子** (580-617) là tên hiệu của Vương Thông. Ông còn có tên tự là Trọng Yên, là người huyện Long Môn, quận Hà Đông thời Tùy (nay thuộc huyện Vạn Vinh, tỉnh Sơn Tây). Ông là nhà tư tưởng, nhà giáo dục nổi tiếng, từng dâng vua Tùy Văn Đế bản *Thái Bình thập nhị sách* chủ trương “tôn vương đạo, suy bá lược, kê cổ nghiệm kim, vận thiên hạ vu chỉ trường”. Sau khi ông mất học trò mới tập hợp những lời giảng thuyết, đàm luận của ông với học trò, bạn bè nhân sĩ đương thời, biên tập thành cuốn *Văn Trung Tử trung thuyết* chia thành 10 phần gồm: Vương đạo, Thiên địa, Sự quân, Chu Công, Văn Dịch, Lễ Nhạc, Thuật sử, Ngụy tướng, Lập mệnh và Quan lã. Người đời sau nghiên cứu tư tưởng Vương Thông và tư tưởng thời Tùy Đường đều căn cứ vào cuốn sách này.

<sup>2</sup> ***Nhật tri lục* 日知錄** là một trong những bộ sách tiêu biểu của nhà tư tưởng nổi tiếng cuối Minh đầu Thanh – Cố Viêm Vũ. Bộ sách kê cứu khắp cổ kim, tùy thời chấp bút, bao gồm 32 quyển, 1009 điều, nội dung vô cùng phong phú phản ánh đầy đủ diện mạo học thuật Trung Quốc thế kỉ XVII.

Ngày 30, Công sứ biểu hai vị Bạ tổng lễ vật thờ nghi. Đạo quan sai người biểu quà tết cho quan sứ. Quan huyện đến chúc tết và tặng quà. Đạo quan [77a] vốn dự tính ngày 29 làm mâm cơm nhỏ. Nhưng tối hôm trước, ông sai người đến thuyền sứ báo Đạo quan bị ốm. Nhân đó, Sứ thần gửi tờ thư nói: “Nghe tin đại nhân bị cảm, chúng tôi rất lo lắng, trộm có ít thuốc mang theo dọc đường, thấy rất có hiệu quả. Thuốc này uống vào không lạnh, không nóng, chủ trị cảm gió, chúng tôi từng dùng nhiều lần, mong đại nhân chớ vì chưa uống bao giờ mà do dự nghi ngờ”. Nay biểu đại nhân 15 viên, uống với nước đun sôi hoặc tán nhỏ dùng kèm với rượu xoa bóp chỗ đau. Mong đại nhân thông cảm”.

Đạo quan liền sai người gửi thư trả lời: “Tôi tự nhiên bị cảm lạnh, cảm ơn quan sứ quan tâm, ban cho thuốc quý, làm theo chỉ dẫn, liền thấy công hiệu, mong sao sớm được gặp gỡ để tạ ơn quan sứ. Nay gửi trước tờ thư, mong đại nhân hiểu cho tấm lòng không bày tỏ hết của tôi”.

Đến sáng ngày hôm ấy, Đạo quan đã dần khỏi. Ông lại sai người nhà đến cảm ơn. Công sứ sai viên Thông sự đệ thiếp hỏi: “Ngày mai là mùng một tết, quan địa phương đều đến cung Vạn Thọ hành lễ. Chúng tôi là Sứ thần nước ngoài, không dám tùy tiện xếp hàng. Hơn nữa trước đây mỗi khi đến tỉnh thành hoặc gặp đại lễ, chúng tôi đều cùng hai vị Bạ tổng kê một cái bàn, vọng bái về đầu thuyền. Nay chúng tôi trộm xin làm theo như vậy. Quan đại nhân thấy thế nào, cúi mong chỉ bảo”. [77b] Ông ấy bảo rằng: “Sứ thần ở Trung Hoa, tận mắt thấy được sự thịnh vượng phồn hoa của lễ nghi văn vật, cung kính gặp dịp Nguyên đán, thì nên xếp hàng đến cung Khánh Chúc làm lễ để bày tỏ lòng thành kính. Trước đây mỗi khi đến các tỉnh thành, Sứ thần không được cùng các quan lại hành lễ là vì quan địa phương câu nệ mà chưa bị triều đình nhà Thanh kiểm điểm nhắc nhở”. Quan sứ kính cẩn tuân theo, ngưỡng trông hoàng thượng rủ lòng thương xót kẻ xa, đối xử trong ngoài đều là một nhà, không có gì khác biệt. Quan Đạo đài lại gửi tờ thư nói: “Các quan lại thiên triều vái chúc xong, sau đó các quan sứ An Nam lạy mừng”. Viên Lễ sinh đọc to, các Sứ thần xếp hàng chỉnh tề quỳ lạy, lạy ba lần rồi đứng dậy. Lại quỳ xuống. lạy sáu lần rồi đứng dậy. Lại quỳ xuống lạy chín lần rồi đứng dậy lui ra.



## NĂM NHÂM NGỌ, CÀN LONG THỨ 27 [1762]

### THÁNG GIÊNG (ĐÚ)

[78a] Ngày mồng 1, ngày Ất Mùi đầu canh năm, Chánh sứ và Phó sứ thứ hai cùng cáo từ. Riêng có quan Phó sứ thứ nhất và Hành nhân đến cung Khánh Chúc triều hạ, lúc về kê chiếc bàn ở đầu thuyền quay về phía Nam làm lễ năm bái ba khấu sau đó vái bốn vái.

Ngày mồng 2, Chánh sứ và Phó sứ thứ nhất tặng thơ Chu Đề đốc. Buổi tối hôm đó quan Đề đốc sai người đem bốn cuốn sách *Đông Giang thi cảo*, *Huấn sĩ cửu châm*, *Việt Tây tuế khảo lục* và *Thiểm Tây hương thi lục* do ông soạn, tặng cho quan sứ. Ông lại mời Phó sứ thứ nhất đến cùng đàm đạo.

Ngày mồng 3, quan Phó sứ thứ nhất đến yết kiến quan Đề đốc họ Chu. Ông vui mừng tiếp đón. Nhân đó quan sứ đưa ông hai tập trình văn.

#### [Trình văn thứ nhất]

“Quan sứ nước An Nam là Lê Quý Đôn trình. Hôm trước đội ơn đại nhân đã ban cho một tập thư từ hỏi thăm về đất đai, địa danh các phủ huyện nước tôi từ thời Tần Hán đến hết đời Minh, yêu cầu kê khai tên gọi đầy đủ rõ ràng. Nay tôi [78b] kính cẩn phân tích đại lược. Trộm thấy sách *Lưỡng Hán thư địa lý chí* và các sách *Tấn*, *Tống*, *Nam Tề*, *Tùy*, *Đường thư chí* đều là những thư tịch của các bậc quân tử thông hiểu sử sách. Tôi không dám gõ cửa thiên lôi, nhưng tham khảo đối chiếu kỹ lưỡng thì thấy sự thay đổi địa lý châu phủ các triều khó mà khảo cứu hết được, chỉ thấy một hai nơi bên dưới đề là huyện của nhà Hán mà thôi. Các nhà sử học không thể biên chép tường tận được. Sách *Đường thư* ghi: “Ngoài những nơi thuộc An Nam đô hộ phủ thống trị, còn có 41 châu xa xôi có quan hệ lỏng lẻo”, nay thuộc nước tôi có 30 châu. Những châu khác như Tư Lăng, Thượng Tư, Long Vũ... vốn thuộc về lương quảng, tôi không dám hỏi lại. Nhưng dù sao ở Trung Châu vẫn còn lưu lại tên cũ dùng để chứng nghiệm. Còn có một số châu mục ít xuất hiện ở nội địa Trung Quốc và cũng không thấy ghi tên ở nước tôi. Lại có 18 châu sở thuộc Phong Châu đô hộ phủ, quan hệ rất lỏng lẻo như châu Tây Soán, Man... Sách *Đường thư* có ghi: “Khoảng niên hiệu Trinh Nguyên [785-805] nhà Đường có đặt châu Tây Soán nhưng sử gia bỏ sót không ghi tên”. Nay Phong Châu là xứ Sơn Tây nước tôi, nhưng đến nay không thể biết được đất Tây Soán cũ ở đâu? Đại khái là do sử sách [79a] ghi chép sơ lược, khuyết thiếu.

Đầu thời nhà Tống, họ Đinh được phân phong thành quân Đường Tĩnh Hải, đặt ra 12 đạo. Vua Lý, vua Trần khai phá đất Man Lạc, lại chia thành 24 lộ. Triều Minh cắt làm

19 phủ. Địa giới, tên gọi các châu phủ thay đổi bất nhất, không thể kê khai tường tận được. Trung điển cổ điển mơ hồ không thể kê cứu rõ ràng được, huống chi là ấp nhỏ chúng tôi. Triều Tiên, Giao Chỉ từ xưa vốn mỗi nước một phương. Ở giữa thì nhà Hán thiết lập quận huyện, đến nhà Đường thiết lập hai đô hộ phủ An Đông và An Nam. Về sau tuy có lập lại đất nước, nhưng bốn quận của Triều Tiên chỉ còn một, còn ba quận đã nhập vào Liêu Đông<sup>1</sup>. Giao Chỉ có chín quận, chỉ còn bốn quận, năm quận khác thì đã nhập vào Lưỡng Quảng. Các châu huyện sở thuộc lòng lẻo của An Đông và An Nam nằm xen kẽ lẫn nhau, khó có thể phân biệt rõ ràng. Cho nên Triều Tiên gồm có Tân La, Bách Tế, Tam Hàn, một nửa hòn đảo ngọc tự tiến ra biển đông. Nước tôi các triều đại trước, nam thì cắt đất của Chiêm Thành<sup>2</sup>, tây thì quản mục các bộ khác của Ai Lao<sup>3</sup> để tự mở rộng địa giới. Như hai phủ Tân Bình và Thuận Hóa đều là đất của Chiêm Thành. [79b] Vua Lý, vua Trần thu nạp được, xây phủ lập huyện, nhưng trước đó vẫn ghi tên Chiêm Thành. Thời Tùy, Đường vốn không có đất ấy. Đời Hán, huyện Tượng Lâm vốn thuộc quận Nhật Nam, về sau Khu Liên đời Hậu Hán [25-220 SCN] giết huyện lệnh, tự lập làm vua, trải qua sáu triều, nhà Hán không chế ngự thu phục được. Đến nhà Đường mới đổi gọi là Chiêm Thành. Vậy thì hai phủ ấy sao biết không phải là đất của nhà Hán? Từ đó thấy được các huyện nhà Hán rất rộng lớn, nhưng đời sau phân cắt linh tinh, nên các sử sách xưa không thể lần lượt tra cứu ghi chép từng địa danh được, đến nay càng khó khảo cứu.

Ba phủ Quảng Nam ngày nay đều là đất cũ của Chiêm Thành. 23 châu thuộc xứ Hưng Hóa và 2 phủ thuộc xứ Nghệ An là đất của Bồn Man và chủng tộc khác Man của Ai Lao. Khoảng niên hiệu Thành Hóa nhà Minh [1465-1478], tiên vương nước tôi đánh chiếm lấy rồi đặt thêm các châu huyện. Những châu huyện ấy đời trước chưa có. Vậy sao có thể kê cứu rõ các châu huyện đời Hán được? Nước tôi từ lâu đã dự vào hàng phen dậu của Trung Hoa, trong ngoài nhất thể, những địa danh xưa nay không thể kê khai tường tận đủ khắp các quận huyện. Tôi [80a] không dám giấu giếm, căn cứ vào tình hình thực tế để trình bày. Kính mong đại nhân soi xét thông cảm. Nay cung kính tâu trình”.

### [Trình văn thứ hai]

<sup>1</sup> **Liêu Đông** là một bán đảo thuộc tỉnh Liêu Ninh phía đông bắc Trung Quốc. Thời Chiến Quốc sông Liêu Hà chảy đổ ra biển, phân chia thành Liêu Đông và Liêu Tây.

<sup>2</sup> **Chiêm Thành**: là tên gọi của vương quốc Chăm-pa từ năm 877 đến 1693 bao gồm các tỉnh: Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận ngày nay.

<sup>3</sup> **Ai Lao** là tên gọi của nước Lào thời trung cổ. Ngoài ra Lào còn có tên khác là Vạn Tượng, Lão Qua.

“Thị sinh Lê Quý Đôn trình. Ngày hôm qua tôi mạo muội mang tập sách [*Thánh mô hiển phạm lục*] của mình đến xin hiệu đính, đội ơn đại nhân viết cho lời tựa. Tôi quá thực rất vui mừng cảm tạ. Nay tôi lại vâng xin bàn tới. “Đoạn nói về thiên *Trung Kinh* của Mã Dung đáng lược bỏ. Đoạn chép những lời cách ngôn gia huấn gần đây có nhiều chỗ tùy tiện, ngẫu hứng đáng lược bớt.” Những lời nhận xét đó rất tinh tế và chính xác. Nay tôi cúi xin lược bớt xóa bỏ hẳn, để cuốn sách chính xác thanh nhã hơn.

Tôi trộm có lời muốn trao đổi thêm. Nước tôi từ thời Lý, Trần nhân văn đã hưng thịnh. Hương học, quốc học đều tiêu chuẩn như thời Đường, Tống. Các bậc sĩ quân tử như Trương Hán Siêu, Nguyễn Bá Thích, Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Sư Mạnh đều nổi tiếng văn chương đương thời. [80b] Văn Trinh hầu Chu Văn An sống ở cuối đời Trần, học hành tinh thông chuyên nhất, nổi tiếng gần xa, thông suốt tính lý, lấy Liêm Lạc<sup>1</sup> làm kim chỉ nam. Ông có sách *Tứ thư thuyết ước* lưu truyền ở đời. Sách *Kiến nghị cựu sử* trải qua thời kỳ loạn lạc bị thất lạc, không còn lưu truyền nữa. Điều đó khẳng định không phải đến Giải Tân<sup>2</sup> đời Minh nước tôi mới biết học. Sách *Thuyết linh* có một đoạn nhỏ nói: “Nước An Nam không sùng chuộng tôn thờ tiên thánh, việc người An Nam đến bái yết học sĩ Giải Tân đời Minh là vì đương thời ông làm Tả bộ chánh trấn giữ đất ấy.” Còn việc một số người nói Giải Tân đã “chấn hưng văn giáo” đều là những lời nói xằng bậy. Những quan khách và thương nhân ấy đến nước An Nam du lãm, buôn bán đâu có đến vương kinh quan sát Trụ Giám mà hiểu biết điển chương và sự thịnh vượng của văn hiến nước tôi. Giả sử cho rằng có việc lưu truyền công lao “chấn hưng văn giáo” của Giải Tân ở Trung Châu thời Minh, thì An Nam đô hộ phủ thời Đường mỗi năm có bảy người thi đỗ Tiến sĩ, thậm chí có Khương Công Phụ từng đỗ chế khoa. Hai vua Lý, Trần thần phục nhà Tống, Nguyên,

---

<sup>1</sup> **Liêm Lạc:** Tức Liêm Khê và Lạc phái. Liêm Khê tên hiệu của Chu Đôn Di (1017-1073) người Hồ Nam. Khi ông từ chức về hưu, làm nhà dưới núi Liên Hoa, thuộc Lư Sơn. Bên núi có khe nước trong vắt ông thường ra đó giặt giặt mũ, nên đặt tên hiệu là Liêm Khê. Trình Hạo (1032-1085) và Trình Di (1033-1107) là người Hà Nam theo học Chu Liêm Khê, về sau mở trường học ở đất Lạc Dương, nên hậu nho gọi Nhị Trình là Lạc phái. Chu Liêm Khê và Nhị Trình là những bậc đại nho của đời Tống.

<sup>2</sup> **Giải Tân 解縉** (1369-1415) Tên tự là Đại Thân, hiệu Xuân Vũ, thụy Văn Nghị, người Cát Thủy, nay là huyện Cát Thủy, thành phố Cát An, tỉnh Giang Tây. Ông sống đầu thời nhà Minh, đỗ Tiến sĩ, làm quan Hàn lâm viện học sĩ, là người giữ chức nội các thủ phụ (người đứng đầu nội các) đầu tiên của nhà Minh. Do ông nhiều lần can gián quá ngay thẳng nên Minh Thành Tổ không ưa. Lại do gian thần gièm pha nên ông bị biếm làm Tham nghị ở Giao Chỉ từ năm 1407 đến 1410, sau lại triệu về, bị vu oan tống giam, rồi chết ở trong ngục.

hàng năm tuyển chọn quan văn đi sứ, mang công văn tấu biểu không biết bao nhiêu. Lúc đó chưa có Giải Tân, sao nước tôi vẫn [81a] biết chữ đọc sách? Huống hồ Giải Tân vì bị giáng chức bị biếm đến đây làm Tham nghị, rồi sau được gọi về, thời gian giữ chức không lâu bằng Hoàng Phúc sao có thể nói là giáo hóa cả một phương được. Các danh thần phương Bắc khơi mở đạo lý Giao Nam, khiến dân chúng xây dựng đền miếu, hương hỏa phồn thịnh, về giáo lệnh thì ca ngợi Phục Ba, về học vấn thì đề cao Sĩ Nhiếp mà thôi. Còn những người khác tên tuổi trống rỗng, rất ít lưu truyền. Nay ở nước tôi, thử nêu tên Giải Tân, mọi người đều mơ hồ, chẳng biết ông ta là ai, thì còn nói gì đến phụng thờ? Đại khái có một vài người xằng bậy, thích bàn chuyện kỳ dị để khinh bỉ nước ngoài mà không cảm thấy lời nói của mình là vô lý. Nay được đại nhân gột rửa cho, thực may mắn cho nước tôi. Nếu được đại nhân nói một vài câu minh chứng thuyết trước đó là ngoa truyền thì càng tốt. Nếu cứ khư khư biên chép thuyết cũ thì sao đủ lọt vào mắt của những bậc cao minh.

Tôi được đội ơn đại nhân cho phép trình bày, vừa vui mừng vừa xấu hổ. Riêng lời khen là “ông tổ Lý học của phen đậu phương Nam” tôi không dám nhận. Thánh nhân có nói: “Cha anh còn sống, sao có thể hể nghe lời người khác nói thì vội thực hành theo ngay?”<sup>1</sup> Tuy được đại nhân khen ngợi, nhưng khi [81b] về đem sách ấy trình lên các bậc tiền bối, cũng cảm thấy ngượng ngịu, dám xin đại nhân sửa cho câu đó, thực là muôn vàn đội ơn. Nay tôi mạo muội đường đột tâu trình, vô cùng run sợ. Kính trình”.

Chu Đề đốc liền ngồi xuống viết: “Từ sau thời Giả Tông<sup>2</sup> có Lý Tiến làm quan Thứ sử, tấu xin cho các công sĩ Giao Châu được tuyển chọn làm quan cùng với người Trung Châu. Từ đó về sau nhân vật Trung Châu càng ít lưu truyền. Nay được đại nhân phân tích mới thấy đời sau sớm có người bàn luận cái học *Tĩnh lý*. Thuyết nói về Giải phu tử, không chỉ sách *Thuyết linh* mà ngay cả quan Học chính Ninh Minh là Sầm Quân cũng thấy trong sách *Thái tử tuyên kinh* có ghi chép. Thuyết ấy lưu truyền không đủ tin cậy. Nay đã được đại nhân phân tích chứng minh rõ ràng.”

<sup>1</sup> Câu này vốn trích từ trong mục 11, chương *Tiên tiến*, sách *Luận ngữ*.

<sup>2</sup> 賈宗 Giả Tông (?-?): Là quan viên thời Đông Hán, người Đông quận Liêu thành. Năm 184 đời vua Hán Linh Đế ở Giao Chỉ tình hình xã hội hỗn loạn. Giả Tông được cử làm Thứ sử Giao Chỉ, xử lý tình hình nội loạn, trừng trị tham quan, tuyển chọn quan giỏi, miễn giảm tô thuế. Vì thế Giao Chỉ nhanh chóng yên định, dân chúng an cư lạc nghiệp.

[Đề đốc hỏi tiếp] “Tôi từng nghe nói bốn cửa thành Phù Nam, cửa trước quay về hướng đông. Xem trong sách *Giang Đông cựu sự* thấy có chút nghi ngờ. Tôi dựa vào đó xem xét việc hành lễ, [82a] không biết cửa trước nước đại nhân quả thực là như thế nào?”

Phó sứ đáp: “Từ xưa việc kiến đô lập ấp ắt phải xem âm dương, quan sát trời đất, xác định phương hướng, xét kỹ cao thấp. Tôi chưa từng thấy nơi nào cửa trước không hướng về phía mặt trời. Ngày xưa, cửa trước thành Phù Nam ở thiên triều có thể không bố trí quay về hướng đông vì lý do nào thì không biết. Như đô thành nước tôi thực giống với chế độ xây dựng thành quách xưa nay. Lại nói, kinh sư ngày nay gồm chín cửa và dinh thự nha môn của sáu bộ, tự, viện là do Thái Giám viện Nguyễn An nước tôi, khoảng niên hiệu Vĩnh Lạc thời Minh [1403-1424] thiết kế xây dựng. Việc đó có ghi chép trong sách *Hoàng Minh thông chí*, nên tiện thể tâu trình lên quan đại nhân.”

Quan Đề đốc nói: “Người quý quốc quả thực nhiều tài nghệ. Nhưng tôi nghe nói các phủ huyện trị sở hiện nay của quý quốc đều không có thành quách là sao?”

Phó sứ đáp: “Sách *Hán chí* có chép Giao Chỉ có hơn 60 thành. Đời Minh gần đây xây dựng hơn 20 thành. Nước tôi không thể không nhân đó kể tên các thành cũ. Nhưng buổi đầu triều Lê nước tôi bị tàn phá san bằng hết. Phàm các trị sở trấn phủ đều là bờ lũy bằng đất mà thôi. Tôi trộm cho rằng quan Đề đốc hỏi có thâm ý.”

Quan Đề đốc hỏi: “Sao quan sứ nghĩ vậy?” [82b]

Phó sứ đáp: “Nước lớn và nước nhỏ sự thế không giống nhau, nay ngưỡng trông thánh triều thương xót vỗ về, trong ngoài đã thành một nhà, không có gì phải lo lắng. Duy chỉ có điều, đầu triều Nguyên, Minh các quan thần biên giới nhiều kẻ tham công sinh sự, lo sợ có thể bị xâm lấn. Nếu tụ tập trong thành, ngồi đợi giặc thù công kích bao vây thì không phải là kế hay. Trăm họ đều là chiến binh, làng xóm cung cấp lương thực, phân chia tản cư, giặc muốn đánh nhưng không biết đánh từ đâu, muốn cướp thì không biết cướp chỗ nào, thừa cơ hội đó đón đánh, bày mai phục chặn đứt thế giặc, may ra có thể bảo vệ được đất nước?”

Quan Đề đốc cười đáp: “Quan sứ rất giỏi hùng biện. Tôi vẫn cho rằng cách phòng thủ ấy không bằng xây thành quách vững chắc, bày đặt thế hiểm yếu để phòng thủ giữ thành.”

Quan Đề đốc nói tiếp: “Tôi rất muốn cùng quan sứ đàm đạo về các việc xưa nay. Nhưng tiếc vì thời gian gấp gáp trò chuyện không lâu. Tôi có một câu nữa xin được hỏi đại nhân: “Sách sử có ghi chép việc họ Việt Thường đem chim Bạch trĩ tiến cống vua Chu, xin hỏi có việc ấy chăng?”

Quan sứ đáp: “Đi theo đường biển từ Lâm Ấp, Phù Nam đến nước đó [nhà Chu – Trung Quốc] mất một năm tròn thì tới nơi là điều ngoa xằng bậy. Việt Thường ở phía nam Giao Chỉ, xưa gọi là Hoan Châu, nay là xứ Nghệ An nước tôi. Lâm [83a] Ấp xưa gọi là nước Chiêm Thành, nay là xứ Quảng Nam của nước tôi, ở bên ngoài Nghệ An. Phù Nam lại nằm bên ngoài Lâm Ấp, thuộc đất Chân Lạp. Còn ở phía ngoài Phù Nam thì gần với các nước ở Tây Hải, không thể biết nơi nào là cùng cực. Nay con đường từ Phù Nam đến Việt Thường không chỉ là đời sau chưa từng khai thông mà thời Chu cũng không có. Đường đi sứ của phương Nam không đi như vậy mà thường từ Giao Chỉ đến Thương Ngô rồi ngược lên Hán Miện vào Quan Trung. Giả thiết có con đường vượt biển, qua Côn Lôn, Lưu Sa vào Lũng Hữu chẳng? Nếu theo đường ấy về thì xe chỉ nam sẽ hướng Tây, sao chỉ hướng Nam được? Phàm những lời lưu truyền đó [tức chỉ thuyết Việt Thường cống chim trĩ nhà Chu] đều là lời quái đản trong sách *Thập di kí* của Vương Tử Niên. Sách *Sử ký* của Tư Mã Thiên không có những lời như thế. Về sau nhà nho thu nhập ngoại sử, khiến cho hậu thế không phân biệt rõ ràng được.”

Quan Đề đốc xem rồi vui mừng nói: “Thật là những lời bàn lý thú, khiến cho người khác phải khâm phục ca ngợi”. Một lúc sau quan sứ cáo biệt ra về.

Ngày mồng 4 Chu Đề đốc sai người đến tặng thơ. Công sứ gửi thư cảm ơn.

[83b] Ngày mồng 5 hai quan Bạn tổng mời quan sứ đến thiết đãi tiệc rượu. Lúc về người nhà quan giữ ải là Trần Văn Ngọc đến hầu kiến nói: “Ngày 22 tháng 12 năm ngoái người đi tiên trình đã mở cửa khẩu”. Buổi tối quan sứ lại làm thơ đáp tặng quan Đề đốc.

Ngày mồng 6 buổi sáng Phó sứ Lê Quý Đôn đến công quán của quan Sách sứ, gửi thư cảm ơn. Lúc quay về đến bến sông thì gặp quan Sách sứ. Lát sau Sách sứ sai quan tuần huyện Tuyên Hóa là Tả Đường My tặng thơ mỗi vị công sứ ba bài thơ, hai câu đối, một quyển *Tập nghiệm lương phương*<sup>1</sup> và nói rõ: “Các quan Sách sứ rất muốn xướng họa thơ văn cùng quan công sứ, nhưng vì mấy ngày hôm nay các quan trấn đạo phủ huyện mời đi du ngoạn nên không có thời gian đàm thơ luận văn cùng Sứ thần. Xin quan sứ thông cảm.” Sứ thần đáp: “Cảm ơn ý tốt của hai quan Sách sứ.” Quan sứ lại gửi thư tay về cảm ơn.

---

<sup>1</sup>*Tập nghiệm lương phương* 集驗良方: còn gọi là 年希尧集驗良方 *Niên Hy Nghiêu tập nghiệm lương phương*. Đây là bộ sách về đông y, được Niên Hy Nghiêu hoàn thành năm 1724, gồm 6 quyển, phân thành hơn 50 loại như: Dưỡng sinh, cấp trị, trúng phong, dự phòng trúng phong, thương hàn, cảm cúm...

Giờ Ngọ quan địa phương đến tập hợp ở bến sông trước. Sau đó hai vị Sách sử mới ra. Nghi trượng và người phục dịch đều rất chỉnh tề, nghiêm túc, đến thảo đình một lúc thì quan Đề đốc, Trấn đạo cũng đến ngồi. Ngoài ra có [84a] mấy chục nghìn học sinh ở phủ đều đứng riêng sau các quan thuộc liêu. Cống sứ sai quan Bận tổng đến gửi công văn, thơ từ và vái chào. Quan truyền cho miễn lễ, bèn đứng ở trên bờ vọng theo. Hai vị Sách sử ngồi nói chuyện rất lâu. Vái biệt các quan xong, hai quan ra tế thần sông và thần núi. (Hai vị phân chia nhau tế). Quan Sách sử bắn ba tiếng pháo rồi lên thuyền trở về Kinh. Buổi tối ngày hôm đó Sứ thần sai người mang lễ vật thổ ngời biếu quan Bận tổng. Quan sứ lại làm mâm cơm nhỏ cảm ơn và khao thưởng những người theo hầu quan Bận tổng.

Ngày mồng 7, Cống sứ sai người gửi tờ thiếp đến Đạo quan Tra Lễ: “Đạo quan hẹn cho xem tập *Dung sào*, khiến tôi canh cánh suốt mấy ngày, mong ngóng đợi đại nhân cho xem, chỉ e khó lòng gặp được gió xuân, chẳng hay ngày mai có được yết kiến dung nhan chăng?”

Đạo quan liền gửi thiếp báo lại ngay: “Mấy ngày nay bận rộn quá, cuốn *Dung sào tiểu tập*, nghĩ định chọn ngày tốt mời đại nhân, nay đang viết thư gửi quan sứ thì đúng lúc quan sứ gửi thư đến thật hợp với ý tôi. Xin nhận lời hẹn, còn những chuyện khác đợi khi gặp mặt sẽ hay”. Buổi tối hôm ấy, quan Đề đốc sai người gửi trả sách *Quần thư khảo biện* và đưa cho [83b] bài tựa.

#### **[Đề đốc Chu Bội Liên viết tựa sách *Quần thư khảo biện*]**

Thông suốt ba cõi trời - đất - người gọi là Nho. Trên chiêm nghiệm khí hậu, ngũ hành, thiên tượng. Dưới nắm rõ địa lý hiểm trở bằng phẳng của chín châu. Ở giữa thì thông hiểu việc người và lễ được mất của các triều đại. Đó đều là trách nhiệm phận sự của nhà Nho ta, phải thấu suốt nguồn gốc và quán triệt cốt yếu. Ba điều ấy nói đầy đủ trong sử sách, nhưng xưa nay người viết sử tài năng cao thấp, nông sâu không giống nhau. Người viết sử không chỉ nghiên cứu chính sử, tham khảo ở dật sử mà phải thông hiểu rộng rãi sử luận của các nhà nho, không chỗ nào không khảo cứu kỹ lưỡng thì mới tìm ra lẽ chính đáng được.

Tôi thời trẻ đặt chí vào việc đó nhưng vì nhà nghèo vất vả, không có tiền tích góp sách vở, chỉ sưu tầm được một ít. Lớn lên vướng vào vòng thế sự, không có thời gian đọc sách. Sau này mới góp nhặt được ít tiền mua được một số sách, tranh thủ lúc rảnh rỗi nghiên cứu. Nhưng các bậc kỳ sư thạc [85a] nho ngày càng thưa vắng dần. Lòng nghi ngờ băn khoăn nhưng không có ai để học hỏi. Ôi chao, sự truyền bá của văn hiến Trung

nguyên<sup>1</sup>! Thuở ban đầu khi nhà Thanh mới dựng nổi tiếng lưu danh ở đời có các bậc quân tử như Cố Ninh Nhân<sup>2</sup>, Diêm Bách Thi<sup>3</sup>, Cố Cảnh Phạm<sup>4</sup>, Mai Định Cửu<sup>5</sup> vẫn còn sống. Tôi tiếc mình sinh ra muộn, đã không theo kịp nữa rồi.

Ông họ Lê, hiệu là Quế Đường ở Nhật Nam<sup>6</sup> tinh thông các sách sử, có cuốn *Quần thư khảo biện*, soạn thành hai tập. Tôi đã đọc kỹ sách ấy. Sách khảo biện từ thời Tam đại đến hết thời Lương Tống. Ông quan sát sự biến chuyển thời thế rất tinh tường. Phàm một triều đại hưng thịnh thì ắt có nguyên nhân làm nó hưng thịnh và một triều đại suy vong thì cũng ắt có lý do khiến nó tiêu vong. Nhưng có người nhìn thấy cái thế tất nhiên mà không dựa vào cái lý chính đáng để xem xét cội nguồn. Lại có người chỉ thấy được cái lý tất nhiên mà không quan sát cái xu thế lớn để giải quyết nguyên cớ. Những kẻ trẻ tuổi nông cạn và những bọn xảo quyệt [85b] điêu ngoa đều không xứng đáng được bàn bạc mưu lược vương bá. Thiên hạ đã sinh ra từ lâu, có phân có hợp. *Kinh Dịch* có câu: “Quẻ dương, có một hào dương hai hào âm, tượng trưng một vua sáng suốt, hai thần cung thuận, đó là đạo của bậc quân tử. Quẻ âm, có hai hào dương một hào âm tượng trưng hai vua cương cường một dân nhu nhược. đó là đạo của kẻ tiểu nhân”<sup>7</sup>. Sách *Mạnh tử* viết: “Thiên hạ phải làm

---

<sup>1</sup> **Trung nguyên 中原**: Còn có cách gọi khác là Trung Châu, Trung Thổ, chỉ khu vực trung du hạ du sông Hoàng Hà (nay thuộc tỉnh Hà Nam, trong đó trung tâm là thành phố Trịnh Châu). Nơi đây được coi là cội nguồn văn minh văn hóa Trung Hoa cổ đại.

<sup>2</sup> **Cố Ninh Nhân 顧寧人**: Tự là Viêm Võ, học giả đầu thời Thanh

<sup>3</sup> **Diêm Bách Thi 閻百詩**: Tự là Nhược Cừ, nhà văn có tiếng đầu thời Thanh

<sup>4</sup> **Cố Cảnh Phạm 顧景範**: Người đời Hậu Chu, thời vua Thế Tông, giữ chức Trung thư Thị lang

<sup>5</sup> **Mai Định Cửu 梅定九**: Tức Mai Văn Đình, nhà văn, nhà thơ đầu thời Thanh

<sup>6</sup> **Nhật Nam 日南**: Là một địa danh của Việt Nam thời Bắc thuộc, gồm từ Quảng Bình đến Bình Định. Ở đây ý quan Đê đốc Chu Bội Liên nói Nhật Nam là chỉ Việt Nam ta để phân biệt với vùng Trung Quốc vậy.

<sup>7</sup> Nguyên văn câu này trích dẫn trong sách 《易经》《系辞传》Kinh dịch phần Hệ từ truyện, chương 4:

阳卦多阴，阴卦多阳，其故何也？阳卦奇，阴卦偶。

其德行何也。阳一君而二民，君子之道也。阴二君而一民，小人之道也

Quẻ dương chứa nhiều hào âm, quẻ âm chứa nhiều hào dương. Vì sao lại như vậy? Quẻ dương chủ ở sự kì, quẻ âm chủ ở sự ngẫu. (Chẳng hạn, ba quẻ chấn, khảm, cấn là ba quẻ dương nhưng bên trong đều có một hào dương và hai hào âm. Cho nên nói hào âm nhiều hơn hào dương. Ngược lại ba quẻ tốn, li, đoài là ba quẻ âm nhưng bên trong đều có một hào âm và hai hào dương. Cho nên nói hào dương nhiều hơn hào âm.)



thế nào mới yên định? “Thiên hạ yên định do một người”<sup>1</sup>. Cho nên nếu có bậc anh hùng làm chủ thì thiên hạ thường từ phân chia mà hợp lại. Còn nếu thiên hạ bị kẻ u tối cai trị thì từ hợp nhất mà phân ra. Hai việc này đều do trời định”.

Ông Quế Đường dựa vào cả lý và thế của sự việc để bình sử, hiểu người và luận đời. Phàm những sách *Quản kiến* của Trí Đường<sup>2</sup>, *Tùy bút* của Dung Trai<sup>3</sup> đều không tránh

---

Đức của hai quẻ âm và dương như thế nào? Lấy việc quốc gia đại sự mà nói, Quẻ dương tượng trưng cho vua. Quẻ âm tượng trưng cho bề tôi và dân chúng. Quẻ dương, một vua và đông đức bề tôi và dân chúng cùng chung sức chung lòng ủng hộ phò giúp vua. Đó là đạo lớn của bậc chính nhân quân tử. Ngược lại quẻ âm đông vua mà ít dân, các vua âm mưu tranh quyền đoạt lợi, thiên hạ loạn lạc. Đó là đạo của kẻ tiểu nhân.

<sup>1</sup> Nguyên văn câu này trích trong sách 《孟子·梁惠王上》 Mạnh Tử, chương Lương Huệ Vương thượng.

Nguyên văn: “孟子见梁襄王。出，语人曰：‘望之不似人君，就之而不见所畏焉。

‘卒然问曰：‘天下恶乎定？’

‘吾对曰：‘定于一。

’孰能一之？’

‘对曰：‘不嗜杀人者能一之。’

Mạnh tử đến yết kiến Lương Tương Vương. Khi trở ra nói với mọi người rằng: “Từ phía xa nhìn Lương Tương Vương không giống phong thái một ông vua. Khi đến gần càng không thấy cái uy linh của ông ta”.

Lương Tương Vương đột nhiên hỏi: “Thiên hạ phải như thế nào mới được định yên?”

Ta đáp lại: “Định yên do một người”.

“Ai có thể làm việc đó?”

Đáp: “Người không ham thích giết hại người khác thì có thể làm được việc đó”

<sup>2</sup> **Trí Đường 致堂** (1098-1156), tức **胡寅** Hồ Dần, là cháu của Hồ An Quốc, tự là Minh Trọng, hiệu là Trí Đường. Ông là người huyện Sùng An, phủ Kiến Ninh (nay thuộc thành phố Vũ Di, tỉnh Phúc Kiến) làm quan đến chức Lễ bộ Thị lang, từng soạn cuốn *读史管见* *Độc sử quản kiến* gồm 30 quyển, *斐然集* *Phi nhiên tập* (30 quyển) và *宋史本传* *Tống sử bản truyện*. Ở đây Lê Quý Đôn nhắc tới sách *Độc sử quản kiến* nổi tiếng về cách đọc sử mà Trí Đường đã phân tích.

<sup>3</sup> **Dung Trai 容斋** là tên hiệu của Hồng Mại 洪迈 (1123-1202), tự là Cảnh Lô, người đất Bà Dương, Nhiêu Châu (nay thuộc huyện Bà Dương, thành phố Thượng Nhiêu, tỉnh Giang Tây). Ông xuất thân trong gia đình đại quan chức. Cha ông là Hồng Hạo làm quan đến chức Tể tướng. Bản thân ông là bậc đại sĩ phu kiến thức uyên bác, từng giữ nhiều trọng trách quan trọng trong triều chính. Ông cũng là nhà văn, học giả nổi tiếng thời Nam Tống, có nhiều tác phẩm lừng danh như: *野处类稿* *Dã xứ loại cáo*, *夷坚志* *Di kiên chí*, *万首唐人绝*

khỏi bị mổ xẻ, phân tích lật lại vấn đề. Bởi lẽ ông xem xét cơ nghi thích đáng và ý nghĩa tình huống của những sách ấy. Đọc sách không phải chủ ý soi tìm những chỗ sơ hở sai sót của người viết mà từ trăm đời sau đối chiếu ngược trăm đời trước, những việc đúng sai đều có chỗ nên học theo hoặc phải lược bỏ đi.

Ông Quế Đường đã để tâm vào thời gian đó, đặt mình vào địa vị đó. Cái gọi là phong tục thay đổi do pháp độ, pháp độ chuyển biến do tài tình, tài tình [86a] thông suốt nhờ kiến thức soi sáng, kiến thức do thanh khí sinh ra, sinh khí có nguồn gốc từ trời, lại có liên quan đến thời. Thanh khí phân tán hay tích tụ ở trong tâm. Thanh khí ấy trong sáng, linh hoạt, cảm ứng vi diệu vô cùng và không thể hình dung được. Lại thêm rằng: “Nói không khó, làm mới khó. Làm riêng một mình không khó, làm chung với mọi người mới khó. Thiên hạ thay đổi vô thường mà xu hướng nhân tâm khác nhau, rót vào cửa đông thì tuôn ra cửa tây, chỗ này tắc nghẽn, chỗ kia trào dâng, làm sao tất thảy đều được như ý muốn?” Ôi, câu nói ấy của ông gần đạo làm sao!

Tôi thấy chí hướng của ông Quế Đường chủ trương theo quyền nghi nhưng không được quý quyết, định hình pháp nhưng không gây phiền phức, trọng dụng người thân và bậc hiền tài mà không phương hại ý kiến đôi bên, giấu việc binh vào việc nông mà không phiền hà, quyền tướng văn tướng võ không thiên lệch, tình trên nghĩa dưới không xa cách. Cốt yếu ở chỗ vua có lòng ngay chính thì tình cảm rạch ròi sáng rõ. Vua có đức khoan hòa thì thu nạp rộng rãi. Còn như có vua sáng mà không có tôi hiền, hay có tôi hiền mà không được vua sáng thì đáng than thở vô cùng. Nếu có được tài kinh [86b] luân của người khai sáng và sự bảo cứu của người giữ thành thì không có chỗ nào không hoạch định tình huống. Tốt đẹp thay lời bàn này! Tài năng của người hào kiệt, đạo lý của thánh hiền có thể thấy cuốn sách này chẳng?

Nhưng tôi còn muốn ông tiến xa hơn nữa. Người làm trụ cột dọc ngang trời đất không chỉ hiểu việc người thôi vậy. Muốn sáng tỏ tình tượng trong thiên văn, mà không suy tính lịch số để chuẩn chỉ thời gian thì không thể biết được họa phúc. Muốn thông suốt địa lý châu huyện, mà không am hiểu *Thủy kinh*<sup>1</sup> để tìm tòi mạch lạc thì không lấy gì giám

---

句 *Vạn thủ đường nhân tuyết cú*... Đặc biệt cuốn 容齋隨筆 *Dung Trai tùy bút* do ông biên soạn gồm 5 tập Tùy bút, Tục bút, Tam bút, Tứ bút, Ngũ bút được viết trong khoảng hơn 40 năm, ghi chép, khảo chứng nghị luận trên đủ các phương diện lịch sử, văn học, triết học, mỹ thuật...

<sup>1</sup> *Thủy kinh* 水經 là bộ sách địa lý gồm 3 quyển, ghi chép về 137 con sông trọng yếu, bao quát hệ thống sông ngòi thời cổ đại Trung Quốc. Sách ra đời khoảng thời Tam Quốc, không rõ tác giả là ai. Có người cho là

định rõ ràng ranh giới được. Nếu được người cùng chí hướng thông thả đàm đạo từ chỗ nhỏ nhất nhất, rồi suy rộng ra thì có thể biết được đại thể trời đất. Nếu nói quan sứ là người chiêm nghiệm thông suốt địa lý Nhật Nam, thì tôi chưa biết, nhưng ông đã khởi phát cho tôi nhiều việc, khiến tôi vô cùng ngưỡng mộ và kì vọng ông.

Chức Đại Thanh quốc Khâm mệnh Đề đốc Quảng Tây đẳng xứ học chính, Nhật giảng khởi cư trú quan Hàn lâm viện Biên tu tiền, hữu xuân phường, hữu trung doãn Hàn lâm viện Thị độc, lịch sung Kinh sử quán, Tam lễ quán, Minh sử cương mục quán, [87a] Quốc sử quán, Đại Thanh hội điển quán, Độc văn hiến thông khảo quán, Toàn tu quán Hải Diêm Chu Bội Liên đề tựa.

---

của Quách Phác. Người khác lại cho bộ sách là do Tang Khâm trước tác. *Thủy kinh* là bộ sách viết về địa lý sông ngòi sớm nhất của Trung Quốc.